Nguyễn Văn Xuân

Phong Trào Duy Tân

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

SÁCH ĐÃ IN

— BÃO RỪNG *(truyện dài)* Trùng Dương.1957
— KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI*(biên khảo)*Thời Mới. 1969
— TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN TIỀN CHIẾN. Hoa Tiên 1969 (28 nhà văn, 28 Truyện tuyển)
— HƯƠNG MÁU (*tập truyện*). Trường Sơn. 1969

SÁCH SẼ IN

— CHẠY ĐUA VỚI TỬ THẦN (*tập truyện*)
— VĂN HỌC TRÌNH DIỄN (*biên khảo*)
— TIỀN PHONG TRÀO (*PHONG TRÀO DUY TÂN*) (*biên khảo*)

Nguyễn văn Xuân

PHONG TRÀO DUY TÂN

BIÊN KHẢO

Lá Bối

PHONG TRÀO DUY TÂN
Lá bối in lần thứ nhất 1970
SAIGON — VIÊTNAM

MỤC LỤC

Tựa

Từ trước đến nay, chúng ta nghe nói tới Phong Trào Duy Tân, nhưng chưa có một quyền sách nào đề cập tương đối đầy đủ về lãnh đạo, tổ chức, phát triển Phong Trào. Chính ngay trong các quyền sử hay Văn học Sử nổi tiếng cũng chỉ trình bày một cách hết sức khái quát con người của Phan châu Trinh cùng vài hoạt động của ông. Không thấy có tác giả nào nói kỹ và toàn bộ về sức trồi dậy của ngọn triều ở nơi xuất phát (Quảng Nam), để rồi tràn ngập khắp các tỉnh miền Trung trước khi ra Bắc. Nhiều tác giả còn tách rời Đông Kinh Nghĩa Thục ra khỏi cơ thể Phong Trào, xem nó như một thực thể độc lập. Nhiều tác giả khác và chính là lãnh tụ Phong Trào cũng xem vụ Dân biến 1908 là một hiện tượng độc lập khác nữa.

Tôi cho rằng Phong Trào Duy Tân bao gồm tất cả các hoạt động ấy, nhưng nó biểu lộ những sắc thái và khả năng

khác nhau của từng địa phương và không phải bao giờ cũng đi theo đường thẳng nhất định, nên khi dân trí lên cao lại thiếu lãnh đạo liền bột phát thành Dân biến. Dân biến cúp tóc (*Tân Văn hóa*), xin xâu (*Dân quyền*) *là một diễn trình tích cực, sôi động của Phong Trào khi đi sâu vào quần chúng thực tế.*

Vậy, Phong Trào đi từ các nông hội, học hội ở các tỉnh Miền Trung theo con đường thương mãi rất phát đạt từ Phan Thiết (Công ty Liên Thành) tới Quảng Nam (Hợp Thương Diên Phong) tới Nghệ Tĩnh (Triều Dương), tiếp theo miền Bắc mở Đông Kinh Nghĩa Thục, các hội buôn rồi từ đó phát triển vào Nam là một Phong trào không chỉ nặng về kinh tế, giáo dục, văn hóa mà còn cả chính trị mà kết quả là vụ nhân dân nổi lên chống thuế. Có thể gọi Phong trào là toàn diện, là thực sự Duy Tân theo bóng cờ Dân quyền, chứ không phải chỉ là những vá víu cải lương, hơn như thế, những nhân vật Phong Trào đã phục vụ bằng tâm huyết, bằng tinh thần Cách Mạng để quyết tâm làm Mới Con Người, làm Mới Xã Hội. Từ đầu thế kỷ đến 1945, chưa hề có một Phong trào thứ hai có tính cách toàn diện và phát triển rộng ra khắp ba kỳ như thế.

Quyền sách này được viết trong một hoàn cảnh hết sức thiếu thốn. Nhưng tuy thiếu tài liệu khá nghiêm trọng mà tôi vẫn còn được một cái may mắn khác bù đắp : một số nhân vật trên dưới tám mươi tuổi đã chứng kiến, đã biết, đã hoạt động cho Phong trào, vẫn còn sống. Các vị ấy đã cho tôi những chỉ dẫn cần thiết để tạo lại một vóc dáng

của Phong trào và qua đó, tôi được truyền thụ những bài ca, những buổi học tập thể dục, những hình ảnh các chiến sĩ, những hoạt động thương mãi, những cuộc tranh đấu dai dẳng và kiêu hùng của nhân dân...

Nhân dịp quyển sách này ra đời, tôi xin ngỏ lời cảm ơn Ông Cử Lương trọng Hối (mới mất năm nay), Ông Cử Hồ Ngận, Ông Bà Lê Ấm (bà là con gái của Phan châu Trinh), Ông Võ Hoán (một thân sĩ ở Quảng Nam), Ông Nguyễn xương Thái (Nguyên quản lý báo Tiếng Dân). Các vị cao niên này đã thành thực chỉ dẫn cho tôi những điều mà các vị đã biết một cách rất đích xác, theo trí nhớ còn sáng suốt và sự cân nhắc rất bình tĩnh của tuổi già. Ông Nguyễn Q. Thắng, một bạn thanh niên cũng gởi cho nhiều tài liệu đã dày công ghi chép tại Tam Kỳ.

Nhưng có một người mà tôi rất mnốn cám ơn, song tiếc là không bao giờ còn có dịp : Ông Huỳnh thúc Kháng. Trong khi theo dõi những tập báo, những tác phẩm (một phần ớn là do nhà Anh Minh, Huế, ấn hành), tôi nhận thấy Ông thực sự là sử gia của Phong trào Duy Tân, sử gia quan trọng bậc nhất mà nếu không có những tài liệu rời rạc của Ông để lại, với sự kiện dồi dào, chính xác, với óc nhận xét sâu xa, niềm tin vững mạnh và diễn tả bằng giọng văn trầm hùng, tôi sẽ không biết dựa vào đâu để sưu tầm, nghiên cứu, phỏng vấn, và như thế quyển sách này chắc không thể nào xuất hiện. Người ta vẫn phục Ông cho là có trí nhớ tuyệt hảo. Tôi cũng nhận thấy lời khen ấy không quá đáng khi duyệt xét các tài liệu và do đó nhiều

khi cần phải so sánh một sự kiện, một niên hiệu giữa Ông và Ông Phan châu Trinh, tôi đã tin ở ông hơn, lẽ tất nhiên ngoại trừ những việc mà Phan châu Trinh biết rõ theo cương vị lãnh tụ của phong trào. Cũng dưới ngòi bút trầm hùng của Huỳnh thúc Kháng, các nhân vật lớn của thời kỳ lịch sử này sống lại, linh động khác thường.

Tôi giới thiệu toàn bộ tác phẩm của Ông, kể cả tập báo Tiếng Dân, cho bất kỳ ai muốn nghiên cứu một cách đứng đắn, có thực chất, mọi phương diện chính trị, văn hóa, kinh tế, giáo dục của Phong trào Duy Tân và của Trung Việt nửa đầu thế kỷ 20 (mà nhiều phen ông đóng vai trò quan trọng, ít ra là về phương diện tinh thần) nhưng lại rất thiếu sự quan tâm của học giới ngày nay.

Quyển sách này, ban đầu tôi viết thành ba phần : Tiền Phong Trào, Phong Trào và Hậu Phong Trào. Với cái tên chung Phong: Trào Duy Tân. Nhưng khi viết xong tôi thấy nó dày quá, khó phổ biến, nên quyết định dứt ra làm ba quyển khác nhau. Do đó, phần thứ hai tức Phong Trào Duy Tân 1905-1908 được in trước. Sau này, tôi sẽ cho ấn hành hai tập kia. Toàn thể ba tập ấy sẽ trình bày khái quát công cuộc Duy Tân của Việt Nam :

a) Tiền Phong Trào : từ thời các Chúa đến cuối thế kỷ XIX

b) Phong Trào Duy Tân 1905-1908

c) Hậu Phong Trào 1908-1945

Trong ba phần này, thực sự chỉ có Phong Trào Duy Tân 1905-1908 là quan trọng nhất, xuất hiện như một ánh sáng lồ lộ, phát ra tiếng vang dội khắp núi sông, đẩy quật lịch sử,

chính trị, văn hóa, kinh tế... sang một ngã rẽ sau khi đã góp phần lớn lao Làm Mới *con người và xã hội.*

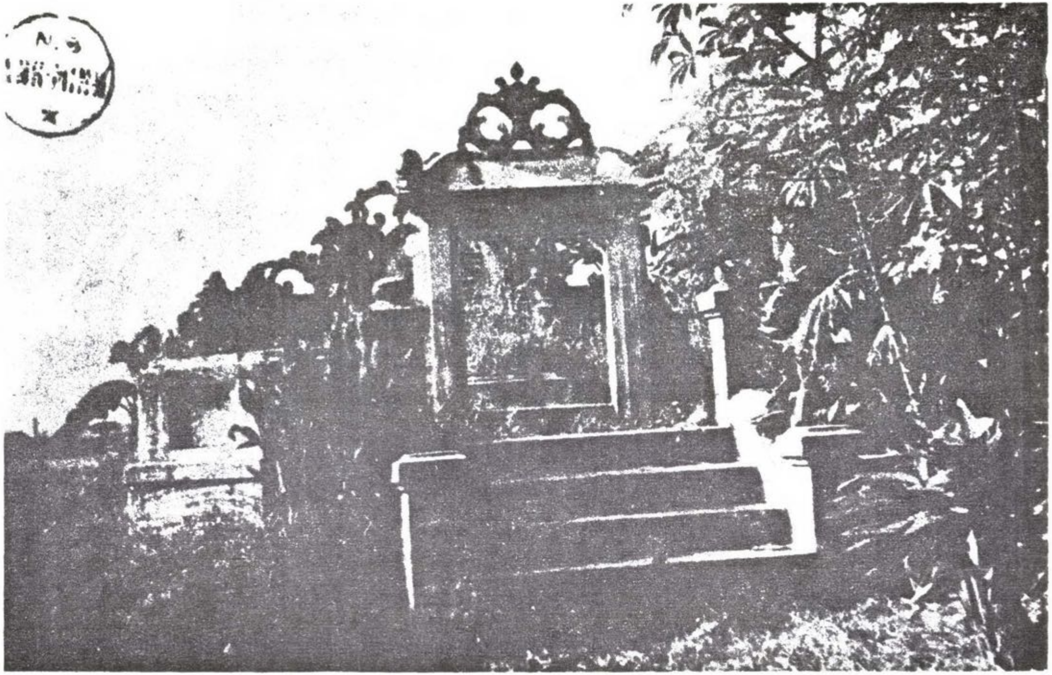
Tôi hy vọng bạn đọc khi xem sách này sẽ không cho tôi là có óc lập dị, muốn bày đặt những lối «bứt râu cha nọ cắm cằm mẹ kia» mà thực sự chỉ là theo tính chất, thực chất của dữ kiện mà phân loại, hệ thống và trình bày đúng theo diễn tiến tất yếu của lịch sử một cách khách quan.

Phương pháp tôi dùng không Mới nhưng cũng chưa Cũ. Cũng như Duy Tân *đối với chúng ta không mới mà nhất định chưa cũ. Đó là vấn đề của ngày nay, ngày mai. Chúng ta còn phải học người xưa rất nhiều để thực hiện một cuộc Duy Tân vừa toàn bộ, vừa không xa rời Dân tộc tính, Nhân bản tính. Mối lo âu lớn lao của tất cả những nước nhược tiểu là ở điểm căn bản ấy : triệt để theo mới, nhưng phải cơ sở trên tính chất dân tộc, điều kiện địa phương để khỏi vong bản, bị máy móc chi phối, nô lệ tha nhân.*

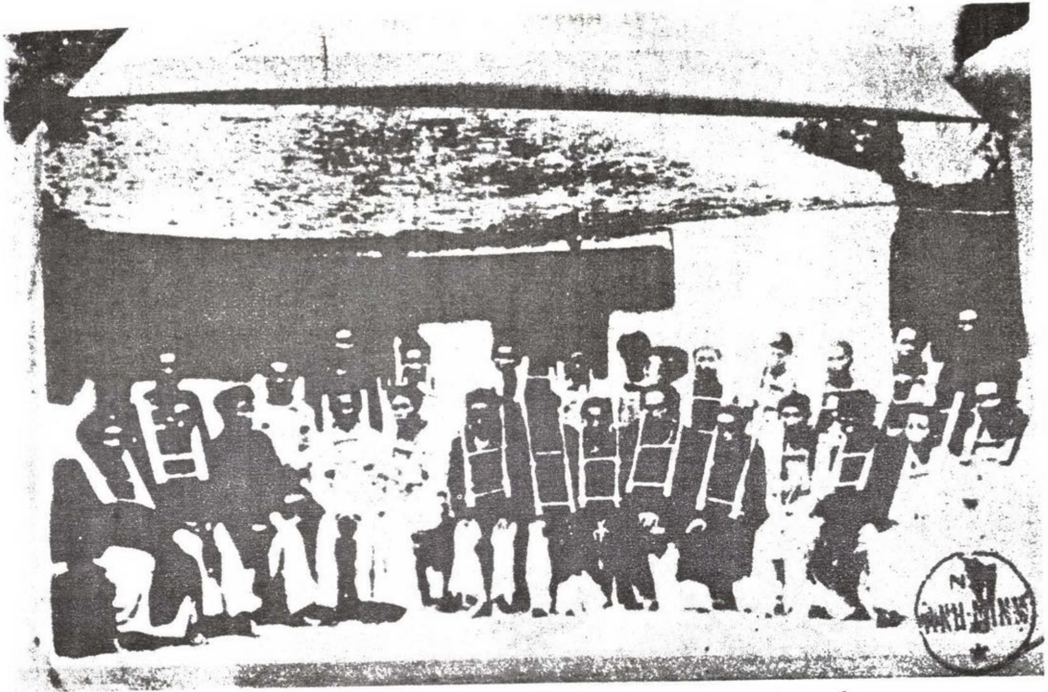
Một công cuộc phục hưng tinh thần Phong trào Duy Tân với cuộc đại vận động Tân Chánh giáo, Tân văn hóa, Tân sinh hoạt thật cần thiết nếu chúng ta muốn sinh tồn và tiến bộ trong một thế giới đang đi tới trên những đôi hia bảy dặm.

NGUYỄN VĂN XUÂN

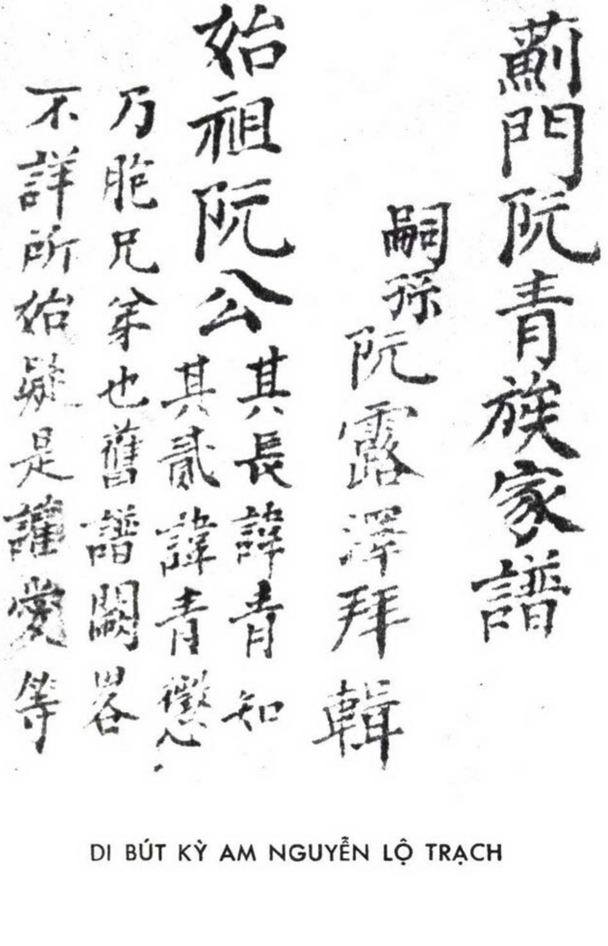
PHẦN I



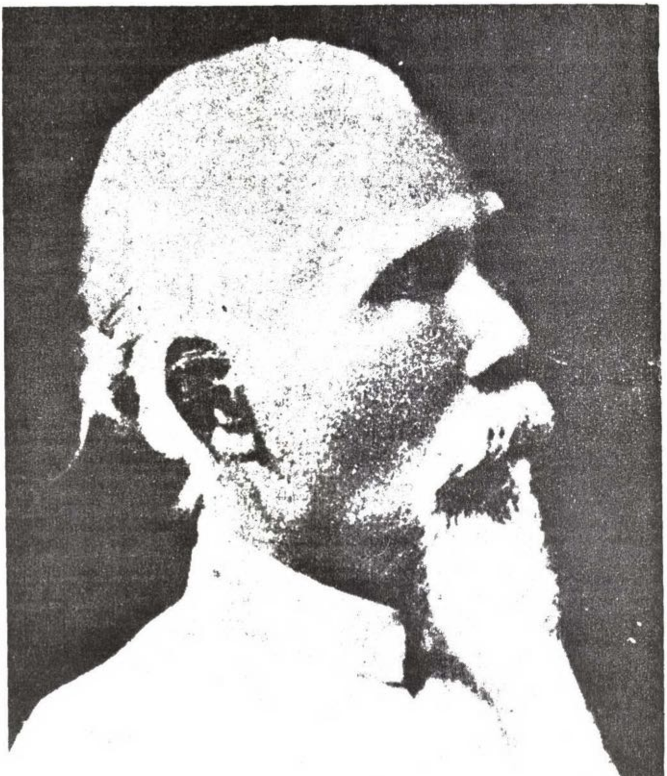
MỘ PHAN THÀNH TÀI



NHỮNG NHO SĨ NGÀY XƯA VỚI GÔNG TRÊN CỔ


薊門阮青族家譜
嗣孫阮露澤拜輯
始祖阮公其長諱青知
其貳諱青懲
乃胞兄弟也舊譜闕畧
不詳所始蹤是謹覺等

DI BÚT KỲ AM NGUYỄN LỘ TRẠCH



LƯƠNG VĂN CAN



PHAN CHÂU TRINH



PHAN CHÂU TRINH MỚI RA TÙ *(CÔN ĐẢO)*



PHAN BỘI CHÂU *(45 TUỔI ÂU TRANG)*



NGÔ ĐỨC KẾ VÀ HUỲNH THÚC KHÁNG



CƯỜNG ĐỂ



TIỂU LA NGUYỄN THÀNH

NGUYỄN LỘ TRẠCH VÀ THIÊN HẠ ĐẠI THẾ LUẬN

CÔNG cuộc đổi mới ở Đàng Trong của các Chúa Nguyễn đã lẻ tẻ thực hiện, không vượt qua những nhu cầu chiến tranh xa lắm. Nhưng trước sau chưa có một người nào đặt thành vấn đề Duy Tân, nói cụ thể là cải tiến các ngành giáo dục, quân sự, thương mãi... theo Tây phương. Thành phố Hội An tiếp đón hằng năm bao nhiêu thương thuyền ngoại quốc, mang lên bờ bao nhiêu tấn hàng hóa lạ, nhân vật có khả năng khoa học, y học... vẫn không làm xúc động một bộ óc minh mẫn nào khiến họ phải đặt vấn đề thắc mắc, nghĩ xa.

Khi những lực lượng tiến như vũ bão, bách chiến bách thắng của Tây Sơn nổi dậy, hẳn nhiên phải nhờ cậy ít nhiều những vũ khí đạn dược Tây Phương, thế mà Nguyễn Huệ, người có nhãn quan chính trị và quân sự đặc biệt, vẫn chưa bao giờ gợi cho người ta là ông đã nghĩ tới công cuộc Duy Tân. Còn Gia Long, dĩ nhiên

ông chỉ dùng các chiến cụ kỹ thuật Tây Phương một cách hữu hiệu theo giai đoạn tính.

Cho tới khi Pháp chiếm hẳn ba tỉnh Miền Đông Nam Kỳ, vấn đề Duy Tân mới được đề ra. Cùng một lúc, Phạm phú Thứ vượt biển với phái bộ như Tây đã sững sờ mở đôi mắt kinh ngạc trước những khả năng kỳ diệu muốn đoạt quyền tạo hóa. Trở về, ông vừa trình bày một tập nhật ký hoàn toàn mới lạ, vừa cho ra luôn trong một thời gian năm bộ sách mà ông dày công sưu tầm, đề tựa và thuê thợ khắc in để giới thiệu nền văn minh của thế giới Tây Phương:

1.— Bác vật tân biên (nói về khoa học)

2.— Khai môi yếu pháp (bày cách khai mỏ)

3.— Hàng hải kim châm (bày cách đi biển)

4.— Tùng chánh di qui (kinh nghiệm trong việc làm quan)

5.— Vạn quốc công pháp (Lối giao thiệp quốc tế) (1)

Song song công việc Phạm phú Thứ, Nguyễn trường Tộ, người đã thực sự du học Tây Phương, biết rõ những kỹ thuật Tây Phương đã liên tiếp dâng vua Tự Đức những bản điều trần danh tiếng, những văn liệu mà chúng ta ngờ rằng, nếu Vua dốc quyết tin theo để thực hiện, có thể tình trạng Việt Nam đã có nhiều thay đổi.

Chịu ảnh hưởng của hai vĩ nhân trên, xuất hiện ở Thừa Thiên một nhân vật kiệt hiệt : Nguyễn lộ Trạch, ông người Kế Môn Thừa Thiên, học giỏi không

---

(1) Cổ học tinh hoa Quảng Nam 1962, trang 101.

thi cử, nhưng nghiên cứu rất nhiều những sách vở tiền nhân, sách vở ngoại nhập, rút ra được những sở đắc thực tế và tiến bộ, dâng lên Vua Thời Vụ Sách Thượng và Thời Vụ Sách Hạ bàn việc canh tân, cải tiến mọi phương diện chính trị, ngoại giao, quân sự... một cách rất có phương pháp, có thể thực hành để quốc gia thoát tình trạng hoàn toàn bế tắc. (1)

Nhưng cả ba bộ óc minh mẫn nhất của hạ bán thế kỷ 19 chỉ được đời tán thưởng, khâm phục hoặc mỉa mai kinh dị mà không được chấp nhận. Rồi nước mất, gót sắt xâm lăng dày xéo khắp lãnh thổ.

Nhưng dù sao, các nhân vật lớn này cũng chỉ có công lớn với tư tưởng Duy Tân, chứ chưa gây được một phong trào, ngoại trừ Nguyễn lộ Trạch, người đã sống sót sau quốc biến, người suýt đưa tư tưởng Duy Tân vượt khỏi lý thuyết để đi vào nẻo thực hành. Nguyễn lộ Trạch đã từng thấy Phong trào Văn Thân, Cần Vương được phát động tứ tung. Nhưng những lãnh tụ các lực lượng ái quốc này đều giống nhau ở điểm : cùng không tin là mình sẽ thành công ! Họ cảm thấy đúng hơn, nhận thấy mình hoàn toàn bất lực, chỉ còn biết kính cẩn thực hiện tín điều « sát thân thành nhân » và « Thung dung tựu nghĩa » để khỏi hổ thẹn với nền giáo dục Tống Nho đã được nghiêm trang thu nhận. Về điểm này thì các

(1) Xin đón xem tập Tiền Phong Trào Duy Tân của tác giả, có trình bày đầy đủ cuộc đời, tư tưởng, hoạt động của ba nhân vật xuất sắc này.

Vua Nguyễn tuy thất bại hoàn toàn trên phương diện chiến đấu, nhưng lại thành công trên chính một điểm làm cho lịch sử giật mình : lãnh tụ lớn, nhỏ của cao trào Văn Thân, Cần Vương dám đi vào cõi chết như tìm về Thánh Địa ! Chắc chắn lịch sử Việt Nam chưa bao giờ biết tới những đứa con yêu của tổ quốc chiến đấu trong vô vọng và chết trong vô vọng nhiều và kiêu hùng đến thế suốt mấy chục năm trường !

Những cái chết ấy hẳn nhiên phải làm cho những kẻ thù của chúng ta, những người chuyên cậy vào súng đạn phải lo lắng. Họ phải thấy những anh hùng coi thường cái chết ấy ngày nay sẽ không phải không gây mầm mống cho những hoạt động oai hùng hữu hiệu khác ngày mai nếu những kẻ kế tục sự nghiệp họ được võ trang kiến thức và vũ khí mới.

Những sĩ phu Việt Nam sáng suốt nhất cũng đã nhận thấy rõ ràng điều ấy. Người hăng hái đánh Tây xâm lăng, đánh với tư tưởng mới, có chiến lược, chiến thuật, với lòng ái quốc nồng nhiệt nhất Nguyễn lộ Trạch cũng là người đi tiền phong trong nhận định mới này.

Đánh Tây ! Đuổi thực dân xâm lăng ! Rất đúng ! Đó là vấn đề Đại Nghĩa kẻ sĩ phải rấn lên hàng đầu nhận lấy trách nhiệm. Nhưng không thể coi thường mạng dân, không thể nhắm mắt đui mù trước sự thật về tương quan lực lượng hai bên, khi đối phương đang chiếm được những điểm chiến lược trọng yếu, lập đồn lũy kiên cố, còn ta thì lực lượng toàn bộ tê liệt,tiêu điều sau lần vươn

dậy cuối cùng của Cần Vương. Những lãnh tụ chết, những đạo quân tinh nhuệ tan rã, những chiến khu bí mật bị phá vỡ, những đồn điền, kho lương thực bị thiêu rụi, lòng người hãi hùng trước vũ khí Tây Phương. Trong tình trạng không còn một hậu phương, một căn cứ tạm gọi an toàn, một biên giới bạn để ẩn náu thì dù có giỏi đến mức độ nào cũng chỉ như Đề Thám, Phan đình Phùng là cùng...

Bởi thế, ta không ngạc nhiên là một người sáng suốt như Nguyễn lộ Trạch phải thay đổi đường lối, chủ trương, chiến lược.

Từ chủ trương vũ trang súng ống, tàu bè Tây Phương để đánh Pháp, ông chuyển sang vũ trang tư tưởng Duy Tân để tạo điều kiện và cơ hội cho sĩ phu và quốc dân mở mắt trước thời cuộc, trước *Đại thế của thiên hạ* (đất nước) đã hoàn toàn thay đổi.

Nói cách khác, lý tưởng và mục đích không thay đổi dù tình thế đã thay đổi, kẻ sĩ Nguyễn lộ Trạch vẫn tiến lên hàng đầu sĩ phu và quốc dân. Cùng tiến lên với ông, người ta thấy có Nguyễn thượng Hiền, Phạm phú Đường (1) ... Nhưng không một người nào có cái nhìn sâu sắc, thực tế và bao quát bằng ông. Cũng như không ai có đủ uy tín cá nhân như ông. Vì ông đã không

---

(1) Nguyễn thượng Hiền (1868-1926) hiệu Mai Sơn, tỉnh Hà Đông. Tiến Sĩ, sang Tàu theo Phan Bội Châu

Phạm phú Đường : con Phạm phú Thứ được cử công cán ngoại quốc với Nguyễn lộ Trạch nhưng việc không tiến hành được.

thi cử, tuy ai cũng biết ông có tài học hơn đời. Người ta đã biết văn chương ông qua các điều trần. Chúng ta cũng không nên quên các văn phẩm của ông được nhiều thức giả thời — ấy thời rặt văn khoa—bảng truyền tụng. Chính ở điểm này mà người ta càng thêm phục cái chí cao cả của *cậu ấm tàng tàng*.

Tiếc rằng, cho đến nay chưa có những sưu tầm đầy đủ nào, ngoại trừ một số câu văn, đoạn văn ít oi còn lưu lại. Nhưng có lẽ không cần nhiều, chỉ một bài *khỉ ưu thiên* sau đây cũng nói lên được cái tâm sự của một nhà đại ái quốc với văn tài đi trước Khương hữu Vi và Lương khải Siêu như Huỳnh thúc Kháng thường ca ngợi.

CHUYỆN KHỈ LO TRỜI

Đại ý : *Việc đời nhiều điều đáng lo mà người thường không để ý đến, nếu điều lo kia như khát mà cần uống, đói mà cần ăn thì ai cũng biết được, duy có điều đáng lo đó hơi kín nhiệm nên kẻ thức giả mới trông thấy mà người thường lại khinh suất. Như chuyện Khỉ Nhân lo trời sụp, thuở nay ai nghe cũng cười anh Khỉ Nhân kia là lo thàm (xàm), song có hình thể thì có ngày phải suy diệt, biết đâu sau trăm, ngàn ức triệu năm, trời không có một ngày sụp như Khỉ Nhân đã lo kia. Tự thân anh Khỉ Nhân may mà khỏi cái nạn ấy, rồi con cháu của Khỉ Nhân, con cháu của cháu Khỉ Nhân kéo dài mãi ra, có thoát khỏi cái nạn ấy không ? Nay nghe Khỉ Nhân lo xa như thế, ai cũng cười Khỉ Nhân là ngu, song biết bao*

nhiêu người không làm Khỉ Nhân, không lo như Khỉ Nhân, sao cũng thấy khù khờ, không thấy cái gì là khôn ? (1)

Liên hệ với những việc đã làm, ta đoán chắc những tư tưởng Duy Tân cứu nước của ông bị thiên hạ bài bác, khinh thị nên ông viết bài này để tự biện. Ta thấy lòng yêu nước của ông thật không phải của hạng quen nhìn cạn, thấy gần mà bao trùm thời gian. Vì có lòng lo kiểu Khỉ Nhân mới dám có tư tưởng mới, khác hẳn mọi người, nhưng không lập dị mà chỉ căn cứ trên thực tế, khoa học và tiến bộ. Rồi do đó, mới có những hành động táo bạo thời ấy — dù đã mất nước khá lâu — mà chẳng mấy ai dám hay thèm nghĩ tới như :

A — Bỏ tiền ra làm ruộng buôn bán để gây một ý thức về sinh hoạt thực tế vốn bị nhà nho khinh rẻ. Nhà Nho tự đặt mình trên Nông, Công, Thương và quên chính mình có trách nhiệm về các ngành này để phú dân, cường quốc, mà lại rẽ sang con đường tiêu cực, trốn thực tế. Huống chi công cuộc buôn và làm ruộng của ông chắc chắn không phải theo phương thức cũ mà là phương thức Tây Phương. Cứ xem tư tưởng chỉ đạo trong các điều trần cũ (Đồn điền, Tào Vận, Hội thương ....) ta cũng hiểu được dễ dàng. Ngoài ra, ta căn cứ trên thực tế này cũng có thể kiểm lại hoạt động của ông thời ấy phần nào. Sau này, ở Thừa Thiên, vẫn còn một số người chuyên đi khai phá nhàn điền, tiêu biểu nhất là Nguyên

---

(1) Nguyễn lộ Trạch. Nhà xuất bản Anh Minh. (Minh Viên Huỳnh thúc Kháng giới thiệu).

hữu Bài (1) Ông Bài được gọi là Cụ Quận Công Phước Môn, và ông có đến những năm nhàn điền chung quanh Huế, có cái rộng cả nghìn mẫu. Năm nhàn điền ấy đều bắt đầu bằng chữ Phước (ngũ phước) :

a — Phước Sơn (cửa Tùng)

b — Phước Sa (Bến Hải)

c — Phước Xuyên (Truồi)

d — Phước Môn (Quảng Trị)

c — Phước Tín (?).

Đối với chúng ta ngày nay, ta có thể công kích Nguyễn hữu Bài ông gia của Ngô đình Khôi và ông gia hụt Ngô đình Diệm, cho ông chỉ là một thứ «Bồi Tây» dù ông được liệt vào hạng « Đày Vua không Khả, đào mã không Bài» và những nhàn điền của ông chỉ theo phương thức bóc lột tư bản Tây Phương tàn nhẫn và trong sự thật cũng đáng gọi ông là tên chủ nhàn điền quỷ quyệt. Nhưng nếu chúng ta chịu lùi lại cái thời kỳ còn thủ cựu tuyệt đối thì ta sẽ thấy những người được gọi tân tiến, Duy Tân chủ trương những gì ?

Phong Trào Duy Tân thuần túy và thô sơ không có mục đích nào khác hơn là khai thác nhiều ruộng đất, nhất là hoang địa ở vùng rừng núi để khẩn hoang đất nước và làm giàu. Giàu cho cá nhân hay cho tập thể cũng được miễn có thể tập trung tư bản thật lớn. Có tập trung tư bản

---

(1) Điều chắc ai cũng ngạc nhiên là Nguyễn hữu Bài 1863 — 1935 có chân đầu tiên trong Việt Nam Quang Phục Hội của Cường Để — Cuộc đời Cách Mạng Cường Để TRÁNG LIỆT 1957.

lớn mới mong có những sự mở mang, khai thác công kỹ nghệ lớn. Đã có công kỹ nghệ lớn, tư bản lớn tự nhiên sẽ có những nhà tư sản đứng ra bênh vực quyền lợi của họ. Do đó, các phong trào tự do, dân chủ bành trướng, các đảng phái tư sản thành lập (và tất nhiên nó sẽ dẫn tới chủ nghĩa tư bản với hình thức Tự do, Dân chủ).

Đó là con đường diễn tiến tự nhiên người ta vẫn thấy và riêng các nhà Duy Tân tiền tiến ở Huế, chống Pháp (Nguyễn lộ Trạch) hay theo Pháp (Nguyễn hữu Bài, Thân trọng Huề) phải chủ trương, vì đất Thừa Thiên, ngoài rừng núi hoang vu, không có những cơ sở sản xuất hay thương mãi lớn lao, hoặc có tương lai nào. Ngoài ra tôi cũng nhận thấy là nơi nào có khuyếchtrương Phong Trào Duy Tân thì bên cạnh *hội thương* cũng đều có những công cuộc khai thác nhàn điền cả. Phong Trào Quảng Nam (Phan châu Trinh, Huỳnh thúc Kháng, Trần quí Cáp, hoặc Vườn Quế, hoặc sở trồng trọt), Phong Trào Hà Nội (Độc tướng quân, Bùi đình Tá v..v..) sau này cũng đều có chủ trương như thế, xem như đó là dấu hiệu của Duy Tân, dù mục đích hai phe Duy Tân mới, cũ có khác nhau.

Còn về hội thương Nguyễn lộ Trạch đã chủ trương ra sao? Tôi không còn những dấu tích gì của những người đồng thời với ông (như kiểu Nguyễn hữu Bài) để tìm hiểu phần nào. Tuy nhiên, do việc thành lập Công Ty Liên Thành ở Phan Thiết sau này, dù đó là công hô hào của Phan châu Trinh, tôi cho là có chịu phần nào ảnh hưởng của ông như sẽ nhận xét sau.

B — Về việc đi xa kết nạp đồng chí, xưa nay ở nước ta, có lẽ ngoài chính trị (khởi nghĩa, mưu bá đồ vương) và tôn giáo, chưa hề nghe có việc đi thuyết dụ một công cuộc cứu nước kiểu Duy Tân. Chính ở chỗ này mà ta thấy Nguyễn lộ Trạch là người có chí lớn thật sự. Ông biết bây giờ không phải là lúc đưa những *Thời vụ sách* suông hay chỉ thui thủi hành động cá nhân. Tất cả các phương thức ấy cổ lỗ quá rồi. Cần kêu gọi mọi người đứng lên, kết hợp với nhau để có thể thực hiện công cuộc Duy Tân toàn quốc cùng lúc. Có như thế mới gây nổi một phong trào, mới tạo được một sức mạnh đáng kể trong một đại cuộc đã hoàn toàn thay đổi. Vậy chủ yếu là giác ngộ sĩ phu và quần chúng để tiến tới canh tân đất nước, hòng đạt được mục đích cuối cùng. Bởi thế, ông đã đi đến tận Phan Thiết để tìm gặp những người như Trương gia Mô, Nguyễn trọng Lợi...

Trên kia, tôi có nói đến Công Ty Liên Thành, một đại Công Ty thương mãi ở Trung Việt và Việt Nam, qua bao nhiêu biến cố hiện vẫn tồn tại và phát triển toàn quốc. Công Ty này thành lập năm 1906, do Phan châu Trinh góp ý trong một công cuộc vận động Duy Tân chung, nhưng tôi nghĩ là không phải không chịu ảnh hưởng Nguyễn lộ Trạch. Vì một đại công ty như thế, qui mô to lớn, tập trung nhiều nhân tài vật lực, không thể quan niệm trong năm, bảy tháng, một năm rồi thành lập mà chắc phải có một quá trình tính toán lâu dài hơn nhiều. Cũng như những tổ chức Duy

Tân ở Quảng Nam thành hình năm 1906 nhưng tư tưởng, ý định đã phát ra trước đó những ba, bốn năm rồi. Một điều cần nhấn mạnh thêm là những người mà Phan châu Trinh tìm gặp năm 1905 cũng đều là những người mà mười năm trước, Nguyễn lộ Trạch đã tìm gặp : Trương gia Mô, Nguyễn trọng Lợi (1)... Và nơi xa xôi, đèo heo hút gió của cực Nam Trung Việt lại có một phong trào Duy Tân rộng lớn, (trong khi nhiều tỉnh khác gần đó không có tổ chức gì đáng kể) thì quả thật không phải việc nhất đán mà thành. Có lẽ sức khỏe không còn đủ bảo đảm cho một hành trình xa hơn nên Nguyễn lộ Trạch đã về rồi chết tại Bình Định như một người chết đúng trên đường Lý Tưởng, một Thánh tử vì Đạo ! Đạo Duy Tân ! Tiếc rằng chúng ta không được biết thêm những gì về công cuộc Thương và Nông cùng lịch sử Nam Du của một nhân vật lớn lao mà lịch sử nỡ quên.

C — Nhưng người ta biết Nguyễn lộ Trạch nhiều nhất là vì bản *Thiên Hạ Đại Thế Luận* của Ông. Đây là tư tưởng chỉ đạo công cuộc Duy Tân mà chính ông là kẻ vừa nêu lên lý thuyết vừa cố gắng thực hiện một cách nhọc nhằn, gian lao như ta vừa thấy.

Bản ấy thật quan hệ đối với lịch sử, chính trị, văn hóa, học thuật, kinh tế v.v... của Việt Nam. Tiếc là toàn văn đến nay bị mất. Nhưng cũng thật may mắn mà ông

(1) Nguyễn lộ Trạch — Anh Minh xuất bản 1966 (Minh Viên Huỳnh thúc Kháng giới thiệu Sdd)

Huỳnh thúc Kháng còn chép lại phần đại ý khá đầy đủ và những đoạn ông còn thuộc trọn vẹn trên một số báo Tiếng Dân năm 1932 (1)

Để cho độc giả thấy rõ tầm quan trọng của bài báo nói lên giá trị tiên tri chính trị và quân sự đại tài của Nguyễn lộ Trạch dưới mắt Huỳnh thúc Kháng, tôi trích lại sau đây những điềm quan trọng của bài báo và toàn văn của bản «Thiên hạ Đại Thế Luận trích yếu ».

Cái đề của bài báo khá dài giòng :

ĐIỀU TIÊN KIẾN CỦA MỘT
NHÀ HỌC GIẢ NƯỚC TA

Nhân chuyện Trung Nhật xung đột mà nhớ đến câu nói trong một bài đại luận trước đây 40 năm.

Huỳnh thúc Kháng mở đề bằng chính một đoạn tiên tri của bài luận : « *Điều lo của Trung Hoa, không tại các nước ngoài mà tại nước Nhật Bản.* Đó là một câu trong bài «Thiên Hạ Đại Thế Luận» của ông Nguyễn lộ Trạch người Kẽ môn hạt Thừa Thiên. Bài ấy ra đời cách nay đã trên 40 năm, trước trận Trung Đông đánh nhau (năm 1882 Giáp Ngọ) kia, mà đến nay vẫn cứ thấy nghiệm, ai dám bảo học giới nước ta không có người biết rộng thấy xa.

Về niên đại của bài ấy, lúc bấy giờ Huỳnh thúc

(1) Một tập báo do ai cắt ra từng bài đặc sắc rồi đóng lại nên không có ghi rõ số nào ; ngoại trừ vài trường hợp đặc biệt tôi tìm ra được số và ngày tháng, tôi sẽ ghi rõ các trường hợp đặc biệt ấy.

Kháng chưa được đọc quyền *Ưu Quì Lục* nên ông chưa rõ. Vì vây, sau này, ông ghi : « *Năm Thành Thái thứ tư, khóa hội Nhâm Thìn (1892) đề thi Đình có hỏi đại thế hoàn cầu, Tiên sinh không thi cử gì nhưng thấy cái đề có quan hệ, có thảo một bài « Thiên Hạ Đại Thế Luận* ». Vậy, có lẽ niên đại 1892 là đúng. Vì tư tưởng của ông Nguyễn lộ Trạch trước 1884 trong bài tựa *Quì Ưu Lục* khác ít nhiều với bài luận, do lẽ bài luận chỉ viết *khi nước mất*, lại làm đề tuyên truyền trong đám sĩ phu nên lời lẽ có phần dè dặt.

Huỳnh thúc Kháng trình bày tiếp theo cái tình trạng bi đát của Trung Hoa đang bị liệt cường và Nhật xâu xé (hồi đó, Nhật lại khởi đánh nhiều trận lớn). Những chuyện ấy nay ai cũng biết, nhưng thời Nguyễn lộ Trạch thì không phải như thế.

« *Ở dưới chánh quyền chuyên chế, nhân dân không can dự gì đến việc nước, lối học khoa cử lại chôn biết bao nhiêu học giả vào cái hầm hư văn. Gia dĩ đường giao thông chưa mở mang (Trung Kỳ chưa có xe lửa), tờ báo chưa xuất hiện, trên vua quan thì rung vế ngâm thi, dưới sĩ phu thì chăm vác quyển đi thi, đi hạch. Không những chỉ việc to lớn ngoài thế giới, dẫu như trận Nha phiến nước Tàu (1840), trận Anh Pháp liên quân vào Bắc Kinh (1858) ở bên nước láng giềng mà người mình gần như không hay, không biết. Thậm chí, việc ở trong nước mà chuyện ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ, thì người Trung Kỳ nghe như chuyện ngoài trời kia. Học giới ta lúc bấy giờ hắc ám là dường nào ! Đương giữa khoảng màn kín đen mù, tường cao ngăn đón như thế, mà có nhà học giả như ông Nguyễn lộ Trạch, tự mình tìm lấy sách vở,*

lại do chỗ học vấn lịch duyệt suy nghiệm cùng con mắt xem đời của mình, **không nương dựa vào học thuyết nào** *(1) làm ra một bài đại luận nói đại thế trong thế giới mà ở trong có những điều đứng đắn, thật là một bài luận rất có giá trị trong học giới ta (2).*

Bài ấy không chỉ nói chuyện Trung Nhật là tiên kiến mà thôi đâu. Toàn bài nói việc thế giới mà nhứt là nói về tình thế nước ta, nhiều điều rất xác đáng. **Ký giả có cái hân hạnh được thấy bài đại luận ấy năm 1903.** *Kế đó nguyên bản thất lạc, nên nay không nhớ cả toàn văn, song đại đoạn vẫn còn in sâu trong não mà không sao quên được, xin lược kể vài đoạn như dưới.»*

Sau đây, tôi ghi toàn bản văn Huỳnh thúc Kháng đã chép lại. Tôi chỉ xin độc giả khi đọc cần phải hết sức thận trọng. Vì loại đại luận này viết rất gọn như các bài hịch, các nguyên lý, chỉ đi vào những điểm khái quát, chủ yếu rồi sau đó, do một câu, một chữ, người ta sẽ viết lại thành một đôi quyển sách, dựng năm ba trăm cơ sở, lôi cuốn cả vạn người, triệu người. Chẳng hạn trong đoạn mở đầu chỉ vỏn vẹn có mười bốn chữ. Nhưng ai cũng hiểu ngay là dù viết lại năm mười bộ sách nói về *chánh giáo* rồi do đó bàn

---

(1) Tác giả sách này nhấn mạnh để độc giả chú ý, các đoạn sau cũng vậy.

(2) Chú thích của H.T.Kháng : « sách Khang hữu Vi, Lương khải Siêu truyền sang bên ta sau cuộc Mậu Tuất chính biến, nước Tàu (1898) mà bài luận này ra trước khi Trung Nhật chưa đánh nhau (Giáp ngọ 1884) nghĩa là trước sách Khang Lương truyền sang ». Nhận xét về sách Khang Lương đúng nhưng niên đại bài luận có lẽ sai (1894) như đã nói trên kia. (NVX)

về cái lẽ mạnh yếu của một nước e rằng vẫn chưa đủ. Và cho đến nay, tôi tin chắc như đinh đóng vào cột, như rìu chém xuống đá rằng miền Nam vẫn phải đặt *nguyên tắc chánh giáo* lên hàng đầu, phải biện luận đến chỗ tận cùng để thực hiện cho kỳ được. Hiện nay, *nguyên tắc* chánh giáo được những quốc gia cường thịnh từ Âu sang Á, sang Mỹ áp dụng và chính nhờ thế mà họ giàu mạnh chớ không phải tại họ lớn hay nhỏ... Vì những lẽ ấy nên bài luận tuy ngắn mà thật ra rất dài và ta có thể gọi đây là *Tuyên ngôn đầu tiên của Phong trào Duy Tân Việt Nam.* Tôi dám gọi như thế vì những điểm thiết yếu trong bài luận này rồi đây Phong trào Duy Tân toàn quốc sẽ ứng dụng đầy đủ. Nhưng tại sao gọi nó là *đầu tiên* ? Như thế nó còn một tuyên ngôn thứ hai chăng ? Không có bản tuyên ngôn thứ hai, nhưng khi Phan châu Trinh thực hiện Phong Trào Duy Tân, ông đặt toàn bộ trong Chủ Nghĩa Dân Quyền, tức là đặt cho Phong trào một vai trò triết học chính trị. Đó là bản tuyên ngôn thứ hai bất thành văn mà ta sẽ thấy sau, được nhân dân khắp cõi nhiệt liệt tán thành.

Sau đây toàn bản văn :

Bài ấy khởi đầu nói : « *Nước mạnh hay yếu là tại chánh giáo chớ không phải tại lớn nhỏ* »

Đoạn giữa nói : «*Tình thế nước Tàu, trên dưới cô tức du an, không lo chấn chỉnh việc chánh giáo trong nước, sở dĩ không mất là vì tình thế giằng xé của các nước mạnh ở ngoài. Các nước xu trọng nghề thương, lấy Trung Quốc làm tiêu trương, một nước khởi hấn các nước phải phế nghiệp, nên*

không nước nào chịu làm kẻ gây đầu mối họa. Nhờ cái cớ kiêng kỵ ấy mà nước Tàu được thở, chớ không phải là có tài cán gì. Miến điện bị người Anh lãnh, Lưu Cầu bị người Nhật nuốt, nước Tàu chỉ dương mắt mà trông, cho đến Hương Cảng các phụ bị cắt nhường, đền Viên Minh bị đốt phá, vết thương đau đớn là dường nào! Mà không làm sao được! Mình không tự cứu lấy mình còn mong cứu giúp ai được! Người mình lâu nay cứ xướng cái kế của Thân bao Tư (1) cầu cứu với nước Tàu. Triều Tự Đức chỉ lo một việc ấy, thật là không hiểu tình thế chút nào.... (chỗ này tiếp nói tình thế nước Nhật mạnh và câu nói trên). »

Kế đó tình thế nước nhà, đại ý nói : « *Nước mình không lo việc nội trị, sở dĩ có cảnh huống ngày nay, cái mối nguy nan không phải tại đánh nhau nơi cửa Cần trừ, vùng Đà Nẵng, mà chính tự ngày nước Cao man nước Vạn Tượng đến triều cống kia. Có nước mạnh ngoài tới lấn thì đổ cho họa ở nước ngoài nếu không nước ngoài, mình có ngồi yên mà ngủ được sao?* »

Lại nói : « *Người ngoại lại đây, bản ý người ta trù việc lâu dài, chớ không phải toan cái lợi mai chiều trước mắt, mình không biết tình thế sợ đầu sợ đuôi, chỉ rước lấy điều khinh rẻ mà thôi, chi bằng bỏ cái tên trống vô ích bề ngoài mà vạch một cái giới hạn phần đất cho rõ ràng (2) vua tôi trên*

---

(1) Thân là tôi Sở, cầu cứu với Tần, bảy ngày đứng giữa sân mà khóc, không ăn uống (Huỳnh thúc Kháng).

(2) Chỗ này nói giới hạn phần đất vạch cho rõ ràng. Vậy phần đất nào? Vì lúc ấy, Trung Kỳ cũng đã bị chiếm và có khâm sứ, công sứ rồi.

dưới cùng nhau phân phát lo chấn chỉnh việc chánh giáo lại, thì ngày nay vẫn chư đắc trỉ được, ngày sau há lại không có hồi vẫy vùng sao ?

Đoạn sau nói : *Có nhân dân mà không biết dạy bảo, có công nghệ mà không biết chấn hưng, có khoáng sản mà không biết khai phá, ngu hèn đến thế là cùng ! Nay có người ngoài đem cái khôn ngoan cơ xảo tới tận bên mình, không phải là cái dịp tốt cho mình học khôn hay sao ? Vả chăng, người Âu đi đến đâu, thì họ mang học thuật kỵ xảo tới đó mà mở mang việc công lợi to lớn, như là cái tánh tự nhiên, nhà giàu vì chàng trai mà dạy con gái mình, chim tước khéo kia, vì chim cưu vụng nọ mà mang công ra làm ổ, làm ổ xong mà chim cưu tới ở, dạy bảo thành mà chàng trai kia giắt đi, thầm thời đạt thế mà lo lấy công việc nước nhà, ấy là cái gánh các bậc quân tử sau này.*

Như trên ta thấy tư tưởng Duy Tân của Nguyễn lộ Trạch có thể chia ra mấy ý chính :

a) Vấn đề chủ yếu là chánh giáo. Chánh giáo là một nền giáo dục lấy chánh đạo để đào tạo sĩ phu và quốc dân (tức như học thuyết Khổng Mạnh, chủ nghĩa Dân Quyền.)

b) Trình bày thực trạng của nước Trung Hoa. Sở dĩ không mất là một may mắn của lịch sử. Nhưng nước ấy đã hoàn toàn tê liệt. Người Việt Nam đừng trông mong gì nước ấy giúp mình nữa. Chỉ có nước nào biết Duy Tân và tự cường như Nhật Bản mới mong mở mặt được.

c) Bàn về cái lẽ suy nhược của Việt Nam.

d) Việt Nam muốn cứu lại nước, không thể noi theo đường cũ mà phải :

1.— Cần chấn chỉnh chánh giáo

2.— Phải Duy Tân, mở mang mọi phương diện nông, công, thương, học kỹ thuật khoa học của Âu Tây

3.— Sẽ chờ cơ hội thuận lợi mà cứu nước.

Sau khi trình bày bài luận trên, Huỳnh thúc Kháng còn viết thêm :

Độc giả thử nghĩ, 40 năm về trước mà học giới ta có người (Huỳnh thúc Kháng vẫn gọi **đại văn hào***) có bài đại luận tình lý đã xác thực châu đáo mà văn thể cũng hùng kiện, không đáng gọi là Khang, Lương ở nước ta sao?* **Chính Cụ Sào Nam, Cụ Tây Hồ và phần nhiều trong đám tiên thời nhân vật ở xứ ta** *sở đắc ảnh hưởng của bài ấy rất là sâu xa mật thiết, không kém gì sách Lương, Khang kia.*

Nói cách khác, Huỳnh thúc Kháng xác nhận một thực trạng lịch sử làm bối cảnh cho bài luận nổi bật lên với giá trị vô song của nó : vào thời ấy Văn thân, Cần Vương tan rã, tự nhiên, sĩ phu, nhân dân bị đẩy vào một thất vọng đen tối và chỉ lóe được vài tia sáng mong manh mong chờ Trung Hoa sẽ tới giúp ta. Nếu không như thế thì coi như tuyệt vọng! Một nước đã chết!

Bài đại luận này xác nhận tình trạng bi đát vô vọng của Trung Hoa, nhưng lại chỉ cho thấy một ánh sáng khác mới lóe lên mà đã rạng rỡ; nước Nhật Bản sau vài

chục năm Duy Tân đã hết suy nhược, đang lăm le bước vào con đường văn minh, giàu mạnh. Vậy, vấn đề *ngoại vọng* không nên đặt ra mà phải đặt chính vấn đề *tự cường*. Muốn tự cường, cần chấn chỉnh chánh giáo và học thẳng các phương pháp để tiến bộ, các ngành, các nghề, các môn khoa học, kỹ thuật nơi người Pháp chứ không phải ở đâu xa lạ... Rồi khi đủ sức thì sẽ vẫy vùng.

Giữa đêm tối mù mịt, không lối thoát, bài đại luận ấy há không phải là một ánh sáng nhiệm màu mở đường cho sĩ phu và nhân dân hay sao ? Giá trị của nó lớn lao đến bực nào, hẳn nhiên các bậc tiên thời đã nhận thấy một cách sâu xa, tha thiết.

Nhưng dù sao, đó cũng chỉ là nét chính, phác họa một Phong Trào Duy Tân còn thô sơ. Phải chờ Phan châu Trinh mang chủ thuyết *Dân Quyền* về làm chánh giáo, mang *một ý thức hệ* về để làm mới Dân tộc, Phong Trào Duy Tân thực sự mới mở màn.

PHAN CHÂU TRINH (1872-1926)
CUỘC ĐỜI, TƯ TƯỞNG, HOẠT ĐỘNG

MUỐN tìm hiểu tại sao Phan Châu Trinh say mê tư tưởng Dân quyền, hăng hái cổ động Phong trào Duy Tân, thiết tưởng cần biết qua đời sống gia đình, cá nhân ông lúc trẻ, nền văn học ông được thu nhận, xã hội ông tiếp xúc.

Ông sinh năm 1872 tại làng Tây lộc, phủ Tam kỳ (nay quận Tiên phước) tỉnh Quảng Nam (nay Quảng Tín) (1) Ông lớn lên trong tình trạng đất nước bị xâm chiếm. Năm 1885, theo hịch Cần Vương, cha ông là chuyền vận sứ Phan văn Bình (hay Phan Bình lên ở gần Mỹ Lý, vừa lập một đồn điền cực rộng lớn để trồng hoa màu tiếp tế cho đại quân Cần Vương, vừa kiêm coi mỏ vàng A Bá, luyện sắt đúc khí giới. Khi quân Triều đình

---

(1) Vì lẽ ấy nên trong các phần sau, tôi hay gọi là Quảng Nam -- ngoài để chỉ phần đất nay là Quảng Nam và Quảng Nam – trong nay là Quảng Tín.

lên đốt nhà ở Tây Lộc, Phan châu Trinh cùng các anh em đều bỏ làng chạy lên Đồn điền (1). Chính giữa đường đã xảy ra một sự việc khiến cái cá tính đặc biệt của Phan châu Trinh phát lộ ngay khi ông mới khoảng mười bốn tuổi đầu : một cô em gái Phan châu Trinh trong khi chạy, bỗng chậm lại rồi biến mất. Mọi người quày quả trở lại tìm, mãi không thấy ở đâu. Có người bàn nên bỏ đi, vì đoán cô bé đói quá, chạy vào làng kiếm ăn rồi ít bữa sẽ tìm lên sau. Chỉ có Phan châu Trinh quả quyết trở lui để tìm em trong đám người chạy loạn. Cho tới chiều, mới có một người bảo cho biết cô bé đã rớt xuống một cái *hầm bẫy heo rừng*. Phan châu Trinh chạy tới nghe tiếng em khóc liền an ủi, dặn em chờ rồi quày quả trở lại kiếm gia đình. Khi mọi người tới nơi, nghe tiếng em khóc thì rất thương xót, nhưng chính các anh lớn cũng bảo nên bỏ đi là hơn. Vì không có dụng cụ, dao mác gì để cứu em giữa chỗ hoang vắng này mà hầm heo thì sâu, lại đào thẳng dựng để cho heo rơi xuống, không có cách gì lại nhảy lên, thoát được. Nhưng Phan châu Trinh quyết nghĩ cho ra kế cứu em. Cậu bảo mọi người tháo hết dây lưng ra (thời ấy, ai cũng buộc những sợi dây lưng dài, sặc sỡ) nối lại rồi buộc ngang bụng, dòng cho cậu xuống. Tới nơi, cậu tháo dây buộc vào bụng em cho các anh kéo lên rồi chờ tới lượt mình lên sau. Thế là cô em thoát nạn !

Tôi tưởng mỗi câu chuyện ấy cũng đủ trình bày

---

(1) Nên phân biệt đồn điền của quân lính và nhàn điền của tư nhân. Hai loại ấy khác hẳn nhau.

cho ta thấy lòng thương yêu sâu sắc, mãnh liệt, trí mưu và sự can đảm phi thường của cậu bé giữa cơn nguy cấp mà chính các người lớn cũng phải đầu hàng.

Cũng do ở mật khu kháng chiến của Cần Vương, ông được học võ nghệ, bắn cung, bắn súng tạo nên một bản lĩnh vững vàng (Huỳnh thúc Kháng cũng nhờ ở mật khu mà học được ít võ nghệ) của một chiến sĩ trước khi thành văn sĩ.

Một biến cố khác cần ghi nhận vì chắc nó có ảnh hưởng ít nhiều tới tinh thần, tư tưởng của Phan châu Trinh sau này:

Cha ông, chuyền vận sứ Phan văn Bình bị chính lãnh tụ Cần Vương chặt đầu tại cầu Mỹ Lý. Tại sao? Ta cần biết ông Hường Nguyễn duy Hiệu, thủ lãnh Cần Vương và nhất là tả hữu, nhiều người rất nóng tánh, đa nghi và khắc nghiệt. Thời ấy, Pháp đã dùng Nguyễn Thân đề phá quân đối phương. Sau trận thua lớn ở An Lâm, cơ sở chủ yếu cuối cùng bị tan vỡ thì có lệnh gọi ông Bình về. Lúc bấy giờ, Nguyễn Thân đã dùng nhiều người của đảng Cần Vương đề thủ thắng nên một số nhân vật Tam Kỳ bị nghi ky là theo Thân. Không rõ ông Hường căn cứ trên những tài liệu nào đề kết án ông Bình cũng như nhiều người khác. Chỉ biết khi ông mới từ giã đồn điền qua cầu Mỹ Lý liền bị quân cận vệ của ông Hường chặn lại, chặt đầu rồi đem cắm nọc bên đường. Một viên đội theo ông Bình phẫn nộ,

liền tự sát tại chỗ. (1)

Sau biến cố ấy, Phan châu Trinh về ở với anh là Phan văn Cừ. Rồi ông học văn nổi tiếng, thi đỗ cử nhân 1900, Phó bảng 1901. Suốt thời kỳ này, không rõ ông đã chú ý đến thời thế, chính trị trong nước và thế giới ra sao. Chỉ biết là ông kết giao rộng. Nghe ai tài giỏi, hoặc có những gì khác lạ là ông tìm tới tiếp xúc, biện luận. Ông đọc rất nhiều sách, truyện Tàu và kể chuyện rất hay, nổi danh là *ông vui chuyện*. Hơn nữa, ông lại được học ở trường tỉnh. Trường này ở làng Thanh Chiêm thuộc phủ Điện Bàn, cách Hội An 10 cây số, cách Đà Nẵng trên 20 cây số. Chắc chắn ông phải thường lui tới những thành phố ấy luôn vì tính ông thích giao du và xê dịch. Nhất là Hội An, nơi mà học trò Tỉnh vẫn xuống mua sách vở và các dụng cụ, vốn có nhiều người Trung Hoa có học thức và họ thường vẫn mua nhiều sách vở đưa thẳng từ Trung Hoa sang. Một trong những người ấy, Châu thượng Văn sau này sẽ góp một tay đắc lực trong phong trào Đông Du và Duy Tân, rồi *tuyệt thực chết* trong nhà lao ; ông Văn là bạn của Trần quí Cáp mà ông Cáp đã là bạn của Phan châu Trinh từ năm 1898 lúc cùng học chung cụ đốc Trần mã Sơn (Phan châu Trinh kết bạn Huỳnh thúc Kháng từ 1890-1892) ở Tỉnh.

---

(1) Đây là tài liệu trong gia đình Phan châu Trinh cho. Theo người ngoài kể thì có vài giả thuyết khác nhưng cũng đều cho ông Bình chết oan cả.

Nhưng chắc chắn ông thật sự biết *Tân thư* khi ra làm quan tại Huế. Huế lúc bấy giờ là đế đô, giữ vai trò *chỉ huy văn hóa* nên có nhiều bậc anh tài, học giả không chỉ ở địa phương mà tứ hướng quay về. Do đó có nhiều sách vở lạ. Chính nhờ những sách vở ấy mà Nguyễn lộ Trạch dám tự học rồi tự xướng tư tưởng Duy Tân. Thời ấy, Huế cũng đã có những du học sinh ngoại quốc về như Thân trọng Huề đã dâng chiếu xin bãi bỏ việc thi cử. Đồng thời, người Bắc có tư tưởng mới như Nguyễn thượng Hiền, Đào nguyên Phổ cũng có mặt ở đấy. Đào nguyên Phổ mua nhiều tân thư của Trung Hoa đưa sang. Sách vở thời ấy do những ghe lớn đưa theo hàng hóa rồi có những thuyền nhỏ buôn sách chèo lên đậu ở một bến nào đó như Phú văn Lâu để chờ người tới chọn mua. Đó cũng là một trong những ngành thương mãi quan trọng của Trung Hoa ở Đế Đô (còn ở các Tỉnh, kể cả Hội An, cũng ít phát đạt) Tân thư cũng theo đường ấy mà vào.

Trong niên biểu đồ của Phan châu Trinh ở Truyện Giai Nhân Kỳ Ngộ (1) (niên biểu đồ do Huỳnh thúc Kháng soạn) có ghi : « Năm 1903, Quý Mão, bổ làm Thừa biện Bộ Lễ ở kinh. Học Tân học 32 tuổi ». Cũng năm này, Huỳnh thúc Kháng nói đã được đọc *Thiên Hạ Đại Thế Luận* của Nguyễn lộ Trạch. Thế thì Phan châu Trinh cũng đọc vào khoảng đó, chắc là trước ông Huỳnh. Điều này cho thấy khi mới ra Huế làm quan, việc đầu tiên của

(1) Giai nhân kỳ ngộ Lam Hồng 1958. (Tài liệu rút trong đó sẽ ghi G.N.K.N.) Phan châu Trinh sáng tác, Lê văn Siêu giới thiệu.

ông Phan không phải là tìm cái ghế mà tìm ngay những quyền sách. Lúc ấy sách Tân thư, nhất là của Khang hữu Vi, Lương khải Siêu (1) cũng đã có nhiều. Nhưng chắc chắn không có loại sách nào có hệ thống và gây xúc cảm mạnh bằng bài luận nói trên của Nguyễn lộ Trạch, vì không chỉ có trước khi sách Khang, Lương qua, nó còn là cây nhà lá vườn, thích hợp với một xã hội bán phong kiến, bán thực dân mà dân chúng còn đang ở trong một trình độ thấp kém, có nhiều điểm không giống hẳn xã hội Trung Hoa nơi mà phần lớn lãnh thổ chưa bị xâm lăng.

Nhưng dù sao, tư tưởng Khang, Lương cũng rộng rãi, đi vào nhiều vấn đề, nhiều chi tiết để người đọc chưa am tường tư tưởng mới, học thuật mới dễ đào sâu. Tôi không thể nói kỹ, chỉ xin trích lại một vài đoạn văn của bác sĩ Hồ Thích, một văn hào Trung Hoa rất nổi tiếng trong công cuộc Duy Tân để độc giả thấy sức hấp dẫn ghê gớm của Lương khải Siêu đối với Thanh Niên Trung Quốc, đồng văn với ta, để ước lượng sự say mê của các nhân vật đương thời khi đọc Tân thư :

Giới thanh niên trí thức thời bấy giờ rất nồng nhiệt

---

(1) Khang hữu Vi (1858-1927) chủ trương cuộc chính biến 1898 (Quang Tự 24) ở Trung Hoa. Ông soạn các sách Đại đồng thư và Âu châu thập nhất quốc du ký.

Lương khải Siêu (1813-1929) hiệu Nhiêm công, Tỉnh Quảng Đông môn đệ Khang hữu Vi. Sau trận Trung Nhật chiến tranh (1894) xin đòi hiến pháp không được, mở thời vụ báo. Sau biến chính 1898 thất bại đi du lịch hoàn cầu. Rồi trở về Nhật làm Tân Dân Tùng báo, bỏ bảo hoàng theo Cộng Hòa.

tinh thần ái quốc. Qua bao sự đổi thay chốn triều thần, với áp lực mạnh mẽ của ngoại xâm đã tạo nên những Phong Trào thanh niên cuồng nhiệt. Nhân vật Lương khải Siêu một bậc lãnh đạo đã nhìn xa, hiểu rộng. Đứng trước nước non nhuộm màu hắc ám và luồng hồng thủy (?) ồ ạt đang tràn vào tàn phá, họ Lương hô hào toàn dân đứng lên dẫm nát tàn tích cũ cùng chống ngoại lai. Với khẩu hiệu «Trung Quốc chi tân dân» « Tân dân tử », thành lập tạp chí « Tân dân tùng báo » vạch rõ những rường mối gây tình trạng chậm tiến, kêu gọi mọi từng lớp nhân dân phải hiểu rõ cảnh nước nhà đa đoan trước tệ trạng của Triều Mãn Thanh, trích ra đây một đoạn xã luận : « Chưa hề có tứ chi đã què quặt, gân mạch đã bị thương, máu đã ngưng đọng mà tấm thân có thể sống được. Thì cũng chưa có dân nào còn ngu muội, yếu hèn, bại hoại, ô hợp mà nước nhà có thể đứng vững được... Nếu có dân tộc hiểu biết đời sống mới, còn lo chi không có chế độ mới, không Chính Phủ mới, không quốc gia mới » (Bàn về thuyết cải cách người dân mới).

Theo đường lối chủ trương chính của Lương Tiên Sinh: « Tôi suy gẫm lại, cảnh huống lớp người trị nước Trung Hoa ngày nay, cần phải được quét sạch tận gốc rễ tù túng, phải loại bỏ cũ mà phơi bày cái mới một cách rộng rãi vậy » (Bàn về cải cách dân mới).

Họ Lương còn phẫn khích đau xót hơn nữa trong lời thống thiết sau : « Nhưng đường lối cứu sự nguy nan nước nhà để đạt đến bước tiến bộ thì phải thế nào ? Bảo rằng phải trừ khử, nghiền nát cái chánh thể ngang tàng, hung dữ,

ô hợp mấy ngàn năm nay tan ra như bột. Thì gây ra cho ngàn vạn bọn quan nha như lũ cọp, chồn, sâu bọ... mất đi chỗ dựa đỡ, trông nhờ cố lũy từ xưa. Nhưng nếu như thế có thể tẩy sạch trong tâm dạ, để đưa đến con đường tiến bộ ư ? Phế bỏ dần những tín điều học thuyết xấu xa, yếu hèn mấy ngàn năm nay ? Thì khiến cho bọn đồ đệ các thuyết ấy nhôn nhao lên. Chúng không còn múa bút, khua môi, uốn lưỡi. Vậy chúng ta phải làm kẻ đứng chịu mũi dùi của sự chống đối đó để cứu nguy khốn cho dân. Sau rốt, sửa đổi dần thì mới thật đi đến bước tiến bộ. Vì vậy, muốn đạt cho kỳ được phương pháp của mục đích nêu trên, thì có hai điều :

1—. Phải hoạt động không gây cảnh máu rơi.

2—. Phá hoại gây nên cảnh máu rơi.

Nước Trung Hoa, nếu như có thể làm công việc cải phá, sửa đổi mới mà giữ được niềm an vui thì ta đây sung sướng bội phần. Còn như trái lại, ôi thôi ! Thân này đau xót biết dường nào (Thuyết cải cách dân mới, bàn về tiến bộ).

Nhóm thanh niên Hồ Thích sau khi đọc xong đoạn này, người hiểu biết sâu xa đều cảm thấy dâng lên tận làn da, chân tóc một sự đau đớn nghẹn ngào, không cầm được ngấn lệ tuôn trào.

Hồ Thích tự thuật. Mai chưởng Đức dịch, Văn 90.

Hẳn nhiên đó cũng là cảm giác, cảm tưởng của sĩ phu ta, những người đồng hội, đồng thuyền thuở đó với sĩ phu Trung Hoa.

Từ Nguyễn lộ Trạch với « Thiên Hạ Đại Thế Luận » ý thức hệ phong kiến vẫn còn, ông còn tin tưởng ở chánh

giáo Nho, ở *vua tôi trên dưới*, đến Lương khải Siêu đã hé ra một ý thức hệ mới : Phan châu Trinh vượt lên ý thức hệ cũ, đẩy vua quan vào hậu trường, đẩy Nho giáo vào tàng viện, đặt *Dân quyền* lên ngai vàng. Tức là ông muốn chấm dứt quan hệ văn hóa với nước Tàu cũ để tiếp thu Văn hóa Tây phương qua một dự phóng nước Việt mới.

Về điểm này, độc giả có học mới chắc phải công nhận nó cực kỳ quan trọng. Nó là chủ não của một cuộc cách mạng chứ không phải cải lương. Vì nó đẩy xã hội đi tới trên mọi phương diện trên một cơ sở tư tưởng, học thuyết hoàn toàn mới, phủ nhận học thuyết cựu truyền trên nghìn năm. Địa bàn hoạt động của nó không còn đặt ở Huế nơi tư tưởng phong kiến đã thấm sâu tủy não vua quan, sĩ phu và cả những tay chân đông đảo của họ. Bởi vì với Nguyễn lộ Trạch, chỉ là chấp nhận một phương thức đổi mới, cải cách trên một xã hội cũ. Còn với Phan châu Trinh là phải chấp nhận hoạt động cho một lý tưởng cách mạng, chính trị, tư tưởng, xã hội, văn hóa để phục vụ cho Dân, đánh đổ ngai vàng của Vua, đưa dân lên ngai vàng ấy trong xã hội mới. Làm thế nào tạo một số đồng chí dám có cái nhìn đảo lộn ngai vàng, đảo lộn quí tộc, đảo lộn Khổng Mạnh, đảo lộn học vấn, đảo lộn đặc quyền, đảo lộn phương thức sinh hoạt, phọng tục, tập quán vào một thời xã hội còn tối ngòm ngòm. Địa bàn hoạt động phải đặt trên những vùng vốn mang sẵn mầm mống tranh đấu để tiến bộ không ngừng.

*
* *

Không nhận thức điểm này, tất nhiên cũng không nhận thức được một bước tiến cực kỳ trọng đại của lịch sử, xã hội Việt Nam. Và cũng do đó, không thể thấu hiểu được những hoạt động, cải cách nhiều khi rất nhỏ nhặt gần như vô nghĩa của phái Duy Tân, nhưng lại thiết yếu cho một bước rẽ của lịch sử. Không nhận thức điểm này, nhất định không hệ thống được mọi sự kiện rời rạc, mọi văn kiện lẻ tẻ, văn chương đôi khi khô khan kém cỏi nhưng vẫn nhất trí trong toàn bộ lớn lao của Phong Trào. Và sau hết, không làm sao đánh giá đúng mức vai trò quần chúng trong việc tự động cải cách các phương thức sinh hoạt, tự động chủ trương các cuộc tranh đấu bất bạo động để thực hiện lý tưởng Dân quyền sau này.

Nhưng do đâu Phan châu Trinh sớm chủ trương Dân quyền ?

Câu trả lời sẽ dễ dàng đến với những người chuyên nghiên cứu tiểu sử cá nhân :

— Có thể đó là một phản động đối với hậu quả bi thảm mà cha ông đã chịu. Cha ông đã chết dưới lưỡi dao của các nhà ái quốc phong kiến độc đoán và cổ lỗ. Ông căm hờn chế độ ấy trong bản chất, trong ý niệm nên ông chống nó vô ý thức dù ông vẫn tán thành hành động ái quốc. Chợt tới khi muốn cứu nước, khám phá ra một học thuyết vừa chống phong kiến, vừa hợp thời thế, có hệ thống, có tương lai, ông chấp nhận ngay.

Lý luận ấy không phải không có chỗ đúng. Song nếu chỉ là phản ứng cá nhân thì chắc ông không đủ sáng suốt để

nắm toàn bộ một vấn đề lớn lao như thế. Tuy nhiên, tôi chắc không ai nỡ gạt ý kiến này như một tài liệu để ghi nhớ khi ta chưa quên bà Trưng, Nguyễn Trãi... Phản ứng muốn trả thù của cá nhân thường vẫn chứa chất trong tiềm thức và biết đâu nó chẳng giúp Phan châu Trinh những căm hờn đối với quan lại mà ông thường mắng không tiếc lời. Nhưng nếu có, đó chỉ là phương diện tiêu cực, phương diện tích cực vẫn phải đặt câu hỏi : tại sao ông say mê thuyết dân quyền đến thế kia ?

Phan Châu Trinh tuy có bề ngoài nghiêm trang nóng nảy, hăng hái, nhưng bên trong vẫn là người nhiều tình cảm. Độc giả chắc chưa quên câu chuyện cứu cô em gái. Tập thơ Tây Hồ và Santé thi tập (1) của ông cũng tràn ngập tình thương yêu hạng người bị áp chế, hạng nghèo khổ, hạng ngu ngơ và cực lực chống lại mọi kẻ quyền thế, giàu có, tàn ác... Nhưng tình cảm và lý trí của ông không giống hầu hết các nhà Nho khác tí nào. Vì ông vừa có cốt cách đại nho lại vừa là kẻ *bạt mạng*, vừa ở trong khuôn khổ, vừa luôn luôn muốn đạp phá khuôn khổ.(*) *(xem chú thích trang 48).*

Sở dĩ bản tính như thế có lẽ vì ông là con một võ quan, không quen sự câu thúc. Đã thế, mới lớn lên là phải chạy giặc ở mật khu, chuyên học võ và rong chơi với các hạng quân nhân, hạng nghèo khổ, hạng thách đố những thứ giáo dục chi hồ giả dã. Tâm tính của ông chắc chắn

---

(1) Tây Hồ và Santé thi tập : Phan châu Trinh (Di thảo) Lê Ấm sao lục 1961. (Viết gọn Tây Hồ Thi Tập)

chịu ảnh hưởng sâu xa của thời kỳ *giáo dục ngoài trời* này mà các bạn bè thiếu học của ông thuở ấy hẳn đã nêu cho ông những cái gương vừa bạt mạng, vừa can cường như ta vẫn thấy trong hàng lính tráng, võ quan... Hơn nữa, ta đừng quên là ông ở vùng cận sơn. Nơi đó dân chúng sống còn hồn nhiên, chưa có những khuôn phép quá đáng nào để trói buộc. Chuyện tập họp nhau lên núi săn nai, săn cọp (1) chuyện trai trên gái dưới, chuyện trộm cướp vẫn xảy ra hàng ngày, trẻ con đứa nào mà không biết. Lớn lên ông được học ở huyện rồi lên tỉnh, ra đế đô, phiêu lưu nơi đây, nơi đó chứ không ở cố định một nơi nào nên rất ít định kiến, ít tín nhảm, ít bảo thủ. Lúc còn là học sinh ông đã ngang tàng, khí khái, không biết sợ ai, thầy học bất công, ông cũng dám làm cho mang nhục ở và cái thời

---

(1) Xin xem : Nguyễn văn Xuân. Vậy Hội. Tân văn số Tết Kỷ Dậu 1969.

(*) Huỳnh thúc Kháng chứng thực điều này như sau : Tiên Sinh là người thích thẳng, không có cách cần thứ mực thước như bọn hủ đạo đức, bình sinh trong trường quan, cõi sắc, đám bạc, cuộc say, chỗ nào cũng chui mình vào, không thèm trớ tránh chi cả, song đã biết là lụy thì tức thì gò ngựa, không bước vào nữa, không có chút gì là quyến luyến. Thường bảo ông Nghè Trần (Trần quí Cáp(...) cùng tôi rằng : người ta lâm vào cái cảnh tình dục ham muốn, vào trong ấy mà lại ra được, mới là hào kiệt, mới là không nịch (chìm đắm), như các anh là đứng ngoài xa trông vào mà đã sinh lòng sợ, không dám lại gần đó mà thôi, nhất đán vào trong, biết đâu không mê mà bị nó làm lụy mình như các người khác. Ông Nghè Trần thâm phục câu nói ấy, song trả lời rằng : « để cho đến vào trong mà không ra được, thà không vào là hơn ». Một đời tiên sinh hẳn đã làm được như lời.

(G.N.K.N.)

quân, sư phụ được xem bất khả xâm phạm. Huỳnh thúc Kháng có kể một dật sự của ông trong Giai Nhân Kỳ Ngộ :

Tiên sinh (Phan châu Trinh) có tính không chịu khuất, không kỳ người bậc nào, lấy điều trái lẽ mà gác mình, thì cự lại ngay, dầu cho kẻ có quyền thế cũng vậy. Lệ thường, học trò quan huấn với quan giáo (huấn đạo, giáo thọ là quan dạy trong một huyện, có quyền thủ xả (2) học trò trong lúc khóa hạch) không kỳ mình có học hoặc không học với qua đó, đến kỳ mùng năm ngày Tết phải có lễ thúc tu (lễ học trò tết thầy) tới làm lễ tết thày. Một ngày nọ, tiên sinh cùng hai người bạn, bưng một mâm gạo trên đặt ba quan tiền tới trường xin vào yết kiến quan huấn, tên hầu cửa xem thế liếc mắt, ngó một cái rồi đi vào (có ý ghét lễ ít, khác với học trò khác, thường thường đến kỳ khóa hạch là mùa của quan huấn, quan giáo, học trò không những tết nhứt hậu lễ mà thôi, lại còn lo lót nữa vì muốn cho lấy mình đỗ. Học dốt mà lễ nhiều cũng đỗ được (...). Gõ cửa mà không thấy ra, tiên sinh gõ cửa đại làm như tuồng muốn xô mà vào, tên hầu ra ngăn trở rằng quan có khách và la lớn rằng trò này vô lễ. Tiên sinh giả làm đụng tên hầu một cái xẩy tay đổ mâm gạo, lặt tiền đi về, quan huấn nghe tên hầu bẩm giận lắm, tư giấy vào huyện xin quan huyện bắt tiên sinh trị tội (anh Huyện lúc đó là Hồ...) một tay ác có tiếng... Huyện nọ nghe lời quan huấn, hạ trát cho sai nha tới bắt tiên sinh. Ai thấy vậy cũng chắc rằng sẽ bị nhục. Tiên sinh tự nhiên ra đi, đem đồ câu theo, đến cầu cống làng Chiên Đàn (là làng ở sở tại trường huấn, đường

---

(2) *lấy hay bỏ.*

đi vào huyện phải đi ngang qua), bảo người bạn rằng chiều nay tôi lại câu tại cống đấy. Đến huyện, anh huyện ta tác sắc lập nghiêm nạt rằng : « Sao anh là học trò mà lại vô lễ với thầy anh ? Tiên sinh nói : học trò đã mang lễ thúc tu đến xin yết thầy, sao gọi rằng vô lễ ? Cự không cho vào và xô đẩy mắng nhiếc làm ra sự bất lịch sự là tại tên hầu, không trị tội tên hầu đó, mà thiên nộ tới học trò, lại làm phiền tới quan lớn, phải hạ trát văn, phải sai dịch đi tới tận làng, tận nhà, bắt một anh học trò như nã một tên bợm, ấy thầy tôi đã tự xử vào chỗ vô lễ rồi, quan lớn không cần phải hỏi kỹ nữa». Anh huyện thấy tiên sinh nói ngay, lý thẳng và xem khí sắc cứng cỏi, vững vàng, không thể lấy điều phi lý mà doạt nạt được, phát lạc qua loa cho rồi chuyện.

Chiều hôm ấy, tiên sinh hẳn về câu tại cống Chiên Đàn. Người ta hỏi sao mà chắc quan huyện không làm điều nhục và giam phạt ? (giam phạt là một việc chắc chắn phải chịu, không luận việc gì, tới cửa nha thì thế, nực cười chưa ?) Tiên sinh nói rằng : Hồ là một tay lão hoạt rành việc lại (quan) lấy một ông huyện trị một anh học trò, hơn không ai khen, nếu thua hoặc có bày việc ra, thì mang tiếng. Huống việc này xuất tự ý riêng anh huấn, muốn cậy thế dọa bậy đó thôi, ma bắt coi mặt người ta, tên Hồ... gian hùng, có chịu ra tay làm thay những việc đó đâu.

Anh huấn ta vì việc đó căm giận lắm, sau đến kỳ hạch thi, bọn môn hạ (mấy tên học trò dốt, dua hót) lại giục anh ta, anh ta thảo một tờ tư với quan đốc học tỉnh cùng quan tỉnh rằng : tên Phan... vô hạnh và lại con quan ngụy chuyền vận sứ v.. v... xin đừng cho vào hạch thi. Tờ tư chưa kịp

phát, có người nói với tiên sinh, tiên sinh tức giận đi thẳng tới nơi trọ tìm anh huấn, giữa đám học trò đông, tiên sinh biện bác rầy rà, lời lẽ ngay thẳng và giọng nói dữ dội lắm. Anh huấn ta không trả lời được câu nào. Tiên sinh nói câu cuối cùng rằng :

— « *Tờ tư ấy phát bố ra, thì là cái thù không đội trời chung, chớ không còn là thầy trò chi nữa* ». *Anh huấn có bụng khiếp, tầm tờ tư đó, chỉ bấm miệng mà thôi, rồi cũng vô sự (tiên sinh độ ấy học tại trường tỉnh đã có tiếng, nên quan đốc Mã Sơn có binh vực cho).*

Ngày xưa, cái đạo thầy trò trọng như thế mà ông còn dám chơi thầy « một vố » tối tăm mày mặt và rất xứng đáng, huống chi gặp những cảnh bất bình khác trong xã hội. Mà phải nói ngay là tuy rất nóng, nhưng ông không bao giờ thiếu *trí*. Cứ xem như chuyện *đi câu ở Chiên Đàn*, điều dự liệu của ông đúng với các diễn trình xảy ra sau này thì phải nói ông thật *mưu trí* và *hùng biện*. « *Ông có cái thói như sách sĩ đời Chiến Quốc* » (Huỳnh thúc Kháng ghi nhận). Chính nhờ mưu trí và hùng biện này mà ta sẽ thấy các hành động khác của ông về sau cũng đều có xếp đặt một cách khôn khéo, uyển chuyển cả, dù... bao giờ cũng có cái bề ngoài hăng hái, nhiệt thành, có khi hùng hồ là khác (1) nhưng

(1) *Tôi có quen một ông phó bảng biết Phan châu Trinh bảo là «Ông Phan «hỗn» lắm nên cha tôi không cho tôi tiếp xúc bao giờ dù ông chơi ở gần nhà tôi luôn». Chữ* hỗn *dùng ở đây có lẽ không quá đáng vì ta biết ông Phan không phải hạng người thích nói* hàng hai *hay thích lựa những lời êm ái, ngọt ngào đối với các hạng phản động, buôn dân, bán nước hoặc hạng ù lì.*

đừng lầm tưởng ông chỉ hăng hái *đóng kịch* đâu ! *Ông hăng từ bản chất* ! Ông không sợ trước uy vũ nào, kể cả uy vũ ghê gớm của Tây gác tù là thứ không còn biết gì đến nhân đạo. Sau này, khi ở Côn Lôn vì sự lôi thôi giữa ông với lính «*Gardien Chef vào hỏi, tiên sinh biện bạch cứng cỏi. Chef tay cầm roi lăm le, tiên sinh giựt mà bẻ ngay. Anh Chef giận, xin với tham biện phạt bốn ngày xiềng*». *Lại lần khác*, «*tên Cai mã tà cầm xâu chìa khóa dá lên muốn đánh, tiên sinh thuận tay bắt lấy, quăng một cái rủi nhằm trán tên cai ấy đổ máu*». Có người sẽ cho là ông cậy dựa vào hội Nhân Quyền, vào ông Babut những kẻ ở bên ngoài... Nói thế thì ông cậy dựa vào cái thế lực nào mà coi thường *bệnh dịch* là bệnh mà chính cả Tổng Thống Pháp cũng kinh hồn, nói gì hội Nhân Quyền ? Một lần, nhân có bệnh dịch, người ta muốn đem ông nhốt vào bagne (1) nơi đang có dịch để ông chết. Nếu ông chịu nói một tiếng ngọt với lý hương làng An hải thì chả việc gì, nhưng ông khẳng khái bảo :

— «*Con ma chuyên chế, con sát cường quyền, cũng kiêng ông thần tự do trong mình tao, đồ dịch quỷ làm gì*» (2)

Thế rồi ông vào bagne mà ở.

Vậy, nếu theo thói quen *nương cậy*, tinh thần quen hưởng *viện trợ* mãi để phân tích, phê phán, ta sẽ không bao giờ hiểu được cái hùng khí của vĩ nhân. Ta phải đi từ bản chất, tính tình, thói quen, nền giáo dục mà

---

(1) *Nhà ngục.*

(2) *Các dẫn này chứng đều rút ở Giai Nhân Kỳ Ngộ trong phần dật sự.*

họ thu nhận, sinh hoạt của họ trong một hoàn cảnh xã hội nhất định, ta mới khám phá được lý tưởng, hành động của họ. Họ không phải không biết nương cậy, vì trong mưu trí đã có nương cậy, nhưng bao giờ họ cũng tự nương cậy ở khả năng mình trước hết. Nếu Phan châu Trinh không có bản lĩnh vững vàng, không coi thường lao tù, không đủ kiến thức, không rành võ nghệ, ông đâu dám chống bạo lực, cường quyền, uy vũ dù chỉ để thủ thân giữa chỗ gươm trần, dáo dựng?

***

Bản tính chống mọi bất bình cá nhân sẽ là bước căn bản để tiến tới chống bất bình xã hội. Người hăng hái đối với mình, lại giàu tình cảm thương người sẽ cũng là người hăng hái đối với xã hội khi ý thức những nỗi bất bình xã hội. Ý thức xã hội, quốc gia nảy nở trong ông từ bao giờ? Tôi tưởng muốn biết điều này phải đọc những thơ ca của ông thời gian ông còn trẻ. Tôi hy vọng có cơ hội viết một quyển nghiên cứu khác đầy đủ hơn. Ở đây, tôi thấy tài liệu chỉ còn phần lớn trong tập Tây Hồ và Santé thi tập (1) Đó là một tập thơ đồ sộ, có thể nói rất đồ sộ, kể về số lượng. Trên trăm trang giấy, mỗi trang có ít là hai bài, còn thì ba bài. Nghĩa là ít ra cũng non ba trăm bài thơ Thất ngôn Đường luật. Tôi không rõ số lượng thơ của Trần tế Xương để lại có nhiều hơn không? Tập thơ phong phú ấy được giới thiệu là phần lớn làm khi ở ngục Santé. Nhưng tôi đọc kỹ nhiều lần, cố tìm hiểu thì chỉ thấy có số ít bài thật sự ghi là làm ở Paris hoặc lấy

(1) *Tây Hồ Thi Tập sdd*

chủ đề khi nằm trong ngục Santé. Còn hầu hết đều lấy chủ đề từ lúc ở Việt Nam, khi còn sống đời sống bình thường, yên ổn, cho đến lúc bị đày ra Côn Lôn rồi về Mỹ Tho. Tôi chắc đây chỉ là những thơ tác giả làm hồi còn trẻ, nay nằm trong ngục, ông chép cả lại để làm tài liệu. Vì hai lẽ : tư tưởng trong những bài ấy đều *cũ* so với sự thay đổi lớn lao, mãnh liệt của ông sau này. Huống chi trong đó còn những bài luận về đạo vua tôi một cách đơn sơ, giản dị, không bắt kịp những tư tưởng Dân quyền, nhất là tư tưởng chống đối kịch liệt Khải Định. Nhưng quan trọng hơn nhiều là chính các đề tài. Ông Phan châu Trinh thường dùng ngòi bút diễn đạt trực tiếp những xúc cảm, nhận xét, phê phán. Thơ ông có tính cách *hợp thời* như kiểu Trần tế Xương, đề tài rút ngay trong hoàn cảnh sống. Thế mà hầu hết những bài thơ này lại có chủ đề trong xã hội Việt Nam mà người ta chỉ có thể xúc động và diễn tả ngay khi đứng trước những cảnh : « *Thịt chuột thì ít, con nít thì nhiều* », « *Lấy chi mà trả cái ân, lấy chi mà nạp công ngân cho làng,* » « *Nghênh ngang như làng không ông xã.* » « *Lòn cửa tiền cửa hậu. Ai lòn chỗ giậu chó chui.* »... Những phản ứng này nhất định phải được ghi *lại ngay* vì lòng thương kẻ nghèo, vì đau xót số phận dân chúng, vì phẫn nộ đối với kẻ ngang tàng, vì khinh bỉ đối với kẻ cong lưng, uốn cổ... chứ không ai chờ những 5, 7 năm sau mới nổi hứng sáng tác.

Thơ của Phan châu Trinh trong tập Tây Hồ Thi Tập về thể thức có một : là đường thi, nhưng chủ đề và đề

tài thì rất nhiều. Tôi không đề cập những loại ông viết khi bị bắt, bị đày hay khi sống ở Ba Lê. Tôi chỉ ghi lại những loại chắc ông đã làm khi còn ở trong làng, trong tỉnh, cảm hứng bắt nguồn từ một thực tại tầm thường, vẫn luôn luôn xảy ra trong xã hội :

a.— Loại nói về tình yêu

b.— Loại phê phán chế độ đại gia đình

c.— Loại nói về cảnh khổ của dân chúng

b.— Loại chống cường quyền, phú hào

đ.— Loại chống những người phản quốc, đề cao những nhà ái quốc.

e.— Linh tinh : nhân tình thế thái, khôn dại...

Các nhà thơ, phần lớn đều lấy đề tài ở một câu tục ngữ hay ca dao. Nói cách khác, riêng câu tục ngữ và ca dao làm đầu đề đem chép cả lại, cũng đã là một cống hiến của tác giả cho nền văn học Bình dân Việt Nam. Nhất là nhờ đó, ta biết chắc chắn thời tác giả quả đã có những câu ấy ở địa phương tác giả rồi. Số câu ấy ít ra cũng trên 200 câu (1) và nhiều câu còn hoàn toàn mới mẻ đối với chúng ta. Điều này còn cho chúng ta thấy cái học của Phan châu Trinh gắn liền với nhân dân, quần chúng và sự tranh đấu của ông sau này sẽ được quần chúng ủng hộ đã phát xuất ngay từ sự thông cảm căn bản ấy. Thật vậy, cứ xem những chủ đề đã liệt kê ở trên, ta thấy ngay nó là những yêu cầu mà xã hội, quần chúng

---

(1) không kể những câu dẫn chứng ở mỗi bài. Khá nhiều, có lẽ cũng ngót vài trăm câu nữa. Tổng cộng trên 400 câu.

thời ấy đòi hỏi được giải quyết từ nhiều năm trời, chứng minh là *đầu đề* đều do quần chúng cung cấp sẵn rồi. Phan châu Trinh sẽ theo quần chúng để diễn tả cho rõ hơn và thêm những lời bình luận sáng suốt của ông vào. Đây không phải là quyển phê bình văn học nên tôi chỉ trích lại một số bài, số đoạn nào cần để cho người đọc theo dõi dễ dàng quá trình phát triển tình cảm và tư tưởng của ông, trước khi ông dấn bước vào công cuộc Duy Tân. (Mà cho dầu các bài thơ này có làm vào thời ở ngục Santé chăng thì nó vẫn chỉ có tính cách hồi ký, nghĩa là ghi lại đúng những cảm giác, cảm tưởng của tác giả khi đứng trước sự kiện xảy ra ở quê nhà trước những năm Duy Tân. Nhưng nhất định không thể có như thế, vì như tôi đã nói trên, nhiều đề tài chỉ có thể diễn tả lập tức đã đành, lại có những đề tài trình bày tâm trạng của *cô gái non* về tình yêu chẳng hạn : mơ ước lấy chồng thi đỗ cao, con gái mất trinh, con gái chửa hoang vv... đều không thích hợp chút nào với tâm trạng của tác giả Giai Nhân Kỳ Ngộ khi đang phiêu bạt ở nước người và lại đang ở trong ngục chính trị phạm nữa).

Vậy nếu bỏ đi các loại chủ đề tình yêu và thanh nữ, loại phê phán chế độ đại gia đình mà tôi sẽ trình bày một cơ hội khác, ở đây, tôi thử giới thiệu ít đoạn thơ của các loại sau :

1) Loại chủ đề cảnh khổ của dân chúng.

Loại thơ này nói về đời sống khốn cùng, bị chèn ép, phải lìa gia đình, người yêu để đưa thân cho chế độ dày vò.

BÀI : **Thịt chuột thì ít, con nít thì nhiều.**

(Chỉ cần nghe qua cái đề ấy cũng đủ làm người ta xúc động vì cái cảnh thèm thịt của lũ trẻ nghèo nàn).

Chà chà con nít ở đâu nhiều !
Thịt chuột sao cho phát đủ đều
Lúc nhúc hàng bầy xào mấy tí (1)
Lao nhao mũi váng chực bao nhiêu (2)
Cùng sào vuốt đặng đuôi quân quỉ (3)
Hụt đũa xong đâu miệng lũ yêu
Mèo chực mỡ treo khôn thế dấu (4)
Lôi thôi ngang họng nuốt không tiêu

BÀI : **Lên non túc một hồi còi,**
Thương con, nhớ vợ, lệnh đòi phải đi.

Nhớ vợ, thương con dạ nặng trì
Lên non còi túc lệnh đòi đi.
Ba quân hiệu giáp nghe vang cả,
Hai mối tình sâu dễ sá chi.

. . . .

BÀI : **Lấy chi mà trả ái ân**
Lấy chi mà nộp công ngân cho làng.

Biết lấy chi chi trả ái ân,
Phần thì làng bắt nộp công ngân,
Đá vàng trơ đấy khôn rồi nợ,

---

(1) *Chuột bầy đào chẳng nên hang*
(2) *Con nít chưa sạch váng mũi*
(3) *Chuột chạy cùng sào*
(4) *Mỡ treo miệng mèo.* (*Phan châu Trinh chú*)

Tiền bạc vơ đâu để rảnh thân.
Ngãi mẹ, ơn cha trời đất nặng,
Bán con, đợ vợ, tháng ngày lần.
Đắp đàng, đào suối, bòn vàng mỏ (1)
Khuây khỏa vì ai khổ kiếp dân

Những cảnh nghèo đói, cảnh kêu gọi dứt mái ấm gia đình tòng quân, cảnh sinh ly giữa những đôi vợ chồng son để đi phục vụ cho quan lại và thực dân, để trả thuế, đến nỗi có người phải bán con đợ vợ sống qua ngày, là những thực trạng khốn nạn, lúc người Pháp mới sang và tác giả chứng kiến tận mắt.

Về chủ đề cường quyền tiêu biểu là *quan lại* hợp sức với *phú hào* để ức bách hãm hại dân lành thì rất nhiều. Có lẽ ông nghĩ không cần phải tả trực tiếp nỗi khổ của dân mà chỉ cần tả sự áp bách của hai hạng này, cấu kết với *thực dân* là chúng ta sẽ có một bức tranh xã hội thật rõ ràng trong đó dân đen nghẹt thở.

Đề : Thần thế đồng tiền
Oai quyền thúng thóc.
Thử xem trước mắt người thiên hạ.
Đệ nhất nhà quan, nhị chủ điền.

. . . .

Đó là hai hạng tiêu biểu đầy đủ cho giai tầng áp chế. Thực dân dùng quan lại, quan lại bảo bọc chủ điền,

(1) Ca dao : *Lấy chi mà trả ái ân. Lấy chi mà nộp công ngân cho làng ? Phần thì quan bắt đắp đàng, đào sông Câu Nhí, bòn vàng Bồng Miêu.* (Phan châu Trinh chú).

chủ điền nương dựa vì cho quan lại bú sữa rồi cả quan lại cùng chủ điền thi nhau bóc lộc dân. Tại sao quan không bao giờ thương dân được mà chỉ thích gông tù roi vọt ?

Không thương vì bởi con không đẻ,
Hùm dữ càng hay ních thịt con.

(*Quan lại cha mẹ dân*)

Vì là cha mẹ của *nhiều dân quá* cho nên quan không thể ngay thẳng được, vì chữ quan vốn trong nó có mỗi lúc đến hai chữ khẩu (miệng) :

. . . .

Giằng đầu đã chắc nhờ che chở,
Thêm miệng nên thêm lắm vặn xoay.
Nói hiếp, nói gian thêm đủ mực,
Bắt tròn, bắt méo cả hai tay.

(*Chữ quan hai chữ khẩu*)

Vì có hai miệng nên muốn nói gì thì nói, chẳng cần sợ trúng trật gì :

Thiên hạ kìa ai muốn nói gian,
Hãy xin kiếm miếng để làm quan.

(*Muốn nói gian làm quan mà nói*)

Rồi không chỉ quan làm tàng, chính những kẻ tay chân của quan, bọn lính cậy thần cậy thế cũng làm tàng với dân, nhưng thấy giặc lấp ló đã chạy trốn. Mà sở dĩ quân đội bệ rạc, tàn nhẫn không phải vì tại họ. Phan châu Trinh không lầm ! Chính vì các kẻ điều khiển họ cũng có tâm lý hèn hạ như họ :

Ấn mới rời tay xem nhẹ hỏng,
Giặc vừa thấy mặt bỏ đi nhầu.
Miệng hùm, da rắn ai yêu được?
Cũng bởi nhà quan chớ bởi đâu.

(*Bạc là dân, bất nhân là lính*)

Loại thơ chỉ trích, đả kích kịch liệt quan lại rất nhiều trong toàn tập thơ cho hiểu tại sao tác giả sau này đặt nó thành điểm mấu chốt trong bức thư gởi cho Chánh Phủ Pháp, xem như một thách thức, một tuyên chiến với quan lại. Ai có sống ở nước ta trước đây trên vài ba chục năm mới hiểu nỗi khổ của dân chúng dưới ách quan lại khủng khiếp đến đâu!

Nhưng, chỉ trích quan lại như thế, ông đã có mộng *Dân quyền* chưa? Chắc đã chưa. Hình như có một thời ông vẫn còn mơ ước một chế độ quân chủ đẹp đẽ, giản dị mà Vua không phải là bậc chí tôn ngồi trên ngai cao chín bệ, các quan tới cúi đầu, quỳ lạy tung hô vạn tuế, chả khác gì một bọn mất hết ý thức danh dự làm người. Trong bài *Luận vua tôi,* ông vẽ lại những cảnh vua tôi đời Thuấn, Võ, Thương, Châu (Thượng cổ Trung Hoa.) Vua tôi nào có khác gì anh em *cũng ừ, cũng è*, cũng mời nhau ngồi đàm đạo như bà con thân thiết:

Ừ, è Thuấn Võ cơn trò chuyện,
Mời mọc Thương, Châu lúc đứng ngồi.

ấy thế mà ngày nay:

Cao thấp vì ai, phân quá bậc,
Lạt như nước lã, đục như vôi!

Chắc có một thời, ông những mong muốn có một chế độ thật gần gũi giữa dân chúng, quan lại và Vua. Ông có những bốn bài ở khít nhau (coi trang 34, 35, 36) nào Nước, Vua, — Luân Vua tôi — Đạo vua — Đạo tôi để vạch rõ địa vị, trách nhiêm, bổn phận của từng người. Với kẻ làm tôi ông viết :

Xưa nay khó nữa đạo làm tôi,
Yêu nước thương vua vẹn cả đôi.

. . . .

Đất cát ông cha chung để lại,
Nỡ nào mượn lốt để ăn chơi

(*Đạo tôi*)

Còn kẻ làm vua ông không cho đó là cái nghề dễ, ngồi cao, hưởng phúc mà trách vụ thật quá đổi nặng nề :

Xưa nay khó nhứt đạo làm vua.
Tài đức gồm hai thế mới vừa.

. . . .

Chuộng sĩ, yêu hiền quên thế vị
Lánh xa đệ nhứt tiếng ưa dua.

(*Đạo vua*)

Có lẽ thời ấy, ông chủ trương một kiểu như *quan chủ lập hiến*. Ông công kích kịch liệt quan niệm :

Xưa nay gọi nước của Vua rồi,
Sống thác, nên hư bỏ mặc đời

Ông khẳng khái xác định :

Nước vốn ông cha chung khoảnh đất
Vua là chủ tịch của đương thời.

Chùa làng không dễ sư quơ sạch,
Ruộng tổ nên nhường trưởng kỵ thôi.

Trưởng kỵ thôi, hiểu như thế là vua chỉ còn địa vị người giữ hương hỏa danh dự *kiểu vua nước Anh* chứ không phải chế độ quân chủ phong kiến nữa.

Nhưng quan niệm hay chủ trương vua tôi đẹp đẽ, đó có lẽ chỉ có cho tới khi ông thất vọng vì các quan lại ở Huế. Ông đã tin tưởng vào họ như Nguyễn lộ Trạch, Phan sào Nam đã tin. Nhưng không tiêu cực khi vỡ mộng, ông ngay thẳng chống đối họ, làm cả một bài « Điền xá ông truyện » để châm chọc *ông quan có danh tiếng nhất ở* Huế, người đã tuyệt khẩu trước sách Lưu cầu huyết lệ của Phan sào Nam, rồi bỏ đi. Cả hai chí sĩ từ đó mới tuyệt đường mơ tưởng bọn quan Nam triều trong tiền đồ Cách mạng dân tộc.

***

Để làm nổi bật thêm cái xấu xa, nhục nhã của sĩ phu ra làm quan, để vạch mặt những hạng ái quốc giả hiệu, Phan châu Trinh còn làm những việc mà tôi ngạc nhiên là ít người nói tới : Sáng tác rất nhiều thơ phản đối Tôn thọ Tường. Con số thơ này nếu kể những bài họa với đề *Thi xưa* (tức là họa 10 bài tự thuật của Tôn thọ Tường hai lần thành hai mươi bài) thì tổng số có đến khoảng hai mươi lăm bài. Ít ai chú ý vì không mấy ai chịu khó nghiên cứu thơ văn cách mạng, ngoại trừ một số nhà thơ quen biết và vì ông lấy những cái đề khác như *cu ngoài trách cu trong, cu trong họa lại* v.v... Những bài này đều làm

khi ở Mỹ Tho, nghĩa là sau khi ông ở Côn Lôn ra. Sở dĩ tôi cũng ghi vào đây là cốt để cho độc giả biết diễn tiến tư tưởng của ông, đồng thời muốn trình bày một sự phân biệt triệt để sâu xa giữa chủ thuyết *Pháp Việt đề huề* của ông với của Tôn thọ Tường, của một người chịu bắt tay Pháp theo chiến thuật để cứu nước và để bị tù đày và một người cúi đầu theo Pháp để vinh thân phì gia. Các bài thơ ấy không toàn bích so với Phan văn Trị nhưng kể ra, cũng có những bài có những câu đặc sắc. Nhất là nó vượt qua Phan văn Trị rất xa ở điểm này: Phan văn Trị chỉ có một niềm tin đơn giản, căn cứ trên truyền thống bất khuất của dân tộc và đạo lý. Còn Phan châu Trinh thì tin ở một học thuyết mới lạ mà nhờ đó sẽ đánh đuổi được Tây :

. . . .

Dân ước Lư Thoa sách một pho
Trôi máu vất thây thề đất nước
Lòng người đã muốn, ắt trời cho

(VII)

Niềm tin ở sự quật cường, chí sắt đá, được dẫn đạo bởi học thuyết Lư Thoa (1) nhất định sẽ dẫn tới cái kết quả toàn dân mơ ước :

Mấy mươi ta hãy chớ xăn văn.
Cọp tới nhà đây thế phải ngăn
Xem lại kình tay ra sức chống,

---

(1) Ông cũng đã trách Tôn Thọ Tường là đã sang Pháp mà
« Muôn dặm Châu Âu thân lặn lội,
Dân quyền hai chữ dễ làm ngơ »

Thôi đừng trây máu kể phần ăn
Xoang mưu Trí Bá thành chưa ngập
Hết sức Ngu Công núi phải bằng.
Người định hơn trời nghe đã chắc,
Xưa nay lẽ ấy vẫn hằng hằng.

(IX)

Niềm tin sắt đá, khoa học và bất tuyệt ấy là một thách đố không chỉ với Tôn thọ Tường, bè lũ bán nước mà còn chính cả với thực dân. Sức mạnh của lời thơ như chặt đinh, chém sắt ấy ít khi nghe thấy trong văn thơ Việt Nam, là tiếng kèn kêu gọi những người tâm huyết đi tới theo bóng cờ Dân chủ !

Đã đả kích kịch liệt bọn Tôn thọ Tường, tất nhiên ông không quên đề cao Nguyễn đình Chiểu. Chín bài liên hoàn *Điếu ông Tú Tài Chiểu* làm lúc ở Paris cho thấy sự kiên định thêm tư tưởng của tác giả.

Nhưng, như đã nói : bài này không cốt ý nghiên cứu và phê bình văn học của Phan châu Trinh nên tôi tạm dừng lại đây, chờ một cơ hội khác. Chỉ xin cùng độc giả nghe vài lời thân thiết, không phải tự miệng ông mà từ trái tim rướm máu của ông khóc nhà ái quốc Miền Nam :

. . . .

Giọt máu trung thành rơi đã khắp,
Hội này chưa dễ gặp người đâu.

Dẫu thế nào Phan châu Trinh cũng chưa chủ trương đánh Tây ngay ! Đó là điểm chủ yếu của vấn đề Duy

Tân. Không phải ông khiếp nhược như Tôn thọ Tường :

Chớp nhoáng, thẳng bon dây thép kéo,
Mây tuôn đen nghịt khói tàu bay.

hay liều lĩnh như Phan văn Trị :

Bến Nghé quản bao cơn lửa cháy
Cồn Rồng dầu mặc bụi tro bay.

Ông bình tĩnh nghe, phân tích lợi hại bằng một óc sáng suốt để định một thái độ :

Đề : Tai nghe súng nổ cái đùng
Tàu Tây đã lại Vũng Thùng (1) bữa qua

Kìa đâu súng nổ đã nghe đùng,
Cách bữa Tàu Tây lại Vũng Thùng.
Nửa hạt Hòa Vang rần tiếng sấm,
Mấy ngày Đà Nẵng đậu buồm bông.
Khóa Sơn bắn trả quen nghề trẻ,
Việt hải bay qua chịu phép ông.
Vịt chửa lên khô, lên cũng giỏi,
Bông mai, vỏ lửa thị như không.

Sự thật, thơ này chắc ông làm lúc đã lớn, lúc Pháp đã đánh tan lực lượng Cần Vương rồi. Cái bình tĩnh của ông là kết quả của một thời gian dài gần hai chục năm suy gẫm. Ông có đủ thì giờ nhận ra những thứ súng Khóa Sơn của ta là loại đại bác tồi nhất của trẻ con, không còn công hiệu gì trong chiến tranh mới. Và lời đồn Tây chỉ giỏi dưới nước như vịt, lên khô nằm cồ mà xách

---

(1) *Tên của cửa bể Đà Nẵng.*

đều không đúng : họ lên khô cũng giỏi như khi họ ở dưới nước. Và những thứ bông mai, vỏ lửa, những *chiến cụ* dùng để cho họ đạp phải, cũng như những chông tre, trái mù u, cạm bẫy đều bị những bàn chân *có đầu gối, có giày đinh* đạp lên, dày xéo lên như xéo trên cái kiến !

Chưa thể đánh họ được ngay với các chiến cụ cổ lỗ hoặc ngớ ngẩn ấy.

Nhưng phải nuôi lòng :

Đống xương nghĩa sĩ đôi lần chất,
Giọt lụy anh hùng lắm lúc sa.
Phải đặng đông tay nâng vạc ngã,
Non sông may cũng họa chăng là...

(*Thi xưa*)

Vậy thì ông không quản ngại đống xương nghĩa sĩ phải chất, và ông sẵn sàng góp phần xương của mình vào.

Nhưng phải góp thế nào cho hữu ích. Thời đại này không thể đi tìm một số đồng chí sĩ phu rồi cùng nhau âm mưu toan tính mà thành công. Phải có nhiều, rất nhiều vô số quốc dân góp sức, *phải đặng đông tay nâng vạc ngã* thì mới mong cứu vãn quốc gia.

Lịch sử do một số ít tạo nên đã vượt qua. Trang sử mới là trang do toàn dân kiến tạo. Và phải kiến tạo theo bóng cờ của chủ thuyết Dân Quyền.

PHAN CHÂU TRINH VÀ PHAN BỘI CHÂU (1867-1940)

CHÍNH từ chủ trương nhân dân tham gia việc nước đó mà Phan châu Trinh luôn luôn không gặp và phản đối chủ trương của Phan bội Châu.

Trong giai đoạn đầu, sự phản đối đó chưa có gì là quyết liệt, còn nằm trên lý thuyết hơn hành động. Trong căn bản tư tưởng, Phan châu Trinh đã tâm niệm mỗi một chữ *Dân Quyền* chứ không có thể có chủ thuyết nào thay thế.

Huỳnh thúc Kháng ghi rõ sự tiến triển tư tưởng của Phan châu Trinh :

Tiên sinh đởm thức tót người, lại giàu đường huyết tánh, từ buổi nhỏ đi học đã để con mắt xem đời mà chứa sẵn một lòng yêu nước; song khốn vì ở trong nhà quê, chung quanh rành những xã hội hủ bại, bình sinh được thấy chỉ một lớp tuồng đảng Cần Vương mà thôi ; nghe thấy đã hẹp hòi, lịch duyệt cũng chưa rộng, nhiều khi cảm xúc mà không

chỗ đâu mà mở mang ra, vẫn cho là việc đời không làm gì được trong lòng uất ức, thường làm ra thi văn để tỏ ý mình :

1) Thôi cũng cùng đầu xem cuộc thế
Có đâu dư bụng chứa tuồng đời
2) Giông mây cuộc thế xoay sao được,
Đèn sách công phu trả chửa xong
3) Lẽ giống da vàng đành lấp đất ?
Chán phường áo trắng lại lo trời ! v.v... (1)

Ấy, từ những nỗi niềm ưu thời, mẫn thế xem như vô vọng, xem như một cửa hang dằng dặc tối mù, mà chỉ ở kinh đô Huế hai năm, được xem tân thư, bàn luận cùng bè bạn, đọc Thiên Hạ Đại Thế Luận, ông đã như kẻ giác ngộ, kẻ được soi sáng, đường hầm hiện ra ánh chiêu dương rực rỡ ở cuối nẻo tuyệt mù :

1 — Kinh đô là nơi trung tâm điểm học thuật chính trị nước ta, mà cũng một chỗ đô hội, hội hiệp cả sĩ phu trong nước, tiên sinh ở đây để lòng xem xét chánh giáo mình hủ bại ra thế nọ, sĩ phu mình liệt nhược ra thế kia, cái nguồn gốc hư hỏng nước mình là tại đó, thấy được rõ ràng, biết hẳn rằng công việc cải cách to lớn không trông mong vào một bọn danh lợi cùng lão hủ đó được, những điều chiêm bao lăng miếu, triều đình ngày xưa, không còn dây dính trong óc chút nào, ấy là một.

2 — Người Pháp sang ta đã hơn năm mươi năm, mà sĩ phu trong nước không biết Tây học là cái gì, cho đến độ này, người Tàu đem học thuyết Âu Tây dịch ra làm sách,

(1) *Giai nhân kỳ ngộ (Sđd) trang XXXXVIII và XXXIX.*

làm báo để truyền bá mà tỉnh thức người nước, tiên sinh được học thuyết đó, như một trận gió mát thấu vào trong óc, thổi sạch cả những đám mây mù che đậy thuở nay, ấy là hai.

Từ đó, học thuyết Tiên sinh tiến tới một bước dài, mà tấm lòng nhiệt thành ái quốc cũng cao thêm mấy độ nữa, ngày trước là : thời sự vô khả vi (1) nay trong lòng và trước con mắt, thấy rõ ràng có một đường, mà phương châm hạ thủ làm thế nào, cũng từ đó mà nhất định. Tiên sinh thường nói rằng : **Cái độc chuyên chế cùng cái hủ nhà nho ta, đã thành chứng bệnh bất trị mà học thuyết tự do Dân quyền Âu Tây chính là vị thuốc đẳng đầu chữa bệnh đó.** *Ngày trước người mình cứ thấy đầu trị đầu, thấy chân trị chân, thuốc không nhằm bịnh nên không hiệu là phải. Chí hướng đã định rồi, xảy có cuộc Nga Nhật chiến tranh (1904) phong triều giục đến một bên, mà Tiên sinh không thể ngồi yên được vậy. (2)*

Bởi thế, khi gặp Sào Nam, Phan bội Châu thì hai bên có nhiều chỗ gặp nhau, trên mục đích cứu nước là chủ yếu, nhưng chủ thuyết thì hoàn toàn khác nhau. Phan bội Châu lúc bấy giờ đã đỗ giải nguyên một cách rực rỡ như chưa từng thấy (tên ghi trên một bảng riêng, khác thông lệ), mượn tiếng vào Huế học ở Quốc tử Giám để đi thi Hội mà tìm người đồng chí. Thời kỳ

---

(1) Việc đời không làm được.

(2) GNKN (Sdd) trang XXXIX, những chỗ in đậm hơn là do người chép lại muốn lưu ý bạn đọc.

này Sào Nam đã được Nguyễn thượng Hiền cho xem những sách của Kỳ Am Nguyễn lộ Trạch. «*Tôi được đọc bài Thiên Hạ Đại Thế Luận của ông Kỳ Am mà hiện thế giới tư tưởng mới măng mầm từ đó. Tiên sinh lại cho tôi mượn mấy bộ sách như Trung Đông Chiến Kỷ, Phổ Pháp Chiến Kỷ, Dinh hoàn chí lược, tôi vì xem những pho sách ấy mới hiểu qua được tình trạng cạnh tranh ở trong hoàn hải, thảm trạng quốc vong chủng diệt càng kích thích trong óc sâu xa lắm* (1).

Sau đó, ông vào gặp Nguyễn Thành ở Quảng Nam. Bắt đầu công cuộc chuẩn bị kết nạp của Sào Nam là lúc ở Nghệ Tĩnh, nhưng mọi tổ chức thực tế và qui mô cho công cuộc khởi nghĩa rồi dẫn tới Đông Du sau này đều khởi sự từ mùa Xuân năm Quý Mão (1903) ấy. Nguyễn Thành (1863-1910) hiệu Tiểu La làng Thạnh Mỹ,Phủ Thăng Bình là một đảng nhân Cần Vương còn sót lại. Lúc trẻ ông là một tướng lãnh có biệt tài và mưu trí. Chính lúc Cần Vương dấy lên, quân Nghĩa hội chiếm tỉnh Quảng Nam, toàn thể đều lo khuân vác tiền bạc, của báu, riêng mình ông lo khuân kho vũ khí đạn dược. Nhờ đó mới chống với Pháp mấy năm trời. Ông kín đáo dự liệu mọi việc một cách rất cặn kẽ, tổ chức một *Chính Phủ bí mật* ngay trong *Nam Thình Sơn trang* của ông với «minh chủ» Tôn Thất Toại, «*một người đã âm mưu quang phục bị thất bại, trốn vào Quảng Nam mà Tiểu La Tiên sinh đã thu tàng 5, 6 năm*» (2). Nhưng khi Nguyễn Thành đem Toại giới thiệu, Phan sào Nam thấy người tầm thường không chịu. Tuy nhiên, Sào

(1) *Tự Phán, Phan Bội Châu* — *Anh Minh 1956.*

(2) *Tự Phán* (*Sdd*) *trang 32*

Nam vẫn quyết tâm theo đuổi các kế hoạch mà Nguyễn Thành đã vạch ra :

... Thuở nay, ai muốn mưu toan đại sự trước hết phải cần ba điều này : một là thu phục lòng người, hai là góp số tiền lớn, ba là sắp đặt mua sắm quân khí cho đủ. Hễ lòng người đã chịu tin phục thì số tiền lớn có thể góp được. Có tiền thì vấn đề quân giới không khó giải quyết đâu (1).

Mà muốn thu phục lòng người phải mượn tiếng *phò vua giúp chúa*. Phan bội Châu nhìn nhận : « *Tôi với hai ông Đặng, Lê ban đầu, thật chúng tôi chưa hề suy tính tới việc tôn người dòng dõi nhà vua. Tới đây nghe Nguyễn quân, chúng tôi cho là phải lẽ lắm.* »

Tôi không rõ Sào Nam diễn ý như thế có mâu thuẫn chút nào với một kế hoạch mà ông cùng các đồng chí dự liệu trước khi gặp Tiểu La, khi còn ở Nghệ An khoảng năm 1900 là *Ủng phù một vị minh chủ, kén chọn trong Hoàng thân lập ra...* (2) không ?

Do lẽ tìm Minh chủ mà Sào Nam tìm tới Cường Đề (1882-1951) (3) rồi mời Cường Đề vào Nam Thình Sơn trang hội họp với Nguyễn Thành (cũng gọi Nguyễn Hàm). Lần này,các hội viên đồng thanh tôn Kỳ ngoại hầu Cường Đề, cháu giòng đích tôn của vua Gia Long, làm Hội Chủ.

---

(1) *Ngục Trung Thư*, Phan bội Châu — Tân Việt 1950 trang 19.

(2) *Tự Phán* (Sđd, trang 30 — Tôi ngờ Phan bội Châu về sau muốn phủ nhận hẳn tư tưởng tôn quân thuở trẻ nên có sự mâu thuẫn ấy chăng ?

(3) *Cường Đề* : Tức Kỳ ngoại Hầu. Thuộc giòng Hoàng tử Cảnh, trưởng tử Gia Long. Sống ở Huế cho đến năm 1906 sang Nhật.

Hội ấy là Hội nào? Cường Để thì gọi là *Việt Nam Quang Phục Hội.* Suốt quyển cuộc đời Cách Mạng Cường Để (do con trai ông là Tráng Liệt xuất bản 1957), ông luôn luôn gọi hội ấy với *cái tên như thế* và cho biết « những người nhập hội đầu tiên là Trần đình Phác, Nguyễn hữu Bài, Nguyễn Thuật, Nguyễn Thăng, Đào Tiến, Phạm Tấn và Đốc vận Hiền (theo đạo Da Tô) đều là người trong quan trường và có óc trung quân ái quốc». Còn theo Phan bội Châu, thì « bắt đầu khai hội từ buổi sáng qua chính trưa tan hội. Tên hội chỉ những người trong hội biết không lập sổ sách (...). Đặt Kỳ ngoại Hầu làm hội chủ, hễ lúc xưng hô chỉ gọi bằng Ông Chủ, cấm không được hở chữ «Hội» ra. Hội Viên trọng yếu lúc ấy thì có những người như: Nguyễn Hàm (1) Phan bội Châu, Trình Hiền, Lê Vũ, Đặng tử Kính, Đặng thái Thân. » Vậy thì ông Cường Để chỉ ghi những tên các quan lớn (lớn lắm, như Thản (hay Thảng) Đông Các, Thuật Lại Bộ Thượng Thư v.v...) đang tòng sự tại Huế mà Phan bội Châu đều ngán mặt qua các tài liệu ông để lại. Có lẽ bọn này chỉ theo đảng của Cường Để ở Huế, chứ chắc chắn đời nào dám vào Nam Thình Sơn trang! Có lẽ họ sợ lỡ sau này Cường Để có được làm vua thực sự, họ cũng vớt vát được phần nào... Còn cái tên của *đảng,* hay *Hội* thì Phan bội Châu không tiết lộ. Cho đến sau này Kỳ ngoại Hầu Cường Để xuất ngoại rồi, mới cần một chương trình thành văn gởi về

---

(1) Tôi chỉ thấy Cường Để gọi Hàm, chứ ít thấy Phan bội Châu dùng tên ấy, thường chỉ gọi Thành.

nước, Phan bội Châu mới cho biết tôn chỉ của Hội ấy: *chuyên đánh đổ Chính Phủ Pháp, khôi phục Việt Nam, kiến thiết quân chủ lập hiến quốc* ». Ông cũng cho biết « *Những bản chương trình ấy đến tháng mười năm Tân Hợi* (*1911*) *đã tuyên bố thủ tiêu, và tên hội cũng đã đổi làm Việt Nam Quang Phục Hội, nên không chép lại làm gì* » (Tự Phán : 68) Ông không chép lại tên Hội, nhưng tiêu đề chương này ghi là : IN THÀNH VĂN CHƯƠNG TRÌNH DUY TÂN HỘI. Vậy thì đó là tên *ngụy* để che dấu cái tên chính mà Cường Để đã ghi « Việt Nam Quang Phục Hội » như chính mục đích thực sự của đảng ? Rõ ràng hội không có chút chiếu cố Duy Tân nào hết, mà chỉ muốn mượn một cái tên hợp thời, nhẹ nhàng để tránh sự dòm ngó của các hoạt động THIẾT HUYẾT (Sắt máu) mà người ta vẫn dành cho nhân vật và lực lượng *ám xã* (xem sau) do Phan bội Châu và Nguyễn Thành lãnh đạo. Do lẽ đó, để cho thuận tiện, tôi sẽ dùng cái tên *Quang Phục Hội* khi đề cập mọi hoạt động sau này của Cường Để và Phan bội Châu, kể cả Phong Trào Đông Du. Vì sự thật, nó chỉ là một bộ phận của Quang phục, trong mục đích quang phục mà thôi.

Sau đó (hay trước khi tôn Minh Chủ ? Tự Phán và Ngục Trung Thư đều lẫn lộn, tôi chưa quyết sách nào đúng dù NTT viết năm 1913 mà TP viết khi bị an trí ở Huế). Ông Phan bội Châu viết Lưu Cầu Huyết Lệ Tân Thư để âm kết với quan trường nhưng không thâu được kết quả gì. Quyền này chia làm 5 đoạn :

Đoạn thứ nhất nói về những điều sỉ nhục vì nước mất,

quyền mất và nói sẵn về kết cục thảm họa về tương lai. Ba đoạn chính giữa nói kỹ những kế hoạch sẽ cứu cấp đồ tồn :

1.— Mở trí khôn cho dân (khai dân trí)

2.— Nhức nhối khí dân (chấn dân khí)

3.— Vun trồng nhân tài (thực nhân tài)

Đoạn cuối cùng thì kỳ vọng với các người đương lộ (làm quan) lấy những sự nghiệp bất hủ khuyên lơn họ (TP trang 34, 35).

Các quan đọc xong đều tuyệt khẩu (1). Nhưng nhờ quyền sách ấy mà Sào Nam kết giao với Phan châu Trinh, Huỳnh thúc Kháng và Trần quí Cáp.

Phan châu Trinh đọc sách ấy phê bình ra sao ? Ông cho « *Sào Nam là một người hào kiệt nóng lòng việc nước mà kiến thức thì chưa thoát khỏi khuôn sáo cũ chút nào* » Nhưng cũng nhờ « *Dịp đó hai người gặp nhau, nghị luận tuy có chỗ không hiệp nhau mà vẫn phục nhau, có cùng nhau bàn việc phế khoa cử, lập hội thương, trường học, song cũng chưa làm. Tháng chạp năm ấy (1904) ông Sào Nam vào Quảng Nam tới thăm tiên sinh tại nhà rồi về đi Nhật Bản. Tiên sinh mới gặp ông Sào Nam, bác riết bài Lưu Cầu huyết lệ, cho là không hiệp thời thế cuộc đời bây giờ, song ông Sào Nam lúc đầu đang nóng về chủ nghĩa bài ngoại, nên cũng không chịu phục.* »

(GNKN trang L)

---

(1) *Trong số ấy có những người mà Cường Để ghi là vào Việt Nam Quang Phục Hội do Cường Để và Phan bội Châu lãnh đạo.*

Về đoạn gặp gỡ này Phan bội Châu chỉ ghi : «*Ngày tháng 7 năm ấy, tôi mượn tiếng là đi mừng bảng Hội, bắt đầu ở nhà Tiều La, thăm nhà cụ Hoàng thạnh Bình (Huỳnh thúc Kháng) vừa đụng cụ Tây Hồ, cụ Trần thái Xuyên (1), thảy đều ở đó, nói chuyện suốt đêm rất vui. Tôi lấy ý sắp sửa ra đi ngỏ với các ngài, các ngài dòm nhau cười mỉm, chúc tôi thành công.* »

Tự Phán (41)

Phan bội Châu không tiết lộ gì về các cuộc gặp gỡ với phái Duy Tân khi ông sắp thực hiện một cuộc khởi nghĩa quân chủ, điều mà dĩ nhiên Phan châu Trinh không bao giờ tán thành. Vì có lần Phan châu Trinh hỏi Sào Nam :

«*Từ thế kỷ XIX về sau, các nước tranh nhau càng ngày càng dữ dội, tính mạng một nước gởi trong một số người đông, chứ không thấy nước nào không có dân quyền mà khỏi mất nước bao giờ. Thế mà ngày nay lại còn dựng cờ quân chủ lên hay sao ?*»

Tư tưởng, chủ trương hai chí sĩ ấy hoàn toàn khác nhau từ căn bản. Phan bội Châu là đứa con hào hùng của Cần Vương Văn Thân, và được chính một nhân vật kiệt hiệt cuối cùng của lực lượng này bảo trợ, đặt mưu, định kế, từ việc dựng minh chủ, tới việc Nam Du, việc Đông độ mua khí giới của Nhật. Cũng chính nhân vật này bảo toàn việc đưa Cường Để xuất dương, vận động làm chiêu

(1) *Sách in Thái Xuyên. Nhưng theo chỗ tôi được biết thì là Thái Xuyên, hiệu của Trần quí Cáp.*

cổ phần lập thương hội (giả) để có đủ tiền bạc trợ cấp cho lực lượng ở hải ngoại. Nếu Nguyễn Thành và Phan châu Trinh ăn ý được với nhau thì chắc chỗ ngồi của Sào Nam đã là của Tây Hồ Vì hai người vốn ở cùng tỉnh, nhà lại gần nhau. Thế mà đến 1904 Phan châu Trinh mới kết giao cùng Thạnh Mỹ (Nguyễn Thành — theo niên biểu đồ) thì rõ là họ không muốn biết nhau và chỉ biết nhau vì Phan sào Nam; Huỳnh thúc Kháng trong đoạn trước đã cho chúng ta thấy Phan châu Trinh không mấy thiện cảm với lớp *tuồng đảng Cần Vương* mà ông xem như tuyệt vô hy vọng.

Đối với Phan bội Châu thì sao cũng được, ai cũng tạm được, miễn là hãy cứ tiến hành công cuộc khôi phục quốc gia. Nhưng với Phan châu Trinh phải là học thuyết, là chủ trương đường lối, chính sách, phải là quảng đại quần chúng. Và bây giờ chưa phải đánh Pháp ngay sau những trận thất điên bát đảo nhân tâm ly tán, đời sống nhân dân bị chà đạp, bị bóc lột đến tận xương. Trong khi đó, đối phương có một bộ máy hành chánh thạo việc và thâm độc, một lực lượng quân đội với vũ khí tối tân, huấn luyện kỹ lưỡng... và quân đội ấy đã bước qua gần hết những khu chiến đấu bí mật của ta để lập những cơ sở chiến lược qui mô, vững chãi.

Cũng kể từ đây một ý thức hệ mới bắt đầu hình thành bên cạnh một ý thức hệ sắp tắt, nhưng vụt soi sáng hơn cả bao giờ, sáng rực đến năm 1916 mới chịu tắt hẳn. Mang hai ý thức hệ ấy, hai bậc đại hào kiệt Việt Nam đầu thế kỷ XX ngang nhiên rấn bước.

PHẦN II

CĂN CỨ ĐỊA CỦA PHONG TRÀO DUY TÂN

Như chúng ta biết, Phong trào Duy Tân phát xuất từ Thừa Thiên, nhưng không sống nổi. Nguyễn lộ Trạch đã thất bại ngay trên quê hương của mình rồi cả những nơi ông đi qua cũng không nơi nào Phong trào bừng dậy được.

Cho tới khi Phan châu Trinh, Trần quí Cáp, Huỳnh thúc Kháng muốn thừa kế đại sự nghiệp của ông, sau những va chạm với các quan lại, sĩ phu, biết rằng đế đô không dung nổi những thay đổi lớn lao có thể đến tận gốc rễ về mọi phương diện, họ phải chọn một địa bàn khác để hoạt động.

Họ đưa về Quảng Nam, tỉnh nhà.

Quảng Nam xưa kia là Thừa Tuyên, là dinh đã có khi ăn vào tới Bình Định và ảnh hưởng đến cực Nam Trung Việt, và cái tên ấy cũng thường dùng để chỉ cả Miền Nam Việt Nam hiện nay : nước Quảng Nam (Nam

Hà) như Miền Bắc hay ngoại quốc thường vẫn gọi. Cho tới khi rút gọn vào trong một tỉnh thì nó vẫn còn khá rộng, gồm cả hai phần như hiện nay đã chia : Quảng Nam và Quảng Tín. Hai phần này nhiều người vẫn lầm lộn là cùng chiếm của Chiêm Thành một lần. Sự thật, Quảng Nam chiếm trước, là một phần cống hiến trong thỏa hiệp đòi Công Chúa Huyền Trân và trở thành một bộ phận của Thuận Hóa. Sau đó, một thời gian khá lâu, cho tới lúc lực lượng Việt Nam theo đường biển đổ bộ cửa Đại Chiếm mới tiến vào Quảng Tín qua ngã Đồng Tràm. Tướng chỉ huy thời kỳ này là Phạm nhữ Dật (con thứ năm của Phạm ngũ Lão) và một quan văn nguyên Thừa tướng Thượng tể đời Hồng Thuận nhà Lê : Nguyễn văn Lang. Cả các vị này rồi sẽ lấy đất Đồng Tràm làm chỗ nghỉ ngàn thu của mình.

Quảng Nam có một địa thế lạ, ít nơi nào trên đất Việt đã có : gồm một lúc hai cửa bể cực kỳ quan trọng : Hội An và cửa Hàn (Đà Nẵng). Theo nhận xét của tôi, cửa Hội An chắc chắn là một thừa kế của Chiêm Thành chứ không phải một phát hiện của Việt Nam (1). Nghĩa là nó có đâu nhiều thế kỷ trước khi chúng ta đổ vào đấy. Trong khi đó, cửa Hàn cũng đã là nơi tới lui của những tàu buồm ngoại quốc ; Lê thánh Tôn khi nghỉ quân trên đèo Hải Vân, đã thấy Lộ hạc Thuyền trên Vũng Thùng

---

(1) *Xin xem Văn hóa Nguyệt San số 3, 4, 1967. Nguyễn văn Xuân : Theo dõi sự phát xuất và phát triển của một câu ca dao. Những điểm nào trong bài ấy không đúng với tập sách này thì xin lấy tập sách này làm căn cứ, xem như được đính chánh ở đây.*

Đã Nẵng rồi. Nhưng suốt thời Chúa Nguyễn và Triều Nguyễn đang thịnh, Hội An đóng vai trò Hải Cảng số một của Đàng Trong: đó là nơi giao thông quốc tế.

« *Ngành ngoại thương đã phát triển ở **Hội An**, mà người Âu gọi là Faifo kể từ cuối thế kỷ 16. Nguyên nhân chính yếu của sự phát triển ấy là đạo dụ năm 1567 của Minh Mục Tông, cho phép thường dân Trung Quốc xuất dương buôn bán với các quốc gia **Đông** Nam Á*, **nhưng sự giao thông với Nhật Bản vẫn bị nghiêm cấm.** *Vì lẽ ấy, thương thuyền Nhật Bản phải tới Hội An, một thương cảng của Chúa Nguyễn để giao dịch với các thương thuyền Trung Quốc năm nào cũng từ đại lục tới đây buôn bán. **Hội An** biến thành một địa điểm chuyên khẩu hoặc trung gian cho cuộc mậu dịch giữa **Trung Hoa** và Nhật Bản. Từ 1604 đến 1634, 86 chiếc thuyền Nhật đã tới **Hội An** thông thương, nghĩa là 1/4 tổng số thương thuyền Nhật (331 chiếc) đã tới các thương cảng **Đông** Nam Á trong 30 năm đó. Sự kiện này chứng tỏ rằng Hội An* **chiếm một địa vị đặc biệt trong thương nghiệp Viễn đông trong tiền bán thế kỷ XVI** *(1) Do những lẽ ấy mà « ngọn gió ngoại thương ngày càng mang thêm về (...) nhiều loại hóa phẩm ngoại lai quí lạ, (...) do những thương thuyền từ các xứ Âu Châu, hoặc từ Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, hay từ Phi luật Tân, Malacca đổ về Hội An (2) một*

(1) Nguyễn thế Anh : Kinh tế và xã hội Việt Nam dưới các vua Triều Nguyễn. Trình bày xuất bản 1968 trang 29. Những đoạn nhấn mạnh là của tác giả sách này.

(2) Việt Nam Pháp thuộc sử (1862—1945) của Phan Khoang trang 13 (5 chú thích kể từ đây ghi theo Phan Du trong bài « Giấc mộng kinh sư dưới mái chùa Linh Mụ » Văn Hóa Nguyệt san số 2-1968.

mã đầu lớn vào thời đó. Tơ lụa, gấm, vóc, sa đoạn, đồ sành, đồ sứ, đồ đồng, họa phẩm, đao kiếm, giày, bít tất, các loại rượu và hào soạn, thuốc men cùng các chất bổ dưỡng hiếm lạ. Cũng vào lúc bấy giờ, một vài thứ công nghệ trong xứ đã bắt đầu phát triển, đáng lưu ý nhất là nghề dệt các thứ hàng quí như : thái đoan, sa lăng, cẩm trừu, *cùng các loại* hàng có hoa. *Viễn tổ của các phường dệt nổi tiếng thuở đó là người phủ Thăng hoa, thuộc Quảng Nam dinh (1). Hội An, như vừa vói, là một mã đầu lớn, có sức quyến rũ khá mạnh đối với bọn thương nhân tới. Mà sức quyến rũ của Hội An lại chính là sức quyến rũ của nguồn thổ sản sung thiệm ở Quảng Nam dinh. Một vùng mà Lê quí Đôn đã từng cho là « một xứ phì nhiêu bậc nhất trong thiên hạ», và một thương khách họ Trần, người Quảng Đông, từ Trung Quốc qua đã phải nhìn nhận rằng : « ... buôn ở Quảng Nam thì trăm thứ chẳng thiếu hàng gì, các Phiên bang chẳng nơi nào sánh kịp» (2) Của núi, của rừng cống hiến thì có :* trầm hương, tốc hương, sáp ong, mật ong, dầu sơn, cây gỗ, sừng tê, ngà tượng, *của sông, của bể cung cấp thì có :* cá, muối, đồi mồi, hạt trai, *của đất đai thết đãi thì có :* lúa, kê, đường, chè, hạt cau, hồ tiêu, *(3) (...). Nhờ có sự tiếp xúc chung đụng sớm sủa như thế với đám người* Thiên triều, *mà một số người địa phương ở Quảng Nam dinh, đã học được nghề dệt các thứ hàng quí nói trên. Vì sẵn óc thông minh, sẵn có*

---

(1) *Y phục của người Việt Nam qua các thời đại—Thái văn Kiềm. Tạp chí Đại Học số 38-4-1964 trang 244.*

(2) (3) *Phủ biên tạp lục quyển VI, Lê quí Đôn, Đại học số 21, 7-1961 trang 99.*

xảo tư, lại giàu đức tính cần cù chịu khổ công tìm tòi cái khéo của người, nên « người Phủ Thăng, Phủ Điện dệt được các thứ the đoạn, lụa là, hoa hòe, chẳng kém gì hàng Quảng Đông » (1).

Nơi đó, không chỉ các Chúa Nguyễn thâu được rất nhiều thuế giúp cho sự thịnh vượng của xứ sở do tàu bè ngoại quốc mang tới mà còn là nơi dân chúng thâu nhận được rất nhiều luồng tư tưởng Âu Tây và Trung Hoa. Âu Tây với Thiên Chúa Giáo, với các y sĩ, nhà khoa học, nhà kinh tế... Ảnh hưởng Trung Hoa cũng khác Miền Bắc Việt : không phải những tư tưởng Khổng Mạnh cũ, văn nghệ cũ Tống, Đường, Nguyên do những quan lại từ các kinh đô Miền Bắc truyền sang đã Việt Nam hóa qua thời gian. Ở đây là những tư tưởng Nho, Phật, những bộ môn văn nghệ do người Trung Hoa Miền Nam mang thẳng sang, tuy chưa tinh luyện, chưa tế nhị như Trung Hoa miền Bắc, nhưng rất thích hợp với vùng đất mới, đời sống và văn hóa còn đơn sơ, giống phần nào với chính nhân dân Miền Nam Trung Hoa ở bên này sông Dương Tử Giang nơi mà Sử Tàu cũ thường cho là vùng chưa khai hóa. Hội An có nhiều phố xá buôn bán phồn thịnh do nhiều người ngoại quốc, quốc tịch khác nhau điều khiển : Nhật, Bồ Đào Nha, Trung Hoa v. v... nhưng rồi, người Tàu với những khôn ngoan tế nhị đứng hàng đầu vai trò trung gian thế giới nhất là ở Đông Á,

---

(1) *Trích trong bài Giấc mộng kinh sư — Phan Du. VHNS số 2 – 1968*

đến nay còn chứng tỏ, người Tàu đã hất cẳng lần các thương gia của những nước Văn minh để lên hàng số một rồi *Duy nhất*. Hội An mất lần địa vị ưu đẳng khi người ta khám phá lần ra rằng Đà Nẵng thuận lợi cho các tàu buôn ngoại quốc càng ngày càng kềnh càng hơn. Kể từ 1843 rồi 1858, khi liên quân Pháp, Y Pha Nho bắn vào cửa Hàn thì địa vị Hải Cảng Hội An xuống nhiều. Nhưng thực tế, cho tới đầu thế kỷ này, nơi đó việc buôn bán với người Trung Hoa đã tiến tới mức phồn thịnh tột điểm, dù người Pháp tìm hết cách để mở mang Đà Nẵng vừa thuận lợi việc nhập cảng qui mô của họ, vừa để dễ khống chế kinh đô Huế. Hội An đã biến thành một thành phố Tàu đặt ngay trước một tòa sứ Pháp với những Chùa Bà Mụ. Chùa Âm Bổn, Chùa Ông, Hội quán... đồ sộ, lộng lẫy như chưa hề có một công trình nào qui mô hơn ở nhiều tỉnh Trung Việt. Có Chùa Quảng Triệu—người Tàu đã « khiêng » hẳn từ Trung Hoa sang bằng thuyền, đồ sộ bên cạnh Lai Viễn Kiều (chùa Cầu, do Nhật Bản kiến trúc) (1) khiến du khách có cảm tưởng mình lạc vào thế giới nào không phải đất nước Việt Nam ! Người Trung Hoa ở Hội An tổ chức đời sống của họ rất vững vàng, phong phú, gương mẫu. Họ được người bản địa trọng nể. Họ hoàn toàn nắm mọi công cuộc buôn bán ngoài và trong xứ và tự do thao túng thị trường với một bộ mặt khả ái, cử chỉ thân thiện, thông cảm, niềm tin cẩn giản dị mà chưa

(1) *Đã có vào khoảng Thế kỷ XVII khi Nhật sang buôn bán với ta.*

một thương gia ngoại quốc nào—dù văn minh đến đâu—bì kịp. Người Việt gọi người Âu Châu là ông, là thằng một cách xa lạ hay khinh thị thì gọi họ là chú, thím, cương vị dành cho em của cha mình một cách ngon lành mà còn tin cậy họ có khi hơn cả người trong gia tộc. Lối buôn bán của người Trung Hoa, bên trong thì róc cả xương thịt chúng ta, nhưng bên ngoài thật hợp đạo Khổng Mạnh: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Chính họ góp phần rất lớn trong việc đưa Khổng Giáo và Phật Giáo vào Nam Hà kể cả các Cao Tăng rồi một số Cao Tăng ở hẳn lại đây... Nhưng họ chỉ giúp ta học, ta thi, ta tu hành mà không bao giờ giúp ta những kiến thức và phương tiện kinh doanh (như các nước ngoài hiện nay không bao giờ viện trợ cho ta máy móc và các phương tiện để tự cường!) Mà cái đạo Khổng Mạnh và Đạo Phật cao quí ấy không phải để ta tiến bộ đâu! Rõ ràng là để thuần hóa ta cho tiện việc buôn bán của họ và để mở đường cho những sản phẩm công nghệ của họ tràn ngập thị trường của ta! Ta đừng quên thời ấy, Công giáo cũng đang tràn sang ta mạnh mẽ và nếu Công giáo ưu thắng thì sự thờ cúng sẽ suy sụp. Do đó đồ tứ thư, ngũ kinh, tiểu thuyết lịch sử anh hùng, tiết nghĩa vào, viện trợ những cao tăng Trung Hoa tới tu ở Huế, Quảng Nam, Bình Định (1) là những phương pháp thương gia Trung Hoa, bề ngoài, muốn giúp ta xây dựng tôn giáo, nhưng bên trong là một kế hoạch của gian thương nhằm

(1) *Thích Mật Thể: Viet Nam Phật Giáo sử lược. Phật Học Viện I.P. 1960.*

hai mục đích :

a.— Đẩy Công giáo là một tôn giáo có thể dẫn dắt nhiều nhà thương mãi ngoại quốc với óc kinh doanh, tài buôn bán qui mô, có thể hất cẳng thương gia Trung Hoa.

b.— Lợi dụng Phật Giáo, Khổng Giáo để bày ra nhiều lễ nghi, tập tục, do đó họ sẽ bán được rất nhiều sản phẩm của họ.

Đây không phải là một chuyện do tôi *sáng tạo* để gây sự nghi ngờ tôn giáo, các tôn giáo mà tôi đang nhiệt thành thắp hương học hỏi. Tôi chỉ muốn trình bày một sự thật và đi tới nhận định ai cũng thừa biết: cái gì do thực dân, thương gia, nhà truyền giáo ngoại quốc mang lại cũng đều có mang ẩn ý xấu xa kể cả những việc ích lợi. Phật Giáo do Thầy Huyền Trang băng ngàn lội suối sang Tây Trúc rước về Trung quốc không thể là Phật giáo do gian thương Trung quốc mang sang ta (1). Điều chứng minh

(1) *Chẳng hạn, chúng ta không thể so sánh đạo Phật ấy (do thương gia Tàu mang vào — có lẽ cũng như Thiên Chúa Giáo do thương gia Âu Tây mang vào) với* Phong trào vận động Chấn Hưng Phật giáo *đã thành lập Nam kỳ Phật Học hội năm 1931, (Trung kỳ) Phật Học hội 1932 và Bắc kỳ Phật Giáo Tổng Hội 1934. Tuy Phật Giáo Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng Chấn hưng Phật Giáo ở Tàu, nhưng đó chỉ là một thúc đẩy ở bên ngoài, còn bên trong vẫn là sự nỗ lực* Duy Tân *của chính lực lượng Thiền Môn Việt Nam. Do đó, tuy chưa đạt những thành tích lớn ngay, nhưng Phật Giáo đã nuôi cái chí tự lực, tự cường và dân tộc hóa để dẫn tới những hoạt động lịch sử gần đây. Nói cách khác, nếu không có công cuộc Duy Tân ấy của Phật Giáo sau năm 1931, chỉ quen truyền thống xem Phật Giáo Trung Hoa, tăng sĩ Trung Hoa là* chân lý *như trước thì Phật Tử hiện nay không thể đứng ra, tự lực dám đương đầu với những trở lực lịch sử chứ đừng nói là dám* **làm lịch sử.**

cụ thể nhất là Thích Đại Sán sang Việt Nam không phải để truyền giáo mà là để xin rất nhiều vàng của Chúa Nguyễn phúc Chu về dựng chùa, dựng miếu bên Tàu dưới danh nghĩa... cúng dường (1). Và Sán theo truyền thuyết là một nhà sư xấu xa, biết vẽ cả « *Một tập hình tố nữ với kiểu chơi bí mật rất khéo để dua mị các quý nhân, việc đó chưa biết chừng cũng có* » kiểu chơi bí mật nào ? Mà với nhà sư mà dám có sự nghi ngờ đến thế thì thiết tưởng cần gì phải nói, cần gì phải nói cuộc *vân du* sang Nam Hà chỉ là cuộc buôn lậu khỏi thuế với số tăng chúng mang hàng hóa những 50 người (2).

Tôi trình bày thế cốt để bạn đọc thấy rõ thêm địa vị cực kỳ quan hệ của Hội An, nơi tiếp nhận bốn phương nhân vật, cửa ngõ quốc tế của Hội An, sức mạnh phi thường vô song của thương gia Trung Hoa với những mưu toan kỳ dị của họ để độc chiếm những cửa ngõ trên nhiều quốc gia mà Nam Hà, với Hội An, là một chứng minh hết sức hùng hồn. Vậy thì một phần văn minh Nam Hà, văn hóa Nam Hà, Tôn giáo Nam Hà, khi ly khai miền Bắc chính là một cống hiến, không phải của chính trị gia Trung Hoa mà là của thương gia Trung Hoa. Họ thao túng mọi phương diện ở Nam Hà mà riêng Quảng

---

(1) Chúa cúng năm ngàn lượng (ngũ thiên kim) khủng khiếp chưa! Đó là chưa kể tiền, gạo, yến sào, dầu dăm, tương, muối, hương đèn, cho đến kỳ nam hương, trân châu, vàng bạc, người ta đem đến tặng biếu ngày nào cũng có. (theo sự ghi chép của Thích đại Sán).

(2) Các tài liệu này đều rút ở Thích đại Sán : Hải ngoại Kỷ sự Viện Đại Học Huế 1963. Tập tài liệu có một giá trị sử rất lớn.

Nam, phải chịu cái ảnh hưởng sâu xa nhất. Ngoài nho, y, lý, số, ngoài bình hương, thỏi trầm, ngoài tấm hàng, chén thuốc, đôi dép, cái khăn... (nghĩa là tất cả nhu cầu của thời ấy sau gạo và cá thịt do dân bản xứ tự cung cấp), người Quảng Nam còn chịu theo cả những tục lệ của họ : khắp Trung Việt, không nơi nào trên bàn thờ ngày Tết có cái *bánh tổ* thì những bàn thờ ở Quảng Nam đều có. Nếu không có, không thành Tết !

***

Nhưng nếu bị thương gia Trung Hoa róc thịt xương thì lại có hai mối lợi rất lớn mà chắc người Trung Hoa không ngờ đã giúp cho dân tỉnh Quảng Nam học hỏi nhiều để tự canh tân cải tiến và phát triển các ngành trồng trọt, chăn nuôi, ươm tơ, dệt lụa, khai mỏ... Đất đai Quảng Nam được khai thác đến tận núi rừng và những đại điền chủ có từ một đến vài nghìn mẫu ruộng đã xuất hiện như Cai Nghi, Thất Sáu... Nhiều nhất là những tư sản nhỏ mỗi ngày một xuất hiện khắp nơi. *Miệt trong* (Quảng Tín) thì các lâm sản mà vườn quế là một mối lợi đáng kể. Trong Tự truyện, Huỳnh thúc Kháng viết : « Năm 1903 Gia Nghiêm trồng vườn quế theo thời giá được ba bốn trăm đồng đều bỏ ra sửa lại cảnh nhà cũ ». Năm 1903 mà có đến một lần những *ba bốn trăm đồng* thì rõ là một cái vốn khá lớn. Không dám ví với người Nam Kỳ, chứ so với các vùng khác, món tiền ấy thật đáng chú ý trong số thâu của *một chủ vườn*. Thế mà gia đình Huỳnh thúc Kháng không phải hạng giàu mà chỉ thường thường bậc trung. Đó cũng là nhờ sự giao thiệp

buôn bán với người Trung Hoa. Họ có những đoàn phu, do một đội trưởng tự bầu ra, vượt núi băng ngàn để chuyên chở những tấn quế ấy xuống bến đò, bày ra một lối hoạt động thương mãi náo nhiệt đến tận rừng xanh. Đó là chưa kể các mỏ vàng, những suối đá vàng đã được Lê quí Đôn nhắc nhở cũng là mối lợi cực kỳ quan trọng mà ai cũng muốn nhìn vào. Ở *miệt ngoài* (Quảng Nam) thì các ngành, các nghề ươm dệt, mía đường cũng tạo ra một cảnh sống rộn rịp, khác hẳn đời sống nông nghiệp thuần túy chỉ biết có cây lúa, củ khoai. Các sông đào như sông Câu Nhí được khai thông khiến cho ghe thuyền càng ngày càng tấp nập và những cuộc buôn bán bằng ghe bầu vượt biển cả vào Nam, ra Bắc càng ngày càng mở mang để tranh thương với Trung Hoa, ít nhất là trong nội địa và đã mang lại những kết quả lớn lao.

Đó là cái lợi thứ nhất. Có thể nói là thương gia Trung Hoa đã mang tới cho tỉnh Quảng Nam một nhu cầu Duy Tân sau khi các dân Hòa Lan, Bồ đào Nha, Anh, Pháp, Nhật, Tây ban Nha đã mở ra cho người Quảng Nam thấy thế nào là văn minh tân tiến trước đó hằng thế kỷ. Nhưng công cuộc Duy Tân này chỉ theo phương thức cổ của một nước Á Châu tiểu công nghệ, tiểu thương mãi và sự phát triển chỉ theo một nhịp điệu chậm chạp gần như khó thấy.

Cái lợi thứ hai cũng nằm ngay trong cái lợi thứ nhất: hơn bất kỳ một tỉnh nào ở Trung Việt, kể cả Huế,

người Quảng Nam được tiếp xúc với đủ hạng người ở cả hai cửa bề cho nên họ sớm quen với nền văn minh Âu Châu hơn hết. Ở Trung kỳ xưa có câu tục ngữ nhiều người biết « Quảng Nam hay cãi ». Đó là một đặc tính của người Quảng Nam. Tại sao ? Tôi nghĩ một phần đặc tính ấy mà có, duyên do là tại họ được tiếp xúc lâu đời quá với đủ các bộ mặt ngoại quốc, các nền văn minh các tôn giáo, các hàng hóa, các thói tục, các khả năng... Nó giúp cho họ có một trí phán đoán khác lối phán đoán quen thuộc của tiền nhân trong sách vở. Do đó họ cũng thiếu niềm tin tuyệt đối ở một sự kiện, một luận lý nào tuyệt đối. Vì không có *chân lý* nào có tính cách độc tôn trước mắt và trong tầm suy nghĩ của họ. Văn minh Trung Hoa nhất ư ? Cổ nhân là vô địch ? Tây Phương là quỷ trắng ? Phật Giáo là vô song ? Thiên chúa giáo là tà đạo ? Khoa học là nói láo ? Súng ta, kể cả thần công là toàn thiện ?... Những câu hỏi đó là những khẳng định của sĩ phu, của vua quan. Nhưng trước mắt người Quảng Nam, dù cả những kẻ cúi đầu để nghe, vẫn không có gì nhất thiết là thế, tuyệt đối là thế mà bao giờ cũng có một nhận xét nào khác để chứng minh nó chưa hẳn *Chân lý*. Thuyền buồm Tàu thì có tàu đồng của Tây, Phật Giáo, Nho Giáo thì có Công giáo, người Tàu giỏi nhất thì người Âu Tây cũng giỏi nhất. Hàng hóa của Tàu có gấm, nhiễu cho văn quan thì vua chúa cũng nhập cảng vải hồng mao, hàng nhung cho võ quan, chén dĩa Giang Tây tuyệt hảo, thì chén dĩa Fontainebleau cũng hảo

tuyệt và vua cũng vẫn xài như xài thuốc Bắc cùng lúc dùng ngự y Tây Phương. Thuốc súng Tàu là nhạy nhất thì vua quan vẫn mua thêm thuốc súng Tây ở Tân Gia Ba hay của tàu ngoại quốc buôn lậu... Và những loại ấy đều diễn qua dưới con mắt hiếu kỳ của người Quảng Nam trên cửa Hội An (1).

Hóa cho nên, từ mới thành lập về sau, Quảng Nam chỉ nhan nhản những người quen cãi, quen chống đối. Đầu tiên, có lẽ chính những người hay cãi, hay chống đối là bị... đày vào chốn biên thùy xa xôi, hẻo lánh ấy đã, như nay công chức, quân nhân nào thiếu kỷ luật là đày đi nước độc hay mặt trận cho biết mùi! Một trong những nhân vật kiệt hiệt là Nguyễn văn Lang, ông người Nghệ An, huyện Nghi Xuân, xã Tiên Bào, làm quan đến Thừa Tướng Thượng Tể, chị làm cung phi đời vua Tương Dực (Hồng Thuận) nhà Lê. Ông biết Mạc đăng Dung sắp cướp ngôi vua, nhân vua mời vào Triều, ông không đi, lại dâng điều trần bình trị gồm 14 điểm, trong đó có những điểm triều thần cho là muốn « dạy vua » nên khuyên vua đừng nghe : tự răn mình, sửa lỗi để tránh mọi tai hại cho dân, lánh xa thanh sắc để chỉnh lòng người và can gián nhiều điểm khác về quân đội, hiệu lệnh... Lẽ tất nhiên, ông biết mình không nên sống ở Bắc, phải xin vua cho di dân vào Nam khai thác biên thùy. Ông lập xã

(1) Theo Thích đại Sán. Hội An thời trước, ba phần là biển, tức là một hải cảng. Nay thành phố đã ở trong đất liền.

Hương Ly ở Quảng Nam rồi ở luôn tại đó (1).

Với những loại (thủy tổ) có thành tích cãi vua cỡ đó thì có lẽ trong bản chất người Quảng Nam đã có máu cãi. Vị Tướng lừng lẫy của Tây Sơn là Nguyễn văn Nhậm cũng người Quảng Nam (theo Hoa Bằng Hoàng thúc Trâm) mà bị các tướng tá ghét, dẫn tới việc Nguyễn Huệ phải hạ sát cũng một phần do tính hay cãi, tính chống đối, không tin có gì là tuyệt đối... kể cả thần tượng Nguyễn Huệ. Người ta còn kể là khi Nguyễn Huệ giết Nguyễn văn Nhậm, có bảo : «Ta giết ngươi vì ngươi giỏi hơn ta.» Nhưng đàn ông hay cãi, hay chống đối còn dễ hiểu. Đến cả đàn bà cũng mang tính ấy một cách rất tự nhiên. Trong văn học miền Nam của Phạm việt Tuyền *(2)* có chép lại cả đoạn về nữ sĩ hay cãi ấy như sau :

« Chiến cổ đường thi tập » *của nữ sĩ Lam Anh và chồng bà là Nguyễn dưỡng Hiệu. Nữ sĩ Lam Anh là người Quảng Nam, con ông Phạm hữu Kính đã từng làm cai bạ ở Quảng Nam (khoảng 1751) về sau khi mất được tặng Tán trị công thần, (...) Nàng, tiểu tự là Khuê, từ nhỏ đã nổi tiếng thông minh, hay ngâm vịnh, tự đặt cho mình cái tên là « ngâm si » tức là si thơ ! Nàng được cha yêu quí, đón một thầy đồ tên là Nguyễn dưỡng Hiệu về ở trong nhà để dạy học thêm. Hiệu cũng có tiếng hay thơ, nguyên người Duy Xuyên cũng thuộc tỉnh Quảng Nam, biệt hiệu Phục Am. Trong lúc cha phải*

---

(1) Một tài liệu về cuộc di dân Nam tiến của tiền nhân. Lâm hoài Nam tự xuất bản trang 72-1959

(2) Khai trí xuất bản 1965.

phụng mệnh đi tuần sát các hạt đến hai ba tháng thì cô cậu ở nhà từ xướng, họa thơ văn đi đến chỗ vụng trộm ái tình! Khi cha trở về, câu chuyện vỡ lở, nàng suýt bị đưa đi dìm sông. Nhờ có bà con bạn hữu khuyên can, ông mới tha thứ cho đôi trẻ và lại cho kết duyên với nhau. Sau khi Lam Anh được Dưỡng Hiệu cưới về nhà chàng, trai tài gái sắc cùng nhau xướng họa thành ra có tập thơ trên. Về tập thơ này, Đại Nam liệt truyện tiền biên, trong đoạn nói về Phạm hữu Kính và con cháu, có ghi: « Trong tập toàn là những câu bắt bẻ cổ nhân! Nhất là lời thơ Lam Anh thì lại nhiều câu cổ kính. Tỉ như vịnh Khuất Nguyên có hai câu rằng: Cơ phẫn khí thành thiên khả vấn. Độc tinh nhân khứ quốc cơ không» (nghĩa là: khối hận kết riêng trời thử hỏi. Một người tỉnh vắng, nước hầu quang). Hai câu này được đời truyền tụng và cho là hay nhất!

Đàn bà mà còn chuyên *bắt bẻ cổ nhân* thì đàn ông chắc còn chuyên hơn. Và đó là tiền bối giữa thế kỷ XVIII huống gì các thế kỷ sau! Mà không phải họ chống đối, cãi nhau một đời đâu. Tôi đã từng biết một gia đình cãi nhau những ba đời. Đó là gia đình ông Phan Khôi. Cha ông Phan Khôi, một bậc đại khoa (đậu phó bảng) tên là Phan Trân (con án sát Phan Nhu)—tôi không rõ giữa ông Phan Nhu và ông Phan Trân có hay cãi nhau như thế nào không — nhưng giữa ông Phan Trân và Phan Khôi, các cụ vẫn còn kể lại những vụ cãi nhau rất kinh động. Rốt cuộc, cha thường vác roi đuổi con chạy tơi bời. Điều ấy dễ hiểu: ông Phó Bảng Phan Trân bênh vực cổ nhân như các

bậc đại khoa thời ấy; ông Phan Khôi chống lại vì ông đọc tân thư, tin ở Dân Quyền. Mà tính ông Khôi, đã cãi thì hãy cãi đã, quên hết người đối thoại kể cả cha mình. Rồi khi ông Phan Khôi lớn lên, ông càng tin ở tân học, ông cưới cả nàng Lô Gích già khọm ở Tây Phương làm vợ, ngày đêm nỉ non ân ái, đến đổi trên văn đàn có thành ngữ (hay tục ngữ) (1) « Lý luận Phan Khôi ». Khi ông có con, con lớn lên, phần lớn lại say mê Mác xít. Mà ông thì không tin chút nào ở Mát xít như từng chứng tỏ trong các cuộc bút chiến với Hải Triều. Thế là cha con cứ cãi nhau. Không chỉ cãi ở Quảng Nam. Ra đến Hà Nội sau 1954, họ càng cãi hăng hơn, đến nỗi, theo Trúc Sĩ trên Bách Khoa nó đã thành những giai thoại của thành phố ấy và rất nhiều người biết.

Có thể nói chắc đó là gia đình tiêu biểu cho sự phát biểu của các luồng tư tưởng của quốc gia ta ở thế kỷ XX này. Và điều rõ ràng là họ cãi nhau không phải vì miếng cơm, đồng bạc mà chính vì lòng nhiệt thành đi tìm một *chân lý* mà ai cũng có ảo tưởng mình đang nắm chắc (2) Chính đó là động cơ thúc đẩy cho sự tiến bộ và luyện cho người Quảng Nam dễ quen nghị luận, yêu thuật hùng biện, thích thảo luận để tìm cái mới, cái đúng và do đó,

(1) Thành ngữ hay tục ngữ là tùy cách dùng văn liệu ấy trong trường hợp nào, theo thái độ nào.

(2) Thật ra, con ông Phan Khôi không người nào nổi tiếng về Mác xít, nhưng bà con ông, Phan Bôi (Hoàng hữu Nam), Phan Thanh đều là những kiện tướng. Phan Thanh là diễn giả khét tiếng ở Hà nội xưa kia.

rất ít định kiến và ít cố chấp.

Cũng do sự quen thảo luận, tiếng Quảng Nam một ngày một tinh luyện, giọng nói không hay nhưng rõ ràng và được chấp nhận làm *tiếng chính thức của Triều đình Nguyễn.* (Đại Nam nhất thống chí. Tỉnh Quảng Nam) và mặc nhiên thành tiếng chính thức của văn học hát bộ (tức là những thổ âm răng, rứa, mô, tê trong các bản hát bộ từ Bắc chí Nam đều dùng) là nền văn học chủ yếu của Miền Nam. (1)

Do những cái lợi thu nhận được về kiến thức, kinh tế, thương mãi mà giới tiểu tư sản, trí thức càng ngày càng thêm đông và càng đặt ra những câu hỏi về hiện trạng và tương lai của họ. Nhất là từ thời người Pháp sang, Đà Nẵng đã mở mang hải cảng, có nhiều tàu buôn vào ra, các ngành giáo dục, kinh doanh, kể cả xuất cảng, nhập cảng, đổi mới, «*thành phố này giết lần thành phố kia*» như nhận xét của Jean Marquet sau này trong Les cinq fleurs (Ngũ hoa) thì chính người Trung Hoa ở Hội An cũng rúng động và muốn chuyển ra Đà Nẵng.

Các nông gia, các nhà trồng cây công nghệ (quế, mía) các nhà chăn tằm, dệt vải, các nhà buôn đều nhận thấy một cách rõ ràng là họ không thể theo phương thức cũ để phát triển trong một xã hội có nhiều thay đổi lớn. Phải thay đổi, nhưng thay đổi ra sao ? Thay đổi những

---

(1) xem thêm : Nguyễn văn Xuân : các bài nghiên cứu về tuồng ở trên tạp chí Tân Văn 1968 và riêng bài thế kỷ XIX, thế kỷ của Văn học trình diễn. Tân Văn số 4 — 1968

gì ? Ai đứng ra để thay đổi ? Đó là những câu hỏi vốn tự nhiên xuất ra từ bản năng cạnh tranh và sinh tồn chứ chưa kịp nâng thành lý luận. Nhất là giới sĩ phu, đa số là con những nhà có tư sản, có sản xuất (như Huỳnh thúc Kháng nói trên) là những kẻ, trước những va chạm lớn của lịch sử và xã hội, lại ở trong một khu vực quen lý luận, càng nhận thấy tha thiết hơn ai hết là phải có những thay đổi lớn. Họ cũng nhận thấy vai trò của họ là phải lãnh đạo công cuộc thay đổi ấy dù bây giờ họ chưa thấy rõ nó sẽ theo phương thức nào. Chỉ có thay đổi mới mong tiến bộ, giải phóng tình trạng của giới sản xuất bị Tàu, Tây chèn ép đủ mặt và do đó mới mong gia nhập vào xã hội mới để tự cứu mình rồi sau đó cứu nước, hoặc cứu nước để cứu mình.

Cho nên khi những Tân thư Trung Hoa đưa sang họ chụp lấy ngay !

Không phải họ không đọc nổi tiếng Pháp hay quốc ngữ nên chẳng biết gì về những tiến bộ, khoa học Âu Tây. Nếu họ không đọc được, sẽ có người đọc cho họ nghe. Nhưng theo truyền thống, họ không tin gì những tờ báo quốc ngữ ở Sàigòn, những ông cố đạo, hoặc những người Công giáo hiểu biết giảng giải cho họ. Nghĩa là nhất định văn minh Âu Tây không thể truyền thẳng bằng tàu thủy từ Sàigòn tới hay Mác Xây qua. Nó phải vòng vo qua Thượng Hải được các sĩ phu Trung Hoa đọc, tán thưởng, viết lại bằng chữ Tàu rồi lại theo thuyền buồm Tàu chuyển sang cùng hàng hóa của Tàu mới được sĩ phu Việt Nam tin cậy !

Và nó lan mau như cỏ gú gặp mưa rào.

Vậy phong trào Duy Tân căn bản là một Phong Trào Vận động của tư sản muốn tự giải phóng và gia nhập vào xã hội mới. Tư tưởng Tư sản dân quyền, đối với thời đó là tư tưởng tiến bộ nhất so với toàn thể các tư tưởng đang du nhập vào Á Châu. Nhưng không ai muốn chỉ thấy giá trị vật chất trong đó. Nhất là tiến tới mục đích vật chất lại càng đáng cho sĩ phu ái quốc phỉ nhổ. Vậy, không thể hướng nó đơn thuần về kinh tế, tài chánh mà bản tâm sĩ phu cũng không muốn. Vì nếu muốn thế thì chỉ cần một cuộc *Duy Tân hóa,* tự nó trước sau gì cũng đến kia mà! Duy Tân hóa khác với *Phong trào Duy Tân.* Duy Tân hóa là noi theo tư bản Âu Tây trong sự khống chế của thực dân để tiến bộ theo họ. Vật chất sẽ đẻ ra những nhà đại kinh doanh, đại tư sản mại bản và tinh thần sẽ đẻ ra Tôn thọ Tường, Phạm Quỳnh còn Phong trào Duy Tân là một cuộc vận động lớn về chính trị, chủ yếu là thuyết *dân quyền* làm cơ sở cho mọi phát xuất và phát triền về cơ cấu. Phong trào Duy Tân sẽ đẻ ra Phan châu Trinh, Lương văn Can, Huỳnh thúc Kháng... Duy Tân hóa chỉ cần một bọn thực dân, tư bản tới để bày dạy để «truyền giáo» người bản xứ thụ động tuân theo. Phong trào Duy Tân do chính người bản xứ giác ngộ, chủ động đi tìm hiểu, đi tra gạn đến nguồn gốc nó từ chỗ căn nguyên. Do đó, Duy Tân hóa chịu ảnh hưởng tới các từng lớp tư sản, còn phong trào Duy Tân, vì là phong trào ái quốc, Duy Tân để cứu nước nên không chỉ

các tầng lớp tư sản mà cả nhân dân đều hưởng ứng. Sàigòn đã *Duy Tân hóa* nên không gây ảnh hưởng sâu mạnh nào. Còn Quảng Nam xướng *Phong trào Duy Tân* nên phát ra tiếng vang toàn quốc và chính sau này Sàigòn — qua con đường Hà Nội — sẽ làm theo cái mà họ đã làm, đã biết, nhưng thiếu nội dung tư tưởng.

Hiểu như thế, chúng ta đã hiểu tại sao căn cứ địa của nó phải đặt ở Quảng Nam. Vì Nghệ Tĩnh có nhiều sĩ phu anh hùng nhưng không có cửa biển nào để dân chúng mở rộng đôi mắt. Thừa Thiên tuy đào tạo nổi một Nguyễn lộ Trạch mà không đủ quần chúng sĩ phu tân tiến, không đủ những nhà tư sản, sản xuất thương mãi, đòi hỏi Duy Tân, lại bị chế độ phong kiến bóp nghẹt. Hà Nội có những sĩ phu giác ngộ, nhưng đã lâu, dưới sự cưỡng chế của Triều Nguyễn, sĩ phu Hà Nội bị gạt ra khỏi « tập đoàn » lãnh đạo, nên nay trở nên bỡ ngỡ. Quảng Nam có những điều kiện về cửa biển, về nguồn lợi và nhất là sĩ phu có óc cầu tiến và quần chúng ít thành kiến cho nên Duy Tân là một nhu cầu chính trong sinh kế, trong phát triển và cả trong dự phóng cứu nước một cách hữu hiệu.

Chính vì thế mà khi Phan châu Trinh xướng lên Phong Trào Duy Tân với học thuyết Dân quyền là nhiều sĩ phu và quần chúng ùa theo ngay. Như đã nói trên, nếu *Dân quyền* đi bằng tàu Tây tới, họ đã ghê lạnh. Nhưng nó đi từ xứ Khổng Tử Viết tới, với sách chữ nho rành rành giấy trắng mực đen thì có «điều chi nữa mà

ngờ » ! Xứ của Thánh — Thánh địa—còn Duy Tân, huống hồ nữa là ta. Nói thế không phải không có những phản động lực cản trở khác nhiều là khác. Nhưng ai cản nổi cái chí hăng hái nhiệt thành của quần chúng đang lăn trên bánh xe tiến hóa.

Nghiên cứu Phong trào Duy Tân mà không tìm thấy những lý do chính trị — chống thực dân, phong kiến —, lý do kinh tế — thoát khỏi chèn ép thương gia Tàu, phát triển các ngành sản xuất để cung ứng những đòi hỏi của thị trường mới mà chỉ đi lướt bên trên, xem nó như một ngẫu nhiên của lịch sử là một lầm lẫn đáng kể. Tưởng cũng nên nhắc : hai khu vực mà Phong trào Duy Tân lớn mạnh nhất đã phát xuất các lãnh tụ tiếng tăm đều là khu vực mà nền sản xuất và thương mãi phồn thịnh nhất : Phan châu Trinh, Huỳnh thúc Kháng, Lê Cơ : quế, Trần quí Cáp, Phan thúc Diện, Phan thành Tài : mía, đường, dệt, tơ lụa, ghe bầu đi biển. Tôi muốn nhắc đến hai cơ sở lừng lẫy nhất : Phú Lâm và Phong Thử ở hai đầu của tỉnh Quảng Nam như hai ngọn Tháp Ếp phên (EIFFEL) cao sừng sững để quảng cáo cho chất sắt, chất thép, Duy Tân với những khả năng vô địch.

PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO

Chúng ta đã có một bối cảnh lịch sử của Việt Nam đen tối, nhưng không muốn tự đắm mình trong bóng đêm. Trái lại, các sĩ phu kiệt liệt tự nhiệm vai trò lãnh đạo của thời ấy luôn luôn mưu toan những cuộc vận động lớn để cứu quốc. Phan châu Trinh là một trong hai sĩ phu vĩ đại, đang nuôi chí Duy Tân để tự cường, vượt những phương pháp khởi nghĩa theo cổ truyền. Chúng ta cũng đã dừng lại giây lát để biết qua một khu vực đặc biệt mở rộng cả *đôi mắt* nhìn ra biển cả với nhiều tầng lớp dân chúng đang có những nhu cầu Duy Tân. Bởi thế, ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy Phan châu Trinh hô hào chưa dứt tiếng, đã có những đồng chí đứng lên sát cánh với ông để hành động.

Phan châu Trinh đã truyền cái hơi nóng ngùn ngụt trong huyết quản ông có lẽ ngay từ năm 1903, sau khi lãnh hội *Thiên Hạ Đại Thế Luận*, cho Lê Cơ người bà con cô cậu với ông. Kể từ năm này (1903) thì Lê Cơ khẳng khái ra nhậm chức Lý Trưởng làng Phú Lâm để gây « *những cải cách từ việc xâu thuế cho đến tế tự, canh*

phòng trăm điều chấn chỉnh, bọn cường hào kia không thể thi thủ đoạn ích kỷ như trước mà dân trong làng đều tâm phục cả» (1). Ông đã dọn sẵn con đường để phát động phong trào Duy Tân. Và rồi Phú Lâm sẽ đóng vai trò vô cùng quan trọng trong tỉnh cũng như toàn quốc.

Về phần Lê Cơ, tôi sẽ dành cả một chương để nói tới ông, người có công rất lớn, người đã cụ thể hóa giấc mộng Duy Tân của Phan châu Trinh trong vùng Tiên Phước sớm hơn hết.

Ở đây, tôi muốn giới thiệu hai đồng chí lớn tên tuổi lưu truyền hậu thế, đã chung đèn, chung sách, chung chí hướng với ông để đẩy Duy Tân đi tới thành một đại phong trào : Huỳnh thúc Kháng và Trần quý Cáp.

Đây cũng là một gặp gỡ ngẫu nhiên của lịch sử đáng quan tâm. Thật vậy, Huỳnh thúc Kháng (sinh năm 1876) và Trần quý Cáp (1870) đều là những tay học giỏi cùng với Phạm Liệu thời ấy là một *bộ ba* khét tiếng. Thế mà Phạm Liệu đỗ từ khoa Ngũ Phụng tức là khoa đặc biệt Quảng Nam có năm người đỗ đại khoa (2) năm 1898. Còn cả hai ông đều lận đận. Huỳnh thúc Kháng đỗ giải nguyên từ năm 1900, đến đúng năm 1904 đỗ hội nguyên rồi vào Đình thí đỗ Tam giáp đồng tiến sĩ. Còn

---

(1) Bài của Minh Viên Huỳnh thúc Kháng giới thiệu Liệt Sĩ Xã Sáu Lê Cơ. Tiếng Dân 513 — 17.8.1932 (chép theo Ngũ Hành Sơn Chí sĩ — Anh Minh 1961).

(2) Ba tiến sĩ : Phạm Liệu, Phan Quang, Phạm Tuấn và hai Phó Bảng : Ngô Chuân, Dương hiển Tiến, thường gọi là Ngũ Phụng tề phi.

Trần quý Cáp thì lạ lùng : ông dạy học trò thi đỗ cử nhân dễ dàng ở trường Huế cũng như trường Bình Định. Nhưng ông thi thì hỏng luôn cử nhân ba khoa. Thế mà vào thi hội đỗ ngay tiến sĩ rồi vào Đình đậu thứ hai (1). Nếu có ai tin ở vận số của chính Phong Trào sẽ đặt câu hỏi : Tại sao cả hai ông Huỳnh và Trần cùng đỗ với nhau một lần mà không đỗ trước đi. Hạng đỗ nơi Hội Nguyên, đỗ nhì ở Đình há không đỗ nổi một cái phó bảng là *tiến sĩ rớt* hay sao ? Và nếu đỗ phó bảng rồi, chả lẽ đi học lại để đi thi lại ư ? Thế thì ít cũng đã có một ông ra làm quan. Mà đã làm quan, đã dính chặt vào công danh rồi dễ gì rút chân ra ! Trường hợp Phan châu Trinh là hy hữu ! Và kể từ khi Phan châu Trinh từ quan, hai ông Huỳnh thúc Kháng và Trần quí Cáp không chịu ra làm quan, theo đuổi tân học, thì tân học đã trở nên một vật quí, đáng cho các hàng sĩ phu có nhiệt tâm tìm hiểu. Đối với thời còn *quá trọng bằng cấp* ấy thật là một vận may của Phong Trào Duy Tân, của Tư Tưởng Dân Quyền : có mỗi một lúc cả ba bậc đại khoa danh tiếng dám đứng lên vứt bỏ cái *quá trọng* kia để theo đuổi một chí hướng mới, một hoạt động mới mà các sĩ phu thời ấy đang nhìn bằng cặp mắt ngỡ ngàng, lo ngại, nếu không khinh thị, chống đối. Có thể nói thời kỳ này là

---

(1) Đào Nguyên Phổ đi câu đối : Tố Tấn sĩ khước dị, tố cử nhân khước nan, ức ức dương dương vô phi tạo ý.

Áp hội nguyên ư đình, áp đình nguyên ư hội, vinh vinh quí quí, hà tất khôi khoa ?

thời kỳ xôn xao nhất của tỉnh Quảng Nam. Cùng một lúc, cả tỉnh chỉ bàn về chính trị và cùng một lúc hai tổ chức lớn nhất của quốc gia phát ra bồng bột. Phái Nguyễn Thành, — Phan sào Nam tuy dè dặt hơn nhưng cũng không thể tránh được những luồng dư luận của những kẻ hiếu kỳ khi luôn luôn thấy sự hiện diện của Cường Để cùng nhiều đồng chí khác ở Nam Thình Sơn trang (chỗ ở của Nguyễn Thành). *Việt Nam Quang Phục Hội* được thành lập ngay tại nhà Tiểu La Nguyễn Thành rồi đây sẽ tung những đợt sóng thanh niên ra hải ngoại để làm mới chí hướng võ trang khởi nghĩa của những người cựu Cần Vương. Phái Phan châu Trinh — Huỳnh thúc Kháng— Trần quí Cáp thì công khai hoạt động, dựng cây cờ Dân Quyền, hô hào Duy Tân, cổ động Tân Văn Hóa rồi đây sẽ tung ra những phương thức hoàn toàn mới để hiện đại hóa đất nước từ tư tưởng đến mọi ngành, mọi nghề.

Vậy, trước khi đi sâu vào Phong trào, thiết tưởng ta cũng nên biết qua cá tính, chí hướng từng nhân vật lãnh đạo để tiện theo dõi về sau. Vì khi Phan châu Trinh tự tách làm lãnh tụ của Phong trào toàn quốc thì Huỳnh thúc Kháng trở thành lãnh tụ của khu vực nay là Quảng Tín, Trần quý Cáp của khu vực nay là Quảng Nam. Lãnh tụ mặc nhiên, chứ không phải có hệ thống có quy định rõ ràng như bên Việt Nam Quang Phục Hội (1) (tức Duy Tân Hội theo Phan bội Châu).

(1) *Việt Nam Quang Phục Hội : Cường Để hội chủ, Phan sào Nam phụ trách từ Quảng Trị, Quảng Bình trở ra; Nguyễn Hàm (Tiểu La Nguyễn Thành) phụ trách từ Quảng Nam, Quảng Ngãi trở vào.*

Theo Cường Để — Cuộc đời cách mạng Cường Để, Tráng Liệt xuất bản năm 1957

Phan châu Trinh là người chúng ta đã biết nhiều: giàu kiến thức, giàu nghị lực, có khả năng văn nghệ, óc tân tiến, ít bảo thủ. Ông là người hoàn toàn tin ở Dân Quyền, ở Tân Văn Hóa và hăng say nồng nhiệt đến độ có thể khẳng khái: « *Thằng Phan châu Trinh thà chết thì nó xách cái đầu của nó, nó quăng xuống đất như chơi, nó chẳng chịu làm thân trâu ngựa cho người ta cỡi trên đầu, trên cổ nó đâu! ... Tôi thề tại giữa buồng giấy quan lớn, tôi thề lấy máu tôi mà bôi đầy đầu, đầy mặt, đầy cổ, đầy mình quan lớn, tôi bôi cho đỏ cả buồng giấy gian dối, tối tăm hôi thúi của quan lớn, tôi chẳng chịu chết mòn, chết rục, chết vắng, chết thầm ở cái buồng giam 6-21 đâu* ». (thơ số 4 ngày 02-5. 1915) gởi cho thẩm phán quân sự Pháp khi ở ngục Santé. Muốn theo dõi mọi lối hoạt động, biện luận, chống đối, tin tưởng của ông, nên luôn luôn có hình ảnh bức thư này trước mắt để hình dung cách nói năng, xử sự của ông trước mọi người, nhất là trước cường quyền. Ta biết ông nói thật chứ không nói chơi.

Huỳnh thúc Kháng là một nhà học giả uyên thâm, thờ chủ nghĩa Dân quyền đến mức độ triệt để, nhưng thiếu sự nồng nhiệt, hăng hái, phát lộ bên ngoài như Phan châu Trinh. Ông cũng không phải là diễn giả lôi cuốn được người nghe mà chỉ lôi cuốn được bằng văn tự cho những độc giả thích suy tư. Có thể nói nếu Phan châu Trinh là hoạt động là hò, là hét, thì ông là âm thầm là nhẫn nại, uyển chuyển. Phan châu Trinh có thể bạo động (dù chưa có việc ấy). Nhưng Huỳnh thúc Kháng

là bất bạo động. Phan châu Trinh có thể lập đảng chính trị, nhưng Huỳnh thúc Kháng chỉ ưa những việc về văn hóa, báo giới, nghiên cứu. Tôi có cảm tưởng nếu không có Phan châu Trinh chắc không có Huỳnh thúc Kháng cách mạng. Nhưng vì có Huỳnh thúc Kháng cho nên địa vị, giá trị Phan châu Trinh lên cao, gây được nhiều tín nhiệm nhất là với sĩ phu ở các miền khác. Nhờ có ông — điều rất hiển nhiên—mà sự nghiệp Phan châu Trinh cùng các đồng chí, các cuộc chính biến xin xâu, sinh hoạt của các nhà ái quốc do vụ Dân quyền mà phải tù đày, nghĩa là những biến cố quan trọng của một đoạn lịch sử 1903-1908, 1908-1921 (?) được sống lại, được lưu truyền. Tôi có thể nói chắc chắn ông là sử gia lớn của Phong Trào Duy Tân sau khi là chiến sĩ. Sau này ông còn có công lớn khác là ra báo Tiếng Dân để nuôi dưỡng mãi tư tưởng Duy Tân đứng đắn, thiết thực dù không thu hút được thế hệ trẻ.

Ông đã hoạt động những gì từ năm 1903 đến 1905. Trong tiểu sử của ông, ít thấy nói tới với các chi tiết đầy đủ. Do tính khiêm nhượng của nhà Nho, ông chỉ nhắc mấy điều cốt yếu rồi từ đó ta suy luận sự biến chuyển của tư tưởng ông. Năm 1890 Phan châu Trinh nghe tiếng tới tìm ông. Năm 1892 kết giao với Phan châu Trinh. Năm 1899 kết giao với Trần quý Cáp. Năm 1900 đỗ giải nguyên, được cho ra Huế học chữ Pháp nhưng không đi (Phan châu Trinh cũng từ chối học chữ Pháp).* Suốt thời kỳ này không biết chút gì về những việc xảy ra trên thế giới, cả ở lân quốc Trung Hoa dù ở đó đang có những biến cố trọng đại. Đến năm 1903 mới

đọc *Thiên Hạ Đại Thế Luận* của Nguyễn lộ Trạch. Năm 1904 đỗ tiến sĩ và nhiệt liệt hoan nghênh tân thư. Cũng năm ấy gặp Phan sào Nam, đọc Lưu Cầu huyết lệ Tâm thư và kết giao với Nguyễn Thành.

Nói tóm lại, ông chỉ để ý đến *cái mới* sau năm 1903 rồi vùi đầu đọc tân thư và tìm bạn kết giao chớ cũng chưa có hoạt động nào đáng kể.

Trần quí Cáp (1) không có cái hăng hái kỳ lạ của Phan châu Trinh, cũng không có cái bình tĩnh lặng lẽ của Huỳnh thúc Kháng. Ông vốn con nhà nghèo, phải đi dạy học để giúp gánh nặng gia đình cho mẹ. Lúc trẻ còn đi học cho tới khi lớn lên, ông vẫn hay chống đối những điều mà ông cho là một sĩ phu có huyết tính không thể làm ngơ : «*Lúc bấy giờ có ông Nguyễn Mại, đương chức bố chính tỉnh Quảng Nam, ra mời Tiên Sinh về dinh dạy con được hai tháng. Thường ngày Tiên Sinh thấy trống đánh ba hồi xong, quan ra ngồi chễm chệ giữa công đường. Xã dân đến hầu thì mỗi người bưng một mâm lễ đặt ở dưới đất ngoài sân cho quan ngó thấy rồi sắp hàng lạy. Đối với dân thì quan hầm*

(*) *Thế nhưng lạ lùng : năm 1906 Huỳnh thúc Kháng tìm hết các cách để tự học chữ Pháp (như Phan Khôi). Cũng nên phân biệt : 1900 nếu đi học chữ Pháp là bị động, chuẩn bị ra làm quan mà 1906 học chữ Pháp là chủ động, chuẩn bị phát triển cao trào Tân Văn hóa.*

(1) *Trần quí Cáp không để lại một thiên tự truyện. Chỉ có bản* Tiểu sử chí sĩ Trần quí Cáp *do học trò là Trần huỳnh Sách, La Qua, Điện Bàn, Quảng Nam viết : Các tài liện về Trần quí Cáp một phần quan trọng tôi rút trong tập này (tài liện chưa in) gọi tắt Tiểu sử Trần quí Cáp).*

hét : nào giăng nọc đánh, nào hăm chặt đầu, gông cổ v...v... Đã thế, nhưng điều đáng buồn là khi nghe có Tây nào đến thì ôi thôi ! áo không kịp gài, giày không kịp mang, chỉ biết đứng nghe. Tên thông ngôn nói chi thì dạ nấy.

Thấy thế, tiên sinh phát tức mà nổi nóng, mắng chửi tàn tệ, làm cho ông bố phải ra lịnh nghỉ dạy rồi đem lòng căm tức tiên sinh ngay từ đấy. (Tiểu sử Trần quí Cáp trang 2). Nhưng, những sự nổi nóng như thế cũng ít khi xảy ra, ông thường có tính nghiêm nghị, thận trọng, hoạt bát mà đôi khi cũng có lẫn những lối ăn nói chua cay. Lúc còn đi học, ông nổi tiếng là có văn chương hùng hồn, khẳng khái và bất khuất. Lúc học ở trường tỉnh, ông kết giao với những bậc anh tài, ngoài Phan châu Trinh, Huỳnh thúc Kháng còn những tay lỗi lạc như Phạm Liệu, Nguyễn đình Hiến, Nguyễn bá Trác, Mai Dị, Phan Khôi, Trương trọng Hoàng.... Phần lớn những người này đều có liên quan với các công cuộc Duy Tân và Đông Du sau này... *Vì phải dạy học « để có thể hôm sớm phụng dưỡng mẹ già. Nhà nghèo, mấy sào ruộng công điền của làng cấp không đủ chi phí trong gia đình nên phải bút canh (dạy thuê). Bình nhật, tiên sinh háo khách. Hễ có khách đến thì dọn cơm, nhưng đồ ăn đãi khách rất đơn sơ, những món ăn ngon ngọt đều để phụng mẹ già (...). Trong thời gian ba năm tiên sinh dạy tại nhà, không những học trò trong tỉnh như các ông : Phan bá Cảnh, Trần thúc Tịnh, Lê Huân, Trần tử Kính, đều thành tài, mà các nhân sĩ ở miền sông Cầu, Nha Trang như các ông : Huỳnh thường Trung,*

Trương trọng Cầu, Huỳnh Thường, v.v... không nề đường sá xa xôi, nghe tiếng tiên sinh cũng ra thọ giáo, đều thành đạt cả.

(*Tiểu Sử Trần quí Cáp trang 3*)

Điều này rất quan hệ đối với công cuộc Nam du về sau. Vì nhờ đó mà Trần quí Cáp bắt được liên lạc với những nhà trí thức trong khắp Miền Nam Trung Việt, rồi từ đó, những cuộc tiếp xúc trở nên dễ dàng và có kết quả mau chóng. Có thể nói là nếu không có Trần quí Cáp chưa ắt hẳn đã có Nam Du vận động Duy Tân.

Nhưng ông khác hai nhà lãnh đạo Duy Tân trên. Nếu hai ông Phan châu Trinh và Huỳnh thúc Kháng chỉ biết và rồi đây chỉ biết có Duy Tân thì Trần quí Cáp không hẳn như thế. Ít ra, trong giai đoạn đầu, ông đã có một thời kỳ làm việc trong bí mật cho Quang Phục Hội (tức phái Đông Du sau này) rồi sau theo Duy Tân, hoạt động hẳn cho Duy Tân mà những lúc phẫn uất, chán nản ông vẫn muốn bỏ xứ sở sang Nhật Bổn. Trong các sách viết về ông, tôi có thấy lời thuật lại sau đây của Huỳnh thúc Kháng: *cụ Tiểu La Nguyễn Thành, một cựu đảng Cần Vương có tiếng (...) trước mắt không người, sau ngày gặp tiên sinh, có nói với cụ Sào Nam: « Được một người tốt có đảm thức, hỏi ai? Chỉ có Thái Xuyên. Cùng cộng sự trong mấy năm, lại nói với cụ Tây Hồ: «Nếu được một đôi người như Thái Xuyên có việc gì chả làm xong»* (1). Sau này, trong một bài thơ điếu Trần quý Cáp lúc

(1) *Ngũ Hành Sơn chí sĩ, Anh Minh Ngô thành Nhân — Anh Minh xuất bản 1961, Huế.*

bị chém, Huỳnh thúc Kháng cũng có câu: Bồng Đảo xuân phong huyền viễn mộng (Bồng Đảo gió chưa đưa giấc mộng), ý nói ông muốn sang Nhật mà chưa đi được.

Vậy thì trong tiểu sử Trần quý Cáp có viết: «Ông chịu ảnh hưởng hai cụ Phan» rất đúng: Phan châu Trinh Dân Quyền và tự cường: Phan bội Châu Quang Phục. Tuy nhiên có lẽ ảnh hưởng của Phan bội Châu chỉ mạnh vào các năm 1903, 1904, 1905 (ông biết Phan bội Châu trước Phan châu Trinh và Huỳnh thúc Kháng). Còn từ Nam Du về sau, hình như ông đã đổi thay nhiều. Kể từ năm 1904, 1905 theo tài liệu còn để lại khác nhau tôi thấy Huỳnh thúc Kháng và Phan châu Trinh cũng vẫn có những hoạt động mật thiết với Tiểu La Nguyễn Thành chứ không riêng gì Trần quí Cáp. Nhưng chỉ có Trần quí Cáp có nhận lãnh những nhiệm vụ bí mật mà thôi: «*Tháng mười năm Giáp Thìn (1904) Tiên sinh cùng hai cụ Phan, Huỳnh đi thức tỉnh miền thượng du tỉnh nhà, vận động tài chánh cho việc Đông du (?). Lên nguồn Phước Sơn rồi trở xuống Thạnh Mỹ đặng gặp cụ tiểu Tiểu La. Lúc đi đường tiên sinh có tức cảnh một câu:*

Lúc lắc đò đưa: Tí, Sé, kẽm
Gập ghềnh chân bước: Gành, Truông, Đèo (1)

Câu ấy tuy tiên sinh tả cảnh mà còn ngụ ý sự vận

(1) Đây là địa danh của các khu vực đi lại gian nan nhất của Quế Sơn. Theo thiển ý, có lẽ không có câu nào diễn tả giản dị mà đầy đủ tất cả những cái tên đáng sợ của những nơi mà khách bộ hành ngao ngán trên thuyền cũng như trên bộ bằng tại Quế Sơn.

động duy tân trong lúc ban đầu cũng gian nan, hiểm trở như vậy. Hai cụ Phan, Huỳnh phẩm bình hai câu ấy rằng : không những cảnh tình đầy đủ mà ba chữ trắc đối với ba chữ bình đã khó lại hay. Trong quyền Vong quốc sử, cụ Sào Nam cũng cho câu ấy là danh ngôn.

Lúc đến nhà cụ Tiểu La, gặp Kỳ Ngoại Hầu Cường Đề và ông Tăng bạt Hổ, các cụ cũng bàn với nhau : cụ Sào Nam lo việc Đông Du, còn tiên sinh (Trần quí Cáp) ở lại trong nước vận động mưu đồ. (Tiểu sử Trần quí Cáp trang 14).

Sự kiện này cho chúng ta thấy lúc bấy giờ cả ba ông Phan, Huỳnh, Trần đều cùng hợp tác khá chặt chẽ với Tiểu La Nguyễn Thành và họ giúp nhiều cho Phan sào Nam trong việc Đông độ. Nhưng kiểm các tài liệu, tôi chỉ thấy Trần quí Cáp là liên lạc chặt chẽ với Tiểu La. Trong bài *mộ chí*, Huỳnh thúc Kháng có viết (bằng Hán văn, dịch ra Việt Văn) : « *Cụ Sào Nam Phan bội Châu nuôi chí quốc sự ngoài mười năm, thông giao toàn quốc sĩ phu, nhưng ẩn mình trong trường văn, vào học trường Quốc Tử Giám nghe tiếng tiên sinh, qua lại giao du và tặng bài thi có câu :*

Túy sinh ngã bối song tiền nhãn
Đắc sáng nhân gian nhất cuộc kỳ.
(Bọn ta say tỉnh hai tròng mắt.
Cờ thế hơn thua một cuộc xoay).

Cách năm sau, cụ Phan xuất dương, đến tiên sinh từ giã, duy có Phật thấu lòng Phật, chỗ ẩn tâm người ngoài không làm gì thấu rõ.

(N.H.S. chí sĩ trang 38)

Vậy Trần quí Cáp đã là nhân viên của Quang phục Hội chăng? Trong danh sách những nhân vật nhập hội ấy do Cường Để ghi lại, chỉ thấy tên những người ở Huế, còn ở Quảng Nam tuyệt nhiên tôi không thấy Phan sào Nam nhắc đến tên Trần quí Cáp trong số hội viên của Hội (*). Tôi ngờ cả Phan châu Trinh, Huỳnh thúc Kháng cũng đều ít lưu tâm tới cái hội này. Nhưng trong thời kỳ 1903 - 1905, giao tình của hai ông Phan, Huỳnh với Tiều La còn nặng, vì ngoài việc giúp vận động tài chánh cho Đông Du, sau này năm 1905 khi ở Nam về, Phan châu Trinh «*được tin Phan sào Nam đi Nhật Bản đã về tiên sinh thẳng về Quảng Nam, cùng ống nghè Trần (Trần quí Cáp), ông ấm Thạnh Mỹ (Nguyễn Thành) bàn về việc đi Bắc. Khi ấy là tháng chạp năm 1905*». Vậy thì, trước tháng chạp năm 1905, còn có những cuộc gặp gỡ giữa các ông, nhưng sau đó, nhất là khi Phan châu Trinh đã qua Nhật về, Duy Tân và Quang Phục là hai phe tách biệt hẳn, lý thuyết lẫn thực hành (**). (*xem ct trang 113*)

Còn vào thời kỳ này 1903-1905, hai tư tưởng ấy vẫn gặp nhau nhiều lắm. Bằng cớ là ở đoạn văn trên của Trần huỳnh Sách, ông đã nhắc tới sự vận động *Duy Tân* trong lúc ban đầu và Cụ Sào Nam lo việc *Đông du* còn tiên sinh...» thì ta thấy những Duy Tân, Đông Du gần như một khối mà Đông Du chỉ là một phần của Duy Tân. Sự thật, thời kỳ ấy cả hai phe *Phan châu Trinh, Huỳnh thúc Kháng* và *Phan bội Châu, Nguyễn Thành* chưa có sự xung đột ý kiến đến chỗ quyết liệt. Huống chi ở giữa còn có

---

(1) Kể từ khi qua Nhật, Phan Sào Nam không bao giờ còn gặp Trần quí Cáp nữa. Tôi cố tìm những bút tích của Phan sào Nam chứng tỏ Trần quí Cáp giữ một vai trò trọng yếu trong Quang Phục Hội hoặc có những liên kết chặt chẽ riêng với cá nhân Sào Nam, nhưng không thấy chỗ nào có. Cả khi sắp qua Nhật, trong Tự phán chỉ ghi là Sào Nam đến nhà Huỳnh thúc Kháng rồi gặp Phan châu Trinh và Trần quí Cáp báo tin sắp đi Nhật thì « các ngài dòm nhau mỉm cười chúc tôi thành công ». *Như vậy khác xa với tài liệu của Trần huỳnh Sách* « Cụ Sào Nam lo việc Đông Du còn tiên sinh (*Trần quí Cáp*) ở lại trong nước vận động mưu đồ » *như chúng ta đã thấy trên kia. Vả chăng tìm các bản văn tế, khi Trần quí Cáp đã chết Sào Nam ở hải ngoại, cần chi dấu diếm, thế mà tôi chỉ thấy ông viết :*

— Nghĩ như ông Thái Xuyên mà được kết án xử tử thì tội gì ? chỉ vì lẽ trung hiếu thiên tính.

Hay là tội ông tại giảng học mới ? Thì học mới từ Âu châu truyền qua, có gì cấm người ta không được giảng ?

Thế thì ông chết vì tội gì ?

Chính vì cái tội ông là người mất nước.

Rõ ra ông Phan sào Nam khóc một nhân vật lãnh đạo Phong Trào Duy Tân *mà chết oan, hoàn toàn khác hẳn khi ông khóc Tiểu La Nguyễn Thành.*

Nghĩ một người đào tạo ra em (Phan sào Nam) thành tựu cho em mà bây giờ kẻ mất, người còn, hồn trời, phách đất... kẻ bạn đồng chí, đồng sự trong mấy năm ấy, thâm tri em chẳng ai hơn anh mà thâm tri anh cũng chẳng ai hơn em.

Rõ ràng là một đồng chí khóc một đồng chí và là hạng đồng chí có thể chết cho nhau.

Sự thật, theo tôi thấy, Phan châu Trinh, Huỳnh thúc Kháng ít dự biết gì về Quang phục Hội đã đành mà Trần quí Cáp cũng chỉ liên lạc với Nguyễn Thành và làm những công tác nồi, hình thức, nhưng vì danh vọng ông lớn nên người ta để ý nhiều. Chứ chưa bao giờ ông là yếu nhân của đảng Phan sào Nam Nguyễn Thành cả.

(2) Phan châu Trinh chỉ tán thành riêng việc đưa du học sinh qua Nhật thôi (xin xem sau.)

Trần quí Cáp con người có đủ uy tín, đủ tài năng, đức độ để duy trì sự hòa hợp.

Cũng thời kỳ này, thơ văn và các cuộc giao du của Trần quí Cáp còn nặng về *thiết huyết*. (Thiết huyết là sắt và máu tức vũ lực là danh từ các nhà chính trị vẫn dùng để gọi phái Phan bội Châu Nguyễn Thành, cho đến nay, vẫn còn gọi như thế). Tôi chép thêm một đoạn trong Tiểu sử Trần quí Cáp để bạn đọc theo dõi rõ hơn một *nhân vật phức tạp*, cái dấu nối giữa Duy Tân và Đông Du đó : (*Sau khi thi đỗ : tiên sinh lấy sự bài xích khoa cử, đề xướng tân học làm nhiệm vụ của mình. Phái cựu học thấy thế cho tiên sinh là qua cầu dứt cầu, nhưng tiên sinh cũng không lấy thế làm điều. Tại kinh phục mạng xong tiên sinh hồi quan sĩ chỉ. Lúc về, đi ngang qua đèo Hải Vân, tiên sinh có vịnh một bài thơ :*

Tôi ngôi vạn nhẫn cố hùng quan.
Kỷ độ đăng lâm phủ ngưỡng quan.
Sầu nhãn vọng cùng thương hải ngoại.
Nộ quyền hủy phá bạch vân đoan
Cô Châu phản trao hoàng thôn mộ ;
Quyên diếu dần lâm cổ mộc hàn.
Thất lý oanh hồi xuyên phá hậu
Uất thông giai khí Ngũ Hành sơn

Dịch :

Quan ải ngày xưa núi chập chùng
Đi về mấy độ ngẩn ngơ trông
Mắt nhìn bể bạc tròng rưng lụy,

Tay khoát mây xanh khí lông hồng.
Thuyền bóng xóm chài e sắp tối,
Chim về rừng cũ liệng đầy không.
Quanh co bảy dặm vừa ra khỏi.
Đoái thấy Hành Sơn tốt đẹp hung.

Về đến Đà Nẵng tiên sinh có bài cảm hoài :

Thử địa do hà động chiến phong,
Chí kim đáo xứ thỉ xà tung.
Thuyền lâm nội phụ tạm tài điếm,
Xa sứ trùng quan nhứt lộ thông.
Cố quốc sơn hà lâm địch lý,
Thùy gia lầu các tích dương trung.
An năng tái khởi Trần hưng Đạo.
Cọng vản Đằng Giang vĩ đại công.

Dịch :

Chinh chiến vì đâu nầy họa tai,
Mà nay thấy những dấu lang sài.
Cờ ba sắc nhoáng tàu vô cửa;
Xe một đường thông ải suốt dài.
Tiếng địch gọi hồn non nước cũ,
Bóng chiều chói rạng phố lầu ai ?
Ước chi nay có Trần hưng Đạo,
Lập lại Đằng Giang trận thứ hai.

Đến Đà Nẵng, tiên sinh tìm nhà ông Châu Chế, Châu Chế tức Châu Thành, người làng Nại Hiên, huyện Hòa Vang, một nhà cựu học, tính cương trực và liêm khiết, lại hiếu hữu ít ai bì. Khi Pháp đóng tòa đại sứ tại Đà Nẵng nhiều lần mời

ông ra giúp việc, nhưng ông cố từ để ở nhà phụng dưỡng mẹ già. Ông lại là bạn thân với ông chủ tiệm đĩ (1) Nhựt Bản. Tiên sinh muốn nhờ ông này giới thiệu với ông chủ người Nhật ấy để tìm kế hoạch Đông du.

Khi tiên sinh gặp được ông chủ ấy, hai người bút đàm ý hiệp tâm đầu. Tiên sinh có tặng ông ấy mấy câu đối :

Quốc dân trách nhiệm, nhơn các tận nhất phân, hoàn vấn thất phu, thất phụ ?

Thế giới phong trào, thiên tảo khai tam đảo, ninh vong đồng chủng, đồng văn.

Dịch :

Quốc dân gánh vác, ai cũng có một phần kể chi là trai gái

Thế giới mở mang, trời đã khai ba đảo, nở quên một giống, một giòng.

Ông chủ ấy khen thưởng và gởi câu đối ấy về nước để làm kỷ niệm. Tiên sinh tới lui thân mật, nên trong sự Đông độ, ông chủ ấy là tay đắc lực.

Sau đó, tiên sinh đi tìm ông Lê bá Trinh để làm việc. Cụ Lê bá Trinh người làng Hải Châu (Đà Nẵng) đậu cử nhân khoa canh tý (1900). Thi hội chỉ được đủ phân số bổ dụng, nhưng cụ không muốn xuất sĩ, làm cái nhà nhỏ ở chân núi Hành Sơn (Non nước), tát nước, cày ruộng để sanh nhai. Vì là bạn thân của tiên sinh, nên khi đến nhà, hai người đàm bạc tương tao, hàn huyên lịch sự.

---

(1) Trong bản đánh máy, đoạn này lại chép tay và có thêm một dấu hỏi (chủ tiệm đĩ (?)). Không hiểu đĩ hay là gì.

Tiên sinh tặng cụ cử một câu đối :

Hoàn hải sơ khai thiên cổ nhan,

Cố nhân do ngọa Ngũ hành Sơn.

Dịch :

Trời mới đã ra mới thế giới

Bạn xưa còn núp núi Hành sơn,

Cụ Lê bá Trinh tỉnh ngộ, bèn ra dạy học tại nhà ông Thương Liên ở Đà Nẵng để cùng anh em gặp gỡ chung lo việc nước. Từ đây về sau, các nhà ái quốc trong Nam ra, ngoài Bắc vào đều lấy chỗ nhà ông Châu Thành và cụ Lê bá Trinh làm căn cứ.

(Tiểu sử Trần quí Cáp trang 8,9)

Qua các tài liệu dẫn trên của cả người trong phe *thuần túy Duy Tân* là Huỳnh thúc Kháng, ta thấy Trần quí Cáp là người nhiệt thành của Duy Tân và cả Đông Du. Điều này có lẽ cũng dễ hiểu. Ông vốn là người khỏe mạnh, can cường, hiếu động hơn Huỳnh thúc Kháng, chưa từng nếm qua sự thất bại đau xót và sự tàn nhẫn của phe Cần Vương như Phan châu Trinh lại thuộc thế hệ mới, thế hệ *trẻ* khác xa Nguyễn Thành ; còn may mắn ở vào một tỉnh có hai cửa bể ngay trước mặt chứ không bị «bao vây» như Phan sào Nam cho nên ông dễ *chấp nhận cả hai :* Duy Tân để tự cường mà không đủ, còn phải đông độ nhờ bạn đồng chủ, đồng văn giúp ta đuổi gấp bọn thực dân choán ngay trên những địa điểm cuống họng của xứ sở, sừng sững ngay trước mũi và,lúc nào ông cũng có thể chạm phải (1).Đối với

(1) Nên chú ý là Phan châu Trinh, Huỳnh thúc Kháng nhà ở xa hai thành phố này đến 6,7 mươi cây số.

ông, lý tưởng Duy Tân cũng do đó mà rất mạnh : vì phải lo nghĩ chuyện đánh Tây, nhưng hàng ngày, thấy sức mạnh kinh khủng của Tây về mọi phương diện thì không thể nào tin là chỉ với súng ống hay một số người đào luyện ở ngoại quốc là đủ. Cần phải tự làm mạnh, làm mới những khối sĩ phu và quần chúng đông đảo đã ! Không tự làm mạnh, làm mới quần chúng, đất nước thì chuyện đánh Tây chỉ là chuyện gây lại những thất bại thảm thương !

Đó, ông chính là con người phức tạp ấy. Sự phức tạp đã khiến ông gắn liền vào cả hai ông Phan một lúc. Và khi ông Phan sào Nam đông độ rồi thì nhân có một người học trò của ông, ông Huỳnh thượng Trung ở trong Nam ra mời, cả ba vị lãnh tụ của phái Duy Tân : Phan châu Trinh, Trần quí Cáp, Huỳnh thúc Kháng cùng lên đường vào Nam cổ động cho Dân quyền, tân văn hóa, tân sinh hoạt.

Tôi gọi ba lãnh tụ vì kể từ đây, ba bậc đại khoa danh tiếng lừng lẫy ấy sẽ được mặc nhiên chấp nhận như những lãnh tụ lớn của Phong Trào Duy Tân, vượt ra khỏi tỉnh nhà.

Cùng theo bước chân của ba ông tới đâu thì những đóa hoa tươi đẹp và hùng tráng của Duy Tân nở ra tới đó để hiện đại hóa đất nước.

NAM DU

« NGHỆ Tĩnh và Nam Nghĩa » từ phái văn học đến phái Cần Vương nghĩa hội thường một mạch câu thông với nhau. Đến phong trào Tân Học cải cách cùng Đông học cán dùi trống một nhịp với nhau (1). « Nhận xét của Huỳnh thúc Kháng rất đúng. Vì phần lớn dân Nam Nghĩa (Quảng Nam, Quảng Ngãi) là hậu duệ của Nghệ Tĩnh di cư vào, trong huyết quản còn nhảy những nhịp máu quen chịu đựng và phấn đấu. Rồi sau này, vì những liên quan lịch sử, lại ở vào một khu vực cần phải liên tục phấn đấu nên giòng máu ấy chưa loãng mà chỉ gia tăng những sắc thái mới do các cửa biển cung cấp. Phan sào Nam vào Quảng Nam, Phan châu Trinh ra Nghệ Tĩnh sau này cũng là tiếp tục cái mạch câu thông truyền thống đó.

Song trước khi tung ra miền Nghệ Tĩnh và Bắc,

---

(1) *Vụ kháng thuế ở Trung kỳ năm 1908 trong Thi văn quốc cấm (TVQC) Thái Bạch. Nhà Sách Khai Trí 1968. Sẽ in tắt : Vụ kháng thuế.*

các lãnh tụ của Phong Trào đi vào Nam là vì một duyên do : Người Quảng Nam đối với các tỉnh trong vẫn có liên lạc mật thiết vì con cháu họ hề lớn lên, một số không nhỏ thường tìm cách lần lượt dẫn nhau vào Nam hoặc để kiếm việc làm, để buôn bán và một số khác những nha nho, sẽ giữ một vai trò đặc biệt. Họ nhờ biết chữ nghĩa, nhưng chả đậu bằng cấp gì cao hơn cái tú tài, thường hoặc đi làm văn nghệ nhà nghề, hoặc làm thầy giáo. Làm văn nghệ có khi chẳng cần học hành gì, như đi nói vè. Còn lam thày giáo thì khá đông và có một địa vị tinh thần rất lớn. Nghề này nguyên trước chỉ có những người Bắc và người Nghệ làm thôi, chính ở Quảng Nam, *thày Bắc* và *thầy Nghệ* cũng rất nổi tiếng. Nhưng từ khi việc học hưng thịnh, Quảng Nam bắt đầu « xuất cảng » thầy học bên cạnh đường bát, lãnh đen... Ông *thầy Quảng* cùng thầy Bắc, thầy Nghệ đến Bình Định thì thường dừng lại rồi từ đấy họ nhường chỗ cho ông thày Quảng tự do thao túng thị trường Chữ nghĩa. Mới đây nhà văn Võ Phiến có bảo tôi : « Ở Bình Định nổi tiếng nhất là những ông thầy Quảng, thầy Bắc. Thầy Bắc là thầy Bắc Kỳ hay Nghệ, Tĩnh mà dân địa phương không phân biệt được. Chưa có một ông thầy nào người Bình Định nổi tiếng bằng những ông thầy này cả ». Ấy, Bình Định lừng lẫy thời Tây Sơn và gần kinh đô, lại có trường thi, thế mà việc học còn chưa thật mở mang rộng khắp, chưa tự cung cấp đủ giáo sư trong thời gần đây thì các tỉnh từ Phú Yên trở vào nhu cầu ông thầy, nhất là thầy giỏi cấp thiếp tới đâu . Muốn học thầy Quảng, thường có hai cách : đón

những ông thầy Quảng về tại làng, tại tỉnh để học. Nhưng số giáo sư đó giỏi lắm chỉ đậu đến tú tài và không phải ai cũng lỗi lạc. Còn muốn tìm thầy học rộng, kinh nghiệm nhiều trong việc học để có thể thi đỗ trung khoa, đại khoa, phải vượt núi, băng ngàn ra tại Quảng Nam như trường hợp các học sinh trong Nam ra học với Trần quí Cáp. Còn trong Nam Kỳ (xưa gọi Nam Trung) thì số thầy Quảng lưu lạc trong đó chắc khá đông. Hồ hữu Tường vẫn nhắc đến *ông thầy Quảng* trong các tác phẩm của ông, rồi ông lấy ba chữ ấy đặt tên cho một bộ tiểu thuyết. Điều này chứng minh việc học chữ Hán trong Nam xưa thật khó khăn và sĩ phu Quảng Nam đã cống hiến một phần hết sức lớn lao vậy (1)

Vậy, chắc chắn « Nam Du » (các tỉnh cuối Trung Việt và cả Nam Kỳ) là một mục tiêu rất đúng, không chỉ vì Duy Tân mà còn vì cái ẩn ý chính trị bao hàm trong đó. Từ xưa nay, các tỉnh miền Nam đều có liên lạc nhiều phương diện với Quảng Nam như đã nói trên mà đất đai trong đó đều do nhà Nguyễn khai thác nên còn có những liên hệ với Miền Trung về tình cảm. Người Nam chất phác, thường dám vị nghĩa mà hoạt động, mà hy sinh nên chắc vào đó thì thế nào cũng gây được cơ sở vững vàng, rộng rãi và tương đối dễ dàng.

---

(1) Những nhận xét này cốt ý phản ảnh một tình trạng giáo dục cũ của ta trước khi nền giáo dục theo phương pháp Âu Tây phát triển. Sự thật, ảnh hưởng ông thầy Quảng ở Nam Trung Việt và Nam Việt còn khá mạnh vào đầu thế kỷ XX.

Vả chăng, miền ngoài có đủ nhân tài, (1) họ có thể cung cấp những người hướng dẫn rồi tự chủ trương, tự tổ chức lấy được. Chứ trong Nam, nhân tài còn ít, phải đi tới tận nơi gây một nhận thức sâu sắc, chỉ dẫn cách tổ chức tỉ mỉ mới mong có kết quả chắc chắn, lâu dài.

Đoàn cổ động tiền phong của phong trào, ngoài các nhân vật kể trên, có lẽ còn nhiều người. Nhưng tới nay tôi phải kiếm trên nhiều tài liệu khác nhau mới thấy có hai tên : Huỳnh thượng Trung, ông Ích Đường (con ông Ích Khiêm). Ích Đường lúc ấy còn nhỏ lắm, sau này sẽ theo Phan châu Trinh ra Bắc rồi trở thành lãnh tụ của Phong Trào chống thuế 1908.

Lên đường tháng hai năm 1905 (kỷ tỵ), ta chắc lúc ấy họ đã phải hoàn thành công cuộc thức tỉnh sĩ phu tỉnh nhà và đã có một lực lượng vững mạnh rồi. Vì chẳng lẽ đi tới xứ người đánh trống dộng chuông khi chính mình chưa chuẩn bị, chưa sẵn sàng ? Tôi tiếc là chưa nắm được một tài liệu cụ thể nào về các cơ sở Duy Tân được thiết lập trước tháng hai năm 1905 ngoài việc các nhà lãnh tụ đi truyền bá tân thư, tư tưởng Dân Quyền rất nhiệt thành mà có khi lẫn lộn cả công tác của Quang Phục như đã thấy trên kia, đã lên tới tận Tý, Sé, kẻm mà có lẽ đến trên

(1) Hiển nhiên là thời kỳ này Nghệ An đã có đầy đủ kế hoạch Duy Tân rồi. Vì khi Phan bội Châu về Nghệ sau tháng 7, 1905 đã nghe Đặng nguyên Cẩn bảo cho biết. Ta cũng nên hiểu thêm Phan châu Trinh vốn là bạn chí thiết của Ngô đức Kế từ trước 1905 và ông Kế là lãnh tụ có uy tín nhất của Phong Trào Duy Tân ở Nghệ Tĩnh. Xin xem chương Nghệ Tĩnh... *ở sau.*

95 o/o người Quảng Nam chưa bao giờ đặt chân tới ! Một công cuộc cổ động qui mô sâu rộng như ít khi thấy từ trước tới nay ngoại trừ tổ chức Cần Vương. Ý hướng Quang Phục còn rất mạnh thời ấy. Nhưng kể từ bắt đầu cuộc Nam Du này thì ý hướng Đông Du gần như nhường cho ý hướng Duy Tân. Nhất là nhờ tài hoạt động, cách xử sự linh hoạt, lời ăn nói hấp dẫn của Phan châu Trinh đã ảnh hưởng tới rất nhiều giới, vừa thức tỉnh, vừa đẩy họ đứng lên thực hiện các công tác của Phong trào từ Nam Nghĩa trở vào. Cả ba lên đường như các chàng Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi sau khi kết nghĩa Đào viên. Thiếu mấy con ngựa và thanh kiếm để chúng ta viết nên một tập truyện lịch sử hay những trang kiếm hiệp. Họ đi với tâm trạng nào ? với tin tưởng nhiệt thành nào ? với những cuộc đối thoại ra sao ? Ôi ! thật là thú vị và khá hiếu kỳ khi chúng ta quay nhìn lại đoàn tiền phong cổ động Phong trào Duy Tân trong một xã hội chưa biết mùi xà phòng, chưa dùng hộp quẹt, trai gái tóc bới, răng đen, ông già, bà lão chỉ tin ở Thần quyền, ở Đế quyền, ở Ma qui và chẳng bao giờ hiểu con người dám có cái quyền gì ngoài cái quyền sinh, lão, bệnh, tử.

Thật lạ lùng và thật can đảm khi đoàn người đó tới đâu thì gieo rắc những tư tưởng kỳ quái gần như điên khùng tới đó. Nhưng họ đâu có điên, trái lại họ rất tỉnh. Họ đâu có ngu dốt, trái lại họ là những nhà học thức cao. Họ đâu phải bọn vô danh, tiểu tốt; trái lại, họ dám bỏ những bằng cấp, những địa vị mà các sĩ phu thèm rỏ dãi. Họ đâu có nói

chuyện nước Tàu cổ với Khổng Mạnh, họ nói về nước Tàu mới với Tân Thư và những Lư Thoa cùng mạnh Đức Tư Cưu, những ông *Thánh* của bọn Tây cướp nước. Thế thì họ đang xu phụng bọn xâm lăng ? Trái lại, họ đang muốn đuổi bọn xâm lăng. Họ còn dám lớn tiếng bài xích Thần quyền về Đế quyền để đề cao Dân quyền. Họ dám công kích những bộ tóc dài, bộ răng đen mà họ cho là hết hợp thời và thanh niên mới cần gọn gàng để học lối Âu Tây mà tiến bộ và phấn đấu. Họ nói như thế đấy. Vậy mà những nhà nho chân chính vẫn kính cẩn, thận trọng nghe lời họ, không kể những kẻ dám cởi mở tán thưởng ngay từ phút đầu... Rồi thì những chữ Duy Tân, Dân Quyền, hợp thương, quốc ngữ... những chữ lạ tai khó nghe được có dịp tung ra, được nhắc nhở, được cắt nghĩa, được thảo luận, được phê phán, có kẻ khen, có người chê, có kẻ tôn thờ, có người phỉ báng. Rốt cuộc, nó ở lại trên miệng lưỡi và đi vào trong ngôn ngữ dân tộc.

Nhưng những cuộc vận động tuyên truyền rỉ rả ấy chỉ làm cho người ta sửng sốt lẻ tẻ mà không gây được một tiếng nổ mạnh với âm hưởng lâu dài. Cần phải tạo ra tiếng nổ ấy. Cơ hội thuận lợi nhất đã tới rồi ! Trong Phan tây Hồ tiên sinh lịch sử, Huỳnh thúc Kháng viết (1) «...*đi qua tỉnh Bình Định (bỏ ông nghè Trần (quí Cáp) có quen*

---

(1) có bản in riêng của nhà xuất bản Anh Minh. Toàn văn cũng có in lại trong Giai nhân kỳ ngộ sđd.

một cậu ấm « kỳ xuyên công tử » (2) người Nam Trung, nhà ở Bình Thuận, muốn rủ cùng đi Nam) ; xảy gặp ngày tỉnh hạch học trò, người hội hạch đông có năm bảy trăm, tiên sinh (Phan châu Trinh) nghĩ rằng : cái học khoa cử làm hại nước ta đã lâu, ngày nay đã thành đồ bỏ, mà sĩ phu ta còn chui đầu vào trong như kiến ; giấc mộng mê say này, không cho một gậy ngang đầu, không thể nào thức dậy được, bèn mượn đề mục bài hạch đó, làm một bài thi, một bài phú (Thi «chí thành thông thánh» phú «Danh Sơn Lương ngọc» (nói việc thời thế cùng tệ sĩ phu mình, xen lẫn vào trong quyền hạch học trò cho dễ truyền bá. Một tiếng sét đánh vang lừng cả nước. Học giới nước ta trong hai mươi năm nay, lấy văn tự mở mang phong khí, thì bài thi, bài phú đó, cũng là một bài có ảnh hưởng trong lúc đầu tiên vậy »

(G.N.K.N. trang 4).

Sự thật những bài thi, bài phú đó ai làm ? Tôi có nhiều tài liệu trong tay và thấy lẫn lộn nhau. Nhưng không có tài liệu nào bảo là của Huỳnh thúc Kháng, dù trong Tự truyện, trang 27 ông viết. « chúng tôi mượn đề mục... » Vậy chỉ còn hai người là tác giả. Trong Tây Hồ và Santé thi tập, Phan châu Trinh mặc nhiên tự nhận mình là tác giả bài thi (vì ông có chép lại trong tác phẩm ấy) thế thì bài phú kia đúng là của Trần quí Cáp. Trong thời văn học, ủy mị, hình thức, nặng giáo điều khô khan của ta xưa, bỗng đột xuất hai

---

(2) *Tên Nguyễn qúy Anh, con Nguyễn Thông một học giả hiện ngụ tại Bình Định.*

bài văn của những sĩ phu có chân tài, có nhiệt huyết, dám nói thẳng *sự thật*, một điều mà mấy ai dám, bằng những lời vô cùng điêu luyện của bậc đại khoa và lòng nhiệt thành, căm hờn, hùng tráng của nhà cách mạng thì ta có thể tưởng tượng sự sửng sốt đến cao độ của thầy trò ở Bình Định ra sao ! Mà thiết tưởng không cần giỏi chữ Hán như người xưa, bọn chúng ta ngày nay, sống sau các vị ấy những trên nửa thế kỷ (64 năm) mà đọc lại ít câu còn thấy rung động đến tận đáy hồn.

. . . .

Giang sơn vô lụy khốc anh hùng !
Vạn dân nô lệ cường quyền hạ ;
Bát cổ văn chương túy mộng trung.
Trường thử bách niên cam thóa mạ,
Bất tri hà nhật xuất lao lung !

(*chí thành thông thánh*)

Bài phú cũng tuyệt hay, nhưng tôi ngại nếu chép lại bằng Hán văn, người đọc ngày nay sẽ nản. Tôi chỉ xin chép lại cả hai bài chính Trần quí Cáp tự dịch lấy sau này khi ở Nam về rồi *ủy cho ông Hồ thanh Vân đem ra Bắc Hà giao cho cụ Nguyễn hải Thần để cổ động quan sĩ ngoài Bắc* (Tiểu sử TQC trang 11). Tôi nhận thấy bài thi dịch rất tầm thường, bài phú dịch hay hơn nhiều. Đáng lẽ tôi thay bằng một bản dịch bài thi như của Đào trinh Nhất, nhưng chợt nghĩ là những tài liệu này có tính chất lịch sử nên để nguyên như thế.

Dịch bài thi :

Ngoảnh lại giang sơn luống lãng lơ (lửng lơ)
Anh hùng rầu rĩ khóc người xơ.
Muôn dân tôi tớ phường quyền mạnh
Tám vế văn chương giấc ngủ mơ.
Dày mặt (1) mỉa mai đành chịu mãi.
Thoát thân trói buộc biết bao giờ.
Người ta ai cũng tâm càn ấy,
Nghĩ đến vận này đã thấm chưa?

Dịch bài phú :

Kìa Châu Á trong vòng hoàn hải,
Khi đồng bào vác nỗi mây tuông,
Ngắm xem một cõi dinh hoàn,
Đều trông thấy kẻ lo buồn xiết bao,
Việc thế sự xôn xao sóng bể,
Mặt anh hùng rầu rĩ non sông,
Nói ra ai chẳng thẹn thuồng.
Sao ta cứ một cái lòng thế thôi?
Sực thấy chữ tương lai mà sợ,
Còn mơ màng giấc ngủ như không
Ai ôi đứng dậy mà trông
Nước ta một góc Á Đông kém gì!
Trên Hồng lạc dưới thì Trần Lý
Kề nhơn tâm sĩ khí ai bì
Kìa xem Lãnh Biểu xưa kia
Mã Nhi thuở nọ còn bia đành rành
Một trận đánh Chiêm Thành đã khiếp

(1) Mặt dày mày dạn (tục ngữ).

Mấy nhiêu năm Chơn Lạp mở cương
Nước ta xưa vẫn phú cường
Những điều hay lạ có nhường chi ai
Bởi vì thuở những người thất sách
Đến thế này còn trách ai đâu.
Ngũ ngôn bát cổ đôi câu,
Đường khoa mục bắc làm cầu cùng nơi
Giữ một lời nghe hơi văn sách
Bia dội đường nghiêu Chích khen chê
Lời văn rặt giọng Tàu bè,
Vài câu tứ lục cũng nghề từ chương.
Chỉ lấm lét thấy vàng giữa chợ
Rủ nhau ra cướp của ăn không
Một đời mấy mặt anh hùng
Ngọc dâng vua Sở, ai dùng làm chi?
Ôi những kẻ than vì tài lợi.
Còn nghĩ gì đến cái thân danh
Lại xô một lũ thơ sanh
Trói vào một cái hư danh thế nào!
Nghĩ như thế cớ sao nên thế?
Còn mong gì mỗi vẻ mỗi hay
Đau đớn thay nỗi nước này,
Bởi ai gây dựng đến rày tại ai?
Đều trông thấy đắng cay khôn xiết
Lại một ngày một siết ruột đa,
Tính trong cái thuế dân nhà,
Thôi đà hết sạch rồi ra còn gì!

Coi như thế trăm bề chịu khuất,
Lại lọc lừa cất đặt trăm quan.
Mình thì lạy lạy, van van,
Nó coi như thế một đàn nó nuôi.
Cơ sự thế dại rồi đã vậy
Tai họa này khôn chạy cho mau !
Nào ai nghĩ thảm lo sầu,
Thì theo lối nghĩa chớ cầu đường danh.
Lại thốt những thơ sanh quan lại,
Rủ nhau ra theo mái nhung hiên
Hơi còn mạnh, sức còn bền
May ra đập phủ chìm thuyền có khi.
Sống vô ích, sướng gì cái sống
Chết nên công chết cũng nên đời,
Cớ sao ngày tháng dông dài,
Cầm như cái chuyện ở ngoài không nghe.
Lại vẫn giữ lấy nghề hủ liệt
Đành say mê sống chết với thân,
Khác nào như kẻ phụ nhân,
Đã cam sỉ nhục muôn phần thế thôi !
Lại chẳng khác chi đời lính lệ,
Đằng bôn xu như thể tôi đòi,
Than ôi ! cũng một giống người,
Ruột gan máu mủ cũng người giống ta !
Nghĩ trời đất sanh ra còn tủi,
Chớ một mình thẹn với non sông,
Tôi nay thề quyết một lòng
Thề rằng việc ấy cho xong mới rồi.

Việc nhơn thế thử coi mà gẫm
Vận tang thương một bóng xanh xanh
Trời Nam bề Sở mông mênh
Cái thân chích địa nghĩ mình xót xa.
Nhìn thu lạnh sương sa lác đác,
Cửa thần môn lén bước, bước ra
Ngất trời một giải xa xa,
Thuyền tiên trông đã vượt ra non thần.
Bến Dịch thủy chần ngần đứng nghỉ
Tiễn đưa người giọt lụy chứa chan.
Một lời như khóc, như than,
Thôi còn Lương Ngọc, Danh Sơn làm gì?

Cả hai bài thi và phú đều ký bằng một tên giả : Đào mộng Giác. Vì số học sinh thi có đến năm bảy trăm theo lệ khảo mỗi tháng mà viên đốc học người Quảng Nam nhà có tang xin nghỉ, quan tỉnh chủ trương ngày khảo phúc nên sự hiện diện của các thí sinh mới không ai chú ý. Thế là những anh chàng Đào mộng Giác sau vụ ấy lẹ lẹ rút lui.

Chúng ta có thể đoán sự sửng sốt, hãi hùng của bọn quan lại chuyên cúi đầu, khom lưng khi đọc những bản văn trầm hùng ấy đã có phản ứng ra sao ? Thật khó mà tưởng tượng ra cho hết. Họ chỉ còn biết « *một mặt đệ quyền ấy ra triều đình Huế, một mặt cho nã tên Đào mộng Giác và bắt một số học trò trong tộc Đào thuộc tỉnh Bình Định là tộc của cụ Đào phan Duân và Đào Tấn để tra hỏi (...). Ban quan lại tỉnh ấy lấy làm hổ thẹn nên không tư sứ và bỏ qua việc ấy.* »

(*Tiểu sử T.Q.C. trang 11*)

Đó là các quan, còn phản ứng của giới nho sĩ ra sao ? Tuy không có bản văn nào ghi lại cho rõ, nhưng ta có thể đoán ra dễ dàng. Lẽ tất nhiên là khi bản nháp do bọn các ông Nguyễn quý Anh lúc ấy còn học tại Trường Bình Định lộ ra là các thí sinh chỉ còn há mồm, há miệng, ghi ghi, chép chép, một truyền mười, mười truyền trăm... Không kể những bài chữ Hán mà sau những bài này dịch văn nôm nhất là bản dịch Danh Sơn Lương Ngọc Phú sức truyền bá trong dân chúng rất mạnh. Bảo làm sao người ưu thời mẫn thế có thể đọc tới những câu :

Một lời như khóc như than,

Thôi còn Lương Ngọc, Danh San làm gì !

mà có thể cầm được ưs cảm động bồi hồi. Thật đúng như Huỳnh thúc Kháng nhận xét, đó là «*một tiếng sét đánh vang lừng cả nước*» vậy.

Lúc các quan lại Bình Định xôn xao bắt bớ thì các ông đã vào tới Phú Yên. Bộ ba *kiếm hiệp tân thời* ấy cùng các đệ tử lại hăng hái tiến trên con đường khai triển Duy Tân với lòng nồng nhiệt. Lúc đi ngang Nha Trang, được tin chiến hạm Nga đậu tại Cam Ranh, bộ ba *kiếm khách* liền nổi tò mò, muốn xem cho thỏa. Họ liền mua trứng gà cùng các thứ trái cây rồi giả làm khách buôn, thuê một chiếc thuyền đánh cá để leo lên coi cho khoái mắt. Huỳnh thúc Kháng nhận xét : « Đấy chẳng qua vì tính thiếu niên háo kỳ chớ không có gì » (tự truyện 27-28). Nhưng chắc chắn chữ háo kỳ ấy còn có nghĩa so sánh, nhận định. Thời bấy giờ, hạm đội Nga lừng

lẫy trong Thế giới. Nước Nhật Bản mới nở mũi kia đánh cho nó những vố kinh thiên động địa thì chắc chắn nó phải gây rất nhiều cảm tưởng sâu xa trong tâm hồn những chàng thanh niên đang tôn thờ *tôn giáo Duy Tân* kia đến đâu ! Chỉ mới ba mươi năm, chưa tới nửa đời người, Nhật đã bước một bước vĩ đại như thế, nếu chúng ta cũng dám Duy Tân, chả lẽ ba mươi năm sau, không làm nên nổi một tiếng vang khiêm nhượng nào hay sao ? Cuộc xem tàu ngoại quốc «*rất khoái*» (theo H. T.K.) ấy đã gây cho họ những nhận định chắc chắn là rất thực tế cũng như với óc thực tế, Phan châu Trinh đã lên tàu Nga đang đánh với Nhật rồi qua luôn tận xứ sở nước đã chiến thắng (Nhật Bản) kia để quan sát, để nhận định nữa. Và hình như ông không bị lóa mắt trước sự Duy Tân nặng về hình thức... Với ông, Duy Tân trước hết là nội dung, là *Dân quyền*. Không có dân quyền làm căn bản, không thể tự cường, không thể có Duy Tân đúng, hợp lòng người, đạo trời được. Và nay, ông đang đi, như một nhà truyền giáo, truyền bá cái chủ nghĩa Dân Quyền...

Rời Cam Ranh, họ vào Bình Thuận giữa tháng năm. Ba kiếm khách vừa vào tới nơi thì Phan châu Trinh thọ bệnh (1) Huỳnh thúc Kháng và Trần quí Cáp đi tìm người thanh khí, những cái tên được nhắc lại cũng không khác những cái tên mà xưa kia Nguyễn lộ Trạch đã

(1) *Một số tài liệu sau đây, viết theo Châu hải Kỳ — Bách Khoa 101 (1961) còn thơ thì chép theo Tây Hồ Thi Tập, trừ bài thứ nhất,*

từng gặp: Trương gia Mô, Nguyễn trọng Lợi (Huỳnh thúc Kháng gọi Nguyễn trọng Lôi, anh ruột của Quý Anh sau sáng lập hội Liên Thành) và thêm Hồ tá Bang. Huỳnh thúc Kháng có làm bài thơ để mô tả tỉnh Bình Thuận lúc mới đặt chân tới.

Bình Thuận xứ này mới trải qua,
Nửa thời Hời mọi, nửa dân ta.
Gái lo trang điểm màu son phấn,
Trai lại trau tria cuộc ngựa gà.
Thanh khí rán bòn năm bảy kẻ.
Văn chương cằn sảy một đôi nhà.
Ai về đất Quảng ta xin nhắn,
Bình Thuận xứ này mới trải qua.

Chắc công cuộc kiếm bạn đồng hành không được dễ dàng và nhiều qua câu: «Thanh khí rán bòn năm bảy kẻ», còn văn học thì chưa lấy gì làm mở mang qua câu: «cằn sảy một đôi nhà». Trong khi ấy thì gái điểm tô son phấn, trai lo đánh ngựa, đá gà. Thật đáng thất vọng! Nhưng từ mảnh đất thất vọng đó, một nguồn sinh lực mới, dồi dào bắt đầu nẩy nở cùng với bước chân của ba hiệp sĩ. Sau đó hơn một tháng (theo Huỳnh thúc Kháng trong tự truyện, chứ không phải đôi ba hôm như Châu hải Kỳ) hai ông Huỳnh thúc Kháng và Trần quí Cáp về Quảng Nam. Còn Phan châu Trinh ở lại.

Phan châu Trinh bị bệnh, không hiểu vì phải phấn đấu quá nhiều, nói không hở miệng, đi không hở chân hay vì những năm ở núi non lao lực, lại chắc chắn

không tránh được bệnh sốt rét, nay sau buổi trèo non, vượt suối đã tác hại ông ? Nhưng ta cũng biết : dầu đau ốm gì, cái miệng ông đâu có chịu đau ! Ông vẫn nói bằng miệng, viết bằng tay. Và đây là một bàn *Cờ Tướng* để ông có cơ hội trình bày — hình như thế — thực trạng của Triều đình Việt Nam (Nam triều) thuở ấy :

Một ông tướng lác đứng trong cung.
Sĩ tượng khoanh tay chẳng vẫy vùng
Pháo giở hai cây nằm dưới góc,
Tốt đâu năm chú đứng bên sông.
Lờ khờ cặp ngựa đi tam cố
Lạc xạc đôi xe chạy tứ tung (1)
Đương cuộc ai xui mê đến thế.
Họa là tiên xuống giúp cho cùng.

Đó, những lý lẽ để phải Duy Tân : Nếu không gấp tự cường thì lực lượng kia chỉ còn biết vĩnh kiếp đầu hàng, chịu nhục trừ phi... tiên xuống giúp. Nhưng tiên làm gì có trong cảnh « cảm tác » này :

Gió, tố, dông, mưa đổ lộn phèo,
Trời già chi nở thắt khi eo
Gầm mùi trung hiếu nên cay đắng
Dở túi văn chương đã mốc meo,
Bọn điếm lăng xăng lo chợ cháy.
Con hoang lơ lững khóc cha nghèo.

---

(1) *Thơ xưa mà đến hai câu này kể cũng là khéo.* **Tam cố** *có nghĩa là âu, tiếng Quảng rất thông dụng mà đối với* **tứ tung** *cũng có nghĩa vô mục đích, vừa ta, lại vừa tàu mà rất chỉnh.*

Hai câu luận này Phan châu Trinh rất đắc ý. Trong một số báo Tiếng Dân có đăng bài « Lối học khoa cử » (1) Huỳnh thúc Kháng *có viết : Cụ Tây Hồ (...) bình sanh phản đối Tống nho, và Tây học lại có con mắt đặc biệt phát kiến nhiều chỗ tinh túy (chữ « Dân quyền » ở xứ ta cụ hô hào trước nhất) trong một bài thi cảm tác tả cái hiện tượng nước ta trong khoảng quá độ này có câu :*

Bợm *điếm lăng xăng lo chợ cháy,*
Con hoang lơ lửng khóc cha nghèo.

(...) Cái độc Tống nho cùng khoa cử mà còn đeo ở cái não của người mình thì bề ngoài dầu Âu hóa, dầu Tây học rầm rộ thế nào, mà bề trong không khỏi phạm vào câu thơ cụ Tây Hồ nói trên : cha đã nghèo mà con lại hoang thì trừ bọn « bợm *điếm lo chợ cháy» ra, không còn mong có công việc gì là thực tế.*

Nhưng dù thực trạng có đau lòng mà tác giả vẫn không thất vọng. Ông hô hào đập cái túi văn chương mốc meo đó đi đề :

Non cao, bể rộng mênh mông cả,
Mặc sức bơi chơi, mặc sức trèo.

Những lúc rỗi rảnh khác, ông cũng họa thi các bạn. Còn lại một bài họa với Ông Trương gia Mô :

Mưa giầm ai gội, nắng ai dang ?
Sực nhớ ông Chi khóc dạo đàng.

---

(1) *Lối học khoa cử và lối học của Tống nho có phải là học Đạo Khổng Mạnh không ? của Minh Viên H.T.K. có in lại trong Khổng học Đăng quyển II nhà xuất bản Anh minh 1957.*

Rắn mắt dò chơi then tạo hóa,
Sẵn vai nhắc thử gánh giang sơn
Gió đông, nước cũ lòng nhưng (vẫn) bận,
Cây cỏ non tiên dạ vẫn màng (1)

. . . .

Ông Chi là Cao Sơn Chánh Chi, người Đảng Duy Tân bên Nhật. Rủ nhau nhắc gánh giang sơn lên vai và có một niềm tin lớn lao ở Duy Tân : ở đó vẽ ra không phải một nước Việt Nam ủ rũ, héo hon trong cảnh *gió đông* mà là rực rỡ « cây cỏ non tiên » huyền diệu, xanh tươi ! Ôi ! những tưởng tượng thuở ban đầu !

Đó là những công cuộc vận động Duy Tân bằng thi ca. Còn những cuộc vận động khác quan trọng, hăng hái, tích cực diễn ra từ tháng 5 đến tháng 9 năm 1905 như sau :

— *Lập một « thơ xã » mệnh danh là nhà giảng sách tại đình Phú Tại để giảng những sách báo của Hồ Thích (2), Lương khải Siêu... nhằm việc phổ biến những tư tưởng mới về dân chủ, tự cường. Cụ (P.C.T) là diễn giả chính. Số*

---

(1) *3 bài thơ này đều có in trong Tây Hồ và Santé thi tập (sđd) đề là làm ở Phan Thiết.*

(2) *Chắc ông Châu hải Kỳ lầm vì Hồ Thích sinh năm 1891 lúc ấy mới 14 tuổi, còn học khoảng lớp nhì ở Thượng Hải. Đúng ra là sách của Khang hữu Vi.*

Ngoài ra cũng xin nói rõ : các thành tích này của PTDT Bình Thuận đáng lẽ chỉ nên in ở các chương 13, 14 Phần 3, nhưng vì sự thuận lợi riêng, tôi in ở đây để bạn đọc tiện theo dõi.

người đến nghe chưa được bao lăm. Tuy vậy, những cuộc nói chuyện thường hào hứng, vì cụ giảng rõ ràng, dễ hiểu, làm chuyển được lòng người nghe.

— Chủ xướng hội « Thanh niên thể dục » lấy tên là « Dục Thanh » mà người đứng lập là ông Nguyễn trọng Lợi cốt để dạy học theo tinh thần mới. Trường mở tại nhà cụ Nguyễn Thông.

(Nguyễn Thông theo Huỳnh thúc Kháng, hiệu Kỳ Xuyên, chống sách Tiết yếu của Bùi huy Bích và có dâng sớ xin cải cách việc học, việc thi. Ông là nhân sĩ rất nổi tiếng như Nguyễn Siêu (Thần Siêu Thánh Quát), Nguyễn bá Nghi. Lúc bấy giờ chắc ông đã chết.)

Ông Lương thúc Kỳ (cha vợ ông Phan Khôi) đứng làm giáo viên. Ông chỉ dạy được một tuần thì có « lệnh ngoài » đánh vào bắt một lần với Ông Trương gia Hội, con của nhà chí sĩ cách mạng Trương gia Mô. Trường Dục Thanh do đó cũng bị đóng cửa.

Chủ xướng vấn đề tổ chức những hội kinh tài cốt lấy huê lợi nuôi học sinh mà năm 1906, hội Liên Thành một công ty thương mãi (cá, nước mắm) cũng do Ông Nguyễn trọng Lợi (người đầu tiên đứng ra khuyếch trương thương nghiệp tại Bình Thuận) thành lập ra đời. Công Ty Liên Thành là một Công Ty lớn nhất và được thành lập trước tiên ở nước nhà (*). (xem c.t. trang 138).

Những tài liệu trên (in nghiêng) do chính bà Lương thức Kỳ giúp cho ông Châu hải Kỳ. Tôi kiểm lại thì chỉ sai vài điểm so với các tài liệu khác(**) (xem c.t. trang 138).

Ông Châu hải Kỳ nhận xét rất đúng :

Nhờ cụ Phan châu Trinh chủ xướng, khuyến khích, giáo dục công, tớương hội mà phong trào truềyn bá canh tân, mở mang thương nghiệp, chấn hưng công nghệ đã được khởi phát và thực hiện tại Bình Thuận sớm hơn ở Bắc phần và Nam phần.

*
* *

Tháng 9 năm 1905 có một thanh niên họ Trương con nhà thế gia ở Nam Kỳ ra ở Phan Rí chịu cáng đáng công việc Nam Du của Phan châu Trinh. Ông ở lại chờ rồi được thơ của họ Trương gởi ra cho biết cậu không thể trở lại và giục ông vào gấp. Cũng cùng lúc ấy, được

---

(*) *Theo ông Nguyễn Hiến Lê trong cuốn Đông Kinh Nghĩa Thục thì do một nhà cách mạng khác, cụ Nguyễn hữu Hoàn, phong trào lan vào Bình Thuận. Cụ quê ở Hà Tĩnh vì dự vào việc xin giảm sưu ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, sau một cuộc đàn áp năm 1909-1910 cụ phải bỏ nhà vào ẩn náu ở làng Tam Tân (...) dạy học theo tinh thần Đông kinh Nghĩa Thục, nhờ vậy dân chúng ở miền đó cũng duy tân một phần nào... Tại tỉnh lỵ Bình Thuận hình như ông cũng có một lớp do một cụ Tú điều khiển.*

Nhưng theo sự tham hỏi của chúng tôi thì việc gây cơ sở cho nền học mới và chấn hưng thương nghiệp được xúc tiến trước Đông Kinh Nghĩa Thục ngay từ thời kỳ cụ Phan Tây Hồ vào Bình Thuận (1905), không phải đợi đến hồi cụ Nguyễn hữa Hoàn vào phong trào mới phát khởi.

(Châu hải Kỳ ghi chú)

(**) *Chỉ có điểm đóng cửa Trường* : năm 1908, nhờ Công Sứ Gac Nhe mà Bình Thuận không bị đóng cửa Trường, và cơ sở thương mãi. *Tài liệu Trung Kỳ Dân biến của Phan châu Trinh, xem các chương cuối sách. Và đây là điểm khá quan hệ.*

thư anh em giục ra Bắc, ông liền viết thư đáp lời họ Trương, cho biết dự định mới của mình rồi trở về.

Tuy trên đường về nôn nả là thế mà Phan châu Trinh không bao giờ bỏ một cơ hội thuận lợi nào để thực hiện chí hướng của mình. Có người sẽ hỏi : thì giờ gấp rút như thế, đâu có đủ để thuyết phục kẻ này, người nọ ; nội mỗi việc làm quen với họ cũng đã mất biết bao nhiêu thời gian rồi.

Hiểu như thế là chưa rõ cái liên hệ của sĩ phu thời ấy. Họ sẵn sàng để quen nhau, chỉ cần một cái bằng, một người bạn, một cái tên giáo sư nào đó, vài câu thơ, một điển tích ... Có khi khéo vận dụng những «khí cụ» ấy người ta có thể quen nhau, thân nhau trong giây lát, dù chưa hề biết chút nào về nhau. Và Phan châu Trinh đã tận dụng trí khôn để tiếp xúc và thuyết phục. Và tùy hạng người, tùy trình độ, học vấn, tâm tính mà ông có một lối để kết giao và tuyên truyền không ai giống ai.

Chẳng hạn khi ở Phan Rang nghe nói đến Quản Đạo là người Nam Kỳ, hơi thông chữ Hán có tánh tự phụ, khinh người. Ông Phan chưa hề quen biết, song vẫn nghe tiếng. Nhân đi ngang qua đấy, thấy viên Quản Đạo, liềnđi thẳng vào, ngồi đối diện nói chuyện. Viên Quản Đạo (một chức quan cao cấp) lấy làm lạ, Phan châu Trinh bảo :

— Ông quên tôi sao ? Sao không có ký tánh (tính nhớ) thế ?

Quản Đạo ngồi nghĩ mãi không ra. Ông Phan bảo :

— Thong thả ông sẽ nhớ lại, xin cứ ngồi nói chuyện đã.

Ông Phan thuật chuyện Nam Du và nói :

— Trước nghĩ rằng Nam Trung (Nam Kỳ) là đất Yên Triệu (1) nước ta, chắc nhiều người bi ca khẳng khái (2). Nay xem lại thì chỗ thấy không được như chỗ nghe. Nói xong, Ông Phan lấy bức thư định gởi cho họ Trương nói trên và đọc cho Quản Đạo nghe. Đại khái nói thời cuộc cạnh tranh cùng nước nhà suy sút, nòi giống tiêu mòn, người có huyết tánh không lẽ ngồi yên được v.v...

Quản Đạo biết ông khách lạ nói khích mình, liền khen :

— Như ông thật là người có đại chí.

Phan châu Trinh đáp :

— Sinh trong nước Nam ta ngày nay, mà không có lòng lo đến chủng tộc thì không phải người nữa, có gì là đại chí. Quản Đạo biết ông Phan là người khác thường, đãi một cách kính trọng. Đến bây giờ, ông mới nói tên họ của mình rồi ra đi.

Với các quan lại trong chỗ thâm tình, ông lại đối xử một cách khác. Lúc về tới Bình Định, vào thăm ông huyện Phù Cát, Nguyễn quí Long, ông ấy tuy làm quan mà óc khoáng đảng chỉ thích nghe những chuyện Duy Tân, Dân Quyền. Lúc lên đường còn dùng dằng mãi

---

(1) *Yên Triệu : đất nước Tàu thời cổ, nhiều người hào hiệp.*

(2) *Bi ca khảng khái : vì đau đời mà làm thơ ca bày cái ý khảng khái ra.*

chưa chịu rời tay và sách câu lưu dẫn. Phan châu Trinh liền đọc:

Lòng nhọc chánh thì trơn, một cái đờn ca nghe đất dậy.

Kẻ đi người ở lại, hai ta tâm sự phú trời soi.

Ông huyện vô cùng hỉ hả như được của báu. Vả chăng làm sao khỏi đắc ý khi có người bảo: *hai ta tâm sự phú trời soi?* Thế thì họ đã tâm sự những gì chắc phải bí mật và cần giữ kỹ trong thời gian đen tối nhất của lịch sử đấy ư?

Có lẽ thú nhất, lạ lùng và cảm động nhất là lần thuyết phục ông An Ba lúc về qua Quảng Ngãi. Ông tên là Lê Khiết, bố chánh hưu, ở làng An Ba, trước là môn hạ Thạch Trì Nguyễn Thân, một vị quan đã từng dẹp Cần Vương, oai danh chấn động Nam Bắc, *vào loại Việt gian đầu sỏ.* Nguyễn Thân có ý lãnh đạm đối với ông và ông cũng có óc mới ít nhiều. Trong lúc nói chuyện, Phan châu Trinh muốn dẫn tới con *đường mới* nên bàn nhân vật hiện thời và môn hạ Nguyễn Thân rồi nói khích:

— Môn hạ Thạch Trì không có người,

— Sao ông biết?

— Tài học, oai vọng như Thạch Trì và cầm quyền nước đã lâu, mà không làm được công danh sự nghiệp lớn lao, chỉ rút cuộc đời đến phú quý một mình mà thôi, môn hạ có người sao lại như thế?

— Ông có chỗ chưa rõ, sao lại không người?

— Dầu có thì Thạch Trì lại không dung được.

Lê Khiết nghe đến câu ấy toàn thân rúng động, hai tay vỗ mạnh bàn, đứng dậy cả cười mà nói:

— Thật có như lời ông nói đó !

Khích người đã khéo mà tôn người càng khéo hơn. Kể từ câu nói đó Lê Khiết trở thành một *nhân vật Mới.* Một người ít xúc động như Huỳnh thúc Kháng mà nhắc đến chuyện này cũng phải kết luận bùi ngùi :

« *Than ôi! Chỉ vì vài câu nói mà ông An Ba* (*Lê Khiết*) *trở nên một Tân nhân vật, chết về việc dân biến năm 1908. Nghe nói từ lúc gặp tiên sinh về sau, tới đâu cũng nói chuyện tiên sinh mà xưng tụng luôn (GNKN,LXX).*

Thật chẳng khác chi đọc truyện trong Đông Châu Liệt Quốc !

Lạ nhất là một người trẻ tuổi, mới trên ba mươi mà thuyết phục dễ dàng một vị quan hưu, gây những xúc động sâu xa mãnh liệt đến thế, biến một kẻ có nợ máu với dân (môn hạ đắc lực của Nguyễn Thân) thành một tân nhân vật với kết cuộc hùng dũng đến thế (bị xử tử vì dân biến), thì ta đủ biết thuật hùng biện, tài thâu phục người của Phan châu Trinh kỳ diệu tới đâu.

Biết bao nhiêu sách vở ở Việt Nam chuyên kể tài của các tay sách sĩ ngoại quốc mà không bao giờ nhắc giai thoại này thì quả « bụt nhà không thiêng »...

Sau khi về đến Quảng Nam (nhân biết việc Phan bội Châu đi Nhật Bản đã về khi còn ở Phú Yên) Phan châu Trinh liền tìm gặp Nguyễn Thành và Trần quí Cáp bàn việc đi Bắc.

Khi ấy là tháng chạp năm 1905.

KHI PHAN CHÂU TRINH XUẤT NGOẠI TRỞ VỀ

PHAN châu Trinh từ sau Nam du, liên tiếp đó đọc những sách của Phan sào Nam ở Nhật gởi về, có nhiều chỗ đồng ý mà cũng có nhiều chỗ phản đối. Ông thấy cần phải gặp lại Sào Nam để thương xác cho rõ. Chúng ta cũng có thể đoán là ông có thể tán thành việc đưa học sinh ra ngoài để khai hóa nhưng không tán thành việc bạo động mà ông cho là chưa đến lúc. Nhất là ông có nhiều mối nghi ngờ đối với một nước Nhật hùng cường, nhưng cũng đi vào đúng con đường của đế quốc Tư Bản Tây Phương như Nguyễn lộ Trạch tiên liệu mà còn tệ hại hơn là thiếu một chủ nghĩa *Dân Quyền*. Vậy chuyến đi Nhật là cốt để khảo sát và xác nhận tận nơi, tận chỗ cái văn minh, cái hùng cường của Nhật và cả cái lý tưởng thực sự của họ là có mộng đế quốc tư bản hay muốn tìm ra một lối thoát nào khác cho những trang sử

mới của nhân loại trong đó có các nước thuộc địa của tư bản Âu Mỹ.

Cùng với ông Ích Đường, hai thày trò đi ra Hà Nội gặp sĩ phu ngoài ấy: Lương văn Can, Đào nguyên Phồ, Võ Hoành đề bàn kế Duy Tân (1) rồi vào trong Nghệ Tĩnh. Lần này hiển nhiên ông lại hội kiến với Ngô đức Kế (2) cùng các sĩ phu Duy Tân (nghĩa là có chủ trương khác với phe thiết huyết của Phan bội Châu) đề bàn một chương trình hành động. Người ta thường nhắc tới tổ chức *Minh xã*, theo Hoàng thúc Trâm, một người am hiểu tình hình thời ấy, có ghi trong Hán Việt Tân từ điển (Vĩnh Bảo Sàigòn năm 1951) thì *Minh Xã* : « Khoảng đầu thế kỷ 20, một nhóm chí sĩ Việt Nam, như Phan châu Trinh, Ngô đức Kế, Huỳnh thúc Khang có liên lạc nhau làm như một đoàn thể, mục đích cốt lay tỉnh đồng bào, cổ động Duy Tân, bài trừ những cái không thích hợp với hoàn cảnh và thời đại. Đoàn thể ấy được mệnh danh không chính thức, không công khai là *Minh Xã* ». Đã có Minh Xã, tất có *Âm xã*. Hoàng thúc Trâm định nghĩa : « Một hội xã bí mật ở hồi Pháp thuộc do một số chí sĩ Việt Nam tổ chức, chủ trương dùng vũ lực đề dành độc lập, đối với *Minh xã*. Phan bội Châu là người *Âm xã* ».

Thời đó, phong trào Duy Tân của Nghệ Tĩnh đã có lãnh tụ mặc nhiên là Ngô đức Kế, có tổ chức mệnh

---

(1) *Theo Nguyễn hiến Lê ĐKNT (sđd).*

(2) *Ta sẽ thấy ở các chương sau là Phan châu Trinh vốn là bạn văn của Ngô đức Kế từ trước.*

danh (chứ không có danh xưng) là *Minh xã* và dự bị (1) lập các cơ sở thiết yếu của Phong trào mà hợp thương Triều dương là một. Như thế, ta sẽ không ngạc nhiên khi *ngọn trào cúp tóc xin xâu* phát ra ở Quảng Nam, Nghệ Tĩnh đáp ứng rất mạnh mẽ vì đã đi sâu vào quần chúng. Sau khi rời Nghệ Tĩnh, Phan châu Trinh đi thẳng ra tỉnh Lạng vào đồn Hoàng hoa Thám, vị anh hùng lừng lẫy cuối cùng của lực lượng *Văn Thân Cần Vương cổ* (để phân biệt với tân Văn Thân Cần Vương của Phan bội Châu). Huỳnh thúc Kháng ghi :

« *Ông Đề Thám cứ đất Phồn Xương, hơn hai mươi năm tiếng lừng cả nước, những người tới đó, ai cũng khiếp oai ông ta, chỉ tán dương nhảm mà không dám khả phủ gì, và có kẻ dua hót nữa. Tiên sinh (Phan châu Trinh) tới ngồi ngay nói chuyện, biện chiết rành rẽ, nói ngay rằng : phải mở mang cơ cuộc ra thế nào, chớ cái thế thì không tồn tại được. Môn hạ Đề Thám nhiều người không bằng lòng, mà ông ta thì kính trọng tiên sinh lắm, muốn cầm ở lại giúp việc, tiên sinh từ đi. Sau ông ta nghe tiên sinh bị bắt ở Hà Nội, bảo bọn môn hạ rằng : nếu ông ấy nghe lời ta ở đây, đã khỏi bị nạn. Không dè tiên sinh đi được vài năm mà đồn Phồn Xương cũng tan, hẳn như lời tiên sinh đã liệu trước. (GNKN LXX)*

Tôi chép lại đoạn cuối, việc xảy ra về sau, cốt ý để bạn đọc thấy rằng điều tiên kiến của một *nhà cách mạng*

---

(1) *Có thể là đã lập xong, vì theo Phan bội Châu cho biết (xem sau) thì các dự liệu này, ông đã nghe từ tháng 7-1905.*

mới về lối *khởi nghĩa cũ* là đúng. Lẽ tất nhiên Phan châu Trinh cũng đã bị bắt, tổ chức bị diệt, nhưng chủ nghĩa dân quyền *vẫn sống* mà Hoàng hoa Thám bị diệt là chủ trương Văn Thân Cần Vương lối cổ thực sự *bị diệt hẳn.* Phan bội Châu sau này nếu không kịp thời theo dân chủ thì lý tưởng Văn Thân Cần Vương đổi mới ấy cũng chấm dứt cùng với cuộc khởi nghĩa cuối cùng trong nội địa của Thái Phiên và Trần cao Vân năm 1916.

Sau khi từ giã Hoàng hoa Thám, ông xuống Hải Phòng, sang Tàu, đến Hồng Kông gặp Cường Để rồi dẫn nhau sang Quảng Châu thăm Tán Thuật tức Nguyễn thiện Thuật, vị tướng oai danh của «giặc Bãi Sậy chống Pháp». Được ít lâu thì Phan bội Châu từ Nhật về Hồng Kông đón Cường Để và Phan châu Trinh sang Nhật, tháng 4 năm Bính Ngọ (1906) (1). Về cuộc gặp gỡ lại Phan châu Trinh, Sào Nam viết trong Tự Phán :

Hạ tuần tháng hai, cụ Tây Hồ tới Hương Cảng, Cụ cũng qua ngay thăm ông Lưu (Vĩnh Phúc) ông Nguyễn (Thiện Thuật) áo cụt, giày rách, đầu tóc bờm xờm, trông cụ như phường lao động nước ta, bởi vì cụ thay lốt làm một tên nấu bếp ở dưới tàu, mà cũng nhờ thủ đoạn ông Lý Tuệ chỉ lối. Cụ vào nhà Lưu, thấy chúng tôi, chưa chào đã cười, tôi dậy bắt tay cụ, vui không thể nói được.

Sau mấy câu chuyện thường, tôi đem bài khuyến Du học cho Cụ xem, Cụ khenh ay. Đến xem tới **Duy Tân hội Chương Trình** *Cụ lặng thinh, không trả lời, chỉ nói* «*Tôi rất muốn qua*

(1) Cuộc đời cách mạng Cường Để (sđd) trang 22.

Nhật Bản một lần rồi liền về nước». Thương tâm nhân biệt hữu hoài bão ! (1) Chính là ý tứ Cụ từ lúc đó.

Tôi với Cụ ríu rít với nhau ở Quảng Đông hơn 10 ngày, hằng ngày khi bàn đến việc nước, cụ hết sức công kích những tội ác của dân tộc độc phu (2) mà nói đến hiện triều quân chủ, họa quốc ương dân càng tỏ ra ý nghiến răng rách mắt, hình như Cụ nghĩ rằng cái tệ quân chủ chuyên chế không trừ thì tuy phục quốc cũng chưa phải là hạnh phúc.

(T.P. trang 69)

Lúc qua Nhật Bản, Sào Nam ghi :

« Hồi tôi lên Đông Kinh, cụ Tây Hồ cũng đi với tôi, thăm qua khắp các học đường, và khảo sát khắp những công việc chính trị, giáo dục của Nhật Bản. Cụ bảo tôi rằng : « Trình độ dân Nhật Bản như thế, mà trình độ dân ta như thế, không nô lệ sao được ! Được bấy nhiêu học sinh vào nhà học Nhật Bản là sự nghiệp rất lớn của ông. Từ nay nên lưu Đông yên nghỉ, chăm việc làm sách, bất tất nói bài Pháp làm gì. Chỉ nên đề xướng Dân quyền, dân đã biết có quyền thì việc khác có thể tính lần được.

Từ đó luôn 10 ngày hơn, tôi với cụ bàn bạc, ý kiến rất trái nhau : cụ thì muốn đánh đổ quân chủ, mà cốt vun trồng lấy nền tảng dân quyền, hãy dựa vào Pháp mà đánh đổ

---

(1) Do lòng xót xa mà có một hoài bão riêng — kể từ chỗ này, Phan bội Châu xác nhận Phan châu Trinh có đường lối khác hẳn mình.

(2) Giặc của dân, kẻ không ở với ai, không ai chịu nổi, ám chỉ nhà vua.

quân chủ. Còn ý tôi thì trước muốn đánh đổ người Pháp, chờ lúc nước nhà độc lập rồi mới bàn đến việc khác. Đương lúc đánh với Pháp phải lợi dụng quân chủ.

Chính kiến của hai người rất phản đối nhau, Cụ với tôi đồng một mục đích, mà thủ đoạn thì khác nhau. Cụ thì muốn dựa Pháp đánh đổ quân quyền mà tôi thì bài Pháp phục Việt, mâu thuẫn là thế. Tuy chính kiến vẫn trái nhau, mà ý kiến rất ưa nhau.

(*T.P. 71*)

Ở trong Ngục Trung Thư, Phan bội Châu cho biết có lần Phan châu Trinh nói với ông :

— *Xem dân trí Nhật Bản rồi đem dân trí ta ra so sánh, thật không khác gì muốn đem con gà con đọ với con chim cắt già. Giờ Bác ở đây, nên chuyên tâm ra sức vào việc văn, thức tỉnh đồng bào cho khỏi tai điếc, mắt đui, còn việc mở mang dìu dắt ở trong nước nhà thì tôi xin lãnh. Lưỡi tôi đang còn, người Pháp chẳng làm gì tôi được mà lo.*

(*N.T.T. trang 51*)

Vin vào lời này của Phan châu Trinh, nhiều người vẫn yên trí là hai ông đã phân công cho nhau một cách sòng phẳng và như thế thì họ vẫn là đồng chí của nhau, chỉ khác vài ý kiến tuy vẫn chung mục đích.

Sự thật nói thế là mơ hồ. Ở trên có nói rõ là Phan châu Trinh, chỉ đồng ý việc đưa du học sinh xuất ngoại mà thôi. Còn cái chương trình của hội Duy Tân (tức Quang Phục Hội trá hình) ông lặng thinh, không nói gì rồi sau này bảo riêng với Phan bội Châu « *bất*

tất bài Pháp làm gì» khi ta còn đang ở tình trạng gần như tê liệt. Cần tuyên bố dân quyền, dân đã có quyền thật sự thì việc gì mà họ chả làm được (kể cả việc đánh Pháp). Vậy cái quan hệ là tạm thời dựa Pháp để diệt quân chủ, chặt tay bọn quan lại để trao quyền cho dân. Lúc bấy giờ Dân đứng lên duy tân mọi phương diện rồi thì lẽ tất nhiên họ sẽ phải sống chết bảo vệ các quyền lợi của họ mà chiến đấu chống thực dân là mục tiêu thiết yếu. Cũng qua cuộc trao đổi này, ta thấy rõ ràng là Phan châu Trinh, Huỳnh thúc Kháng, Trần quí Cáp (?) chỉ chơi với Sào Nam và Nguyễn Thành ở bề ngoài, chứ *chưa bao giờ là đồng chí của nhau* (1), chưa bao giờ ! Thậm chí cái chương trình của hội Duy Tân, đến bây giờ, ra nước ngoài Phan châu Trinh mới thấy.

Họ vẫn có thể hỗ trợ nhau, liên kết nhau, nhưng chính kiến hoàn toàn khác biệt nhau như, chính Phan sào Nam công nhận. Mà cho đến đồng nhân của ai thì chỉ người ấy biết, người ấy giao thiệp chứ ít khi có sự lẫn lộn, ngoại trừ trường hợp đặc biệt nào đó. Ngay trong lúc hai ông Phan chia tay, Sào Nam cũng vô tình cho ta thấy sự phân biệt sâu xa, tách bạch ấy.

Lần ấy là tiễn biệt lúc cuối cùng. Cụ (PCT) có nói với tôi rằng : «*Ông hết sức trân trọng, Quốc Dân hy vọng*

(1) *Chỗ Trần quí Cáp tôi đánh dấu ? Vì có tài liệu cho thấy là Trần quí Cáp có hợp tác mấy năm với Nguyễn Thành trong công cuộc mưu đồ bí mật này, nhưng hình như Phan bội Châu không biết rõ như đã nói ở phần « phát động phong trào » trên kia.*

chỉ nơi mình ông, Kỳ ngoại hầu không cần gì đâu». Tôi kính vâng lời đinh ninh tái hội và cậy nói với các ngài như cụ Thạnh Bình, Thái Xuyên, Tập Xuyên hết sức mở trí dân, kiết tập đoàn thể sẽ làm hậu thuẫn. (T.P. trang 72)

Rõ ràng trong mắt Sào Nam, phái Duy Tân do Phan châu Trinh lãnh đạo đã được mặc nhiên công nhận, đã tách bạch với Phục quốc hội. Và những Thạnh Bình (Huỳnh thúc Kháng) Thái Xuyên (Trần quí Cáp) Tập Xuyên (Ngô đức Kế) đều là những lãnh tụ của Phái Duy Tân ấy mà ông gởi lời thăm chung, không lẫn lộn với đồng nhân của mình.

Phan châu Trinh cũng công nhận Phan bội Châu, sẽ giúp du học sinh phong trào Đông Du và sẽ đạp đổ Cường Để bằng cách công bố Dân quyền.

***

Theo Huỳnh thúc Kháng thì khi Sào Nam đi rồi tiếp Phan châu Trinh Đông độ, người trong nước nhao nhao không biết làm gì, chỉ nhón chân, ngóng cổ, chống cho mắt mà trông ra ngoài, nay đồn huyền chuyện này, mai thăm lom chuyện khác, lộn xộn cả ngày mà không lo chuyện gì cả. Thoạt nghe tin tiên sinh về, kẻ nhát gan thì bưng tai, le lưỡi, người dạn thì trợn mắt giương mày, tiếng tăm rầm lên, cái tâm lý người nước đối với tiên sinh Đông độ trở về, nửa mừng, nửa sợ, phần nghi ngờ, phần sai trác, không biết đâu vào đâu, thành ra một cái quái tượng có đủ mấy vẻ. (G.N.K.N. ch.8)

Sau những bàn tán nào mang viện binh Nhật về, nào không dám về Trung Kỳ... lại đến những người trong đảng Sào Nam gởi thư sang Nhật, bảo Phan châu Trinh về không có lợi cho những hoạt động của Phong trào

Đông Du, vì ông xướng chủ nghĩa Dân chủ, Phan sào Nam có gởi cho Phan châu Trinh một bức thư (1) trong có đoạn: « *Gần đây, được tin đại huynh cùng các anh em đồng chí với những nghị luận ý chí mới mẻ, tẩy trừ những não cổ hủ để hấp dẫn tư tưởng mới, làm cho tinh thần tôi vô cùng dũng được (...). Nhưng than ôi! Trình độ nhân dân Việt Nam hiện còn ấu trĩ như răng chưa cứng, chân chưa mạnh, nếu sử dụng thì sao đang nổi. Nhân dân Việt Nam ta so với Tây Âu hãy còn kém họ xa lắm, như người còn đau, đang đâu nổi gánh nặng. Nhân dân ngu muội đói khổ, nay mình đem những lý luận cao siêu mà áp dụng không sao tránh khỏi những việc lảo đảo ngả nghiêng.*

Nay đem ra một lý thuyết mà người ta chưa biết đầu đuôi, rõ phía Nam, phía Bắc (...). Rồi sẽ vì ý kiến xung đột,

---

(1) *Sau đây Phan bội Châu cho biết lý do viết bức thư này.*

Khi đến Lưỡng Quảng đã hạ tuần tháng hai rồi, ông Lưu Ẩm Sinh (người Thừa Thiên) gấp muốn Đông độ, vì chuyến đi của ông này, cốt vâng đợi ý chí của Cụ Tiểu La và ông Ô Gia mong được giáp mặt Kỳ ngoại Hầu cấp cho một món văn kiện đề về trong điều giải ý kiến hai phái.

Nguyên trước kia tôi với các cụ Tiểu La đối với ông Kỳ ngoạ Hầu, vốn muốn lợi dụng quân chủ, để nghinh hợp nhân tâm, còn mục đích thật thì cốt ở khôi phục quốc gia mà thôi. Vì danh nghĩa ấy, sở dĩ sau khi tôi xuất dương, người phụ họa khá đông. Từ khi Cụ Tây Hồ ở Nhật Bản về, xướng mạnh lên thuyết « tôn dân đồ vua » sáng tỏ chính sách « Ỷ Pháp cầu tiến bộ » chuyên công kích quân chủ mà không nói đến người Pháp, dư luận một lúc thốt nhiên phân vân, cơ hồ nổi lên đảng tranh. Lưu Ẩm Sinh sở dĩ đi ra, chính vì lẽ ấy.

(Tự Phán trang 87)

hành động mâu thuẫn nhau. Thù ngoài chưa diệt, nội bộ chống nhau. Ôi dân chủ, Dân không còn nữa thì chủ vào đâu? Lúc bấy giờ, nếu Đại Huynh có bầu nhiệt huyết cũng không còn chỗ thi thố nữa (...). Vậy tôi đề nghị với Đại huynh với tình trạng nước ta, hãy chờ ít lâu nữa, Đại huynh xướng thuyết Dân chủ thì cử quốc đồng bào nhiệt liệt hưởng ứng, trong đó có tôi (1).

Muốn cho rõ hơn cái lý do khiến Sào Nam và Tây Hồ phải chống đối nhau, tôi dẫn thêm ra đây một đoạn khá dài trích trong Thi Tù Tùng Thoại do Huỳnh thúc Kháng viết về cuộc đối thoại giữa Tây Hồ với Thống Soái Sài-Gòn và sau đó Tây Hồ gởi thơ thuật lại cho Huỳnh thúc Kháng nghe:

Quan Thống Đốc hỏi:

— Ông có tư tưởng phản đối nước Pháp nữa không?

Cụ trả lời:

— Bản tâm tôi không có tư tưởng đó. Tôi phản đối cái chánh sách ngược đãi người Việt Nam chúng tôi, chớ không phản đối nước Pháp.

— Có quen biết Phan bội Châu không?

— Chính anh em bạn.

— Vậy, thì anh cũng đảng bài Pháp chớ gì?

— Phan bội Châu hiệu Sào Nam là một tay hào kiệt ái quốc của nước Nam, trong nước không ai không biết tiếng. Ngày tôi ở kinh đô Huế thường qua lại luôn, đến nghị luận việc nước thì ý kiến giữa tôi với Sào quân, hai bên không đồng mà lại trái nhau hẳn.

---

(1) *Phụ lục Tự Phán sđd.*

— Trái nhau thế nào?

— Phan quân nhận hẳn rằng người Pháp quyết không có thiệt lòng khai hóa cho người Nam nên nói việc khai hóa, trước phải tìm cách đánh đổ Chánh Phủ Pháp, mà muốn đánh đổ Chánh Phủ Pháp, không nhờ cậy thế lực một nước mạnh ngoài thì tự người Nam không làm gì được. Hiện nay nước mạnh duy Nhật Bản là nước đồng văn, đồng chủng nên cầu viện với Nhật Bản (1).

Tôi bác cái thuyết trên của Sào quân đi, lấy lẽ rằng người nước Nam chui núp dưới chính thể chuyên chế đã trên ngàn năm, chưa có tư cách quốc dân độc lập, dầu có nhờ cậy sức nước ngoài chỉ diễn cái trò « đổi chủ mà làm đầy tớ lần thứ hai » không có ích gì. Vả lại, nước Pháp là một nước làm tiền đạo văn minh cả hoàn cầu, nay hiện bảo hộ cả nước ta, mình nhân đó mà học theo, chuyên dụng tâm về mặt khai trí, trị sanh các việc thực dụng, dân trí đã mở, trình độ một ngày một cao tức là cái nền độc lập ngày sau ở đấy. Còn theo chính kiến « cậy sức nước ngoài » thì nó quanh co khúc chiết, mình không tự lập, ai cũng là kẻ cừu của mình, **Triều Tiên, Đài Loan cái gương rõ ràng, người Nhật chắc gì hơn người Pháp** (2)

Sào quân không nghe, cũng không nhận là phải, phủi áo ra đi, làm theo ý kiến mình.

— Vậy thì ông sang Nhật Bản là ý gì?

---

(1) Đây là tư tưởng lúc Cụ ở Nhật, sau đã đổi khác (HTK ghi chú như thế trong khi Phan bội Châu an trí ở Huế.)

(2) Tác giả sách này nhấn mạnh.

— Chính kiến của tôi, trái với chính kiến của Sào quân, Sào quân sang Nhật có chỗ đứng chân, bèn phát biểu chính kiến của mình, làm sách, làm báo gởi về trong nước, người nước Nam phần khổ với ngược chánh của quan lại, gia dĩ xâu cao thuế nặng, không biết kêu van vào đâu. Đương giữa lúc người đau cần thuốc, co lâu muốn duỗi, được sách của Sào quân cổ xúy, gãi nhằm chỗ ngứa, cả nước đều hưởng ứng, một kẻ xướng, muôn ngàn người họa, cái chính kiến «tự lực khai hóa» của tôi bị phong trào «đông học» che át, không xuất đầu ra được, không ai thèm nghe, thực sự trăm phần thiếu thốn, mà cái tiếng trống kêu dội sẽ gây ra mối nguy hiềm cho đường tương lai của quốc dân, không thể tránh được.

Bất đắc dĩ tôi mới băng mình vượt biển thẳng sang Nhật Bản, thuật rõ tình hình phù tháo và cảnh tượng nguy hiểm trong nước cho Sào quân nghe, khuyên Sào quân chăm lo đào tạo bạn thiếu niên du học mà gác tư tưởng hành vi «bạo động» đợi thời hội khác. Nhưng Sào Nam nhứt vị cố chấp, lấy lẽ rằng một nước êm đềm trong giấc ngủ như người bệnh gần chết, nếu không gióng trống to, trương cờ lớn, thổi kèn, gõ mõ, làm như giông sấm thì không sao thức thức giấc ngủ kia được.

Tôi ở Nhật vài tháng cùng Sào quân biện cãi nhiều lần rút cuộc Sào Nam không nghe, tôi bèn từ về, ấy là khoảng tháng 5, tháng 6 năm 1906.

. . . .

Thi Tù Tùng Thoại (TTTT) 104, 105, 106.
Huỳnh thúc Kháng. Tân Việt xuất bản.

Trên đây, lẽ tất nhiên Phan châu Trinh chỉ nói với đại diện thực dân những điều *có thể nói được*. Còn những chủ thuyết Dân quyền, sự ám trợ du học sinh, với *chủ trương gần* như gây phong trào dân kiện quan lại khắp nơi, để tăng uy thế cho dân, đẩy tới việc gây chia rẽ nội bộ thống trị tiến tới chặt lần tay chân Pháp để dân chủ hóa nền cai trị và *chủ trương xa*... mà hẳn nhiên một nhà cách mạng phải dự liệu, lẽ tất nhiên ông không nói. Tuy nhiên, qua cuộc đàm thoại ấy, ta cũng biết sơ lược nội dung chính kiến hai phái và lý do của sự chia rẽ trầm trọng lúc bấy giờ, sự chia rẽ khó cản lại được như mọi chia rẽ tất yếu của lịch sử.

Đối với Phan châu Trinh, trong chỗ sâu xa nhất của niềm tin, giá lúc ấy Nhật Bản có thật lòng mang quân qua giúp, chưa chắc ông tán thành. Ông đang say mê chủ thuyết Dân quyền chắc không tránh phần cuồng tín — huống chi ông sành lịch sử thế giới xem cái gương *Triều Tiên, Đài Loan* sờ sờ ra đấy mà trước ông cả chục năm, Nguyễn lộ Trạch cũng đã tiên liệu một nước Nhật Bản đế quốc rồi. Cường Để cũng cho biết : « *Ông Phan châu Trinh về nước đi diễn thuyết khắp nơi, đại khái nói sự trông cậy vào sự viện trợ của Nhật là một hy vọng viễn vông* ». Theo Phan châu Trinh, không chỉ viễn vông mà còn nguy hiểm là khác. Suốt thời kỳ ở Nhật, ông chưa tìm thấy ở đâu có dấu hiệu của một quốc gia Dân chủ mà trái lại, đó là chính thể độc tài, quân phiệt, tha thiết thực

hiện giấc mộng cuồng tín xâm lăng thi đua cùng đế quốc thực dân Âu Mỹ.

Bởi thế, là người của Dân quyền, nên đối với công cuộc của Phan bội Châu ở Hải ngoại, chỉ biết nhắm mắt nhắm mũi đề đánh, không chịu nhìn gần thấy xa, hẳn nhiên ông cho chỉ là phụ, có cũng được, không cũng được vì sẽ thất bại. Ông hoàn toàn không tin cậy gì ở sự thành tâm thiện chí của tân đế quốc Nhật Bản. Chính chỗ đó là chỗ hết sức sáng suốt của ông đúng như sau này Nhật đã lợi dụng phần nào Phong Trào Đông Du để thi hành hiệp ước có lợi với Pháp bằng cách nhẫn tâm đuổi du học sinh của ta, ấy thế mà khi họ xướng lên chủ nghĩa *Đại Đông Á*, xâm lăng trá hình, mà nhiều nhà chính trị của ta vẫn không chịu rút bài học cũ, bài học xương máu cũ, sẵn sàng hợp tác với họ để mang nhục thì thật thiếu kiến thức lịch sử (1). Phan châu Trinh đã tỏ ra có quan điểm chính trị cao, có óc quan sát sâu sắc và lý tưởng tiến bộ, hợp lý khiến sau này Phan bội Châu khi bị tân đế quốc Nhật đuổi ra khỏi nước, chợt giật mình tỉnh ngộ...

Thời kỳ ở Nhật đã thấy tinh thần sĩ phu vọng ngoại, về nước lại thấy óc trông mong người ngoài giúp đỡ

---

(1) Huỳnh thúc Kháng sau này không chịu nhận hợp tác với Nhật chắc chắn là vì đã rút được kinh nghiệm cũ. Xin xem : bức thư bí mật của Huỳnh thúc Kháng trả lời Cụ Cường Đề năm 1943.— *Anh Minh xuất bản, Huế.*

cao gấp trăm lần, Phan châu Trinh đâm lo cho tiền đồ dân tộc. « *Ngày nay không có quốc dân nội lực thì làm chi cũng không có lương kết quả (kết quả tốt) được. Người mình không lo khai thông dân trí, liên lạc đoàn thể để làm cơ sở mà chỉ ngồi trông người ngoài : cái bệnh dục tốc kiến tiểu đó không ích gì mà lại có hại. Không những thế học hội dân đoàn là cần nhất không có không được và nên tổ chức đầu tiên cả...*

(GNKN LII)

Kể ra, thời đó mà nói nào *quốc dân nội lực* là chủ yếu, nào *dân trí*, nào *liên lạc đoàn thể* nào *học hội dân đoàn là cần nhất và nên tổ chức đầu tiên cả* và chống cái bệnh *ngồi trông người ngoài* thì tôi thiết tưởng Phan châu Trinh không chỉ đáng làm lãnh tụ thời đó mà ở Miền Nam ta, ông còn mới quá, mới hơn người của « hôm nay ». Ôi ! cái óc vọng ngoại, cái óc khốn nạn, cái óc khốn nạn ! Chỉ vì mi mà dân tộc mấy phen điêu linh và hết đi từ sỉ nhục này lại tới sỉ nhục và thất bại khác !

Cũng vì không tin ở phương pháp của Ám Xã, của tổ chức chuẩn bị lực lượng võ trang đánh Tây vội vàng trong khi chưa kịp sửa soạn đó nên Phan châu Trinh khi về nước, ngay năm 1906, đã cực lực bài xích vọng Nhật, cực lực thúc đẩy những tổ chức đoàn thể, học hội dân đoàn để gây một quốc dân nội lực. Ông đã khôn khéo, uyển chuyển công khai hóa cái tổ chức của phe mình (thật ra chỉ là tự giác chứ không có cương lĩnh, nội qui gì) để tự phân biệt với tổ chức bí mật của Phan Bội Châu. Điều này, chúng ta có thể hiểu ngầm

chứ chả có văn kiện nào lưu lại chính thức, vì ông không muốn dẫn phong trào Duy Tân đến chỗ *chết chùm* với ám xã. Ở đây nẩy ra một dấu hỏi : phải chăng Phan châu Trinh còn có dụng ý tránh tiếng *phản bạn* một cách khôn khéo ? Vì ngay từ đầu, ông đã chia xẻ (tuy vẫn luôn luôn bất đồng ý) với Phan bội Châu và Nguyễn Thành ở điểm cứu nước mà sau này cả điểm đưa học sinh du học (Đông du) nghĩa là đi khai hóa. Nhưng khi sang Nhật biết rõ sự nóng nảy đánh Pháp, ông tiên liệu việc sẽ thất bại, có hại lớn cho mục đích ông đang theo đuổi mà ông biết có nhiều hứa hẹn tồn tại và phát triển, thích hợp với nội tình, ngoại thế nên ông quả quyết cắt đứt các liên hệ tình cảm, lãnh đạo các đồng nhân dấn bước vào lý tưởng của mình. Kể từ đó, tự nhiên phát xuất lồ lộ hai luồng tư tưởng, hai tổ chức đối lập hẳn nhau trên ý thức hệ, trên chủ nghĩa, trên hoạt động, trên đối tượng. Sở dĩ họ không dùng lời búa bổ chống đối nhau kịch liệt là vì còn phải giữ thế liên lập mặc nhiên trên mục đích cứu quốc chứ hai lãnh tụ ấy đã thành đối lập. Ở đây, nẩy ra lần đầu tại Việt Nam sự đối lập không phải vì con người, vì *chân nhân* như kẻ theo phò Lưu Bị, kẻ phò Tào Tháo theo truyền thống Tàu hoặc kẻ theo Nguyễn Nhạc theo truyền thống ta. Mà chính là đối lập chủ nghĩa : *Quân chủ* với con đường cứu nước theo phương thức cũ vẫn đặt nặng vai trò cá nhân, sĩ phu, một nhóm người rời rạc, vẫn tin ở lực lượng ngoại viện là chính yếu, vẫn thích làm

việc bằng cảm tình hơn lý trí, nặng chính trị quân sự hơn giáo dục, kinh tế — *Dân chủ* với con đường cứu nước theo phương thức mới đặt nặng vai trò quần chúng, đoàn kết quốc dân, tổ chức đoàn thể, tin ở nội lực quốc gia cho là chính yếu, thích làm việc theo phương pháp mới, theo lý trí và đặt giáo dục, kinh tế ngang hàng chính trị.

Hiển nhiên, đó là những mục tiêu khác nhau mà Phan bội Châu và Phan châu Trinh quyết tâm theo không lùi vì ông ý thức trách nhiệm vai trò lịch sử của mình. Ông nhất định thực hiện :

a) Công khai hóa và hợp pháp hóa tư tưởng và hành động cá nhân cũng như tổ chức.

b) Thúc đẩy thực hiện Duy Tân toàn dân, toàn diện.

Ông bắt đầu bằng cách kiện toàn chính tư tưởng của người trong nội bộ. Thời kỳ này Trần quí Cáp, người đã từng hợp tác lâu dài với Tiểu La Nguyễn Thành, càng ngày càng nghiêng theo tư tưởng Phan châu Trinh, cũng nhận thấy tư tưởng vọng ngoại có những hậu quả hết sức nguy hại cho quốc dân nội lực nên có làm bài luận *sĩ phu tự trị* rất súc tích, được Phan châu Trinh và «*phái tân học hoan nghênh, phái cựu học không vừa ý, tuy hai phái công kích nhau mà tiên sinh vẫn giữ lập trường*».

(*Tiểu sử TQC trang 15*)

Bài Luận :

Luận viết :

Quốc chi tư cửu hỉ
Nhi nhất luyện chi sanh cơ thượng tồn giả
Hà tai hồ, tai hồ ?

Độc thơ minh lý, sở vi sĩ phu dã, tồn dã
Hà nãi nhất ban cổ học.
Mai đầu ư bác cổ tàn biên, tứ gia lạn chỉ
Dĩ tự khoa yêm bác
Nhi Đông kinh, Tây Cống bất tri vi hà xứ địa phương
Đa số tân thời,
Túy tâm ư ngũ châu cẩm tú, tam đảo thần tiên.
Đô cạnh thương phù kiệu
Ư khai trí trị sinh, vô bồ nhất hào thiệt sự
Y dân khí tiêu trầm
Dĩ phi nhứt nhựt, phong trào sồ cập
Đại mộng vị tinh thương mang tứ vọng
Ngô tương trù y, cập kim bất phân
Chủng loại kỳ nguy!

Dịch:

Nước chết đã lâu
Mà một máy sinh cơ hãy còn ở chỗ nào?
Ở nơi đọc sách minh lý của Sĩ phu mới còn được
Vì sao một lớp học cũ.
Cặm cụi nơi văn chương tám vế của người Tàu,
Sách vở mục nát của nhà nho.
Sự khoe rộng biết nhiều.
Mà hỏi đến Đông Kinh, Tây Cống (1) thì không biết ở địa phương nào.
Nhiều bạn tân thời.
Say mê sự gấm vóc của năm châu, thế giới, thần tiên của ba đảo Á Đông.

---

(1) *Saigon.*

Tranh đua phù tháo.
Nói đến việc khai trí, trị sanh, không có một mảy nào bổ ích cho thiệt sự.
Than ôi! dân khí chìm đắm,
Không phải một ngày sóng gió đưa đến.
Mà còn ngủ say mênh mông bốn phương,
Ta dựa đâu này, nếu không thức dậy,
Nòi giống nguy thay!

Bài luận ấy lẽ tất nhiên chỉ làm cho Trần quí Cáp xa rời thêm ám xã mà ông vốn có và vẫn còn có nhiều cảm tình. Nhưng càng làm nổi bật vai trò của phái Duy Tân và nội bộ của phái ấy càng được kiện toàn hơn.

Cũng vào thời kỳ này, Phan châu Trinh quyết định việc *liên lạc với chính quyền Pháp* để công khai hóa và hợp pháp hóa phần nào tư tưởng và hoạt động của phe phái mình. Ta biết ông có niềm tin xâu xa chủ thuyết Dân quyền nên ông vẫn nghĩ là người Pháp chưa đến nỗi tán tận lương tâm khi họ «*đẻ ra*» Dân quyền cho thế giới, làm tiền đạo cả phương Tây, nay lại bảo hộ ta, đương thời cuộc ngọn triều Âu hóa toàn khắp phương Đông, các nước mạnh láng giềng lại dòm ngó như thế này mà cứ để cho dân thuộc địa mình đã ngu lại nghèo, thì chắc cũng không phải là lợi cho nước bảo hộ. (...) Nếu có người chỉ rõ cuộc nguy hiểm ra thế này, nguồn tệ hại ra thế kia, mà bàn bạc một cách lưỡng lợi lâu dài, lại biết đâu chánh sách bảo hộ người ta không thay đổi lại. Nghĩ thế mới làm một bài điều trần gởi ngay cho toàn quyền,

khâm sứ cùng các nhà báo, đại khái nói tình trạng nguy cấp bên Đông dương này, cùng tệ trạng quan lại, làm cho tình ý hai nước không liên hiệp nhau, mà kết cuộc xin cải lương chính sách bảo hộ (GNKN LII và LIII).

Đó là nguyên nhân *Đầu Pháp chính phủ thư* cái tên mà thiên hạ dùng để gọi bức thư nổi tiếng đó gởi cho Pháp ngày 15-8-1906.

Đây cũng được xem như Tuyên Ngôn của Phong Trào Duy Tân đối với chính quyền thực dân. Các điểm yêu cầu của tuyên ngôn công khai này lẽ tất nhiên phải hiểu chỉ là tối thiểu của một thực chất tiềm ẩn lớn lao. Lời bằng Hán văn rất thay đổi có khi hùng tráng, có khi bi đát, có khi uất nghẹn trình bày :

A) Thực trạng quốc dân dưới sự thống trị của Pháp và quan lại Nam triều.

— Thực trạng rất thảm thương đáng phải phát ra những tiếng kêu cứu, nhưng « *những người có trí thức thấy cái thảm trạng như thế, lo đến nòi giống tiêu diệt, cũng muốn rung chuông gõ mõ đánh thức nhau dậy, để lo phương cứu vớt lấy nhau, nhưng mà kẻ mạnh bạo thì trốn tránh ra nước ngoài, chỉ kêu gào, than khóc mà không dám về, kẻ nhút nhát thì chịu vùi đầu ở chỗ hương thôn đành giả đui, giả điếc mà không dám bàn nói đến. Chưa từng có người nào dám đến trước cửa quan bảo hộ phơi gan nhỏ máu, kể rõ cái thủ đoạn tàn ngược của quan trường, cùng là cái tình trạng thảm khổ của cùng dân, khiến cho cái tội ác của quan lại, và cái khổ cảnh của quốc dân trong mấy mươi năm nay, lọt vào trong tai các quan Bảo hộ. Đến nỗi nước*

Nam bấy giờ gần thành như một người ốm nặng gần chết, khó có thuốc mà cứu chữa được nữa, đó thật là tội tại sĩ phu nước Nam, đã gây nên tội ấy thì cũng bởi hiểu lầm rằng Chính phủ bảo hộ dùng cái chính sách ngược đãi người Nam làm cái chính sách hay tốt nhất».

– Ông cố ý đề cao tự ái người Pháp để ly gián họ với quan lại Nam Triều và mượn cái tệ trạng của Nam Triều để chửi khéo, để gián tiếp chỉ trích kịch liệt người Pháp: « *Hiện nay, người Nam trừ những người trong quan trường không kể, còn ra thì không luận người khôn, người ngu, trăm miệng một lời, đều nói rằng Chính phủ ngược đãi người Việt Nam, rằng Chính phủ không lấy tình loài người đãi người Việt Nam. Thấy quan lại nước Nam không săn sóc tới việc dân mà lại tàn ngược với dân thì đều nói rằng* **đó là chính phủ dung túng khiến cho cắn nuốt lẫn nhau cho nòi giống mòn mỏi, đó tức là cái kế thực dân của chính phủ. Trong mấy năm nay, suốt cả trong Nam, ngoài Bắc, khắp thành thị cho đến hương thôn, ý tưởng của nhân dân đều như thế cả (1).** *Lại xét biết trí mình không đủ sáng được, sức mình không chống lại được thì lại nghển cổ giương mắt trông mong các nước mạnh ở đâu đâu họa may họ đến cứu mình chăng. Chao ôi! Một dân tộc đến 20 triệu người, kẻ có học thức cũng đến vài vạn mà tối tăm mù mịt, mềm yếu ươn hèn, không đủ sức bênh vực được nhau, để liệu cách sinh tồn, lại ù ù, cạc cạc, không biết rằng mình ở vào cái thế giới cường quyền*

---

(1) *Tác giả sách này nhấn mạnh mấy đoạn để lưu ý bạn đọc.*

thịnh hành «hơn được kém thua» này, mà còn có cái mơ tưởng hão huyền như thế, dân trí thực cũng đáng thương vậy. Nhưng đã bao nhiêu năm nay, người Nam ở dưới bóng cờ nước bảo hộ mà đến bây giờ nòi giống ngày một yếu hèn, không có kế gì cứu với lấy nhau, đến đỗi nóng nảy điên khùng, theo cái kế sách đê mạt, chỉ trông mong vào nước khác, thế thì vì ai mà nên nỗi thế ?».

Chỉ một đoạn văn ấy, thiết tưởng cũng khá đủ để trình bày sự uyển chuyển, linh hoạt của một chính trị gia ! Mà không chỉ ly gián Pháp với Nam Triều bằng cách *đề cao Pháp để mắng Pháp bằng cách mắng tay sai của Pháp mà còn dọa Pháp, cho Pháp biết rõ là hễ khi nào Nhật tới* — tất nhiên họ sẽ tới — *thì dân Việt không chờ gì mà không bỏ Pháp, nếu Pháp không lấy* tình loài người đối đãi, mà vẫn dùng cái kế *thực dân* để *nòi giống ngày một yếu hèn.*

Với đoạn khai mào đó, chúng ta cũng có thể đoán được nội dung của bản điều trần lừng lẫy này.

Rồi ông trình bày các nguyên nhân sinh ra những tệ hại ấy :

1) Một là tại Chánh phủ bảo hộ dung túng quan lại Việt Nam thành ra cái tệ «cô tức» (1). Ông nói những tình trạng xấu xa, bỉ tiện của quan lại mà Pháp chỉ dùng để đàn áp, moi móc tiền bạc sưu thuế, chỉ chuộng những kẻ hèn kém, tham nhũng để tiện sai khiến, nghĩa là lật tẩy mưu mô sâu độc của Pháp trong chính sách dùng

(1) *Trù trừ không quyết, qua loa cho xong chuyện.*

người Việt trị người Việt với thâm ý là tiêu diệt ý chí dân tộc Việt.

2) Hai là Chính phủ khinh rẻ dân Việt Nam: Hễ miễn là người Pháp thì ai cũng có quyền khinh rẻ người Việt Nam. « *Những người nghèo đi làm thuê, những dân phu đi làm việc quan, bị người Tây đánh đau hay là đạp chết cũng thường thấy luôn (...). Hiện bây giờ quan lại nước Nam, không cứ quan lớn quan nhỏ, khi tiếp kiến quan Tây, đều là run sợ, rụt rè, chỉ sợ thưa thốt sai lầm làm cho quan Tây nổi giận. Ở các chốn hương thôn, những kẻ thân sĩ khi đi ở ngoài đường ngẫu nhiên gặp người Tây không cứ là quan Tây, Tây lính hay là Tây buôn, thì phải cúi đầu, cụp tai rảo bước mà đi cho mau, chỉ sợ tránh không xa mà bị nhục.* »

Ông cũng cho biết sở dĩ nay có những sĩ phu bỏ qua Nhật (lẽ tất nhiên họ chuẩn bị đánh Tây) là vì uất hận không giải tỏ cùng ai được. Họ không còn con đường khác để chọn.

3) Ba là quan lại Việt Nam nhân cái sự xa cách ấy mà thành ra cái tệ hà hiếp dân. Điểm này mới nhìn qua, tưởng giống điểm một. Thật ra, điểm một là phơi trần dã tâm của Pháp khi dùng quan lại để trị dân, còn điểm này là hậu quả của cả hai điểm trên và thực chất tham nhũng, đê tiện, tàn ác của quan lại. Phan châu Trinh viết nhiều điều tỏ ra thông hiểu rất sâu sắc cái tệ hại ấy. « *Cái điều Chính phủ (Pháp) thích thì họ hết lòng, hết sức làm cho được việc. Tuy lột da dân, hút máu dân, chẻ xương*

dân cũng không cần. Các quan tỉnh, quan phủ, quan huyện, ỷ quyền thế để dọa nạt dân ngu và đè nén sĩ phu, lại sợ dân hoặc có tức giận mà chống cự lại chăng, họ lại nhân điều chính phủ ghét mà vu oan, hoặc nói rằng cậy giàu có làm ngăn trở việc quan, hoặc là nói rằng **họp tập thân sĩ sợ có ý gì khác chăng.** *Một câu mơ hồ, không có chứng cớ gì cả. Chính phủ không hiểu cái mưu gian của họ, lại cứ tin họ, vì thế mà có người phải lụy đến thân gia, mắc vào tù tội.»*

Nhấn mạnh điểm này, ông muốn khéo léo vừa chặt chân tay (quan lại) của Pháp vừa dọn đường cho các hoạt động của phe mình ra công khai và hợp pháp hóa. Chỗ này ta thấy Phan châu Trinh quả nhiên giàu thủ đoạn chính trị hơn bất kỳ những kẻ đồng thời nào. Ông dừng lại, kể lể hết cái xấu xa, khốn nạn của quan lại gián tiếp hay trực tiếp, tiếp tay cho thực dân để bần cùng hóa dân. « *Đến bây giờ dân cùng của hết, người giàu, người nghèo đều khốn khổ cả, người nào cũng oán thán; trộm cướp nổi lung tung, sự thế thật là nguy cấp.* **Thân sĩ trong nước, người thì xướng ra học chữ Tây, người thì xin bỏ khoa cử, người thì góp vốn để mở hiệu buôn,** *ý cũng muốn cứu vớt lấy một vài phần trong trăm phần. Quan lại ghét rằng làm thế là có ý muốn chống chọi với mình thì lại bảo là điên cuồng, cho là âm mưu, những lời vu oan, giá họa, chắc là ngày nào cũng nói đến tai các quan Bảo hộ*».

Vậy Phong Trào Duy Tân sở dĩ có là . . . không

phải để chống Pháp . . . mà là giúp cho dân khỏi bần cùng để . . . cứu vớt cho chính quyền Pháp ! Nếu Pháp không để cho Phong trào ấy bành trướng, cứ nghe bọn quan lại bắt các cán bộ và lãnh tụ của nó, dân sẽ oán thán nổi lên chống Pháp, sĩ phu sẽ bỏ sang Nhật tìm lối đánh Pháp. Vừa tố điều khổ, vừa dọa mối nguy, vừa gia ân cho Pháp. Nhún nhường mà trịch thượng, ra bề ngoài thật thà nóng nảy mà bên trong mưu cơ tỉnh táo, Phan châu Trinh quả là kỳ nhân của trường chánh trị ở đầu thế kỷ này. Đồng thời, qua các lời biện luận ấy, ta cũng biết thêm *là nhiều cơ sở của Phong Trào Duy Tân thực sự được thiết lập trước 15-8-1906.*

B) Sau ba điều tệ hại của cấp trên, ông trình bày nỗi khốn khổ đến cùng cực của dân mà nặng nhất, hãi hùng nhất là thuế. Ông dành nhiều trang để trình bày rất kỹ điều mà ông cho là tối độc hại này. Cho đến nỗi « *Nghề làm ăn thì (chính phủ) không dạy bảo, mối lợi thì không mở mang, chỉ biết sưu thuế thì tăng cho nhiều, bây giờ cùng khốn đến thế này, tại quan làm hại dân mười phần độ năm sáu, mà vì sưu thuế nặng nề thì mười phần đến ba bốn* ». Lối thâu thuế tàn ác của Pháp ông thẳng thắn gọi « *tát hết nước mà bắt cá* » vì tuyệt nhiên không làm lợi gì cho dân, chỉ biết đánh thuế cho nặng, rồi quan lại, cường hào nhân vụ thuế mà vơ vét thêm. Cho đến nỗi « *ông chủ bút báo nọ ở Hải Phòng là người Pháp, bàn việc Đông Dương, dài đến mấy vạn lời, cái tệ sưu thuế nói cũng đã hết mà cái việc quan lại nước Nam thì lại nói*

rằng « không theo cái phép cũ nước Nam, thì không trị được dân Nam ». Ý kiến sai lầm như thế, thật cũng lạ lùng thay ! Nay chính phủ Bảo hộ dùng quan lại để áp chế dân nước Nam cũng đã lâu rồi, quan lại làm cho Chính Phủ (Pháp) kết oán với dân cũng đã lâu rồi... »

Ông lớn tiếng thống thiết :

« Bấy giờ dân nước Nam đã sắp chết đến sau lưng, mà quan lại thì trừ việc truyền lệnh thu thuế, không còn biết việc gì nữa, các quan Bảo hộ cưỡng bách họ thi hành tân chánh, họ không làm qua loa cho xong chuyện, thì họ nhân dịp để kiếm tiền, đã không có công hiệu gì mà lại thêm nhiễu dân nữa ».

Tình trạng như thế, dân oán hận, lại thêm thiên tai, thủy họa, sinh kế khó khăn, dân chỉ còn nhẫn nhục chờ đợi nước mạnh khác tới đánh là nổi lên bạo động, quan lại chờ chủ nào mạnh thì theo, *bỏ chủ này làm đầy tớ chủ khác họ cũng can đảm mà làm còn như bảo người Nam vì chính phủ Bảo hộ đi chống giặc ngoài là cái nghĩa vụ (...) sợ người Nam không ai chịu đâu.*

Dọa đi ! Dọa lại như thế và đả đảo quan trường như thế, không phải không có mục đích. Mục đích của ông là đặt cho Pháp một tân chánh sách, đó cũng là yêu sách khẩn thiết của Phong Trào Duy Tân trên đường hợp pháp hóa các hoạt động của họ :

« Nếu chính phủ thật lòng đổi chính sách đi, kén chọn người hiền tài trao quyền bính cho, lấy lễ mà tiếp, lấy thành mà đãi, cùng nhau lo toan việc dấy lợi trừ hại, ở

trong nước, mở đường sinh nhai cho dân nghèo, rộng quyền ăn nói cho thân sĩ, báo quán cho mở rộng, để thông đạt tình dân, thưởng phạt cho nghiêm minh để khuyên răn quan lại, còn đến những việc đổi pháp luật, bỏ khoa cử, mở trường học, đặt tòa tu thư, dạy lớp sư phạm cho đến học công thương, học mỹ nghệ, và các ngạch sưu thuế đều cải lương dần dần, thế thì dân được yên nghiệp làm ăn, sĩ thì vui lòng giúp việc cho Chính phủ, còn ai toan mưu việc chống cự nữa. »

Để kết thúc, ông vẽ ra cái viễn tượng hãi hùng, một khi Pháp không thỏa mãn nguyện vọng của dân để họ « *cứ lo ngày đêm, tìm cách nọ kế kia (chờ khi Nhật tới) ném đi mấy vạn cái đầu, chảy ra mấy mươi vạn vũng máu, vất đi bao nhiêu cái xác ruồi không thèm bâu, cáo không thèm ăn, để mua lấy cái địa vị nô lệ mấy trăm đời không thay đổi* ».

Người Việt Nam có muốn như thế không ? Chỉ có kẻ điên mới khoái chuyện ấy, nhưng cùng đường, họ còn biết tính sao ngoại trừ khi họ :

... Còn xem cái chính sách của Chính phủ Bảo hộ đãi người Nam như thế nào (1).

***

Thực dân ! Quan lại ! Thuế má !

Ba điểm tàn hại căn bản mà chỉ có một cuộc cải cách toàn diện mới giải quyết được.

---

(1) *Các đoạn trích trong bài « Thư gửi Chính Phủ Đông Dương của Phan châu Trinh, in trong Thi Văn Quốc Cấm, Khai trí 1968.*

Nếu không giải quyết được, Dân phải chết. Dân không muốn chết mòn chết lần nên đứng lên theo ngọn cờ lãnh đạo của Phan châu Trinh để tự động Duy Tân.

Trong công cuộc tự động Duy Tân của toàn dân, Phan châu Trinh còn tiến được một bước xa trên đường đoàn kết dân tộc. Trước đó, Phan bội Châu và Cường Để vẫn có kết nạp một số hội viên là người Công Giáo. Nhưng chỉ những cá nhân dã được giác ngộ hoặc hận thù Pháp vì lý do nào đó. Còn ở Quảng Nam, Nguyễn Thành vốn cựu đảng viên Bình Tây sát tả nên vấn đề này không thấy đặt ra.

Nhưng với Phan châu Trinh, ông đặt vấn đề *giáo dân* nói chung chứ không phải riêng cá nhân nào trong cộng đồng quốc gia rất rõ ràng.

Sự thật, lúc mới qua, các cố đạo thừa sai cũng có nâng đỡ phần nào giáo dân như đưa các con chiên ưu tú ra ngoại quốc học (Nguyễn trường Tộ, Trương vĩnh Ký) làm cho trí thức Việt Nam quan tâm thời cuộc để ý. Nhưng khi Pháp chiếm Việt Nam rồi, một số người Việt được học thẳng với Tây ở trong nước hay ngoại quốc, trí thức công giáo không làm ai ngạc nhiên nữa thì đời sống giáo dân bày rõ ra cảnh xơ xác, chả còn có gì khiến dân lương phải ao ước mà chỉ khiến cho nhà ái quốc đem lòng thương hại. Bởi thế, Phan châu Trinh đã nói thẳng nhân cuộc gặp gỡ cố đạo M... ở Phước Kiều (1) để nhờ giới thiệu với Công sứ Pháp cho ông trình bày những việc lợi

(1) *Giai nhân kỳ ngộ (sdd) trong LXX ghi lộn là Phước Kiến.*

hại, vì ông không muốn đi thẳng tìm gặp, sợ Công sứ khinh. Mới gặp Phan châu Trinh, ông cố hỏi ngay việc ông đi Nhật Bản có không ? Và nghe Phan châu Trinh trả lời *hàng hai*, ông hỏi tiếp :

— *Đi Nhật Bản thì đi đàng nào ?*

Phan châu Trinh liền nghiêm nghị chỉnh :

— *Thế giới giao thông này,đàng nào lại không đi được ; vả tôi nghĩ như giáo sĩ các ngài đều là người nước văn minh bên Tây, nay sang bên này, ôm một lòng bình đẳng bác ái, lo dìu dắt nhơn loại, rõ xét thời cuộc, nghĩ việc tương lai, nên tôi muốn hầu chuyện, đặng tỏ tấm lòng uất ức một đôi chút, không ngờ ngài lại hỏi những câu, không khác chi hơn giọng quan trường An nam thế ?*

Ông Cố (1) biết tiên sinh có ý khích mình, trả lời một cách lạt lẽo rằng :

« *Nhà tôn giáo chỉ quản bên phần hồn mà thôi* ».

— *Tôi vẫn biết rồi, song xác đã không còn, hồn dựa vào đâu ? Tôi xem dân nước Nam theo đạo Gia Tô có ba phần trong mười, nhà thờ khắp nơi, dân giáo thành chợ, lại có mấy đức giáo sĩ văn minh làm cha, làm thầy, chuông sớm, trống chiều, không ngày nào không giảng dạy, thế mà xét nghĩ trong dân đó, thì phong tục hủ bại, thật nghiệp sơ sài, sinh kế khốn đốn, không khác gì dân ngoài, thỉnh thoảng cũng có trường học, chẳng qua về phần ít mà những kẻ ở trường ra, thì cũng làm công việc phiên dịch thường thường chưa*

---

(1) Thường các cố đạo Pháp cũng là cố vấn chính trị của Công sứ Pháp.

thấy có người nào mở mang nền học thức, làm ra công lợi cho công chúng, để làm tiêu biểu cho dân giáo, làm gương tốt cho người An Nam ; có lẽ dân **An Nam không phải là con chung của Chúa Trời, nên dầu có theo giáo, chỉ có sớm chiều đọc mấy câu kinh, đến ngày lễ tới nhà thờ quỳ nghe giảng mà thôi hay sao ?**

Những lời ấy hẳn nhiên làm ông Cố đạo M... giật mình. Và cũng từ đấy, lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, tranh đấu sử Việt Nam, lương giáo sát cánh nhau dưới ánh sáng hướng dẫn của Phong Trào Duy Tân tự lo chung việc nước với nhau để cùng tiến bộ với nhau. Làng Phước Kiều ấy sẽ có cơ sở giáo dục Quảng Phước tiếng tăm do một vị nhà dòng dạy và giáo dân Phước Kiều cũng hăng hái góp phần công nghệ đồ đồng mà họ vốn chuyên môn vào sự thịnh vượng chung của Phong Trào. Rồi sau đó, vào năm 1916, khi vua Duy Tân khởi nghĩa, tất cả ấn dấu đều do ông xã Mãi chế tạo tại chính làng này.

PHẦN III

TỪ LÝ THUYẾT TỚI THỰC HÀNH

KHÔNG có những tài liệu thật rõ để biết những ngày tháng, năm, đích xác từng công việc của phái Duy Tân. Nhưng chắc chắn là từ năm 1905 đến năm 1906, những công cuộc lớn nhất đã hoàn thành.

Có thể nói năm 1905 là năm phát động một cách ồ ạt không chỉ riêng trong tỉnh Quảng Nam mà cả những tỉnh Nam Trung Việt. Hẳn nhiên từ năm 1904, ta đã thấy có những cuộc cổ động của *bộ ba* lên đến những vùng rừng sâu, nước độc, những nơi xa xôi, hiểm trở như Đèo Le, Tý, Sé. Nhưng thời ấy chỉ là thời tuyên truyền và đôi khi còn lẫn lộn với phái Đông Du — nhưng lãnh tụ Phan châu Trinh, Huỳnh thúc Kháng thì nhất thiết không có sự lẫn lộn ấy — vậy tôi tạm lấy năm 1905 là năm Phong Trào đã được quảng bá hết sức sâu rộng làm năm khởi sự.

Công cuộc bắt đầu như thế nào sau khi các ông ở Nam về ? Các ông Trần quí Cáp và Huỳnh thúc Kháng có thực sự đứng ra để hoạt động hay chính các sĩ phu được

giác ngộ, tư nhiệm công tác, tự lo liệu hoạt động và các ông chỉ là cố vấn ? Tôi đoán là do các sĩ phu tự nhiệm, tự hoạt động trước ít nhất cũng về phần đất nay thuộc Quảng Tín. Vì Huỳnh thúc Kháng ghi rất rõ, khi trình bày tiểu sử Lê Cơ : *Công cuộc sắp đặt trong làng gặp lúc Phong trào tân học (1905-1906)* (Lê Cơ là một lãnh tụ ở một xã, can đảm phi thường, tôi sẽ dành riêng một mục để nói tới ông). Cũng trong tự truyện thì Huỳnh thúc Kháng lại công nhận nửa đầu năm 1906 ông dạy học, kế đó mới lập thương cuộc tại Hội An, hội nông, trồng quế, lập trường học... (Tự truyện trang 28) và cũng vào năm này 1906, các cơ sở lớn nhất của vùng đất nay thuộc Quảng Nam cũng đã được khai phá, mở mang ồ ạt và nhiều nơi có qui mô rất lớn. Nhưng chắc công việc cũng đã khởi đầu từ 1905 vì ông Trần huỳnh Sách viết : (Nam Du) *về tỉnh nhà, tiên sinh (TQC) cùng các bậc thân hào trong tỉnh xướng lập hội thương, trường học. Tiên sinh có làm bài «Chiêu hồn nước» và bài ca «khuyến thương»* Bài ca Chiêu Hồn nước cũng gọi khuyến học, sẽ đọc ở trường Diên Phong, mở dạy Tân Thơ năm 1906. Vì nó tóm tắt phần lớn tư tưởng Duy Tân nên tôi trình bày ra trước để bạn đọc theo dõi mọi diễn tiến đã được ghi như chương trình hành động bao gồm trong đó :

Đấng làm trai đứng trong trời đất,
Phải làm sao mở mặt non sông,
Kìa kìa, những bậc anh hùng,
Cũng vì buổi nhỏ học không sai đường.

Cuộc hoàn hải liệt cường tranh cạnh,
Mở trí khôn giàu mạnh dường bao.
Nước ta học vấn thế nào,
Chẳng lo bỏ dại, lẽ nào đặng khôn ?

Chữ quốc ngữ là hồn trong nước,
Phải đem ra tỉnh trước dân ta
Sách Âu Mỹ, sách Chi Na,
Chữ kia chữ nọ, dịch ra tinh tường

Nông, công cổ trăm đường cũng thế,
Hiệp bằng nhau thì dễ toan lo,
Á Âu chung lại một lò,
Đúc nên tư cách mới cho rằng người.

Một người học, muôn người đều biết ;
Trí đã khôn, trăm việc phải hay.
Lợi quyền đã nắm trong tay
Có ngày tấn hóa, có ngày văn minh.

Chuông tự lập vang đình diễn thuyết
Trống hoan nghênh dội bề Đông Dương
Nghênh xem khoa cử mấy chàng,
Kia vì khôn dại, rõ ràng chẳng sai.

Bài này quan trọng vì nó sẽ làm căn bản cho nhận thức về thực chất duy tân và chương trình hành động mà đến nay đối với chúng ta vẫn còn quá mới mẻ :

a) Trước tiên phải đặt vấn đề *chánh giáo* tức là một nền giáo dục đúng, hợp tình, hợp lý và toàn diện để

đào tạo những con người, những bậc anh hùng. « Học không sai » mới theo đúng đường. Học đã sai thì còn mong gì mở mặt non sông mà chỉ dìm thêm non sông vào bóng đêm những trang thảm sử !

b) Nên đặt cho đúng vị trí quốc gia ta trong một thế giới cạnh tranh kịch liệt của liệt cường : mạnh thắng, yếu thua. Muốn không thua tất phải mạnh, phải giàu mà đạt được sự giàu mạnh thì trước hết phải khôn. Khôn là kết quả của học vấn.

c) Học cần phải có chuyền ngữ, chuyền ngữ Hán là của Tàu, chuyền ngữ Pháp là của Pháp. Việt Nam phải có chuyền ngữ riêng : chữ nôm hay quốc ngữ. Các cụ chọn quốc ngữ vì thấy nó rất thuận lợi (1). Nhận định về *chuyền ngữ* như thế là nhận định tiến bộ. Dù chữ quốc ngữ vẫn còn các khuyết và nhược điểm trầm trọng, nhưng trong cái thế muốn quảng bá cho đại chúng, quảng bá những bài học đơn giản, quốc ngữ có thể đóng trọn vai trò chuyền ngữ ít nhứt trong những buổi đầu. Trần quí Cáp đã vượt qua dư luận nặng nề đương thời, cho quốc ngữ là của Tây, của cố đạo, nhiều người tự trọng vẫn cấm con em dòm ngó, vì họ nghĩ nó là thứ chữ phản quốc, thế mà Trần quí Cáp dám gọi nó là «*hồn trong nước*». Chỉ chừng đó cũng cho biết ông thật gan dạ đầy mình. Phải dạy nó trước cho dân ta, nhưng chưa đủ, vì nền học vấn của ta quá thiếu sót mà thế giới đang bước tới bằng

(1) *Xin xem thêm* Văn nghiên cứu và phê bình số 1 — *1967* : *Nguyễn văn Xuân, 1967 : Một trăm năm văn học chữ Quốc Ngữ.*

những bước khổng lồ. Vậy cần phải phiên dịch các sách Âu Mỹ, Trung Hoa (Mà lạ lùng, ông dám gọi là *Chi Na* theo phiên âm đúng nhất). Khoa học, kỹ thuật, triết học là những cánh cửa để mở vào một thế giới mới. Nhưng không phải chỉ có thế giới hiện đại mà cả thế giới cổ điển đã thành truyền thống của Á Châu :

Á, Âu chung lại một lò,
Đúc nên tư cách mới cho rằng người.

d) Cái học của ta xưa nặng từ chương, không để ý gì đến các hoạt động khác như kinh tế, thương mãi. Do đó, sĩ phu ta tự cách biệt hẳn với đời sống xã hội và nước ta cứ nghèo mãi. Vậy nay cần hô hào, tán dương nông, công, cổ (buôn bán) và cần nhất là bỏ lối làm việc cá nhân mà nhất thiết phải tiến tới « hiệp bày » là lập đoàn thể, công ty để hùn vốn, hùn trí khôn, hùn kinh nghiệm mà tính những công tác qui mô, lâu bền. Có như thế mới chắc chắn nắm được lợi quyền của quốc dân, của đất nước trong tay. Nếu không nắm được lợi quyền ấy thì người Âu Mỹ, người Trung Hoa sẽ đè đầu, cưỡi cổ mãi dân ta như thế làm sao :

Có ngày tấn hóa, có ngày văn minh !

Vậy cần có óc *tự lập* trước đã. Có óc tự lập cho cá nhân, đoàn thể, quốc gia. Bắt đầu từ đây, những cuộc diễn thuyết về dân quyền, tự lực, tự cường sẽ vang khắp các mái đình « vương quốc » của xôi thịt và nơi đó ầm ầm vang dậy :

Trống hoan nghênh dội bể Đông Dương !

Tư Tưởng Duy Tân sẽ không chỉ vượt Quảng Nam ra Bắc vào Nam mà còn tràn lan khắp bờ cõi Đông Dương nơi thực dân đang đặt ách đô hộ, nơi con người sống như cầm thú.

Vậy, còn chờ đợi gì mà không vứt cái học khoa cử ngu dại để bước lên một bước khổng lồ theo ngọn cờ Duy Tân để dẫn quốc dân nhập vào thế giới ngày nay. Theo gương Nhật Bản, Nhật Bản mới thắng trận, biết bao nhiêu bài vè, bài ca phát xuất từ sĩ phu, từ chính dân chúng để ca ngợi để thúc đẩy Phong trào.

Cả sĩ phu, cả dân chúng đều thấy Duy Tân là cần. Vấn đề tư tưởng, chí hướng, phương pháp và «địa lợi nhân hòa» đã có, các chiến sĩ hăng hái đi từ hoạt động này tới hoạt động khác. Theo Phan châu Trinh trong «Trung Kỳ dân biến thỉ mạt ký» (1) có nhiều tổ chức khác nhau : Thương hội, nông hội, trường học, hội mặc đồ tây, hội diễn thuyết... Chúng ta lần lượt nhìn qua các hội, các đợt sóng của tân trào.

---

(1) Bản dịch của Ông Lê Ấm, rể cụ Phan châu Trinh, chưa xuất bản. Viết tắt : **Trung Kỳ** dân biến. *Kể cuộc dân biến ở Trung Kỳ từ khởi thủy đến cuối cùng.*

HỢP THƯƠNG VÀ «QUỐC THƯƠNG»

THƯƠNG hội là bộ mặt rất nổi của Duy Tân. Có thể nói cái gì lớn lao còn lại của Duy Tân chính là ngành Thương mà Công Ty Liên Thành do Phan châu Trinh đề xướng và Nguyễn trọng Lợi sáng lập hiện nay vẫn tồn tại, còn phát triển là một chứng cớ hùng hồn. Sở dĩ Công Ty Liên Thành ở Phan Thiết còn là nhờ một may mắn mà những hội thương khác rất lừng lẫy ở Quảng Nam, Phú Lâm Diên Phong, Hội An gọi chung là *hợp thương*; Huế : hội buôn (?) Nghệ An : Triều dương tan rã là vì sau 1908 đều bị thực dân diệt hết, (xin xem sau).

Phong trào *thương* thực sự là của Duy Tân hay Quang phục Hội (Đông du) ? Đến nay đôi người cho là khó biết chắc chắn. Vì các tài liệu để lại không thật rõ ràng. Mà không rõ ràng là vì có một số nhân vật của Duy Tân cũng là của Đông Du và ngược lại. Hoặc giả một số nhân vật thuần túy Duy Tân, nhưng cũng muốn ám trợ Đông Du, cho đó cũng là một phương diện của Duy Tân. Nhưng chắc chắn là cả hai phe cùng ủng hộ triệt để việc mở hợp thương vì, như đã nói trên, đó là con đường đúng nhất

để ngành sản xuất của Quảng Nam phát triển và dành lại phần nào quyền lợi trong tay ngoại quốc:

Lợi quyền đã nắm trong tay,
Có ngày tiến hóa, có ngày văn minh.

Theo tài liệu của phe Đông Du thì sở dĩ có thương hội vì Nguyễn Thành bảo Cường Để, khi tông tích hoàng thân này sắp bại lộ:

— Kế trù khoản của tôi đã lỡ, mà Ngài lại phải lật đật đi ngay thế này, ra ngoài không có tiền, thật khó cho Ngài song xin Ngài cứ yên tâm, chúng tôi sẽ hết sức trù tiền gởi ra sau. Tôi đã nghĩ được một kế trù khoản khác rồi; lần này tôi tính nói sự thật Ngài đi Nhật mà cổ động người giúp tiền, nhưng giả làm chiêu cổ phần lập thương hội để che mắt thiên hạ. Sự Ngài đi Nhật phen này có sức hiệu triệu mạnh hơn sự Ngài giả sang Pháp hồi trước. Vậy không lo chi người giúp.

(Cuộc đời Cách Mạng Cường Để trang 21) (1)

Thế thì cái thương hội của Nguyễn Hàm chỉ là giả, chỉ là lập một *hư danh* để thâu tiền bạc thật, chứ đâu phải là một thực tế hoạt động? Ở trang 23 của sách ấy, Cường Để cho biết thêm lý do thất bại của chính «Thương hội ma» ấy.

Cách ít lâu, tin tức trong nước lại mang đến thêm cho bỉ nhân một điều thất vọng nữa. Số là sau khi bỉ nhân xuất dương, Nguyễn Hàm (2) và các đồng chí ở trong nước tiến

---

(1) Tráng Liệt xuất bản 1957. Viết tắt: Cuộc Đời Cường Để.
(2) Tức Nguyễn Thành (Tiểu La).

hành ngay kế hoạch lập «Thương hội». Mới trong vòng hai tháng «thương hội» đã lập được 72 (bảy mươi hai) nơi, người nhận vào cổ phần rất nhiều. Song đến khi sắp thu tiền cổ phần thì bỗng sinh sự ngăn trở. Sự ngăn trở ấy là lời diễn thuyết của ông Phan châu Trinh. Ông ở Nhật quan sát mấy tuần lễ rồi về nước đi diễn thuyết khắp nơi, đại khái nói sự trông cậy vào sự viện trợ của Nhật là một hy vọng viển vông, khiến những người vì nhiệt tâm mong đợi cái kết quả sự vận động của bỉ nhân tại Nhật mà gia nhập «Thương hội» của bọn Nguyễn Hàm đâm ra chán ngán. Rồi chẳng ai đóng cổ phần cho «Thương hội» nữa. Đồng thời, sự lập «Thương hội» cũng bị Pháp khám phá, thế là «thương hội» tan.

Vậy, thương hội nói đây là thương hội nào mà lại bị Pháp khám phá rồi *bị tan* ? Và theo các trang sau thì việc lập thương hội bị tan vào khoảng năm 1906, 1907 do đó Phan bội Châu bỏ vấn đề khí giới và mới nảy ra vấn đề Đông Du : kế hoạch bồi dưỡng nhân tài, tuyên truyền du học sinh sang học ở Nhật.

Còn các hội thương tôi còn nắm tài liệu miệng hoặc viết thì vẫn hoạt động đến năm 1908 và cùng tan vỡ với cuộc xin xâu năm ấy. Chính những hội buôn ở Huế, ở Nghệ An (Triều Dương), Phan Thiết (Liên Thành) mà tôi biết cũng đều do bút tích của Phan châu Trinh hoặc Huỳnh thúc Kháng để lại. Phan châu Trinh trong Trung Kỳ Dân biến (1) làm tôi vô cùng ngạc nhiên — có thể gọi sửng sốt — khi ông viết : « Hội buôn ở Quảng Nam thì

(1) *Trung Kỳ Dân biến thỉ mạt ký (sđd).*

thân sĩ *lập năm 1905* mở tại phố Hội An, gần bên tòa sứ. Phần hùn có công sứ và quan Nam, tỉnh cho chữ làm bằng » (trang 19). Tài liệu này khá rõ ràng. Nhưng tôi có một nghi vấn : *có đúng 1905 ?* Nếu đúng như thế thì lúc bấy giờ ai đã đứng ra để mời Công sứ Pháp góp phần hùn dù chỉ là tượng trưng, cốt để công khai hóa và hợp thức hóa ? Do đó, quan Nam mới bắt chước theo, quan tỉnh *mới mạnh dạn cho chữ phê chấp nhận để làm bằng* rồi mới được đông đảo nhà giàu bỏ vốn hợp tác. Tôi ngờ năm ấy là năm 1906 như Huỳnh thúc Kháng ghi lại trong tự truyện và các tài liệu khác... (xem sau). Người đứng ra mời chỉ có thể là Phan châu Trinh mà thôi, sau khi đã được cố đạo M... ở nhà thờ Trà Kiệu giới thiệu với công sứ Hội An. Phan châu Trinh đã đứng ra tổ chức, chắc chắn ông chỉ muốn thanh thiên bạch nhật hoạt động, chớ không muốn có những âm mưu nào khác khi chưa đủ vây đủ cánh. Nhất định ông không hợp tác với Nguyễn Thành để lập Hội buôn giúp Cường Để dù ông có thể không phản đối việc ám trợ Đông Du. Trong Tự Truyện, Huỳnh thúc Kháng cũng không nhìn thấy có chỗ nào là hội thương bị gián đoạn : *1906 lập thương cuộc tại Phố (Hội An — Faifoo.)*

1908.— Ngày trung tuần tháng 2, tôi cùng các bạn lo việc kêu gọi Công Ty lập thương hội ở Phố Hội An.

Ta nên chú ý : 1906 lập thương cuộc là cửa hàng để buôn bán, có tính cách nhỏ, phạm vi hẹp. Còn Công Ty lập thương hội là tổ chức rất lớn, phạm vi rộng rãi,

vốn liếng nhiều và là một bước tiến khá xa đối với ngành thương mãi rất lạc hậu của ta thời đó, thời dân Trung Hoa tuyệt đối thao túng thị trường. Mà cái Công ty Huỳnh thúc Kháng gia nhập thì chắc không phải do sáng kiến của Nguyễn Thành. Vì từ trước tới sau, Huỳnh thúc Kháng chỉ là người thuần túy Duy Tân. Cho tới sau này, khi Phan bội Châu về nước, đồng nhân đề nghị lập đảng và báo thì Huỳnh thúc Kháng chỉ nhận tờ báo, «*lãnh đạm*» đối với việc lập đảng rồi đảng cũng không thành.

Vả chăng, vượt lên trên hết các luận cứ ấy, luận cứ này còn vững hơn : Cường Đề gọi Phan châu Trinh là nhà đại cách mạng song giữ chủ nghĩa Cải Lương, tức là đặt hẳn ông ở cương vị khác, nếu không phải đối lập với mình. Vậy chắc các thương hội do Nguyễn Thành lập ra để ủng hộ Cường Đề, Phan châu Trinh không biết, không dự. Vì nếu ông biết, *ông dự thì lẽ nào ông lại phá hoại nó đến đỗi Pháp khám phá ra được.*

Vậy ta phải kết luận như thế nào ?

1) Nguyễn Thành có lập thương hội, một loại thương hội hữu danh vô thực và đã bị tan sau các cuộc diễn thuyết của Phan châu Trinh.

2) Nguyễn Thành đã báo cáo không đúng sự thật với Cường Đề. Dễ gì trong hai tháng mà lập nổi 72 thương hội (ở đâu mà nhiều và mau thế ?). Vì thương hội chỉ có thể lập ở những thị trấn có những điều kiện thuận lợi sau khi thu hút được nhân tâm. Mà Nguyễn Thành chỉ coi từ Quảng Nam vào Nam, đảng phải hoạt động bí mật, lẽ đâu phát triển mau đến thế ?

3) Hoặc giả Nguyễn Thành chỉ báo cáo cốt để cho Cường Để khỏi thắc mắc với ông, vì ông không lập nổi thương hội để tranh với các hợp thương của phái Duy Tân đang bành trướng mạnh mẽ và hợp với ước vọng của các nhà tư sản bản xứ ?

Dù sao, tôi cũng có thể nói chắc điều này : Phong trào Duy Tân có chủ trương lập thương hội gọi là *Hợp thương* và đã hoạt động tích cực cho tới khi vãn cuộc 1908, không kể Công ty Liên Thành nay còn hoạt động. Về mục đích lập hợp thương tôi chưa rõ tiền lời, ngoài việc đem xây dựng trường học, phát triển thương nghiệp (buôn ra đến Bắc trong danh từ chung là Quốc Thương), nông nghiệp, còn có những sự giúp đỡ ngầm cho Đông Du như thế nào ? Cá nhân giúp hay đoàn thể giúp ? Đoàn thể Duy Tân hay những nhà Quang Phục Hội lẫn lộn trong Duy Tân giúp, hay giúp chỉ vì cảm tình, óc yêu trọng những nhà chính trị chứ không phải như đảng viên lo việc cho đảng ?

Tôi thấy chắc chắn từ 1906 hợp thương đã có, đã mạnh và được Trần quí Cáp hết sức cổ võ trong :

BÀI CA KHUYÊN HIỆP THƯƠNG

Dữ quân ca nhất khúc,
Thỉnh quân vị ngã trắc nhĩ thính (1)
Ới ai ơi, lo lấy chuyện mình.
Đừng rấp rĩnh mà chuyên hình nô lệ !

---

(1) Cùng bạn ca một bài. Mời bạn nghiêng tai ta nói.

Trời đất đã sinh ta trong cuộc thế
Đủ tay chân, thân thể cũng như người
Nỗi chiều lòn cho đến thế hỡi ai ôi !
Mắt xem cũng hồ ngươi cùng thiên hạ.
Đâu vật đó là họ hàng ta cả,
Máu mủ ai thì thấm dạ ai.
Miễn thương nhau mà giúp lấy tư tài
Mở đường lối cùng vài phân chuyện đỡ.
Đem tâm huyết nhiễm chăng dòng máu đỏ,
Bỏ bạc tiền ra đó (để) buôn chung !
Người có của, kẻ có công
Xem nhau lại cùng đem lòng thân ái,
Hiệp bãi cát gây nên non Thái
Hiệp ngàn dòng nên cái biển Đông.
Mới gọi rằng hào kiệt, anh hùng,
Miễn đừng phụ mấy người trong gió bụi.
Sá chi kẻ « bạc đôi phong, tiền mấy chuỗi »
Giàu giữ của như con mọi núi
Lúc hết rồi cũng phải tay không.
Chẳng thà ta bỏ ra chung,
Liều như đánh bạc với ông trời già !
Tính nên chuyện ấy là phần đỡ.
Để rồi coi ai dở, ai hay ?
Miễn lợi quyền đã nắm trong tay.
Buồm buôn nọ cũng có ngày thuận tiện.

Đừng ngồi ngóng mà trông những chuyện :
Đã xấu xa mà thêm miệng chúng cười.
Cũng tai, cũng mắt, cũng người.

***

Nói đến thương hội thì phải nhắc đến một nhân vật lỗi lạc : Phan thúc Duyên. Ông biệt hiệu My Sanh, quán làng Phong Thử (Điện Bàn). Đỗ cử nhân xong, ông về nằm nhà. Khi có Phong Trào Duy Tân, ông nhiệt thành tán trợ. Ngoài ra còn ông Cử Lê bá Trinh sinh năm 1875, quán làng Hải Châu, huyện Hòa Vang. Ông này, tôi có nhắc đến trong tiểu sử Trần quí Cáp. Hoạt động của ông có lẽ nặng về Đông Du hơn Duy Tân. Về thương hội còn một kỳ lão cũng nổi tiếng không thua Phan thúc Duyên là Bang kỳ Lam, ông tên Nguyễn Toản, quán ở Kỳ Lam, Điện Bàn, nguyên làm Bang tá cho Pháp rồi không hiểu sao lại trở thành một nhân vật trọng yếu của *Hợp thương*. Phan thúc Duyên và Lê bá Trinh đều bị án rất nặng, bị đày ra Côn Lôn sau vụ 1908 vì vai trò các ông trong hàng ngũ lãnh đạo Phong trào.

Hợp Thương Phong Thử do Phan thúc Duyên chủ trương ở gần sông Bàu Lớn, thuộc làng Phong Thử. Cơ sở gồm có một nhà lầu, một nhà ngang dài và hai nhà nhỏ nấu cơm, ăn cơm và ngủ. Nhà lầu rất bề thế, có thể đứng vững qua thời gian lâu dài là một mục tiêu trăm mắt nhìn vào để tin tưởng công cuộc làm ăn chắc chắn, có nhiều triển vọng lớn. Trong thời ấy, nhà cửa của nhà giàu còn lụp xụp mà đã tính tới chuyện dùng một tòa nhà « nguy

nga» trong công cuộc buôn bán là một bước tiến kỳ lạ, không mấy ai dám tưởng tượng ở một vùng quê xứ Quảng. Tại nhà lầu, có phòng tiếp khách, chỗ làm việc, chỗ chứa hàng hóa. Nhà ngang thì dành riêng chất hàng hóa. Hàng hóa đây chỉ là những thổ sản thường buôn trong tỉnh do những ghe bầu vượt biển đi buôn các tỉnh khác hay mang xuống cho thương cuộc ở Hội An bán, cố dụng ý ngầm tranh thương với người Trung Hoa : những vải, sợi, đường, heo, dầu phụng, đậu chất ngồn ngang đến bên ngoài gợi cho dân chúng sự làm ăn phát đạt, tổ chức quy củ, có tương lai vững chắc chứ không «lùi xùi» theo cổ truyền. Địa điểm này rất thuận lợi cho việc vận tải bằng ghe lớn, nên rất mau phát đạt. Công việc buôn bán tuy do những ông tiến sĩ, cử nhân điều khiển, nhưng vốn là con nhà nòi nên họ không quá vụng về, bỡ ngỡ. Hơn nữa, họ biết dùng người giúp việc nên sự phát triển không khó khăn. Số nhân viên dùng để lo sổ sách, cất hàng hóa kể cả lao công khuân vác lên đến 40 người. Thiết tưởng chỉ con số ấy cũng đủ cho chúng ta thấy sự buôn bán tấp nập tới đâu! Các nhân viên và ban giám đốc đều ăn uống chung ở *trù xá* cùng các giáo sư dạy hai trường kế cận. *Hợp Thương, Diên Phong* biến thành đầu não cho các thương cuộc trong tỉnh Thương cuộc Hội An thời kỳ này cũng đóng vai trò rất quan trọng. Vì nơi đây không chỉ giao thiệp với vùng Quảng Nam - ngoài chịu ảnh hưởng Trần quí Cáp mà cả với Quảng Nam - trong (nay Quảng

Tín) chịu ảnh hưởng Huỳnh thúc Kháng. Thương cuộc này do ông Bang kỳ Lam đặc trách, tọa lạc ở đường Chùa Cầu. Đây là một căn nhà thuê, khá rộng, phía sau có gác (sau không hiểu vì cớ gì biến thành trụ sở, sở Mật thám Pháp). Người quản lý tên là Mai Tảo làng Thanh Hà (cạnh Hội An), vì có chân học sinh nên gọi là Học Tảo, khoảng hai mươi lăm tuổi. Số nhân viên cũng khá đông, không kể ba lao công. Thương cuộc bán đủ loại sỉ và lẻ: vải, gạo, đường, quế, tơ, là những hàng chính bán cho Trung Hoa ; cau khô, đường mắt tre, dầu phụng bán sỉ cho các ghe ở tứ phương về mua đem bán lại cho các chợ ở thôn quê. Vì là một công cuộc doanh thương ở thành phố lớn (thời ấy, Hội An còn rất phồn thịnh) nên các tổ chức có phép tắc, hàng hóa xếp đặt, phân loại có ngăn nắp. Nhiều hàng hóa đã bắt chước theo lối trình bày mới như nước mắm Nam Ô đã biết vô chai, dán nhãn. Trên các món hàng hóa đều có thẻ tre, biên giá nhất định. Nhân viên tiếp khách lịch sự, mỗi người biết dùng sổ tay bỏ túi để ghi chép hàng xuất nhập. Hàng nhập được đưa vào các kho A.B. C. khác nhau. Nhân viên kiểm soát ghi nhận cẩn thận. Có thể nói đây là một thương cuộc có qui củ bậc nhất của ta thời ấy. Sau này không chỉ bán hàng hóa, thương cuộc còn bán tân thư, bản đồ, sách vở, bút mực... Thương cuộc hóa thành chỗ tụ hội của các sĩ phu hâm mộ Duy Tân. Đồng bào đến mua hàng *giùm* thì gọi người bán hàng bằng *thày* và có người sẵn sàng không

nhận tiền thối lui hoặc mua giá cao hơn giá đã định để «các thầy lấy tiền mua thuốc cho anh em hút chơi».

Khi thương nghiệp tiến mạnh thì công nghệ, nông nghiệp... cũng tiến theo. Đây là thời gian gây nhiều hứng khởi nhất cho các nhà sản xuất.

Ngành buôn không chỉ thu hẹp trong tỉnh mà còn mở rộng ra tới Hà Nội. Công cuộc này khởi sự từ khoảng năm 1906, nhưng không rõ trước hay sau khi ông cử Dương bá Trạc cầm đầu một phái đoàn từ Bắc vào thăm Quảng Nam theo lời mời của Trần quí Cáp. Thời ấy vẫn có nhiều người từ Quảng Nam ra Bắc theo chân các ông Phan sào Nam, Phan châu Trinh. Chắc bạn đọc chưa quên Trần quí Cáp đã giao cho ông Hồ thanh Vân đem cái bài *Chí thành thông thánh* v.v... ra cho ông Tú Nguyễn hải Thần (1) dùng làm tài liệu tuyên truyền. Phái đoàn do ông Dương bá Trạc— một nhân sĩ có tiếng trong công cuộc Duy Tân và hoạt động chính trị ở Bắc — có mục đích thăm các cơ sở Duy Tân, rút những kinh nghiệm cho một công cuộc khác mà ta có thể đoán là Đông Kinh Nghĩa Thục sau này. Phái đoàn ban đầu ở nhà ông Cử Mai Dị ở Nông Sơn, sau xuống lưu trú tại nhà ông Học Châu người Kỳ Lam. Nhà nầy cũng có các lớp dạy chữ quốc ngữ. Sở dĩ chọn nhà nầy vì chủ nhân rất giàu, việc tiếp đãi được tươm tất đã đành mà còn lý do giản dị : nhà có nhiều gian bằng ngói, có vườn rộng, rất tiện tránh trớ khi có động tĩnh. Phái

(1) *Sau làm Phó Chủ tịch chính phủ Liên hiệp ở Hà nội ngày 02-3-1946— Hai mươi năm qua — Đoàn Thêm. NAM CHI T.T. năm 1966.*

đoàn đi thăm các nơi trong tỉnh, chú trọng nhất là khu thương mãi, giáo dục *Diên Phong* và chắc chắn họ đã rút được nhiều kinh nghiệm quí báu... Sau hơn tháng, phái đoàn mới lên đường trở lại ra Bắc.

Trên, tôi có nói không rõ việc buôn với miền Bắc có trước hay sau vụ thăm viếng này. Vì người kể lại chỉ dự công cuộc buôn bán khi theo chân phái đoàn ra Hà Nội. Người ấy là ông Võ Hoán, hiệu Phước Long, hiện nay còn sống, làm thầy thuốc, một nhân sĩ có tiếng trong tỉnh Quảng Nam. Lúc bấy giờ ông mười sáu tuổi vì lanh lợi nên được cho theo phái đoàn cùng ông thầy Thêm. Ông Thêm người Miếu Bông, gần Đà Nẵng, học trò Trần cao Vân nên biết bói quẻ. Công cuộc buôn này, ông Võ Hoán gọi là *Quốc Thương* (cho đến nay 1969 ông vẫn kính cẩn gọi bằng danh từ ấy, Ông tâm sự :

— « *Chúng tôi mua thao Mã Châu, đũi bông chữ thọ mà người Hà nội rất chuộng, vải La Thọ... Ấy, sở dĩ không mua vải Bảo An vì hồi ấy ngành dệt Bảo An đã lên cao đến cái độ... giả dối phần nào :*

Tiếng đồn con gái Bảo An
Sớm mua vải sợi, tối đan mành mành.

Mành mành rất sưa. Gái Bảo An đặc biệt là có thể dệt mỗi ngày một cây vải trong khi các phụ nữ làng khác dệt những đôi ba ngày mới xong. Nhưng họ đã khéo đan sưa, mà thước tấc cũng lại không đủ ; chỉ có 31 thước ta. Thành ra mua vải La Thọ dài 33 thước, về xé ngay hai thước là lời đã chắc rồi. Sau này khi đã buôn thông thạo,

tôi chế biến mua thêm những thứ Hà Nội ưa thích và mua của Hà Nội những thứ mà Nghệ An, Quảng Nam cần dùng : như mua the của Hà Nội một cây hai áo chỉ có bốn đồng về bán tám đồng, thuốc trà mười sáu bánh 2 đồng về bán 4 đồng, lời gấp đôi, v. v...

Vì là **Quốc Thương** *chớ không phải chuyện tư cho nên kiếm lời được đồng nào, chúng tôi chắt bóp quí báu đồng ấy. Chúng tôi không tiêu vào đó một xu, ăn uống xài phí gì lấy tiền nhà ra, chứ không đụng vào tiền của nước».*

Ấy là tình cảm của những «đảng viên» Duy Tân dù Duy Tân không phải đảng mà chỉ là Phong trào tự do. Sức mạnh của Phong Trào rõ ràng không phải căn cứ trên vật chất mà là tinh thần.

Ra Hà Nội, theo lời ông Hoán, lần đầu ông còn gặp nhiều người. Ngoài một số nhân vật ông Nguyễn hiến Lê nhắc tên trong Đông Kinh Nghĩa Thục (1) còn mấy vị sau đây : Hoàng Giáp Nguyễn đình Căn, người có lẽ đã đưa Dương bá Trạc vào Quảng Nam theo lời mời của Trần quí Cáp, Nguyễn hữu Dụng (không khoa bảng nhưng giỏi có tiếng), Nguyễn hữu Kha (Thiều Chữu) ở chùa Quán Sứ Hà Đông. Ngoài số lời của Quốc Thương, ông còn được các vị ở Hà Nội quyên giúp một số bạc 2.000$ (hai ngàn) đem về để góp phần vào các cơ sở mới tạo dựng.

Sau đó, công việc buôn bán cứ phát triển đều đều.

---

(1) *Đông Kinh Nghĩa Thục, Nguyễn hiến Lê Lá Bối tái bản 1968*

Về công cuộc Quốc Thương này, trong Đông Kinh Nghĩa Thục tuy không nói tới trực tiếp, nhưng ta cũng có thể thấy gián tiếp. Ở trang 86, tác giả có kể lại giai thoại mặc đồ tây của hai chí sĩ ở Hà Nội :

«*Thế là hai cụ thắng bộ Âu phục đúng «mốt Tây Hồ» nghĩa là một cái áo bành tô và một chiếc quần bằng vải nội hóa Quảng Nam nhuộm đen, thắt cái cà vạt cũng bằng vải đen, đi đôi dày «dôn» mỏ vịt và đội cái nón «cát» trắng rồi khoác tay nhau y như Tây, bước ra cửa, mỗi người phì phèo một điếu thuốc lá «quả đất».*

Qua giai thoại ấy, ta thấy kể từ 1907 ở Hà Nội còn có «nhập cảng» thêm những vải để may áo quần Tây bằng nội hóa dệt ở Quảng Nam nữa. Loại vải này, ngoài ngành «Quốc Thương» buôn, còn có mục đích tuyên truyền, quảng bá, chắc cũng chả con buôn nào thèm buôn vì nào có bán được bao nhiêu. Nhưng dù ít, ta cũng nên nhớ là cái ít của một phong trào khởi phát đang lên thường quan hệ hơn cái nhiều của một thoái trào. Ở đây, giai thoại này còn nhắc ta ghi nhận là *thương nghiệp Duy Tân Quảng Nam quả có ra tới Hà Nội.*

Thật ra, đến nay tôi cũng không có cơ hội gặp những nhân vật nào khác để truy cứu cho rõ ràng, kỹ lưỡng hơn về ngành buôn lớn lao của Hợp Thương. Công cuộc này lớn mạnh nhất không phải do đường bộ mà là đường ghe. Nó cũng nằm trong tay những người nay đã trên dưới trăm tuổi và họ đã chết cả rồi. Thật tình, tôi muốn biết rõ những sự giao thiệp, trao đổi

mua bán quan trọng của Hợp Thương Quảng Nam với Huế, với Triều Dương Nghệ An, với Công Ty Liên Thành Phan Thiết với Hà Nội ra sao (1). Về sau này, khoảng 1925 trở đi, tôi biết có những nhân vật Duy Tân Quảng Nam vẫn còn tiếp xúc chặt chẽ với Liên Thành, Thương hội duy nhất còn sống sót sau cơn bão lửa. Sở dĩ như thế là vì dân Phan Thiết chưa kịp «cắt tóc xin xâu». Và Liên Thành cũng bành trướng ra ở các tỉnh miền trung Trung Việt, các nhân vật cách mạng rất được đắc dụng. Rồi mãi sau này, khoảng năm 1940 khi tôi đã ở Sàigòn, các bạn tôi hễ là con cháu các ông Duy Tân vào xin việc, tôi thấy vẫn còn được chấp nhận dễ dàng với điều kiện khá rộng rãi (2)... mặc dù lúc bấy giờ Liên Thành đã đi vào con đường thuần túy thương mãi tư bản.

NÔNG HỘI ĐẦU TIÊN

Nông nghiệp là nghề chính của ta. Phong Trào Duy Tân không có mục đích trở lại lối làm ruộng lạc hậu với những mảnh ruộng nhỏ bé. Các nhà chủ xướng muốn làm một điều gì mới hơn để tập trung nhiều năng lực, khai phá nhiều đất ruộng hoang hay bị bỏ hoang, trồng trọt những loại ngũ cốc có thể xuất cảng

(1) *Theo Phan châu Trinh trong Trung Kỳ Dân biến, Hà Nội cũng đã thành lập hội buôn có đóng cổ phần.*

(2) *Ông Phạm phú Hưu, giáo sư, cho tôi biết là ông Nguyễn ái Quốc (H.C.Minh) xuất ngoại là nhờ bảy đồng bạc của công ty Liên Thành giúp.*

được. Ngành nông này, bao quát các loại trồng trọt, ở Quảng Nam-ngoài không có nguồn lợi nào thật lớn cho Phong trào vì đất đai đã được canh tác từ nhiều thế kỷ. Chỉ vùng Quảng Nam-trong (Quảng Tín) có thể nói là nguồn lợi vô tận với quế, chè, tiêu... Vì thế, đối với vùng ấy, Duy Tân quả thật là *một nhu cầu* thiết yếu để các chủ vườn có cơ hội bán quế đúng với giá trị của nó. Vì từ xưa nay, quế hoang hay quế vườn hoàn toàn nằm trong tay «các chú». Họ đưa trước một số tiền nhỏ, mua non cả vườn hay một phần vườn. Thế là chủ vườn phải chịu nhận vì chả biết bán cho người Việt Nam nào. Người Việt có mua rồi cũng chỉ biết bán cho Tàu chứ bán cho ai? Mọi công cuộc giao thương quốc tế, Trung Hoa nắm độc quyền cả rồi! Ấy thế là những khu vườn quế đồ sộ của núi rừng Quảng Nam biến lần thành những món tiền lớn để các ông con trời mang về Hồng Kông tiêu xài hay về Tàu mua nhà, tậu ruộng. Bởi vậy, công cuộc lập thương cuộc hay Công Ty để hùn những vốn lớn cho vay tránh nạn mua non, trữ quế chờ có giá mới bán, tìm thị trường ngoại quốc, v. v... đều là ước vọng chính xác, sâu xa nhất mà ngành quế đang đòi hỏi. Sự thật quế có thể cung cấp những số lời chừng nào? Giá trị của lâm sản ấy đến nay còn có ý nghĩa gì không? Tôi chỉ cần nhắc sự kiện này: khi ông Ngô đình Cẩn lên nắm quyền thao túng miền Trung, lập Đảng Cần Lao thì một trong vài kế hoạch lớn của ông để làm kinh tài là: bán gạo cho miền Bắc và

độc quyền buôn quế. Nhờ độc quyền (thật ra, có vài chủ khác nữa nhưng rất yếu kém), ông trở nên giàu lớn, có nhiều đô la. Thời ấy chưa có nhiều viện trợ Mỹ và ở miền Trung, có lẽ ngoài quế cũng chả còn môn xuất cảng nào có khả năng thâu ngoại tệ được. Công cuộc của ông Cẩn đã làm các chủ vườn rên siết trong nhiều năm trời... (1) cho nên công cuộc lập Công Ty chung và riêng cho ngành Quế là một đường lối lãnh đạo rất đúng để bảo đảm những quyền lợi chánh đáng của một ngành trồng trọt rất có tương lai của Quảng Nam-trong. Do lẽ thấy trước triển vọng quá tốt đẹp ấy mà các chủ vườn đua nhau sửa sang, mở mang vườn Quế, chung nhau tìm thêm đất để trồng thêm quế, chè, tiêu. Chính ông Phan châu Trinh cũng góp phần vào công cuộc khuếch trương vườn quế bằng cách hùn vốn với các nhà kinh doanh khác (2). Các « hội nông trồng quế » theo Huỳnh thúc Kháng đã dẫn trên kia, đều được thành lập từ năm 1906 (Tự truyện trang 28). Phong trào mở vườn chè, lập vườn quế lên cao cho đến độ đề đốc Trần Tuệ, người được phái coi đường sá lên mỏ vàng Bồng Miêu, đã *ngứa ngáy* không chịu được, cũng cưỡng bức dân để chiếm một khu vườn, bắt dân tới làm ruộng công, khiến dân phẫn nộ, hợp với những phẫn uất khác, gây nên cuộc bức tử viên đề đốc của Triều đình năm 1908.

***

---

(1) *Khi tôi sửa lại bản thảo này thì các nhật báo đăng tên một tướng lãnh bị khốn đốn cũng chỉ vì* chuyên chở quế *ở Quảng Ngãi.*

(2) *Thuật theo lời bà Lê Ấm, con gái ông Phan châu Trinh.*

Ở Quảng-Nam-ngoài, khu vực Trần quí Cáp không có những nguồn lợi lớn lao như thế mà chỉ trông vào ngũ cốc. Trong Tiểu sử Trần quí Cáp, ông Trần hiến Sách có ghi :

Tháng tư năm Bính Ngọ 1906, tiên sinh (TQC) cùng Bang Kỳ Lam Nguyễn Tán, các ông cử Phan thúc Duyên, Lê bá Trinh, Hồ thanh Vân và tôi lên nguồn núi Dùi Chiêng tìm Sở rẫy Cờ Vĩ để khẩn hoang. Thấy đất linh láng màu mỡ tốt, bèn về mộ phu lên làm. Lúc ấy dân chưa nhận thức, người sợ nước độc, kẻ sợ xa nhà nên không ai chịu đi. Tiên sinh phải ra thuê một sở ruộng làng Cẩm Nê chỗ giáp giới huyện Hòa Vang với phủ Điện Bàn, diện tích ước hai mươi mẫu để lập nông hội. Tiên sinh đứng ra tổ chức và trông coi sự làm ruộng ấy, mục đích để lấy hoa lợi tiếp tế cho anh em du học (trang 13).

Tuy nói dân không chịu đi làm, nhưng theo lời ông Nguyễn xuân Thái (nguyên quản lý báo Tiếng Dân) thì cũng đã canh tác được một thời gian, có lẽ với những người nhà của các nhân sĩ nói trên. Theo ông Thái thì :

Cờ Vĩ là một khu vực thuộc Sé (Tý, Sé, nơi năm 1904, các ông Phan châu Trinh, Trần quí Cáp đi tuyên truyền cổ động Duy Tân). Ai có đi ngược sông Thu Bồn, qua các khu vực Phường Rạnh, Dùi Chiêng rồi mới tới Tý, Sé, xa hơn khu vực đóng Tân tỉnh của Nguyễn duy Hiệu thời Cần Vương một buổi đường. Nơi đó, gần như hoang địa, đất rất tốt, lại bằng phẳng, thuận lợi cho việc gieo vải, trồng trọt. Đất đó trồng bắp thì có lẽ ít nơi nào

sánh kịp. Ta cũng nên nhớ vùng ấy có tiếng là khu vực sản xuất bắp. Phương tiện chuyên chở thì chỉ có gánh. Dân phu phải gánh hoa lợi từ nhàn điền ra đến khe Sé rồi mới xuống ghe. Công việc có thể tiến hành tốt đẹp, nhưng khả năng chịu đựng của sĩ phu chỉ có hạn, dù họ đều là con nhà nông và ít nhiều đều có tham gia canh tác. Huống chi ban đêm còn nghe tiếng hổ rống, lại thêm gió núi vượt qua khoảng rộng lạnh lẽo tê tái, thêm cảnh cô độc giữa chỗ hoang địa lam sao khỏi ngã lòng. Nhưng kinh khủng nhất là bệnh sốt rét. Ai có ở những vùng này cũng đều phải biết qua những cơn run rẩy, vật vã hãi hùng đến đâu, mới hiểu tại sao cuối cùng họ phải bị đánh bật ra khỏi khu vực thí nghiệm đầu tiên khắc nghiệt ấy, nhường đất đai lại cho sơn lam, chướng khí, hùm beo...

Xem qua đó, cái công của những nhà Duy Tân lúc đầu thật lớn lao, sự quả cảm thật đáng kính phục trong cái buổi chưa ai *dám nghĩ* tới chứ đừng nói *dám làm*, ở vào một vùng mà đến dân quê cũng *chê*, chứ đừng nói tới kẻ khá giả. Vậy mà sĩ phu dám lăn vào thí nghiệm...

Thất bại rồi, họ rút về Cẩm Nê (Yến Nê). Khu vực này ở giáp giới huyện Hòa Vang, và Phủ Điện Bàn, ở giữa các vùng Hà Thanh, Quang Châu, Dương Sơn, cách đập An Trạch hiện nay 3 cây số. Lúc ấy, đập còn gọi là Cầu sắt có thể quay được như kiểu *cầu quay* dùng để cho ghe thuyền lên xuống. Nông hội Yến Nê chừng 20 mẫu ta. Đất này do lý hương tự ý cắt cho một phần; phần

khác do những người có tâm huyết « cúng » vào. Người có công nhiều ban đầu là ông Học Băng ở Quang Châu (ông gia liệt sĩ Thái Phiên), ông có chân học sanh, giỏi, giàu có lớn, nhưng hơi nhát gan. Tuy nhiên, ông luôn luôn xung phong bỏ những món tiền rất lớn để giúp cho bất kỳ công tác nào của Phong Trào Duy Tân. Công cuộc quản trị nhàn điền này ngoài Học Băng còn Tú Diêu. Nhưng Tú Diêu thật thà, dễ bị lợi dụng nên phải nhờ ông Hương Bung, anh ruột, thực sự quản trị. Ông này có khả năng nên công việc chạy đều. Ở nông hội này trồng sắn, khoai, bắp dọc theo bờ sông và khuếch trương một loại cây mới về sau rất phổ biến khắp Miền Trung, được mệnh danh miền thùy dương. Loại cây dương liễu ấy thật ra chỉ dùng để chụm bếp. Nhưng miền Trung sở dĩ hay trồng vì có nhiều bờ biển, bờ sông không biết làm gì, vì làm gì cũng không được, không cung cấp được đủ phân bón, nên đành phải trồng thứ cây nên thơ nhưng chả mấy lợi lộc đó. Chính Phong Trào Duy Tân, về phương diện tiền phong này, đáng được khuyên một điểm son. Nói tóm lại, Yến Nê tuy nước hiền nhưng chẳng phải là một vú sữa tốt.

Thời kỳ ở Yến Nê, Trần quí Cáp có làm một bài ca trù để cho những người làm ruộng ngâm nga những khi nhàn rỗi.

KHUYẾN NÔNG

Phú quí nhược tùng lưu thủy khứ,
Công danh giai thị đẳng phù vân (1)

---

(1) Ý nói giàu sang qua như nước trôi, công danh là mây nổi, chả có gì bền vững.

Ủy thôi thôi, phủi trớt ánh hồng trần,
Ngày thong thả dạo chơi miền Nam mẫu
Tớ nọ một đôi thằng, ruộng kia năm bảy mẫu
Mặc dầu ta nông phố vẫn phong lưu.
Xuân rồi hạ, hạ rồi thu
Mía đương tơ, dâu đứng cái, lúa con gái, bắp chưng chàn,
Lấy ba giá nhuốm chơi màu thanh tú.
Việc này hỏi có ai hơn rứa hử ?
Về mụ nhà khuyên điềm lấy ông bay.
Hoách chân dựa lấy chuôi cày
Vỗ tay hát khúc Nam Sơn, ừ cũng thú !
Nói chi nữa đến ngày hoa vụ,
Gà lộn, cu quay, xôi vò, rượu hủ,
Vui cùng nhau ăn cơm mới, nói chuyện xưa !
Khi Lịch Sơn, lúc Tân giả cày bừa
Nghĩ cho hết biết bao nhiêu mùi kinh tế.
Việc xử thế phải sạch câu hành chí.
Muốn làm chi những thú mây mưa.
Kìa kìa, gió sớm trăng trưa.

So với bài Hiệp Thương, ta thấy bài nầy tác giả làm với những rung động rất chân thành, bằng tâm hồn hơn bằng lý trí. Ngoài ra, so với kiến thức nông thôn của Nguyễn Khuyến, ta thấy Trần quí Cáp không thua thi sĩ Yên Đỗ ít ra về phương diện vạn vật học :

Mía đường *tơ*, dâu đứng *cái*, lúa con *gái*, bắp chưng *chàn*. Và biết bao nhiêu những chi tiết của cuộc sống nông

thôn nào lấy *ba giá, hoách chân,* dựa lấy *chuôi cày, gà lộn, cu quay, xôi vò, rượu hủ, ăn cơm mới*... Nhưng thơ Nguyễn Khuyến đi từ cuộc đời của nông dân nghèo khổ, an phận, trái lại, bài ca trên đây của một ông chủ ruộng phong lưu, một nhà chí sĩ đang nuôi lý tưởng đợi chờ. Vậy, tác dụng của bài này không phải khuyến khích những quần chúng cần lao nghèo mà đối tượng là các chủ điền đang hăng say trong việc phát triển ruộng đất, khai khẩn đất đai. Sự thật, nòng cốt chủ yếu của Phong Trào Duy Tân chính là đẳng cấp này chứ không phải đại lực lượng cần lao. Tinh thần bài ca thật đúng là một người say sưa với cái thú nhàn của đời sống nông thôn, say sưa một cách giản dị như khi đặt những câu hỏi :

....có ai hơn nữa hử ?

hay khi tự hào :

Về mụ nhà khuyên điềm lấy ông bay (1)
Hoách chân dựa lấy chuôi cày.

Có lẽ từ xưa đến nay đối với thi ca ta về nông thôn, vừa vui với nghề, vừa tin tưởng ở tương lai, không quen an phận vì biết tương lai chính tự mình tạo ra, vừa yêu sự nhàn hạ chân thành mà vẫn không quên nuôi chí bay nhảy (Lịch Sơn, Tân giả) thì bài này có ẩn một niềm hân hoan chưa từng thấy (ngoại trừ trong ca dao). Ngay câu kết cũng bày ra một khung cảnh đặc biệt của đồng quê :

Kìa kìa, gió sớm, *trăng trưa.*

***

(1) *Ông của tụi bay, tự trỏ mình, tiếng miền Trung.*

Ngoài Yến Nê, Phong trào còn khai phá được những nhàn điền sau đây :

Tháp Mỹ Sơn.— Nông hội này khá lớn, bao gồm một số đất *trên* bốn năm chục mẫu đã khai phá. Ở đây cũng trồng nhiều nhất là sắn khoai. Những nơi thấp đã cấy được lúa. Sở dĩ ở đây có nhiều đất là vì khu vực ấy (ở vùng Tháp Mỹ Sơn, Duy Xuyên) gần rừng có nhiều hoang địa.

Bữu Sơn.— Nông hội này ở Đại Lộc, gần quận hiện nay chút ít, phía trên cầu Chìm. Số ruộng khai phá không biết bao nhiêu mẫu.

Đây có mấy nông hội lớn, có danh tiếng được các bậc học thức khai thác, quản trị. Còn những nông hội nhỏ hơn thì không được rõ. Kể ra, về thời đó ở Trung Việt mà tìm ra được những khu vực rộng những bốn năm chục mẫu để lập nhàn điền thì phải gọi là một sự cố gắng đáng kể của Phong trào.

Nhưng chắc chắn là chỉ có kết quả lớn trong việc tuyên truyền một quan niệm mới về trọng nông thực sự, khuyến nông thực sự, mở cho nhà nông thấy một tương lai đẹp đẽ thực sự chứ không làm trò hề như vua, quan vẫn bận đại trào đi cày đi cấy trong các lễ hạ điền... Còn kết quả về vật chất thì chắc chả có gì đáng kể. Nhưng đó chỉ là ở vùng chịu ảnh hưởng Trần quí Cáp, còn vùng chịu ảnh hưởng Huỳnh thúc Kháng thì tất cả sự thành công của Phong trào nằm trong chính ngành trồng trọt : chè và quế như ta đã biết và kể từ đây sự phong phú mỗi ngày một lên thang dù Phong trào bị tận diệt.

HỌC KHÔNG THI ?
HỌC ĐỂ BIẾT ?

VIỆC học là theo Chánh giáo, được đưa lên hàng đầu theo quan niệm của Nguyễn lộ Trạch. Phong Trào Duy Tân có hai thời kỳ phát triển việc học rất dễ kiểm nhận.

Từ năm 1903, các nhà lãnh đạo đọc những tài liệu của Nguyễn lộ Trạch và Tân Thư. Thời kỳ này, việc học được xúc tiến rất mạnh và hăng. Học được tới đâu, các vị này lại đem giới thiệu, truyền bá trong đám bạn bè. Tân thư trở thành một nhu cầu cấp bách. Nhưng họ không học theo lối nói đâu cúi đầu nghe đó kiểu *Khổng viết* mà bắt đầu có những cuộc thảo luận sôi nổi. Người hăng hái nhất vẫn là Phan châu Trinh. Các sĩ phu cũng bắt đầu tấn công cổ nhân, do đó gây nên một sự tách biệt mới mẻ giữa đám bảo thủ và tân nhân vật.

Thời đó, cổ nhân gần như là *Chân lý* mà cựu học, bảo thủ cho là không ai có quyền đụng đến. Một giai thoại sau đây có thể chứng minh điều ấy !

Một hôm ở Huế, tại nhà Đào nguyên Phổ, người Bắc, đậu Thám Hoa (đã có nói trên kia). Phan châu Trinh cùng anh em bàn văn Âu dương Tu và Tô đông Pha, hai đại văn hào đời Tống.

Vừa lúc ấy, có Ngự Sử (là chức đặt ra để can gián nhà vua) họ Huỳnh đến. Cuộc bàn luận đang say. Huỳnh Ngự Sử bảo :

— Các anh không phải Âu, Tô, sao dám bàn văn Âu, Tô ?

Câu hỏi thật đúng giọng giáo điều. Phan châu Trinh lúc ấy chỉ là một chức quan nhỏ, thừa biện bộ Lễ, tiến lên chào và trả lời viên Ngự Sử :

— Cứ như lời quan lớn nói đó thì chức Ngự Sử triều đình cũng là *hư thiết* đó thôi.

Trời ! Chức ngự sử *lập ra không thực tế.* Thằng cha này hỗn và phạm thượng quá cỡ. Nhưng Ngự Sử Huỳnh cũng cố nén sự tức giận, hỏi lại :

— Anh nói cái gì vậy ?

Phan châu Trinh ung dung đáp :

— Không phải Thiên Tử, không nói việc Thiên Tử, không phải Tể Tướng, không dám bàn việc Tể Tướng thì chức Ngự Sử không phải hư thiết hay sao (1).

Cả mọi người nghe lối lập luận chắc như đinh đóng ấy cùng cười ồ cả lên. Ngự Sử ta có hơi thẹn.

Giai thoại này kể theo Huỳnh thúc Kháng vừa cho ta thấy cái lối biện bác như điện giật của Phan châu Trinh vừa cho thấy óc nệ cổ của lớp sĩ phu thời ấy cao đến

(1) *Ý nói : không phải vua sao lại dám can vua ?*

mức độ nào. Giả sử không phải Phan châu Trinh có mặt ở đấy thì nó nghiễm nhiên trở thành Chân Lý, ít ra là bề ngoài. Vì điên gì mà đi cãi lại một quan Ngự Sử ! Và biết bao nhiêu nơi bình luận khác không có những Phan châu Trinh mà đầy rẫy những Huỳnh Ngự Sử ? Đừng nói là học thuyết cổ nhân ! Cả đến chữ, cái thứ dấu hiệu vô nghĩa đó, thế mà đến thời tôi lớn lên, *nho học đã tàn*, mà rủi rớt xuống đất tờ nào là cha mẹ bắt con phải cúi xuống, lượm lên. Và độc giả trẻ biết cái gì xảy ra không ? Chúng tôi phải kính cẩn đội lên đầu trước khi trả nó về vị trí cũ. Ở thôn quê hiện nay, đôi nơi vẫn còn cái tục trọng chữ *thánh hiền*, người ta dùng bất kỳ thứ giấy quốc ngữ, Tây, Mỹ để biến thành giấy vệ sinh, nhưng giấy có chữ Tàu thì tuyệt nhiên không bao giờ !

Ấy thế mà ngay từ thời ấy, các lãnh tụ Duy Tân phải chống lại cả một định kiến, một tập tục đã đi sâu vào văn hóa thì công việc khó khăn đến đâu. Phải nói là cái công phu của các tiền bối đã bỏ ra thật quá nhiều, chưa nói để đi vào nội dung Duy Tân, chỉ nói một việc bớt tin đạo lý thánh hiền là Chân Lý hiền nhiên ! Ấy là nói việc xảy ra trên một địa bàn thuận lợi, chứ nếu phải xảy ra ở những nơi bịt bùng mọi mặt như Huế thì còn vất vả tới đâu !

Vượt được thời kỳ 1903-1905, còn nặng về việc tuyên truyền, cổ động, đến năm 1906 thì các tổ chức học đường xem như đã kiện toàn. Những trường lớn nhất trong tỉnh được lập.

Được như thế là nhờ mấy yếu tố sau đây :

— Tại Đà Nẵng lúc bấy giờ đã có Trường Pháp Việt. Nhiều người học tiếng Pháp và tiếng Việt kha khá (đối với thời ấy) có thể giúp việc giảng dạy.

— Tại Đà Nẵng đã có hội Alliance Francaise, những người như phán Văn, phán Tồn từ trong Nam ra làm việc đã thông thạo tiếng Pháp và Quốc Ngữ, có thể cố vấn cho một số người quen biết muốn học hỏi.

— Có một nghị định của Chính quyền bắt lập xã học.

Nắm được các điều kiện thuận lợi ấy, các nhà nho Duy Tân liền hô hào, cổ động, bành trướng việc học chữ Quốc Ngữ. Nhưng không phải chính quyền ra lệnh lập xã học mà dân chúng chịu học đâu ! Họ nhất định chống lại thứ chữ Quốc Ngữ phản nghịch đó. Còn những nhà Duy Tân không phải họ xu phụ Tây đâu ! Họ muốn hợp pháp hóa một *âm mưu* của họ để dễ tung hoành. Vì việc học và dạy học chữ quốc ngữ trước đó chỉ lén lút và bất hợp pháp. Bây giờ thì các nhà Duy Tân mặc sức khai thác hiệu lực của lệnh kia.

Cũng thời kỳ này còn xảy ra một việc rủi ro, có thể dìm Phong trào vào một tình trạng bỉ ổi ! Trần quí Cáp được lệnh bổ giáo thọ ở Thăng Bình và ông nhận lời. Trong tiểu sử ông, Trần huỳnh Sách ghi : Năm Bính Ngọ (1906) đương ở sở Nông hội Cẩm Nê, tiên sinh đắc chỉ bổ chức giáo thọ phủ Thăng Bình thuộc tỉnh nhà. Tiên

sinh mới đi» (1) và trong bài thơ khóc Trần quí Cáp, ông Huỳnh cũng viết «Làm quan vì mẹ há vì tiền» Nhưng có lẽ phía sau cái bằng chứng chắc nịch này, ta còn đoán có những lý do khác đã khiến ông Trần quí Cáp phải nhận lãnh chức giáo thọ. Lúc bấy giờ phong trào đã lên cao, nhiều quan lại các nơi đã bắt đầu chống đối bằng cách gây ra vụ án *thế phát*. Thế phát là cúp tóc. Những ai theo phong trào thế nào cũng cắt ngắn mái tóc. Bọn quan lại thấy ai có cái đầu ấy thường giam giữ, đánh đập. Ngoài ra chúng còn theo dõi mọi hành động của các sĩ phu để báo cáo với Tây... Mà ông Trần quí Cáp như chúng ta biết, không phải thuần túy Duy Tân như Huỳnh thúc Kháng : ông vẫn có những liên lạc trước kia với Nguyễn Thành và các hội nông, hội thương do ông lập một cách mau chóng, qui mô rộng lớn đều bị dòm ngó. Vậy, phải chăng việc chui vào quan trường còn là cách tránh những cặp mắt cú vọ của bọn quan lại và mật thám ?

Nhưng trong cái dở đó—một lãnh tụ bỏ đi làm *quan*, dù chỉ là *quan giáo sư* ! — lại thâu được lắm cái hay như được điều khiển bằng chiếc đũa thần ! Ở địa vị giáo thọ, chuyên ăn lót, ăn lễ của bọn học trò thi, ông đã làm một cuộc cách mạng giáo dục ! Tiểu Sử Trần quí Cáp ghi : « *Đến nơi (Thăng Bình) tiên sinh mở lớp Tây học ngay trong trường giáo, rước thày về dạy chữ Pháp và chữ Quốc ngữ,*

(1) *Cũng nên nói thêm là hoạt động cho Phong trào Duy Tân thì Trần quý Cáp chỉ ăn cơm nhà mà cũng không mở trường dạy học riêng như trước được.*

học trò xa gần đến học có hơn đôi trăm người. Tiên sinh lại thường vào trong dân gian để diễn thuyết, cực lực bài xích lối học khoa cử và đề xướng tân học. Bọn cựu học thấy ít la nhiều nên xem tiên sinh như đinh trước mắt, các nhà cầm quyền lại xem như kẻ thù địch.

Trong tỉnh, trường học mở khắp nơi, như các trường Diên Phong, Phước Bình, Phú Lâm, Quảng Phước là những trường lớn, hàng tháng số học trò dẫn về hội hạch tại trường giáo, do đó, tiên sinh lại có dịp khuyến khích (Tiểu sử TQC trang 14).

Vậy thì cái việc đi làm quan của Trần quí Cáp đáng lẽ chỉ là một sự phản bội, đầu hàng hóa thành một cuộc đắc thắng của Phong Trào Duy Tân mà nếu ông đứng ở ngoài thì chưa chắc đã có sự thuận lợi ấy. Ta thấy cái can đảm phi thường của ông là biến ngôi trường của chính quyền, của lối học khoa cử cổ lỗ thành ngôi trường lớn của Duy Tân với sĩ số thật lớn so với thời ấy của một trường ở một phủ : *hơn hai trăm người.* Trong buổi đầu tiên, đó là một con số ngoài ước vọng. Vì ngay như Đông Kinh Nghĩa Thục sau này tại Hà Nội, nơi tập trung những người ham học mà theo Nguyễn hiến Lê thì cũng chỉ trên 500 học sinh thôi ! Như thế, ta có thể ước lượng dư luận của tỉnh xôn xao tới đâu. Sau đó, cũng lấy tư cách giáo thọ đi hô hào việc học, ông đã đến các làng, mời các thân hào, nhân sĩ lại đình để cổ động cho tân học, mở trường dạy học quốc ngữ, chữ Pháp :

Chuông tự lập vang đình diễn thuyết (1)

Vậy mục đích của việc diễn thuyết này không phải chỉ vì tân học mà vì nền tự lập của quốc dân. Có tân học sẽ phục vụ cho việc thực hiện tự lập dễ dàng hơn. Những buổi diễn thuyết của Phan châu Trinh và ông giáo thọ Thăng Bình đầy nhiệt huyết đã gây những xúc động trong hàng ngũ thân hào, nhân sĩ rất mạnh. Họ bị lôi cuốn bởi những lời biện luận chặt chẽ, hùng hồn

(1) Phan châu Trinh ghi chú thêm về diễn thuyết và trường học : — Hội diễn thuyết thì chính tôi xướng ra. Nguyên buổi ấy quan Toàn quyền Beau có sức bảo các quan tỉnh chuyên sức xã dân lập trường tiểu học. Ở Bắc Kỳ đã lập nhiều, còn ở Trung Kỳ thì không thấy sức bắt. Tôi đến Tòa sứ xin thiệt sức cho xã dân lập trường học. Công sứ trả lời : « nếu dân muốn học thì lập, không thì thôi, vả lại cũng không có thầy ». Bởi vậy nên tôi đi khắp trong xã dân diễn thuyết nói việc lập trường học có ích, trong 5, 6 tháng lập ra trường dạy quốc ngữ và trường dạy chữ Pháp ước lượng hơn 40 trường. Và diễn thuyết thì diễn tại tỉnh thành hoặc tại đình các làng. Trong huyện tôi là huyện Hà Đông thì diễn tại Khổng Miếu, cách nhà Đại Lý độ 2km quan Pháp cũng có lúc tới nghe.

(TKDB trang 10).

Cũng nên chú ý là tuy các nhà Duy Tân đã lợi dụng việc chính quyền mở xã học nên chính thức đứng lên xin mở theo. Nhưng hai loại trường học của chính quyền lập và của Phong trào lập hoàn toàn khác biệt nhau (như tờ báo Chính Phủ và tờ báo tư nhân). Ngoài ra, cũng nhân lợi dụng cơ hội hợp pháp ấy mà có các trường lớn như Diên Phong, Phúc Bình, Phú Lâm v.v... Chính vì thế mà khi Phong Trào tan vỡ, các trường này bị đập phá gần hết.

Ngoài ra, tôi nhắc lại : nhiều tài liệu của Phan châu Trinh trong Trung Kỳ dân biến, *tôi đặt dưới chú thích là vì nó nặng* kêu oan *nên đôi khi thiên lệch.*

hay chân thành thân mật, họ tự động đứng lên, kẻ góp của, người góp công, lấy đất học điền của xã cho thuê rồi dựng lên những ngôi trường Duy Tân trong các xóm làng cồ lỗ, mời thầy về dạy quốc ngữ, chữ Tây.

Cũng riêng năm 1906 ở Quảng Nam ngoài có hai ngôi Trường lớn được thành lập : Diên Phong rồi sau đó Phước Bình. Ở Quảng Nam trong có trường Phú Lâm của Lê Cơ, không kể trường Thăng Bình của Trần quí Cáp.

Trường Diên Phong gây một tiếng vang rộng lớn hơn cả vì trước hết nó không phải là trường của chính quyền như Thăng Bình mà của tư nhân. Nó lại được dựng trên một khu vực lúc ấy cũng đang khét tiếng vì Thương Hội Diên Phong cũng là thương hội lớn nhất của tỉnh thành lập tại Phong Thử, Phủ Điện Bàn qui mô to lớn, chắc chắn là toàn quốc lúc ấy chưa có thương hội nào lớn hơn. Giáo sư của trường thì ngoài Trần quí Cáp còn có ông cử nhân Phan thúc Duyên (hay Diện), Mai Dị, Phan thành Tài. Ông Phan thúc Duyên chúng ta đã gặp ở phần thương hội vì ông là nhà kinh doanh có tiếng hơn là giáo sư giỏi. Ở đây, ta cần biết qua ông Mai Dị Phan thành Tài.

Mai Dị người Nông Sơn, Điện Bàn, đậu cử nhân, rất có tiếng trong hàng sĩ phu (con tú tài Mai Luyện), Ông Phan châu Trinh vẫn thường bảo : «Mai Dị và Phan Khôi là cặp Tiến sĩ tương lai của Quảng Nam». Nhắc điều ấy, cốt để cho thấy rõ là lớp thanh niên ưu tú nhất đều nghiêng theo Phong trào Duy Tân. Mai Dị tính tình khẳng

khái, can đảm. Sau này hai lần bị bắt tại Hà nội, vì ông là nhân viên liên lạc, đại diện cho phái Duy Tân Quảng Nam ; một lần bị bắt vì vụ chống thuế 1908, lần khác về vụ Chính Biến vua Duy Tân, do Trần cao Vân và Thái Phiên khởi xướng. Năm 1908 ông có làm bài tập Kiều chửi Tổng Đốc Quảng Nam Hồ đắc Trung (sau này Trung nhờ vụ chống thuế mà thăng Thượng thơ bộ Học!) rồi về sau, có gởi cho Nguyễn bá Trác một bức thư chửi rủa thậm tệ, được nhiều người truyền tụng. Ông bị tù tất cả hai lần sau khi bị bắt chính tại Hà nội hai lần : lần chống thuế 3 năm, lần 1916 (vua Duy Tân) cũng 3 năm. Về vụ sau ai cũng cho là án quá nhẹ, so với các bạn đồng chí của ông vì các hịch đều do ông thảo. Thời kỳ Phong trào Duy Tân, ông được nổi tiếng nhiều nhất là nhờ một sứ mệnh mà Phan châu Trinh giao phó cho ông cùng tú tài Phan Khôi : Mang bản Đầu Pháp chính phủ thư ra Hà Nội cho ông Babut dịch ra tiếng Pháp đưa lên toàn quyền Đông Dương, Babut là chủ bút báo Đăng cố, ở trong hội nhân quyền của Pháp.

Giáo sư thứ hai là ông Phan thành Tài. Ông sinh năm 1869 làng Bảo An (Điện Bàn, Quảng Nam) lúc trẻ học chữ Hán với cụ huấn Lê Cung, cha nhà văn Sở Cuồng Lê Dư (sau này là biên tập viên xuất sắc tạp chí Nam Phong), đồng bạn với Phan Khôi. Ông được học chữ Pháp tại Đà Nẵng và là một người hết sức nhiệt thành với tân học. Về sau, trong vụ vua Duy Tân, ông đóng vai trò tích cực bên cạnh Trần cao Vân, Thái Phiên, quan

yếu trong việc thống lĩnh quân đội. Lực lượng của ông đáng lẽ chiếm được tỉnh Quảng Nam là tỉnh căn cứ của vụ vua Duy Tân, nhưng vì đợi mãi không thấy hiệu lửa trên đèo Hải Vân đốt lên cho biết là Huế đã khởi sự nên ông cho rút lui. Đạo quân của ông đồng phục áo vải rằn, quân số đông đảo, trang bị không kém, với phụ lực quân mang những phương tiện leo thành túc trực sẵn sàng đã tự tan biến khi bình minh chưa ló dạng. Hình ảnh tướng quân Phan thành Tài trên lưng ngựa trong cái đêm quyết định ấy là hình ảnh tượng trưng cho sự kiêu hùng của dân tộc, cũng biến mất. Ông trốn lên vùng núi rừng. Nhưng về sau, quân Pháp và Nam đến chiếm làng Bảo An, dọa nếu không về đầu thú sẽ làm cỏ cả làng nên ông vì thương dân phải trở về để rồi sau đó bị xử tử. Có người tặng ông cùng Thái Phiên một bài thi :

Không đem Tây học làm nô lệ Tây (1)
Sự nghiệp không thành, đành chịu đứt đầu
Trong nước, phường học mới đen như kiến
Đêm tự hỏi lòng có xấu hổ không ?

(Khẳng bả Tây văn khứ tác nô,
Bất thành cam tự đoạn đầu lô;
Quốc Trung Tây học nhân như tức,
Thanh dạ môn tâm quí tử vô ?).

---

(1) Phong trào Duy Tân *ở Quảng Nam có điềm khác Hànội : không chỉ các nhà nho chống lại Pháp mà những người theo tân học cũng chống lại đến khi đứt đầu mới thôi (như Thái Phiên, Trần cao Vân) ở Hà nội, chỉ nhà nho chống Pháp, còn những người Tây học thì đều hợp tác với Pháp cả (Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, Nguyễn bá Học...)*

Diên Phong gồm hai trường : một ngôi ở ngay tại Hội Thương, phía sau ngôi nhà dài dùng để buôn bán, tất cả đều mới cất bằng gạch ngói ; ngôi thứ hai ở chùa (gần chợ Phong thử cũ). Tổng số học sinh ban I và II cũng trên dưới hai trăm người. Ngoài việc giảng dạy, trường vẫn thường tổ chức những buổi diễn thuyết có hội thảo để các bậc khoa cử tới dự.

Các phương tiện, dụng cụ không có gì đáng kể. Nhưng đặc biệt là trường đã biết dùng bảng đen phấn trắng : đó là một cải cách quan trọng vì ngày xưa, ông thầy chỉ chép bài thẳng vào vở, hoặc học trò xem sách mà chép lại. Đặc điểm của Diên Phong là thật sự Duy Tân, vì không có sự liên hệ với chính quyền như trường Thăng Bình. Nhà trường tự định liệu các sách học, các môn hát và thể dục.

Về sách thì chưa có một chương trình rõ ràng. Gặp sách nào hay thì đem ra dạy, gặp bài thơ nào khoái chí thì đem ra giảng. Toán thì dạy các phép cộng; trừ, nhân, chia, tính đố, sau này mới có sách của Trần văn Thông ở Bắc gởi vào.

Về các mặt tư tưởng, khoa học, địa lý, sử thì dạy bằng các sách chữ Hán của tác giả Việt hay Trung Hoa. Các cuốn sau đây rất thông dụng :

1— «Giáo khoa» của Tàu (mở đầu bằng câu Thiên địa anh khí chung vi nhân, có vẻ hình chim, cá...)

2— Bác vật chí : Sách do Phạm phú Thứ đề tựa và ấn hành, dạy về các môn khoa học như sấm, chớp, điện lực, xe lửa v..v...

3— Dinh hoàn chí lược : một quyền địa lý tiếng tăm của Trung Hoa đã truyền sang Nhật Bản, Việt Nam trước đó khá lâu (1). Chính nhờ quyền đó mà nhiều nước Á châu biết được địa lý (và ít sử) thế giới.

4— Đại Nam nhất thống chí : Địa lý, kinh tế, xã hội Việt Nam.

5— Quảng Nam địa dư chí : Địa lý tỉnh Quảng Nam.

6— Việt sử cảnh : Thời Đinh, Lê, Trần, Lý của Hoàng cao Khải (có lẽ khoảng 1908 mới học)

7— Cách ngôn liên bích, Trích cẩm v.v...

Ở ban II và ban của người lớn có giảng những sách của Khang hữu Vi, Lương khải Siêu, thuyết Dân Quyền. Tư tưởng này sẽ làm căn bản cho việc chọn giáo sư, chọn sách, giảng giải. Các giáo sư cũng đem ra để hội thảo trong những ngày có cuộc tập họp rộng rãi sĩ phu.

Như trên, ta thấy việc học hoàn toàn chú trọng về thực dụng mặc dầu thời ấy chưa có những lý thuyết cao xa gì về thực dụng. Đó là chưa kể các trường ứng dụng nguyên tắc *thả học thả canh* là vừa làm ruộng vừa học. Học sinh sẽ được học vào những mùa rất thuận lợi cho việc canh tác ruộng đất, nghỉ vào những thời kỳ mà mùa màng cần họ có mặt để trông coi gặt hái. Nguyên tắc này áp

(1) Quyền này chê người Việt Nam sính làm thơ và làm thơ dở. Trong Tiếng dân, có người công kích ý tưởng ấy và dẫn chứng những N. Du, Cao bá Quát bằng Nôm. Nhưng thiết tưởng họ chê là chê người Việt Nam làm... thơ Tàu chứ có nói Nôm đâu ! Và đúng quá. Làm thơ ngoại ngữ thì cái dở là cầm chắc rồi.

dụng từ hồi học chữ Hán chứ không phải mới mẻ gì. Ở điểm này, ta cũng nên phục các nhà Duy Tân. Dù họ đã biết Tây có lối nghỉ hè rất thuận lợi, hợp thời tiết, nhưng họ không áp dụng. Vì lối nghỉ hè ấy chỉ có thể áp dụng ở những quốc gia có trình độ sản xuất cao hoặc ở thành thị. Ở một quốc gia nông nghiệp lạc hậu thì nếu cứng rắn đến mùa hè phải nghỉ tất học sinh phần lớn sẽ bỏ bê nông nghiệp nếu không lơ là việc học, điều nào cũng có hại cho đường tiến thủ. Phương pháp này, thời kháng chiến cũng dùng lại, gọi là *nghỉ mùa*. Có nhiều trường Duy Tân áp dụng cao độ nguyên tắc *thả học thả canh* tùy theo trường hợp, hoàn cảnh địa phương nên mỗi tuần chỉ dạy học đôi ba ngày vào những ngày mùa.

Về việc hát thì chưa có bài hát có soạn nhạc như lối Tứ đại cảnh, Hành vân ở Huế. Phần nhiều, cứ đọc lớn, ngâm nga những bài ca ái quốc, ca Duy Tân sau giờ học chiều. Tiếp theo đó là giờ thể dục ; giữa buổi tập, vào lúc nghỉ cũng có hát. Vậy hát không phải chỉ để giải trí mà còn để phấn khích tinh thần ái quốc của học sinh.

Về thể dục, các trường Duy Tân cũng đều rất chú trọng. Nhưng họ cũng chưa biết phương pháp nào để theo. Nơi thì giáo sư bắt học sinh tập nhảy qua ghế, bàn, nơi thì học miếng võ ta, nơi thì học lóm những động tác thể dục Tây Phương. Ở trường Phú Lâm của Lê cơ còn bắt học sinh sắm dù để thay cho súng rồi lúc trườn

lên bắn, lúc lui về thủ, lúc nghỉ thì chụm cả ba cây dù như chống ba khẩu súng vậy.

Dẫu còn hết sức ấu trĩ, nhưng tổng chi, việc học của phe Duy Tân cũng chú trọng đúng cái gọi là giáo dục toàn diện mà cho đến nay 1969, chúng ta vẫn chưa thực hiện được ở Miền Nam.

Tại sao gọi giáo dục ? Vì nhà trường cốt ý đào tạo những con người có tư tưởng, theo chánh giáo (dân quyền) lấy yêu nước làm động cơ, lấy khai trí trị sinh tức là mở mang trí não và đời sống vật chất của dân làm mục đích. Giáo dục vừa có lý thuyết vừa có thực hành, quan trọng hơn nữa là biết gắn liền, gắn chặt vào đời sống nông nghiệp của quảng đại quần chúng nên nền giáo dục ấy vừa thực tiễn vừa muốn gây sự đồng tiến. Gọi là toàn diện vì không chỉ lo đào tạo trí thức, nhà trường còn đào tạo tính khí, nhân cách, lý tưởng, còn chú trọng việc luyện tập sức khỏe. Vượt lên trên một bậc, Trần quí Cáp còn dám gây dựng một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa học viên ở các trường mới lạ mà đến nay, chúng ta chưa nghe thấy ở đâu có tổ chức. Mỗi lần khảo hạch, ngày rằm, mồng một thì học trò tụ họp lại, trường này dẫn sang trường kia theo một thời khóa biểu luân chuyển để học sinh làm bài thi chung với nhau. Do đó, họ dễ quen biết nhau, thi đua, trao đổi kinh nghiệm và cũng là cách du ngoạn, học địa lý, hiểu biết dân tình thực tế nhất. Nhờ những cuộc tập hợp tứ phương về một trường học mà khu

vực có trường học bỗng thành ra ngày hội hè, gây thông cảm giữa học trò và nhân dân do sự tiếp xúc thân mật. Có thể nói đó là những cuộc tuyên truyền rộng lớn cho Phong Trào Duy Tân và cũng là một cải cách lớn trong giáo dục của ta.

Nhờ sự hăng say của sĩ phu nên sáng kiến đẻ ra mãi. Sáng kiến gần như vô tận. Chúng ta thử nghĩ, từ năm 1905 đến 1906, từ con số không mà bây giờ đã có bao nhiêu nông hội, thương hội, trường học với bấy nhiêu điều phải tự đặt ra, bày ra, mô phỏng, cóp nhặt vì trước đó chưa hề có hoặc có một cách cồ lỗ thì đủ thấy tinh thần sĩ phu ta phong phú và quả quyết tới đâu !

Sau trường Diên Phong và trường Phú Lâm của Lê Cơ, một trường ở vùng đồng bằng gần Hội An, Đà Nẵng, một trường ở vùng Cận Sơn (gần làng Phan châu Trinh), có một số trường nhỏ khác xuất hiện. Sở dĩ tôi không nói nhiều về Trường Phú Lâm là vì tôi muốn dành các công trình của ông Lê Cơ để trình bày chung dưới sắc thái của một thảo dã anh hùng, không giống với công trình các ông Phan thành Tài, Mai Dị. Số trường nhỏ lớn đến năm 1908, theo Phan châu Trinh đã lên đến 40 cái. Tôi không đi xa vào những khu vực hẻo lánh, chỉ trình bày một số trường mà nhiều người biết trong vòng ảnh hưởng của trường Diên Phong :

1) Trường Bảo An. Tại làng Bảo An, làng có nhiều nhân vật lừng lẫy trong nước và có tiếng con gái tương

đối đẹp trong tỉnh.

2) Trường Phú Bông. Giáo sư là Trương Tuấn, người Minh Hương lên ở đó đã lâu. Sau vụ xin sưu 1908, ông Tuấn theo đường thượng trốn qua Xiêm rồi chết luôn bên ấy.

Một giáo sư khác nổi tiếng là Nguyễn tăng Côn, làm việc Tây, gọi là Thông Cào (Huỳnh thúc Kháng gọi lầm là Cao, trong một đoạn sau). Sau vụ 1908 ông bị đày đi Lao Bão bảy năm. Mãn hạn về, vào Phan Rang làm ăn rồi chết ở đó.

Trường Phú Bông ở xã Phú Bông, do ông Tú Trương ngọc Phiên sáng lập. Trường có ba lớp, Trương Tuấn dạy Quốc Ngữ, ông Cào dạy Pháp Văn. Bạn đọc cũng nên để ý là trong cuộc vận động Duy Tân cũng như Đông Du của ta, có nhiều người Trung Hoa, Minh Hương giúp sức đắc lực và oanh liệt nhất là ông Châu thượng Văn mà ta sẽ gặp ở sau.

3) Trường Quảng Huế. Do Nguyễn Hòa dạy. Ở chợ Quảng Huế này cũng có một người Trung Hoa tên Sáu, buôn ở Sở tơ,tướng như Tây, thường liên lạc với người Trung Hoa, hô hào giúp đỡ công cuộc Duy Tân.

4) Trường La Châu. Làng Cẩm Toại, do Lâm Nhị dạy. (Lâm là Rừng, gồm có hai chữ Mộc, anh em đùa, bỏ bớt một chữ Mộc nên gọi Mộc Nhỉ). Trường lập trong vườn ông Mười.

5) Trường Lạc Thành. Do Nguyễn Cự dạy. Ông

Cự người xã Cẩm Văn, cũng có đi buôn Quốc Thương (buôn ra Bắc các năm 1906 - 1907 - 1908, xem mục Thương hội). Về sau cũng bị chém.

6) Trường Quảng Phước. Ở Phước Kiều, do giáo sư Nguyễn Phiên, người nhà giòng dạy. Đây có lẽ là một trường Công Giáo đầu tiên nước ta hợp tác với các trường ngoại đạo trong một lý tưởng chung. Đây cũng là một đặc điểm của Phong Trào Duy Tân, đánh dấu một bước rẽ lớn trên đối tượng tranh đấu : tranh đấu với thực dân, phong kiến, chứ không phải giữa lương và giáo. Dù lương hay giáo, nghèo khổ, hiếu học đều được khai hóa nâng đỡ như nhau để dẫn tới một mục đích chung. Điều này, ta đã thấy Phan châu Trinh trình bày rõ với cố đạo Tây ở Trà Kiệu.

Đó là vài sắc thái khác nhau của các trường ở quanh địa bàn trường Diên Phong, còn mấy chục trường ở những nơi khác không thể kể hết...

Trường nhỏ lập nhiều tới đâu thì nhu cầu trường lớn cũng lớn lên tới đó. Nhu cầu học không chỉ phải đáp ứng cho chính trong tỉnh mà cho cả tỉnh khác. Bởi thế, theo đề nghị của Phan châu Trinh phải lập thêm một Trường lớn cỡ Diên Phong và Phú Lâm : Trường Phước Bình.

Trường này, Giám đốc là Cửu Cai Trần Hoành, hiệu Phước Bình, nguyên nhân viên mỏ than Nông Sơn bỏ về. Trường lập ở Quế Sơn, gần Đèo Le, cạnh làng Trung Lộc, không xa khu vực Tân tỉnh của quân Cần Vương do Nguyễn duy Hiệu lãnh đạo.

Ông Trần Hoành là một nhà chính trị, sau này rất nổi tiếng ở Côn Lôn nhờ những vụ vượt ngục rất oanh liệt, có khi trôi giạt sang tới Trung Hoa. Về sau, ông giúp việc đắc lực cho báo Tiếng Dân của Huỳnh thúc Kháng trong nhiều năm.

Nhờ giỏi tổ chức nên chỉ trong thời gian ngắn, trường đã có qui củ. Lại nhờ có một vị trí thuận lợi nên những ai không thể học ở Phú Lâm hay Diên Phong thì lên học ở đó. Một trường lớn đòi hỏi nhiều giáo sư. Vì thế, giáo sư ở Diên Phong phải dạy từng khóa ở trường này rồi cơm đùm, khăn gói vào dạy ở trường kia như kiểu các giảng sư Đại học thời nay. Ở trường này bày ra phương pháp ấn loát mới mẻ bằng đông sương. Tức là nấu rau câu để nguội thành xoa xoa (như đông sương) rồi ấn tấm giấy viết sẵn cho chữ dính vào đó. Xong mới lấy các tờ giấy khác để in. Phương pháp đối với chúng ta « cũ hơn trái đất » trẻ con không thèm xài, thế mà với thời ấy là một phát minh quan trọng) được mọi người trầm trồ khen ngợi.

Với những điều kiện nghèo khổ, khó khăn, trường vẫn không ngớt phát triển. Cũng nên nhắc thêm là chỉ ở các thương hội lớn như Diên Phong, giáo sư còn được ăn tập thể, chứ ngoài ra thì ai phải tự túc phần nấy, may nhờ rủi chịu. Nhưng cái khó khăn ấy vẫn có thể vượt qua khi người ta có một lý tưởng. Chứ còn những cái khó khăn về dư luận của một số nhà nho luôn luôn chống đối, thì thật nhọc nhằn. Họ chống đối không phải chỉ vì đạo thánh hiền mà còn chính vì quyền lợi

riêng tư : lũ trẻ, bọn thanh niên say theo tân thư đã khiến các trường thuần hán học trở nên vắng vẻ phần nào, đời sống các ông đồ lâm vào khó khăn, tuy đời sống những ông đồ mới cũng chả tốt đẹp gì hơn ! Nhưng thà thế, các ông ấy còn được cái tiếng, chứ đằng này e có khi mất cả chì lẫn chài.

Một nỗi khó khăn nhất đáng kể : xưa nay người Việt Nam học chỉ nuôi mỗi hy vọng là thâu được kết quả một cách cụ thể. Tức là lãnh lương ! Không làm quan cũng làm lý hương. Còn như cái việc học cốt ý để thu một số kiến thức thì thật chưa từng th'y nói đến. Mà lối học của Duy Tân là lối học không căn cứ vào hệ thống nào, sẽ thi cử và thu nhận những bằng cấp nào ? Chính những ông thày dạy học, bằng cấp đ'y mình mà cũng muốn tháo ra, vứt nó đi thì các ông còn muốn ai có bằng cấp nữa.

Học Duy Tân rốt lại chỉ là học để biết, để mở mang trí não, để có những kiến thức mới.

Có lẽ đó là lối học đứng đắn nhất từ xưa ở nước ta chăng ? Trong khoảng nhiều thế kỷ lại đây, chưa bao giờ nghe có việc đó xảy ra trong học giới nước ta cả.

***

Nhưng cái lối học mới ấy đâu dễ được những người bảo thủ chấp nhận. Lẽ tất nhiên nhiều cuộc đối thoại, chống đối đã xảy ra. Các quan phủ huyện cũng thường tìm những cơ hội sơ hở nào đó để dẹp bớt uy thế tân học. Một hôm tri phủ Điện Bàn là Trần văn Thống ra

lệnh truyền cho Trường quảng Phước ở gần phủ : Trống phủ mới được đánh ba hồi để quan ra khách, còn trống trường phủ mới chỉ được đánh một hồi cho học trò đi học thôi ! Trần quí Cáp vào, nghe lệnh ấy liền lấy một quyển vở học trò viết một bài thơ :

CÁI TRỐNG

Trống trường, trống phủ, trống lung tung !
Trống cũng quan dân mới lạ lùng !
Trống đánh mấy hồi mà lớn tiếng ?
Dăm mòn, da mỏng cũng như không.

Không hiểu bài thơ trào phúng đó làm sao đến mắt viên tri phủ khiến ba ngày sau, Phủ Thống thương tòa sức trường ấy đóng cửa.

Ông giáo sư dạy trường ấy là người nhà dòng, tên Nguyễn Phiên biết là viên tri phủ muốn chặn bước tiến của Phong trào, liền mời Trần quí Cáp cùng đến nhờ ông Linh Mục ở nhà thờ An Ngãi vô điều đình với Công sứ Hội An. Tòa Sứ tư lệnh cho Trường Quảng Phước tiếp tục việc dạy học.

Sau đó Trần quí Cáp có làm bài ca trù cho học trò trường ấy ca :

Mạc ngôn nhất quốc phi huynh đệ
Bán thiên tiến ngã hệ nhất gia
Gẫm mà coi giòng họ nước non ta
Kẻ làm quan, người ở dưới, cũng một giống hồng đa hết cả
Đã chẳng biết điều nghiêng, đỡ ngã.
Quốc hồn ta nay trông đã mấy dặm xa !

Trên địa cầu cũng loại người ta,
Sao người chủ mà ta làm nô lệ !
Cũng có kẻ muốn bổ thiên cứu tệ,
Ngõ vãn hồi thế cuộc một đôi phân.
Kẻ ở trên là trách thân dân,
Lẽ thời phải ân cần cho chẳng hết,
Trí dân mở mà lòng người chẳng chết,
Ơn các người biết kể chừng mô !
Đã không giúp lại muốn xô,
Xô không đặng mà mình mang tiếng nhũng.
Xin gác tay trán đêm nằm hỏi bụng :
Đồng bào hơn hay dị chũng là hơn ?
Sao không nghĩ thấu nguồn cơn.

Lẽ tất nhiên, bài hát ấy đã khiến cho Tri phủ Trần văn Thống thêm thù hận Trần quí Cáp.

Không rõ việc ông bị đổi vào Nha Trang năm 1908 có phải vì y « sàm tấu » không, nhưng chắc chắn là cái chết cũng năm ấy của ông, Thống đã dự một phần *công* không nhỏ.

MỘT ANH HÙNG THẢO DÃ: LÊ CƠ

TÔI phải đặt cho Lê Cơ một chương riêng vì trong sự nghiệp Duy Tân ở vùng Quảng Nam-trong (Quảng Tín) ông đóng một vai trò tích cực và tên tuổi ông chỉ kém Phan châu Trinh chứ chưa chắc đã thua bất kỳ người nào. Trong vùng Quảng Nam-ngoài, có nhiều nhân tài nên họ chia nhau hoạt động, không mấy ai đủ sức lấn áp những nhân vật khác ngoại trừ thủ lãnh Trần quí Cáp. Vả chăng, họ đều là nhà nho thành đạt cả nên làm việc gì cũng có cân nhắc, có thảo luận, có phương pháp tiến tới đâu, dè dặt khi cần, phát triển khi thuận lợi.

Còn Lê Cơ thì không hoàn toàn như thế. Ông là một thứ anh hùng của núi rừng. Cách hoạt động, đối xử của ông khác hẳn mọi người. Ông sinh năm 1859 tại làng Phú Lâm, Tiên Phước, bà con cô cậu với Phan châu Trinh. Ông Huỳnh thúc Kháng cho khí phách và đởm lực ông không kém Phan châu Trinh chút nào. Nhưng ông không có học thức rộng (mới tới trường ba

nghĩa là rớt tú tài), không có tài đi du thuyết, chỉ loanh quanh trong hạt. Nhưng tên tuổi và sự nghiệp Duy Tân lớn lao vang dội khắp miền (Quảng Tín) làm nòng cốt và gương mẫu có các phủ huyện, làm ngọn đuốc soi đường cho tư tưởng và hành động mới, là mối hãnh diện cho Phan châu Trinh và Huỳnh thúc Kháng, xem nó như cuộc thí nghiệm thành công của chủ nghĩa mình.

Ta có thể tin, không quá sai lầm, là Phan châu Trinh có bao nhiêu hoài bão muốn thực hiện đã gởi gấm vào người anh em cô cậu đó, và nếu Phan châu Trinh là bộ não, ông đã là cánh tay. Cánh tay ấy không thẹn với bộ não kia, nhiều khi cánh tay nặng thực tế còn muốn lôi bộ não nặng trí thức đi xa hơn nữa.

Tôi dám nghĩ là từ xưa nay, không dễ gì tìm được nhiều ông lý trưởng, coi một làng, mà lại đủ sức làm cho cả lực lượng Phong kiến, thực dân phải đề phòng, chống đỡ và hận thù đến thế ; không chỉ có thế : họ còn phải chuẩn bị đầy đủ để chiến đấu với ông như với một đảng cách mạng sắp bùng nổ dù ông không có cả một khẩu súng trong tay. Bạn đọc ngạc nhiên và đòi chứng cớ ? Thì đây : các quan lại sở tại ngày đêm phái người tới dòm ngó, phá rối, bắt bớ. Nhưng vẫn không đủ để trấn áp một viên lý trưởng khiến thực dân phải mạnh bạo thực hiện một cuộc trấn áp quyết liệt : lập một cái đồn ở ngay trong làng Phú Lâm gần vườn nhà ông do một Thiếu úy Pháp chỉ huy (thời đó, kể như thế đã là đồn quan trọng) và để tiện việc hành quân khi hữu sự, họ cho đắp một con đường chiến lược hoàn toàn

mới từ Thăng Bình quanh lên Việt An, qua Phú Lâm về Tam Kỳ để kịp thời tấn công và tiêu diệt lực lượng khởi nghĩa... tưởng tượng do Lê Cơ lãnh đạo !

Cuộc đời của Lê Cơ vừa oai hùng, vừa hấp dẫn vừa ly kỳ lúc sống cũng như lúc chết. Tôi thuật lại các hoạt động của ông (1) một cách vắn tắt, hy vọng có nhiều nhà biên khảo, tiểu thuyết gia sẽ tìm thêm tài liệu và cảm hứng để viết về nhân vật Duy Tân đặc sắc này. Trong bài báo của ông Huỳnh thúc Kháng đăng trong số báo Tiếng Dân 513, vì muốn trách cứ thực dân nên các thành tích của Lê Cơ, Huỳnh thúc Kháng chỉ nhắc một cách mực thước, nhất là không đả động tới những xung đột giữa ông và thực dân. Vả chăng, không quá tán tụng một người ở phe Duy Tân, trong vùng ảnh hưởng của mình. Huỳnh thúc Kháng có sự dè dặt quen thuộc của nhà nho cũng dễ hiểu.

Nhưng, những ai tôi gặp mà có nhắc qua công cuộc của xã Sáu Lê Cơ hay Lý Cơ đều có một lối trầm trồ, không tiếc lời tán thưởng và cảm phục nhân vật bất khuất lúc sống cũng như lúc chết ấy.

Lê Cơ xuất hiện vào năm 1905, nhưng trước đó đã dám chống cả một bọn hào lý của làng Phú Lâm. « *Làng ấy trước có tiếng là giàu, lại là làng ngoại thích một vị*

(1) Theo tài liệu trong số báo Tiếng Dân 513, 17.8.1932, Anh Minh Ngô thành Nhân có trích in lại trong Ngũ Hành Sơn Chí Dĩ. Ngoài ra còn theo lời thuật miệng riêng của bà Lê Ấm con gái Ô. Phan châu Trinh và nhiều nhân vật khác về cuộc đời Lê Cơ.

quan lớn, hào cường chiếm cả quyền làng, cho đến đỗi lúc bấy giờ không ai muốn làm lý trưởng, vì đến mùa thuế thu không đủ, thường phải bội thu cho bọn hào cường ; còn xâu thì các tay chân của các nhà ấy cũng không được bắt, chỉ bắt mấy tên dân cùng». Nhưng 1903 Lê Cơ dám nhận làm lý trưởng với niềm tin «*Ta không làm nổi việc lớn cho thiên hạ thì ta cũng có thể thí nghiệm ở một làng (túng bất năng hành chi thiên hạ, do khả nghiệm chi nhất hương)*». Nói là làm, không do dự. Lê Cơ gây niềm tin sâu xa cho dân chúng bằng cách tận lực trừ nạn hào cường. Ông thành công rực rỡ. «*Từ đó, ông bắt đầu cải cách từ việc xâu thuế cho đến việc tế tự canh phòng, trăm điều chấn chỉnh, bọn hào cường kia không thể thi thủ đoạn ích kỷ như trước mà dân trong làng đều tâm phục cả*» (1).

Khi đã nắm được lòng dân chắc rồi, Lê Cơ mới tiến lên một bước thực hiện chí hướng của mình.

«**Công việc sắp đặt trong làng gặp lúc phong trào tân học.**— *Trong lúc bấy giờ (1905-1906) nhà nước có lệnh lập xã học, dạy quốc ngữ, chữ Tây trong tỉnh lại có phong triều cổ động công thương các nghề. Ông ta là anh em con nhà cô cậu với cụ Phan châu Trinh, nên biết việc cải cách là cần, bắt đầu thực hành trong làng, lập trường học, rước Thầy dạy Quốc Ngữ (lúc ấy trong nhà quê nhiều nơi không biết chữ Quốc Ngữ là gì, nhiều vị lão thành ra sức phản đối) cho trẻ con trong làng học, ít lâu*

---

(1) *Những đoạn có « » là lời Huỳnh thúc Kháng trong bài báo dẫn trên.*

lại thêm một trường nữ học nữa (nữ học ở trong Quảng Nam, về mấy phủ huyện trong, trường Phú Lâm là đầu tiên. Đồng thời, trong làng chung lại mở vườn trồng quế, lập cuộc buôn, dựng lò rèn (rèn đồ nông khí) lập cuộc bảo hiểm, canh phòng kẻ trộm cướp. Ở trong một cái làng rừng che núi cách giao thông trở ngại, thuở nay, tịch mịch quê mùa bỗng thành một nơi khai thông vui vẻ, không những dân làng và lân cận tin phục, mà người xa, nhất là người đã nếm mùi Âu hóa đi ngang qua tỉnh Quảng Nam, cũng gắng lên đến làng Phú Lâm đặng xem công việc sắp đặt của một ông lý. Công việc ông lý nào có hèn đâu ! »

Độc giả ngày nay đọc những lời văn ấy, có lẽ chả hứng thú gì. Nhưng nếu ta cố gắng dùng óc biện luận để tìm hiểu từng câu, từng chữ, từng sự kiện, dùng óc tưởng tượng để dẫn lui về quá khứ của một thời kỳ nhất định của lịch sử, ta sẽ khám phá ra biết bao nhiêu điều mới mẻ trong một làng Duy Tân ở núi rừng vào những năm 1905-1906 !

Tôi phải nói mau mau rằng cho đến năm 1954 trở lại đây, không phải mấy làng, kể cả làng Phú Lâm, đã có được những tổ chức và lối sinh hoạt tiến bộ đến thế ở trong các vùng núi non xa vắng. Như thế, chúng ta có thể hiểu ngay là công cuộc của Lê Cơ vào thời ấy đã nâng làng Phú Lâm lên làm làng *diễn hình Duy Tân cho toàn quốc,* không kém gì làng Phong Thử (Diên Phong). Nhưng không thể so sánh với Phong Thử và Diên Phong là công cuộc chung của một hạt, do sự hợp tác chung

của các sĩ phu. Diên Phong chú trọng những công cuộc trọng đại. Còn Phú Lâm chú trọng những công cuộc dành riêng cho một xã có thể làm được. Đối với chúng ta ngày nay, một cơ sở thí nghiệm thành công như thế trở thành hết sức quan trọng cho một chủ thuyết. Tôi nói thí dụ một giáo phái hay một đảng tiến bộ nào đó, muốn phát triển tổ chức, cần nhất là phải có những khu vực *cơ sở* tiêu biểu cho chủ thuyết chứ không thể nói mơ hồ. Vì chúng ta quen nói mơ hồ nên không ai tin mà chính dân cũng không tin, hoặc muốn tin cũng chẳng biết dựa vào đâu mà tin ngại mình không có đủ óc sáng kiến và khả năng thực hiện. Nhưng khi đã có một *cơ sở điển hình*, họ đến xem xét, nghe ngóng « sờ mó » rút kinh nghiệm tổ chức, phát triển thì việc mô phỏng, biến chế chả khó gì, có khi còn hay hơn cả cơ sở điển hình kia ! Chính các đảng phái, tôn giáo của ta ngày nay chưa thành công, chưa gây được niềm tin của dân là vì ta chưa có những cơ sở kiểu mẫu thể hiện đúng chủ thuyết của ta. Do đó, chủ thuyết chỉ còn là một mớ chữ nghĩa phiêu lưu ! Sự thất bại là điều nắm chắc trong tay vì không đặt đời sống của chính làng xã, của người dân cụ thể làm chủ yếu !

Phong Trào Duy Tân nhờ Xã Sáu Lê Cơ mà dám tự hào là phong trào chính trị và xã hội có lãnh đạo, đường lối, chủ trương, phát xuất từ cơ sở. Đó là phong trào đầu tiên ở trong nước ta, qua trường kỳ lịch sử, biết giá trị lớn lao của sự tổ chức và phát triển xã thôn làm căn bản cho quốc gia muốn tiến bộ. Nghĩa là

Phong trào đã quan niệm được giá trị của người dân — dù còn nặng về tư sản — trong sự đồng tiến của Quốc gia, chứ không như hầu hết các phong trào khác chỉ chú trọng từng khả năng của cá nhân hay một đoàn thể, đẳng cấp đặc biệt. Cũng không nên so sánh với những làng được cải cách do chính quyền bắt buộc hoặc cá nhân tự động đứng lên cải cách. Vì như thế đều không gây nổi một hào hứng tự tâm, không gây thành phong trào rộng lớn và không dẫn tới một hành vi chính trị tích cực. Sau năm 1945 mới lại thấy có những cuộc cải cách, phát triển làng xã theo đường lối, chủ trương của một học thuyết chính trị và như thế là trễ hơn phong trào Duy Tân những 40 năm.

Nếu Lê Cơ hăng hái, nhiệt thành kiến thiết bao nhiêu công cuộc khác nhau và bao giờ cũng muốn đi lên hàng đầu thì Huỳnh thúc Kháng lại hết lòng cổ võ. Sau đây là một bài ca của Huỳnh thúc Kháng chúc các cơ sở DUY TÂN ở Phú Lâm. Các học sinh các Trường Tân học sau khi học xong phải đứng dậy ca.

NGƯỜI TRONG ĐÔNG Á (1)

Người trong Đông Á rõ ràng
Một giòng một giống Hồng Bàng là đây
Nay biết đổi quê ngây, tục cũ,
Hiệp cùng nhau chung của mà buôn,
Đuổi theo tân hóa bôn chôn,

(1) *Vì không có đề, nên tôi tạm lấy mấy chữ đầu làm đề cho bài này cũng như các bài sau.*

Thói hư ta bỏ, trí khôn ta bày.
Chúng tôi vui thấy Hội này,
Mở lời kính chúc quí thày đôi câu :
Một — chúc thương cuộc đặng lâu
Lợi quyền giữ lại của mình (?) hầu sanh.
Hai — chúc học hành cho giỏi,
Theo người hay tìm tỏi cho nên.
Ba — chúc cái lòng cho bền,
Ai ai cũng quyết đứng lên vũ đài.
Bốn — chúc đạo khai dân trí,
Dạy con em nghĩa lý cho minh.
Năm — chúc khuyên dụ người mình,
Bỏ câu thạnh bại mới nên việc đời.
Sáu — chúc khuyên người trong nước,
Khuyên anh em sau trước gần xa.
Bảy — chúc thông nước thông nhà
Ta là dân nước, nước là nhà ta.
Tám — chúc bước qua đàng sáng
Mở mang ra tỏ rạng lẽ công.
Chín — chúc người trước tâm đồng,
Người hay, trí xão gánh gồng giang sơn.
Mười — chúc chớ sờn tâm chí
Hiệp bằng nhau mà thử gan chơi.
Lẽ hai mươi triệu con người,
Đồng lòng, dễ có thua người nước mô ?

* * *

Một bài ca khác

SANH GẶP LÚC CẠNH TRANH

Sanh gặp lúc cạnh tranh thời đại,
Học thức ta sửa lại sau đây.
Phải lo giáo dục nhân tài
Đúc nên tư cách, mở bài phương châm.
Mừng thay mấy kẻ đồng tâm,
Thăng Bình (1) là phủ, Phú Lâm là làng.
Nọ Thương cuộc, nọ học đường,
Này cơ bảo hiểm, này phường quế viên
Trong hưởng sự mười phần chấn chỉnh
Cùng nhân tâm hoán tỉnh một hồi.

. . . .

Trường Phú Lâm do Lê Cơ lập là một trong mấy trường lớn trong tỉnh. Tôi không rõ sĩ số bao nhiêu (2) Việc dạy học, sách dạy có lẽ không khác các trường ở Diên Phong. Đặc sắc nhất của trường là có cả một lớp dành riêng cho nữ sinh (3). Hẳn nhiên đó là lớp đầu tiên dành cho nữ sinh của Trung và Bắc. (Tôi không rõ ở Sàigòn, trước 1905 đã có trường dành riêng cho nữ sinh chưa ?).

Ngay như sau này, 1907 Đông Kinh Nghĩa Thục thành lập qui mô là thế mà cũng không mở được lớp

(1) *Nay là Tiên Phước.*

(2) *Chỉ biết* * nào nhóm học trò hạch đến đôi ba tram - *theo Huỳnh thúc Kháng. Nhưng học trò* hạch có *khác học học trò không. Dù sao chi tiết này cũng cho biết đó là* trường Lớn

(3) *Bà Lê Âm có học tại lớp Nữ sinh này.*

nữ sinh thì đủ biết cái gan của Lê Cơ to tới đâu, vào giữa thời kỳ con gái đàn bà bị cho là « nan hóa ». Và không hiểu, bằng cách gì, ông đã đào tạo được luôn hai nữ giáo sư : cô Mười và cô Bảy Lẹ. Hẳn nhiên đó cũng là nữ giáo sư đầu tiên ở Việt Nam, ít ra cũng ở Trung và Bắc, trước khi thấy « bóng hồng » xuất hiện ở Đông Kinh Nghĩa Thục.

Cuộc buôn ở Phú Lâm cũng là một tổ chức muốn phá vỡ lề lối cổ truyền, tiến lên một phương thức mới. Ông đã xin bằng của quan phủ, quan phê cho làm rồi mới làm. Theo ông Huỳnh thúc Kháng thì chỉ « mua giấy bút bán cho học trò, cùng nắm muối bán cho dân cày, như một cái quán trong nhà quê », nhưng theo bà Lê Ấm và ít người biết chuyện thì cơ sở này tổ chức có qui củ. Đó là điểm chính để cho những con buôn nghèo đến nhận hàng hoặc nhận tiền về mua hàng mà buôn. Buổi tối lại về đó, thúng mũng sắp xếp lại có trật tự. Ở tiệm chính, ngoài sách vở, mắm muối bán cho học trò và dân cày còn có tổ chức mấy cái lò rèn để rèn cuốc, xẻng, rựa... Chúng ta cũng đều biết vùng núi rừng ít có lò rèn, mỗi lần đi mua dụng cụ mất thì giờ lặn lội xa xôi. Nay lập lò ở đây, ông Lê Cơ muốn giúp phương tiện cho những ai muốn phá núi rừng trồng quế sẽ tìm thấy ngay những dụng cụ cần. Điều này cũng cho thấy nhu cầu lập vườn quế, phong trào Duy Tân đáp ứng một cách nồng nhiệt, và tiệm buôn còn là nơi cung cấp nông khí. Do đó, việc buôn bán trở nên náo

nhiệt, thương cuộc hóa thành nơi hội họp, công khai (dĩ thương vi quần : lấy ngành buôn để hội họp, khẩu hiệu đương thời) của các người đồng chí hướng.

Có lẽ đó là lý do khiến tri phủ sở tại gọi ông đến' đòi lại cái bằng cho phép. Ông Lê Cơ nhất định không chịu trả. Bắt lên, bắt xuống mãi, sau tức giận, tri phủ nọc ông ra đánh (Biết bao nhiêu cực nhục, gan lì tranh đấu cho Duy Tân, chứ có phải dễ dàng, thuận lợi cả đâu !). Ông nói :

— Quan là cha mẹ trong một phủ, như nói việc dân làm quấy thì không cho phép, đã cho phép tức công nhận là việc phải. Vả buôn bán là việc sinh nhai, tôi đã cùng anh em xuất tiền lập tiệm mua hàng trên một tháng, nay quan thu giấy phép ai bồi khoản phí ấy cho chúng tôi ? Thưa thiệt cùng quan, quan có đánh chết tôi cũng xin chịu, chớ muốn thu bằng lại, xin quan bẩm ra tòa sứ đã.

Tri phủ giận và có lẽ mối nghi Lê Cơ đang mưu đồ việc lớn còn lớn hơn, e sẽ gây hậu hoạn nên *bẩm* ra tòa sứ. Sứ gọi cả hai người, tri phủ và Lê Cơ ra hầu. Trong báo Đăng cổ khoảng 1907, Phan châu Trinh có thuật lại việc này bằng hán văn (theo Huỳnh thúc Kháng) và tiếp :

« *Quan sứ xét rõ đầu đuôi, biết ông làm việc ích lợi. Trước mặt quan phủ, quan sứ khen ông và cho phép về làm, quan phủ có hơi thẹn.*

« *Lúc bấy giờ trên nét mặt quan phủ, trông dày như lớp thiết giáp . . .* »

Huỳnh thúc Kháng thêm :

« *Có một điều thú là khi Xã Cơ ra Tòa, quan sứ hỏi chuyện, thấy người tướng mạo khôi ngô, ăn nói chững chạc khác vẻ người thường (ông ta râu rìa, mũi cao, cặp mắt sáng tinh có vẻ giống người Âu) bèn hỏi rằng : sinh năm nào, lúc ấy đã có người Tây sang chưa ? (nhà Quê ở Trung Kỳ, vào khoảng Triều Tự Đức, làm gì có người Tây ! Song thấy Xã Cơ tướng mạo giống người Tây nên hỏi.* »

Thế là tạm yên với sứ Pháp.

Nhưng với quan lại, nhất là Tổng lý Việt thì rất khó yên. Mà dầu họ muốn yên, nhưng xét thấy họ hại dân, hại nước Xã Cơ nào có để cho yên.

Thời kỳ này, Xã Cơ có lập ra *hội bảo hiểm* để bảo đảm việc trộm quế trong cái làng bốn phía bọc toàn núi rừng này. Các nhà giàu có vườn phải xuất lúa cấp cho dân tuần để họ bỏ nhiều thì giờ vào việc canh gác. Các mối đường có lập điếm canh, trong có đặt cùm, đầu đường có dựng một tấm thẻ bằng gỗ, liệt các quy điều răn cấm cũng như phải có mặt để bắt kẻ gian, để cứu lửa, cứu rừng v.v... Thế mà rồi cũng phải bị báo cáo là cắm thẻ, cắm cờ, bị quan lại làm phiền, làm rầy và càng khiến quan thêm ghét mặt.

Nhưng dù ai ghét thì ghét, Xã Cơ vẫn đi thẳng theo con đường nhiệm vụ của mình. Hễ quan lại, tổng lý làm bậy là ông lập tức đương đầu. Thời kỳ đang thâu thuế, dân khốn đốn chạy đông, chạy tây, chảy máu chân kiếm chưa ra tiền nộp thuế mà các Chánh tổng 4 tổng mở cuộc hát bộ, mời Xã. Ông bảo với các lý trưởng khác :

— Chánh tổng muốn bày việc để kiếm tiền, ta không nên đi lễ bằng tiền.

Nhưng chẳng ai nghe vì *hối lộ* công khai kiểu đó cũng là một lối cần thiết để tránh những sự khó dễ về sau. Chỉ có Xã Cơ là mua vải điều, viết đôi câu đối (dịch ra quốc ngữ như sau) :

Tổng thời thuế chưa xong, xâu chưa hết, lợi chưa hưng, hại chưa trừ, vui gì vậy ?

Xã thì già chẳng an, trẻ chẳng học, trai chẳng cày, gái chẳng dệt, hát làm chi ?

« Giữa tiệc mừng hát đông người, đem câu đối ra treo lên, người ta đàm đạo xôn xao. Thầy tổng tức mình, xếp cất mất ! Song người ta truyền tụng đến nay cũng còn nhiều người nhớ câu đối ấy. Chuyện ấy là một mối cho bọn Tổng lý ghét nên sinh chuyện luôn luôn, nhưng không làm gì ông ta được !

Những cải cách mạnh dạn của ông gây những xúc động lớn ở cả hai phía : phía có óc Duy Tân thôi thời tán dương không hết lời. Làng Phú Lâm trở thành làng gương mẫu Duy Tân. Phía bảo thủ cũng chỉ trích không tiếc lời, và phần lớn họ có quyền hành trong tay nên những dư luận của họ cũng gây một sức mạnh đủ để cho công sứ Pháp phải đề phòng (1). Thế là một con đường chiến lược quan trọng đắp từ phủ Thăng Bình lên, qua Phú Lâm, xuống Tam Kỳ để chở quân

(1) *Tài liệu từ đây xuống do chính Bà Lê Ấm kể. Bà biết rõ vì lúc ấy mẹ mất, Ông Lê Cơ dẫn về nuôi học tại nhà ở Phú Lâm.*

dẹp loạn...Lê Cơ! Một cái đồn do một thiếu úy Pháp lãnh đạo đặt ngay trong làng Phú Lâm, chĩa mũi súng vào ổ Lê Cơ. Nhưng ngay trong những ngày đầu, bọn lính tự do cắt tranh, chặt tre của dân làng và của Lê Cơ. Lê Cơ lập tức cho lấy gông, gông cổ lại và hỏi :

— Các chú tới bảo vệ hay tới ăn cướp ?

Viên quan một Pháp biết lỗi ở lính và biết Lê Cơ không phải tay vừa. *Hình thức* : đó là một người có bộ mặt như Tây, to lớn, râu rìa, ăn mặc đồ Tây, không có mặc cảm trước mặt võ quan thực dân hơn nữa : thiếu úy đó đã từng biết Lê Cơ dám đi thẳng tới Công Sứ để tố cáo nên liền đấu dịu. Lê Cơ bảo :

— Nhất thứ tôi tha. Nhưng phải trả tiền mỗi cây tre theo thời giá là hai giác (o,$20).

Việc giàn xếp xong. Đồn Trưởng cho nuôi một bầy dê. Lũ dê ấy tự do vào các vườn thiên hạ. Không ai dám nói gì. Lũ dê ấy chạy sang vườn Lê Cơ (đồn ở ngay sát nhà). Lê Cơ liền bắt trói lại đem trả. Lần thứ hai dê sang, lại bắt đem trả. Đến lần thứ ba ông lấy rựa chặt chân rồi kêu trưởng đồn ném trả. Trưởng đồn cũng đành câm.

Mỗi lúc có những ngày Tết Tây mà ai đi xem là ông đứng ngay trước mặt, chửi công khai, chửi không tiếc lời. Nhưng cũng chẳng ai muốn gây sự với ông. Công Sứ đã biết mặt ông, Tổng Đốc cũng ngán ông. Lê Cơ tự do hoành hành dẫn phong trào Duy Tân lên điểm cao trước sự yên lặng dò xét của trưởng đồn Pháp.

Tôi tưởng cũng nên kể thêm phần kết thúc cuộc đời ngang tàng của vị anh hùng thảo dã đó : sau vụ 1908, Lê Cơ bị ba năm tù. Mọi công cuộc kiến tạo của ông để làm mới một làng Dân quyền, một làng Duy Tân bị đập phá tan tành.

Sau ba năm ở tù về đến 1916 cuộc khởi nghĩa vua Duy Tân lại có mặt Lê Cơ cũng như bao nhiêu nhà Duy Tân khác, khi họ không còn tin ở phương pháp công khai hóa, hợp pháp hóa để tự cường và tiến bộ trong cái thế thực dân điên đảo của Pháp. Ông bị đày đi Lao Bảo. Một ngày kia, khi có một người tù bị bịnh kiết ly, cứ ngồi dềnh dàng trong đám cỏ, bị lính dùng báng súng hành hạ tàn nhẫn. Lê Cơ đang ngồi vót tre, xúc động mãnh liệt liền vung rựa chạy đến sừng sộ với người lính đòi chặt đầu hắn ta. Lập tức, Pháp đem ông xử bắn ngay tại chỗ. Ông gục xuống trên vũng máu, mặt vẫn còn phừng phừng nộ khí.

Huỳnh thúc Kháng khi nhắc tới ông, vẫn tiếc rẻ và nhiều năm sau, trở lại quê xưa, vẫn còn để ý đến kỷ vật cuối cùng do xưởng chế tạo thô sơ của Lê Cơ sản xuất : « *thứ ghế xếp làm bằng mấy cây sắt và mấy miếng gỗ thông rất là giản tiện (ghế này miền đó còn có nhà giữ lại đôi ba cái)* ».

Nhưng đó là chuyện năm 1932. Bây giờ còn đâu nữa kỷ vật cuối cùng của vị anh hùng thảo dã.

CÁC HIỆN TƯỢNG KHÁC CỦA PHONG TRÀO

THỜI xưa, đàn ông và đàn bà xứ ta không khác nhau bao nhiêu, nhất là những người quá xấu và quá đẹp. Xấu thì cũng bới tóc, cũng răng đen, cũng ăn trầu, mặt cũng nhăn nheo ; đẹp thì cũng chừng ấy thứ, chỉ khác nước da trắng trẻo, má hồng hào. Nhất là khi họ mặc phong phanh cái áo ngắn, lại choàng lên cổ một cái khăn : vì chỉ duy có cổ áo cao, thấp mới thật sự phân biệt nam nữ cùng với đôi hoa tai bóng nước. Ấy thế mà đâu có thiếu những chàng *xấu háy*... cũng xâu lỗ tai, đeo hoa tai như bất kỳ cô nào !

Đọc Tam Quốc, ta thấy một danh tướng của Tào— Hạ hầu Đôn—bị tên bắn vào mắt. Rút tên ra, *con ngươi* theo ra. Đôn nói : của cha mẹ, ta không có quyền vứt bỏ cái gì ! Nói rồi nuốt luôn cả tròng con mắt.

Như thế đối với cái thời còn quý trọng từ tí trong cơ thể, tóc chải xong buổi sáng không dám vứt xuống đất, móng tay các bậc thâm nho có khi dài bằng chính ngón tay lại cong vút thì còn nói chi đến chuyện cắt tóc, cạo răng.

Thế nhưng bộ tóc dài phết đất cản trở rất nhiều cho những hoạt động mới của một thời cần hoạt động hết mình. Phải cắt tóc trước hết. Nếu không cắt phăng bộ tóc ấy đi, đừng mong dám tiến lên con đường mới : lái xe, sửa máy, bắn súng, tập thể dục, xuất dương... Muốn cắt cái phần quí báu mà chữ trung, chữ hiếu đặt lên trên ấy— trên cái đầu — đâu phải dễ. Các nhà nho phải làm gương trước đã. Nhà nho liền bảo «Văn Thân, đoạn phát» (Vẽ mình, cắt tóc) là cổ tục của ta, để tóc là bắt chước Tàu, phản dân tộc tính, sao không cắt phăng đi ! Nói thì dễ, nhưng làm nào phải dễ đâu khi một phong tục đã đánh đổ một cổ tục để nghiễm nhiên trở thành cổ tục. Tôi có đọc một quyển văn hóa sử Trung Hoa, cũng thấy những lý luận của Trung Hoa thời đó y như thế : cái bím trên đầu đâu phải tục của Trung Hoa, chỉ từ khi Mãn Thanh cướp nước, mới buộc phải theo. Bao nhiêu người bị khốn khổ vì chống đối. Thế rồi lâu ngày, nó thành một dân tộc tính, mà những ai sau này bị tội cắt bím tự xem như hình phạt đau xót, nhục nhã nhất đời ; hoặc ai theo tân phái mà cắt bím đi là bị búa rìu dư luận không chịu nổi.

Nhưng nhà nho đâu có quyền dừng lại. Và khi những nhà nho tài giỏi, nghiêm trang đạo đức nhất xuất hiện với bộ tóc ngắn, tự nhiên gây những xúc động sâu xa và gây những ảnh hưởng rất tốt.

Từ đó, có một cuộc tuyên truyền rộng rãi về việc hớt tóc cho thuận lợi với hoạt động mới của Tân sinh hoạt, tân văn hóa. Dân chúng thấy hay cũng bắt chước. Và người ta ở đời ai cũng có cái thói này : hễ làm điều

hay cũng như dở, cách mạng cũng như hút thuốc phiện, những việc mới lạ, không bao giờ muốn chỉ cá nhân mình làm mà muốn kẻ khác cũng phải làm với mình. Kẻ cắt tóc rồi, hoặc vì hảo ý giúp bạn tiến bộ, hoặc muốn khỏi bị cô độc thôi thì ra sức tuyên truyền cổ động bằng đủ cách : lời nói, vè, thơ, ca dao, bài hát. Thậm chí có khi còn dùng bạo lực đè ngửa *đương sự* xuống *thiến* ngay. Khi việc dĩ lỡ rồi, đương sự chỉ còn cách xuống giọng năn nỉ anh em *mỹ thuật hóa* cho dễ ngó. Thật ra, hồi ấy chỉ mới biết *vanh tóc* cho ngắn, cho gọn, chớ đâu đã biết hớt theo kiểu mẫu gì ! Huống chi đến thời 1908, cả ngày có khi phải hớt những năm bảy trăm cái đầu cho kịp gia nhập đoàn *xin xâu* thì chắc họ chỉ cắt cho xong bất chấp xấu tốt.

Thời ấy, Phong trào đang lên, ở thôn quê Quảng Nam thường có những thanh niên sắm một cái kéo, một cái lược, đi vào các nhà quen những buổi trưa để tuyên truyền rỉ rả với một chàng nào đó. Khi chàng ta xiêu lòng, anh thanh niên có thể giúp chàng xin phép cha mẹ cho dễ dàng rồi rủ nhau ra đầu hè, có gió hiu hiu. Anh thanh niên dở kéo lược ra và bắt đầu lên giọng *nói vè* cho đương sự mê mẩn, không còn tìm đường tháo lui nào nữa. Có lẽ có nhiều bài vè nào khác, nhưng tới nay, tôi chỉ còn thấy nhắc mỗi bài mà người ta bảo do ông Phan Khôi đặt ra. Trước kia, tôi có thấy một bản đầy đủ trong báo Ngày nay của Nguyễn tường Tam. Sau này, cũng thấy có vài bản, nhưng không đầy đủ. Tôi đăng toàn văn

bài vè đã có địa vị lớn trong Văn học sử và Duy Tân sử Việt Nam đó :

VÈ CÚP TÓC

Cúp hề ! Cúp hề !
Tay mặt cầm kéo
Tay trái cầm lược
Cúp hề ! cáp hề !
Đũng đĩnh cho khéo.
Bỏ cái ngu mày,
Bỏ cái dại mày,
Học theo người Táy.
(Nếu) Hãy còn ăn mặn,
Hãy còn nói láo,
Phen này ta cúp,
Phen sau ta cạo.

Giọng hân hoan, vui vẻ, lời dọa ở cuối duyên dáng làm cho công việc hớt tóc có một cái thú riêng.

Đối với những người ít nghiên cứu văn hóa, hẳn không thấy tất cả những khó khăn kinh khủng trong buổi ban đầu mà mãi ba bốn năm sau 1905 — 1908, nếu không có chính biến *xin xâu* lôi cuốn hàng vạn người, chưa chắc đã có những quần chúng hớt tóc để làm mới cả Trung Kỳ rồi Bắc Kỳ. Vì có không biết bao nhiêu phản động lực cố tình chận phong trào cắt tóc này ! Nhiều cha mẹ cấm đoán, nhiều nhà chức trách cấm ngăn. Kể từ 1906 trở lui, đã nổi lên *vụ án thế phát,* tức là các quan lại hễ thấy ai có cái đầu mới là tìm cách khủng bố, bắt bớ,

giam cầm. Nhất là những ai có tội mà rủi bị có cái *đầu mới* là thế nào cũng bị thiệt thòi. Vụ án *thế phát* kéo dài mấy năm, nhưng không đàn áp nổi những người theo mới. Song song với các quan lại dùng quyền hành, những nhà thủ cựu dùng văn chương mắng nhiếc bêu rếu những người hớt tóc thậm tệ :

Mồ cha, mả mẹ anh đâu?
Còn vua, còn chúa, hỏi anh cúp đầu thờ ai ?
Chữ rằng phục quốc Tây lai,
Xem trong Nam Việt ai ai cũng buồn tình.
Nước Nam mình còn Miếu, còn Đình,
Còn khoa, còn mục, còn mình, còn ta
Làm chi khác thể ông thày chùa,
Khỏi xâu, khỏi thuế cũng nên đua cúp đầu.

Giọng ca dao thật hấp dẫn trẻ con. Chính Bà Lê Ấm, con ông Phan châu Trinh cũng bị huyễn hoặc, học thuộc lúc nào không hay, về nhà ru em lớn tiếng hát lên khiến bị một trận đòn oan vì tội... phản tuyên truyền !

Nhưng lại cũng có những cuộc biện luận sôi nổi ngộ nghĩnh của các đôi nam nữ không chỉ bằng đối thoại ngoài đời mà còn đi vào văn chương bình dân, cụ thể là lối hát hò khoan đối đáp gọi là *hát nhơn ngãi* của Quảng Nam. Nàng nhìn cái đầu kỳ quái của chàng và thốt lên :

Dị cha chả là dị !
Chướng cha chả là chướng !
Cớ làm sao anh lại cúp cái đầu,
Thất hiếu trung với phụ mẫu
lại lỗi câu với nàng Kiều

Nhưng chàng trai xứ Quảng đâu có chịu thua nàng Kiều của chàng nên lập tức chàng rang rảng tuyên truyền cho lý tưởng của mình :

Dị cũng không phải là dị,
Chướng cũng không phải là chướng.
Bởi vì anh muốn sướng.
Cho nên anh cúp cái đầu.
Nàng Kiều ở quân non Châu
. . . .
. . . .
Từ Tam Kỳ cho chí ngoài Kinh
Ai ai cũng cúp như mình thậm sang (1).

Hớt tóc không phải một sự kiện vụ hình thức như có nhiều người lầm tưởng. Chính nó có một giá trị tinh thần rất quan trọng đối với Phong trào Duy Tân. Tôi nhớ Mustapha Kémal lãnh tụ Thổ Nhĩ Kỳ khi bảo bỏ cái mũ Fez tự nhiên bỏ được nhiều tập tục cùng đi với cái mũ ấy. Và như thế, hớt bộ tóc đi, đội cái mũ trắng lên, ta cũng dẫn theo nó những tập tục mới. Chẳng hạn gặp người trên, ta khỏi vòng tay, cúi đầu mà chỉ cần dở cái vành mũ trắng. Đã dở vành mũ lên chào, tự nhiên ta muốn dấn thân vào những hoạt động mới mẻ mà ta cảm thấy thích ứng. Tuy chỉ là việc cắt mấy cái tóc, nhưng thật ra là đoạn tuyệt, ít ra cũng dẫn khởi sự rời bỏ một quá khứ, một giáo điều mà người ta bớt niềm tin, có khi thù ghét nữa ! Ta cũng có thể so sánh phụ nữ ngày nay cắt tóc với

(1) *Tài liệu của Nguyễn Q. Thắng.*

Nam giới thời năm 1905 cắt tóc. Phụ nữ nay ở thành thị cắt tóc rất nhiều thế mà lớp người cách đây năm bảy năm muốn cắt tóc thật không thiếu gì kẻ bị mắng chửi, đánh đuổi, có khi còn bị chồng hay cha mẹ từ bỏ. Sự thật, năm 1945, nhiều tỉnh, như Quảng Ngãi (1) phụ nữ cắt tóc rất đông, thành phong trào rồi, nào có lạ gì ! Thế nhưng các thế hệ cắt tóc ấy đều có khác nhau : 1905 : đàn ông cắt tóc theo một vận động tân văn hóa, tân sinh hoạt ; 1945 : đàn bà cắt tóc cũng có xu hướng ấy, nhưng đã dẫn từ Dân Quyền tự do tới xã hội chủ nghĩa. Còn 1950—1969 thì phụ nữ cắt tóc lại chỉ nặng về Mỹ thuật hơn là sinh hoạt, có khi chỉ để làm vui những chàng ngoại quốc. Tuy nhiên, hiện nay có những xưởng như xưởng dệt ở Đà Nẵng, nữ công nhân bắt buộc phải cắt tóc vì nhu cầu. Nếu không cắt, không thể làm thợ vì có thể bị máy cuốn phăng cả mái tóc, lột mất cả da đầu. Vậy trong tương lai, khi có kỹ « nghệ hóa, tất nhiên phụ nữ đều phải cắt tóc, chỉ là điều tất nhiên.

Tôi nhắc dài dòng mấy giai đoạn này cốt để thấy thêm những bước tiến khác nhau của lịch sử mà bộ tóc can dự một cách thiết yếu, chứ không phải là chuyện chỉ để cho đẹp mắt mà thôi.

Vậy 1905, đàn ông cắt tóc là thực tế dấn thân vào

(1) *Thời ấy có loan truyền một sự hiểu lầm. Duyên do hình như Trung Ương đánh điện về bảo Phụ Nữ* cấp tốc... *bị đọc ra là Phụ Nữ* cắt tóc *nên phái nữ đua nhau cắt tóc. Không rõ đúng hay sai.*

sinh hoạt mới, về mọi phương diện. Và họ phải can đảm để tranh đấu với nội tâm, với phe bảo thủ, với quan lại để chứng tỏ chân lý của cái đầu cắt ngắn. Rồi cũng do Phong trào mà ở Trung Việt nơi còn nặng quân quyền, phong kiến lại ít tìm ra những ông già có đầu bới tóc hơn Nam Việt, thuộc địa của Pháp, nơi đến 1940 vẫn còn những ông già tóc bới, lái ô tô tối tân phóng như bay, loại ô tô mà người miền Trung chỉ biết... kính nhi viễn chi!

***

Đã có bộ tóc ngắn thì tự nhiên cái áo dài trở nên lượt thượt quá. Cái áo dài chỉ có thể dùng trong nghi lễ mà không thuận lợi tí nào cho các công tác mới đòi hỏi sự di chuyển, tập hợp, cử động mạnh dạn. Nhưng đây không phải vấn đề thiết yếu cho nông dân mà là của sĩ phu, những người suốt năm hễ ló mặt ra ngoài là đương nhiên phải tròng cái áo dài lên mình. Thành thử vấn đề âu trang cũng được đặt ra. Âu trang thời ấy không phải chưa ai mặc. Ngoài người Âu Châu, bọn bồi bếp tây có lẽ cũng đã có mặc, ít ra cũng khoác trên mình bộ đồ chủ *phế thải*. Nhưng bồi bếp mặc không nêu thành vấn đề mà còn bị khinh bỉ là khác. Như thế, không thể nói như Vũ trọng Phụng độ nào là ở nước ta những mốt mới đều do bồi bếp, đĩ điếm nêu gương trước nhất.

Bộ đồ Tây đầu tiên của Phong Trào Duy tân, chắc chắn là do Tây Hồ Phan châu Trinh bày ra. Và như Nguyễn hiến Lê nói trong Đông Kinh Nghĩa Thục (sđd)

nó đã thành cái mốt : *mốt Tây Hồ* !... nghĩa là « một cái áo bành tô và một chiếc quần bằng vải nội hóa Quảng Nam nhuộm đen, thắt cái cà vạt cũng bằng vải đen, đi đôi giày « dôn » (giày da vàng) mỏ vịt và đội cái nón «cát trắng ». Ở Quảng Nam trong buổi đầu có bao nhiêu người mặc đồ Tây ? Tôi không biết rõ, chỉ thấy trong Trung Kỳ Dân Biến Thỉ Mạt Ký của Phan châu Trinh có ghi «hội mặc đồ Tây». Tôi cũng lại biết có những người quan trọng của Phong Trào không mặc đồ Tây : Huỳnh thúc Kháng suốt đời chỉ mặc áo đen dài. Bút tích chỉ để lại tên bốn người : ông Lê Cơ như ta biết. Còn ba nhân vật nữa sở dĩ được biết là nhờ hai bản án. Năm 1908. Một bản ghi tội Trần quí Cáp «Thế phát» (cắt tóc), âu trang (mặc đồ Tây) là mưu vãng tha quốc (là mưu ra nước ngoài, ám chỉ Nhật Bản). Còn bản án kia xử ông Cử Châu Lâu, Nguyễn thượng Hữu và Cử Phong Thử Phan thúc Duyên có câu «Âu trang vãng huyện hội» tức là dám mặc đồ Tây đến Văn Thánh Điện bàn (xã Đông Bàn, quê Phạm phú Thứ) tức Văn Thánh hàng huyện vào ngày lễ nào đó. Vậy, tội trạng ghi rõ là vì *mặc đồ Tây* tới chỗ thờ Đức Khổng Tử (1)

(1) *Phan châu Trinh ghi chú thêm về mặc đồ Tây : «Mặc đồ Tây». Người Nam thuở nay, từ bậc trung trở lên thường dùng sô sa của Tàu, từ khi thuế nhập cảng tăng vật giá thêm mắc, con buôn Tàu hay giả mạo, đem hàng xấu thế hàng tốt, tốn tiền nhiều mà mau rách, thân sĩ biết vậy nên hẹn nhau ngày thường qua lại thì mặc đồ Tây, thay đồ Tàu, vì giá rẻ mà hàng tốt, lại tiện cho người làm việc. Đó là ý của hội mặc đồ Tây vậy.*

Vả chăng, đừng nói đến việc bớt tốn ấy làm chi, thì mặc đồ Tây là có tội gì ? Luật nước có cấm không ? Than ôi ! Mặc đồ Tây mà xử tử ! Cái án ấy ngàn đời mới thấy. (*TKDB*, trang 10)

chứ không phải mặc đồ Tây đi đường nên chẳng hiểu cái hội này có số hội viên bao nhiêu người ! Nhưng dù thế nào, chúng ta cũng biết những người mặc Âu phục thời ấy chắc chắn là được hoan nghênh nhiệt liệt hoặc bị miệt thị gớm ghê. Rồi các bạn trẻ lại thử nhìn xuống bộ áo quần mình mặc hằng ngày xem : nào mình có để ý gì đâu ! Ấy thế mà mới trên sáu mươi năm, nó đã làm phiền lụy đau khổ cho ba chí sĩ mà cái chết hay tội tù của họ một phần chính do bộ đồ Tây ấy gây nên.

Bao nhiêu cố gắng ấy được khen cũng nhiều mà rước lấy tiếng chê có phải ít đâu !

. . . .

Cử nhân, thày tú cúp đầu,
Tai nghe có giấy bệ châu gởi về.
Thế quan đồn cấp ê hề,
Lập phường buôn bán tiện bề nghi nan (?)
Ngâm thơ, diễn thuyết các làng,
Bày ra giản tiện áo ngang lưng quần.
Sự đời ai thấy không ưng,
Trên đầu đội mũ, dưới quần không dây.
Chân thời mang cặp giày Tây
Rủ đi lất láo một bầy như dê !
Sự mình trăm việc trăm quê,
Người mình trở lại mà chê người mình.

Vè xin xâu (1)

***

(1) *Tài liệu của Nguyễn Q. Thắng.*

Ngoài ra, những nhà Duy Tân còn phải tập biết bao nhiêu thói quen mới thay cho thói quen cũ, không kể việc trau dồi kiến thức. Nào phải cạo răng trắng, chứ bộ răng đen thui thủi làm sao mà Duy Tân cho được! Nào cắt những móng tay dài thườn thượt mà mỗi lần gãi sồn sột mới êm ái làm sao! Nào bỏ thói ăn trầu trông dơ dáy, nhổ phèn phẹt kém vệ sinh. Thời ấy, mỗi người đàn ông đi đâu đều có mang theo một cái hầu bao bỏ trầu cau và trên vai vắt một cái khăn điều :

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,
Nhớ người quân tử, khăn điều vắt vai.

Khăn điều vắt qua vai dùng để tiện việc lau vệt nước trầu trên miệng. Thật ra, bỏ cái gì còn dễ chớ bỏ môn *nghiện trầu* thì quả rất khó. Ai muốn hiểu, thử bỏ hút thuốc lá là biết! Tứ chi rã rời, nước miếng trong cứ ứa ra, người mệt mỏi, động vào việc gì là chán ngán. Biết bao nhiêu người ở thôn quê bằng lòng nhịn đói buổi sáng chứ không nhịn nổi bát nước chè đen và một miếng trầu trước khi đánh trâu ra đồng.

Bởi thế, nói Duy Tân là cách mạng Dân Quyền, tân sinh hoạt, tân văn hóa còn hàm ý cách mạng bản thân. Cuộc cách mạng này ít thấy rõ, nhưng âm ỉ mà nhẫn nại, nhọc nhằn. Vì có ai bỏ những thói quen có khi thành truyền thống dễ dàng đâu! Rồi phải tập biết bao nhiêu thói quen mới : tập cầm cây bút sắt, khác hẳn cây bút lông, tập ngồi viết trên bàn ghế chứ không phải cong lưng trên phản, trên án thư, tập không bạ

đâu nhồ đó, tập nhét chân vào những đôi giày chật, tập thắt cà vạt có khi muốn nghẹt thở, tập đi cho ngay cái lưng khác hẳn cái lưng khòm thanh nhã, tập tranh luận có phương pháp, nghị sự có phép tắc, tập bắt tay vào những tổ chức mới và phải hoạch định chủ trương, đường lối, có phân công, phụ trách mà vốn nhà nho mù tịt, tập tính toán bằng con số mà nhà nho khinh bỉ, tập hô hào cổ động mà nhà nho thích thanh nhàn vốn cho là của bọn hạ lưu... Từ những con người trì trệ, kiểu cách, khinh đời, nhà nho muốn trở thành linh hoạt, tự nhiên, yêu đời, gần gũi nhân dân, thực tế. Biết bao cố gắng của buổi ban đầu.

***

Một thành tích đáng kể khác là đưa thứ chữ lạ, bị nghi ngờ, bị nguyền rủa — chữ Quốc ngữ — lên làm chuyển ngữ.

Rồi trong khi dùng tiếng Việt để nói, chứ không phải nói bằng chữ Hán, Quốc Ngữ không chỉ có giá trị khi *viết* mà chính nó còn *giá trị suy luận* nữa. Điều này có lẽ độc giả trẻ ngạc nhiên : Vậy chứ trước kia ông bà ta suy luận và nói bằng chữ Hán hay sao ? Thời xưa, những giấy má đem ra để đọc, để hiểu thị, để diễn giảng đều bằng chữ Hán. Vua xuống quan, quan xuống lý hương, lý hương xuống dân chúng đều dùng thứ chữ ấy nên tất nhiên khi suy luận cũng phải bằng tinh thần của nó. Thành ra, khi đọc xong tờ chiếu, bản huấn thị của người Việt cho người Việt mà cũng phải dịch lại, từ chữ Hán sang

tiếng Việt cũng như sau này từ chữ Pháp sang tiếng Việt (1) ! Bây giờ đã dùng Quốc Ngữ làm chuyền ngữ thì tự nhiên cũng dùng tiếng Việt để suy luận, để nói. Do đó, tiếng Việt không chỉ có ý nghĩa hình thức qua chuyền ngữ Quốc ngữ a. b. c. mà còn có ý nghĩa nội dung là buộc phải vận dụng suy luận chính bằng tiếng Việt. Ở đây lại nẩy ra một khác biệt so với các tác giả chuyên dùng chữ nôm xưa kia. Vì khi dùng tiếng nôm, lối suy luận ít nhiều gì cũng có pha tàu mà nặng văn vần hơn văn xuôi. Còn với người dùng Quốc Ngữ thì bắt đầu vận dụng lối suy luận bằng văn xuôi hơn văn vần. Ta đừng thấy hầu hết các bài thơ, ca, vè thời ấy để lại mà vội đoán các chiến sĩ Duy Tân không có khả năng vận dụng văn xuôi. Sự thật, đây là lần đầu trong lịch sử mà những cuộc diễn thuyết ồ ạt « chuông tự lập vang đình diễn thuyết », những cuộc thảo luận công tác, những lời giảng dạy cho học sinh được dùng bằng tiếng Việt bằng văn xuôi nhắm vào đối tượng đại quần chúng cần lao. Thơ ca Quốc Ngữ chỉ là một sự kiện hiển nhiên trong thời quá độ để dân chúng dễ nhớ, dễ thuộc, dễ tuyên truyền. Đừng nên chỉ căn cứ vào thơ ca ấy để dẫn tới một kết luận vội vã mà phải căn cứ vào chính cái khả năng suy luận và giảng dạy, biện luận bằng *tiếng Việt Văn Xuôi* đang khai diễn và tiến triển mau chóng kia để thẩm định giá trị văn học thời ấy thì mới đúng. Các bạn muốn có một chứng minh ? Tôi thiết tưởng rất dễ : Phong

(1) *Riêng ở Trung, chữ Hán dùng theo lối ấy có nơi, có ngành chỉ mới hết năm 1945.*

trào, ngay từ buổi đầu đã đào tạo ngay được mấy nhà *hùng biện văn xuôi tiếng Việt,* lẫy lừng nhất là Phan châu Trinh bên cạnh những Trần quí Cáp (Quảng Ngãi), sau đó Dương bá Trạc, Lương trúc Đàm (ĐKNT). Chính nhờ *dùng văn xuôi tiếng Việt* quen mà sau này ở Quảng Ngãi Huỳnh thúc Kháng, Phan Khôi, Sở Cuồng (Lê Dư) trở thành những nhà văn lừng lẫy không thua gì Phan châu Trinh ; còn ở Bắc thì Ngô đức Kế, Dương bá Trạc với các ông Nguyễn hữu Tiến, Nguyễn đôn Phục (1) cũng vang danh trên trường văn trận bút Quốc Ngữ buổi ban đầu ! Còn thơ, văn vần ? Tuy làm nhiều như thế mà nào có ai nổi tiếng ngoại trừ... Phan châu Trinh với Giai nhân Kỳ ngộ (Sđd) mà nhà văn Lê văn Siêu liệt vào hàng thi bá (có lẽ vì quá yêu nhà chí sĩ nhiệt thành ấy !) Thơ thời ấy chỉ là văn xuôi... trá hình mà thôi vì nặng tư tưởng, sự kiện hơn thi tứ. Đó là những văn liệu quá độ của thời thi ca thuần túy chuyền sang thời văn xuôi.

Nói tóm lại, về phương diện Văn Xuôi tiếng Việt nói và viết (bằng quốc ngữ) thì thời kỳ này là thời kỳ quyết định để đào tạo những nhà hùng biện, những cây bút chân tài rồi đây sẽ giữ vai trò cực kỳ quan hệ của văn học Việt Nam từ năm 1905 đến 1932 để hướng nền văn hóa Việt Nam *tách rời những tiêu chuẩn do thực dân đặt ra mà Đông Dương Tạp Chí, nhất là Nam Phong Tạp chí đang thực hiện,* để trở lại với những tiêu chuẩn của một

(1) Tôi không kể Nguyễn văn Vĩnh, cùng các nhà Tây học và ông Đào trinh Nhất (lúc ấy còn nhỏ, chỉ học chứ chưa dự vào hàng lãnh đạo Phong Trào.)

nên Duy Tân đúng với điều kiện của dân tộc Việt

* *

Nói rằng thi ca đó chỉ là văn xuôi... trá hình là về nội dung. Thật ra, nó cũng có một giá trị hình thức. Chúng ta đều biết sĩ phu và dân chúng xưa chỉ dùng thơ ca vào những mục đích quen thuộc nào đó, còn dùng thơ ca để tuyên truyền cho một Phong Trào thì rất ít thấy. Thơ ca của Nguyễn công Trứ khi hô động, đề cao nho giáo, cũng như Nguyễn đình Chiểu đề cao lòng ái quốc và thù hận thực dân, vv... vẫn còn nặng về chất liệu trừu tượng. Phong Trào Duy Tân dùng thơ ca để thực sự tranh đấu, để vạch rõ, giảng rõ những sự kiện thực tế trong những mục tiêu cũng hoàn toàn thực tế như làm ruộng, học nghề, học quốc ngữ, hợp nhau lập Công Ty phản đối tiền sắt, phản đối thuế má. Đi từ chất trừu tượng sang chất thực tế đó, đi từ cuộc đời theo văn hóa Tàu tiến sang cuộc đời theo văn hóa, sinh hoạt Tây Phương, và thực sự tranh đấu cho nó, tự nhiên phải nảy ra một đòi hỏi rất quan trọng : những hình thức thích hợp cho nội dung mới, cho hoạt động mới. Các chí sĩ Quảng Nam nảy ra một sáng kiến đáng ghi nhận : dùng thể song thất lục bát và hát nói. Có người sẽ bảo : Ối tưởng thứ gì mới. Nó là những môn cũ rích ở Miền Bắc. Đúng thế. Nó cũ với miền Bắc, nhưng còn mới với Trung, Nam. Chẳng hạn về thể song thất lục bát Miền Trung không phải không dùng như một vài tác gia nhận xét trong Văn học sử hay

báo chí (1). Người ta vẫn thấy ngoài Ngọc Hân Công Chúa vốn người Bắc (nhưng có thật chính bà là tác giả Ai tư vãn ?) còn những Hà Tiên Thập Cảnh, Mạc thiên Tích (Nam) dịch Chức Cẩm hồi văn, Hoàng Quang (Trung) v v... nhưng có lẽ người Nam hà chưa tìm thấy những khả năng diễn tả tình cảm giản dị, vui vẻ hay hào hùng trong thể thơ rất thích hợp với những tình cảm sầu thảm thê thiết ấy nên chưa tận dụng như thể lục bát. Nhưng đến thời Duy Tân với Trần quí Cáp, khi dịch phú Danh Sơn lương Ngọc ra song thất lục bát thì thể này tìm thấy khả năng hào hùng, nối tiếp nhiều đoạn trong Chinh phụ Ngâm của Thế kỷ XVIII ở Bắc để gây những rung cảm mới mẻ, tráng khái. Không rõ bản dịch tiếng tăm này có ảnh hưởng gì tới nhiều bản song thất lục bát khác cũng bỏ hẳn cái giọng bi lụy để đổi ra giọng hùng biện khi Đông kinh nghĩa Thục thành lập ? Và ta không quên từ năm 1905, Trần quí Cáp đã gởi các bài thơ phú cho Hồ thanh Vân đem ra Bắc để Nguyễn hải Thần dùng làm tài liệu tuyên truyền cho tư tưởng mới. Nhưng loại song thất lục bát còn có thể nói người Phương Nam có làm ít nhiều, chứ như thể hát nói thì hoàn toàn không. Tại sao ? Một điều quá dễ hiểu là hát nói dành cho cô đầu hát ; không có cô đầu thì *hát* thì *nói* với ai ?

(1) Thể song thất lục bát trong văn nôm Phương Nam *của Nguyễn thanh Liêm trích của Phạm thế Ngũ : về hình thức thì văn nôm Miền Nam cũng có đủ các lối thi phú quen thuộc, song thường quảng dung câu lục bát và cũng chỉ tiến đến câu lục bát thôi (không biết đến thể song thất) Đồng Nai 10-1967.*

Bởi thế nên sĩ phu từ Quảng Trị trở vào không thấy có ai làm thể này, trừ phi họ được ra ở miền Bắc. Thế mà Huỳnh thúc Kháng, Trần quí Cáp làm! Có lạ lùng không! Nhưng các ông làm không để cô đầu hát mà để nông dân ngâm nga trong những lúc nhàn rỗi... (1) Sở dĩ dùng cho người Đàng Trong ngâm nga được vì căn bản hát nói là *nói lối, cước vận*, một thể thức rất quen thuộc với Đàng Trong. Nhiều người lầm tưởng thơ văn Việt chỉ có *yêu vận*. Sự thật thì sai : thơ văn ta dùng để trình diễn thì *cước vận* giữ vài trò quan trọng, có khi gần như vai trò *độc nhất*. Trong các vở tuồng, chèo, điều này rất dễ kiểm soát. Và vì Hát nói chỉ dùng có cước vận nên có thể ngâm nga như các loại văn nói lối khác được. Cùng phong trào Duy Tân, thể hát nói tiến vào miền Nam như một lối thơ mới (mà thơ mới loại 8 chữ, cước vận, sau này cũng là một biến đổi nhỏ của chính thể nói lối đó, thể hát nói đó). Vượt lên trên một bực, các sĩ phu còn chăm chú tìm kiếm những thể thơ nào có thể diễn tả được cái nội dung và những cảm nghĩ mới. Một hình thức hợp thể ra đời. Sau đây, tôi giới thiệu một bài ca của Huỳnh thúc Kháng để bạn đọc dễ nhận thấy :

CÁI NGÀY ẤY

Cái ngày ấy ai cầm lại đặng?
Chẳng khác gì sóng lặn ngàn dâu
Trải qua ngày tháng bao lâu

(1) *Xin xem lại các bài hát nói của T.Q.C. ở các chương trước!*

Kìa đầu tóc bạc, đồi đầu tóc xanh
Nay nói với các anh ham học,
Chữ lợi quyền ngang dọc cả năm châu.
Này là Úc, này là Á, này là Âu,
Trong thế giới đâu đâu cũng vậy,
Núi non vậy, hải hà cũng vậy,
Rán sức mình vùng vẫy thử coi chơi.
Một mai thuyền nọ xa vời,
Đò đưa đến bến thảnh thơi nhiều ngày.
Đố ai không học mà hay!

Tôi nói đây chính là *một bài thơ mới* của 1905 — 1906 chắc cũng không phải quá sai. Nó bao gồm các thể thích hợp cho giọng điệu, tư tưởng, tình cảm mới và nhất là không phải để xem mà còn để *nói*, để *đọc*, để truyền những rung cảm cho đối tượng bằng phương thức mới. Đây là *thơ mới* đang thời kỳ dò dẫm của Phong Trào Duy Tân để rồi sau đó, một nhân vật của Phong Trào này, Phan Khôi (cũng người Quảng Nam) năm 1932 chính thức đưa ra một văn kiện như tuyên ngôn của thơ mới và tự sáng tác bài thơ mới đầu tiên trên Phụ Nữ Tân Văn dẫn theo, sau đó Phong trào thơ Mới rầm rộ trong mười mấy năm trời trên toàn cõi Việt.

*
* *

Phong Trào Duy Tân thực sự còn một thành tích không thể nào không nhắc tới trăm ngàn lần, nhất là đối với người Việt Nam miền Nam chúng ta. Duy Tân thực chất là theo mới. Mà theo mới chủ yếu chính là học các nghề

khéo của Tây Phương. Chúng ta thua Tây Phương không phải vì tinh thần mà chính là vì khả năng tổ chức, khả năng sản xuất, phát triển khoa học, kỹ thuật. Nếu Duy Tân mà không học nghề tới nơi tới chốn thì không nên gọi là Duy Tân mà chỉ là cải lương hình thức. Chính sau này, khi Tự Lực Văn Đoàn ném ra cô Loan tiêu biểu cho gái mới trong Đoạn Tuyệt thì nghề nghiệp được đề cao : một lần cô khuyên chồng đi buôn chiếu, lần khác cô dạy học, làm thư ký. Nhưng tinh thần học nghề của nhóm Tự lực chỉ đủ sức tự lập cá nhân chứ không xem như đó là phương pháp hữu hiệu nhất để từ bỏ cuộc đời cũ tiến sang cuộc đời mới của cả một dân tộc muốn hiện đại hóa. Cho nên Phan châu Trinh, lý thuyết gia của Phong Trào, bao giờ cũng khuyến khích mở mang nông, công, thương triệt để, cũng luôn luôn *kêu gào* sự học nghề đến nơi đến chốn. Ông miệt thị không tiếc lời lối học từ chương, lấy bằng cấp để câu cơm, tham nhũng. Bài thơ này vẫn còn mới quá đối với nền giáo dục của nước ta cho tới nay, nên tôi chép lại theo bản của ông Nguyễn hiến Lê trong Đông Kinh Nghĩa Thục (sđd trang 96).

Người mình đã vụng về trăm thức.
Lại khoe rằng : « Sĩ nhất tứ dân »
Người khanh tướng, kẻ tấn thân,
Trăm nghề, hỏi có trong thân nghề nào !
Chẳng qua là quơ quào ba chữ,
May ra rồi ăn xớ của dân ;
Khoe khoang rộng áo, dài quần,

Tráp giày bệ vệ rần rần ngựa xe,
Còn bực dưới ngo ngoe vô kể,
Học cúi luồn kiếm kế vơ quào,
Thày tú lại bác kỳ hào,
Gặm xương, mút đũa lao xao như ruồi.
Lại có kẻ lao xao bực giữa,
Trên lỡ quan, dưới nữa lỡ dân.
Ấy là học Sĩ, văn nhân,
Ăn sung, mặc sướng mà thân không làm.

. . . .

Loài người đã không tài nghề nghiệp,
Phải sanh ra nhiều kiếp gian nan;
Đua tranh dối trá muôn vàn,
Gà bầy đá lẫn, cá đàn cắn nhau.
Ngồi nghĩ lại càng đau tấc dạ,
Hỡi những người chí cả thương quê
Mau mau đi học lấy nghề,
Học rồi ta sẽ đem về dạy nhau.

Vì có niềm tin tuyệt đối vào nghề là cốt yếu để hóa dân, cường quốc nên Phan châu Trinh tới đâu cũng học nghề và sau này sống bằng nghề chụp ảnh ở Paris. Còn Huỳnh thúc Kháng, nhà nho ở Việt Nam khi được đề cử đứng ra làm báo thì tuyên bố đòi « không có chuyên trách thì không làm gì xong » (1). Nhà nho Việt Nam nói đến chữ *chuyên trách* năm 1926 vẫn còn làm tôi ngỡ ngàng. Có lẽ ông là người đầu tiên nói đến tiếng ấy !

(1) *Tự truyện*, trang 48.

NGHỆ TĨNH, LÃNH TỤ PHONG TRÀO DUY TÂN BỊ BẮT TRƯỚC NHẤT

PHONG Trào Duy Tân ở Thanh Nghệ lẽ tất nhiên cũng rất mạnh như truyền thống tranh đấu oai hùng của khu vực ấy.

Huỳnh thúc Kháng đã từng có nhận xét như sau trong « Vụ kháng thuế ở Trung Kỳ năm 1908 » (1) mà tôi đã nhắc ở một phần trên.

Nghệ Tĩnh và Nam Nghĩa, từ phái văn học đến phái Cần Vương nghĩa hội, thường một mạch câu thông với nhau. Đến phong trào Tân Học cải cách cùng Đông học cán dùi trống một nhịp với nhau, dân Nghệ Tĩnh hò reo như gió đưa diều....

(Vụ kháng thuế 385)

Phan châu Trinh vốn là bạn thân của Ngô đức Kế, thi đỗ đại khoa cùng một năm, đã cùng nhau chủ trương và lãnh đạo Phong Trào Duy Tân, lập ra Minh

---

(1) *Thi văn quốc cấm. Khai Trí 1968. Nhiều chỗ sẽ in tắt là* Vụ Kháng thuế.

xã. Ngô đức Kế là một nhân vật nhiệt thành với Duy Tân, bị tù tội, đày ải nhiều năm rồi sau này, khi rời khỏi Côn Lôn là lại về Hà Nội lập báo Hữu Thanh (1921) và nhất mực đề cao chánh học quảng bá, tất cả những tài liệu nào của Phan châu Trinh còn lại (trong đó có cả *Giai nhân kỳ ngộ* bị tịch thu lập tức) cùng Huỳnh thúc Kháng làm sống lại chủ thuyết Dân Quyền, phổ biến tư tưởng Tân học chính đáng. Huỳnh thúc Kháng giới thiệu Ngô đức Kế (1) sau khi cho biết qua người có vinh dự đứng đầu sổ tù Côn Lôn là Phan châu Trinh, nhưng còn «*...mang cái chức tù vào ngục thì cụ Tập Xuyên lại là người thứ nhứt, vì lúc cụ Tập Xuyên vào ngục, cụ Tây Hồ còn đương ở Hà Nội (1907).*

Cụ tên Đức Kế, họ Ngô, con quan tham tri Ngô huệ Liên, đỗ tấn sĩ cùng khoa Tân Sửu triều Thành Thái. Khoa hoạn nối đời, vẫn là một nhà danh phiệt ở tỉnh Hà Tĩnh.

Sau đỗ rồi, cụ ở nhà đóng cửa đọc sách, thường lưu tâm đến việc nước. Học thuyết Âu Tây mà người Tàu đã dịch thành sách, cụ đọc được nhiều và có chỗ tâm đắc. Trong khoảng ấy, kể phong triều bài xích khoa cử, đề xướng tân học, cụ là một người rất khẳng khái.

Sau cụ Sào Nam đông độ rồi, có tên Ngụy tác Hạ, do viên án sát Hà Tịnh lúc ấy là Cao (2) xui nó khai vu cho cụ, kêu án tiềm thông dị quốc bị bắt giam ở ngục Hà Tĩnh gần một năm, sau đày ra Côn Lôn.

(1) Hiệu Tập Xuyên, làng Trảo Nha, Hà Tĩnh, tiến sĩ 1901.
(2) Tức Cao ngọc Lễ, xem sau.

Lúc còn ở ngục Hà Tĩnh có bài thi :

Mã tự du long, xa tự lưu,
Vấn dư hà sự độc ưu sầu
Niên lai ái thuyết văn minh học
Dinh đắc nam quan tác sở tù.

dịch :

Xe như nước chảy, ngựa như rồng
Vì cớ gì ? ta vẫn bực lòng.
Ham học văn minh đà mấy lúc
Mão tù đâu khéo cấp cho ông !

Học văn minh mà đổi được chức tù, câu nói chua cay và sâu sắc. Tuy vậy, giá trị văn minh, muốn mua nó há chỉ tù mà thôi đâu.

(Thi Từ Tùng Thoại 12, 13).

Về Ngô đức Kế, Phan châu Trinh cũng có cho biết là một nhân vật lỗi lạc của Phong Trào Duy Tân, và vụ bắt giam trên này rất oan.

Ông thi đậu tiến sĩ (cùng một khoa với tôi) rồi không ra làm quan, ở nhà lập phố buôn và lập trường học, lập thơ xã (1). Năm 1907, ông ấy bị quan án sát tỉnh là Cao ngọc Lễ (2) vu làm giặc, bắt giam ở tỉnh một năm, xét không

(1) Xem thế thì trước 1907 (Đông Kinh Nghĩa Thục) Nghệ Tĩnh đã có đủ cơ sở Duy Tân rồi.

(2) Cao ngọc Lễ, học trò của Tống Duy Tân. Năm Ất Dậu, ông Tân theo thân sĩ khởi nghĩa, sau biết việc không thành, muốn ra thú mà không ai dẫn đường, nghe nói Cao ngọc Lễ làm người hầu quan Pháp, bảo người tới cậy Cao ngọc Lễ nói trước với quan Pháp, để ông ra đầu mới tiện, Ngọc Lễ giả nhận lời, lại bảo ông đến chỗ nọ ở chờ, ông tin lời làm theo và nói với quan Pháp xin binh vây bắt được ông, sợ ông tố cáo lộ việc gian dối ra nên xin giết gấp ông đi, vì có công đó được làm quan (P.C.T.)

có thiệt trạng và không chứng cớ. Nhật (?) báo Bắc Kỳ thường nói ông oan không tội, lại chỉ trích vết xấu của quan án sát ra, ai cũng biết ông bị vu oan, nên kết án không thành, phải thả ra. Năm 1908, thừa dịp các tỉnh nổi dậy, khâm sứ nghiêm sức một loạt kết án, nên ông bị xử tử đày Côn Lôn, cha làm tham tri cũng bị đuổi về.

(*Trung Kỳ dân biến (sđd) trang 35*)

Theo Huỳnh thúc Kháng thì khi bị bắt, ông cha là Ngô huệ Liên bảo con tự tử, nhưng Ngô đức Kế biết mình còn sống, cần phải sống để «học ở nhà trường thiên nhiên» (lao tù) đặng sau này hành động giúp dân, giúp nước nên không chịu nghe lời cha.

Ngoài Ngô đức Kế, thân sĩ Nghệ An lừng lẫy trong Phong Trào Duy Tân là Đặng nguyên Cẩn. Ông hiệu Thái Sơn, đỗ phó bảng, làm quan đến Đốc học, được sĩ phu Nghệ Tĩnh xem như núi Thái Sơn, sao Bắc Đẩu và là bạn già của Sào Nam. Ông kết giao với Huỳnh thúc Kháng, đã vài năm giao nhau bằng tinh thần, trên làng học mới mà chưa biết mặt nhau. Huỳnh thúc Kháng mô tả ông :

Vóc người nhỏ bé, mặt mũi đen xám, ngoài văn học ra, toàn không biết cái thứ gì. Tướng cụ xấu, nếu như người không quen biết mà mới gặp cụ lần đầu tất cho là cái người không biết chữ «nhứt là một» mà ai có dè trong bụng như kho sách, khi áp ngàn quân, cái ngòi bút cổ cảnh không ai sánh, cùng với cái tướng xấu quê đen quạm kia, hiệp thành cái lạ mà người đời ít có !

Phong triều tân học ở Nghệ Tĩnh, cụ cùng cụ Ngô tập Xuyên đề xướng, mà cụ chuyên về mặt giáo dục, thường tự sánh với Phúc Trạch Dụ Cát (nhà đại giáo dục Nhật Bản về đời Minh Trị duy tân, lập Khảng (1) Ứng nghĩa Thục) Nhật Bản. Cụ trước có làm quan tại Kinh, sau làm Đốc học Nghệ An và Đốc học Bình Thuận, quan trường vẫn trọng cụ Cụ giao du khắp cả trong nước, thường tự xưng là phái ôn hòa, lấy việc đào tạo bọn hậu tiến làm trách nhiệm mình. Bọn học trò cụ ở Nghệ Tĩnh nhiều người xuất sắc, trong đám tân học như Ngư Hải (Đặng thếThân) Tùng Nham (Nguyễn văn Ngôn) đều là học trò cao túc của cụ, sau chết về việc nước cả.

(T.T.T.T).

Sau này về vụ Phong Trào Duy Tân, ông Đặng nguyên Cẩn bị đày ra đảo Côn Lôn có làm bài thi bày tỏ chí hướng hoài bão, vẫn một lòng nhớ công cuộc giáo dục thanh niên và vẫn tự xưng mình ở phái ôn hòa :

Hồi thủ Hà Sơn bách cảm tình,
Kỷ nhân đông độ, kỷ nam thành ?

. . . .

. . . .

Phiên phiên thiếu tuấn thục tài thành
Bình sanh mạn đạo ôn hòa phái,
Tàm quí Ai đình A lạc khanh (2)

---

(1) *Hay Khánh ? trong Đông Kinh Nghĩa Thục (sdd) Nguyễn hiến Lê vẫn gọi Khánh Ứng Nghĩa Thục.*

(2) *A lạc Khanh, danh nhân nước Ai Cập (H.T.K.)*

Huỳnh thúc Kháng dịch :

Ngảnh lại non sông rối ruột tằm,
Mấy người đông độ, mấy vào Nam

. . . .

. . . .

Trẻ trăng một lũ có ai chăm.
Bình sanh vẫn phải ôn hòa đấy,
Ai lạc, ai đinh hỗ phải cam

Gần đây, tôi có nghe một đôi người bảo Đặng nguyên Cẩn thuộc phái *thiết huyết, cấp khích*, nhưng những bài thơ trên chứng minh rất hùng hồn ông là của phái Duy Tân và Duy Tân ôn hòa là khác. Ông vẫn thường tỏ chí ấy. Sau này, khi đang ở tù, ông vẫn một mực tích cực phát huy tư tưởng Duy Tân, chống cả người anh em (?) là Đặng văn Bá hiệu Nghiêm Giang con cụ Thám Hoa Đặng văn Kiều. Ông Văn Bá « tánh tình phụ khí », không phục ai, ghét khoa học, triết học, học thuyết Âu Tây, mà lại ham dịch lý, bói toán. Hai người ở trong tù vẫn tranh luận thuyết quân quyền, dân quyền rất quyết liệt. Nguyên Cẩn có làm ba bài thi ngụ ý châm phúng mà Huỳnh thúc Kháng còn nhớ một số câu, dịch ra Việt văn :

Chết sống đã đành vì chủng tộc,
Công danh nào phải bởi người riêng.

. . . . .

Há phải còn vua nước mới còn,

Hoàng thống dám xưng dân tặc hậu (1)
Người si còn tưởng đế quyền cao.

Đối với Dịch lý, bói toán, ông cũng thẳng tay công kích óc mê tín của Nghiêm Giang :

Từ bọn Hán nho bày thuật số,
Giống độc luôn luôn truyền đến nay.
. . . . . .
Hai mắt đã trông rành cuộc thế,
Một kim cần phải tỉnh lòng người...

Huỳnh thúc Kháng cũng có họa lại. Tôi chép luôn ra đây để cho bạn đọc thấy rõ tư tưởng Dân quyền của ông Huỳnh thật là sắt thép, như *một chân lý không cần bàn cãi :*

Ngàn năm học cũ nước trôi mòn,
Sóng mới năm châu khéo cuốn tròn.
Đều nói không ngôi vua mới quí,
Chả nghe thủ cựu nước nào còn.
Lư Xoa luận nọ, xoay trời đổ (2)
Thịnh Đốn thành kia khắp đất tôn (3)

---

(1) *Sách ghi lộn là dặc tặc hậu.* Câu này chắc là nhắc lại lời tự xưng của Cường Để khi ở Hương Cảng gởi lời về hiệu triệu quốc dân. Và sở dĩ Cường Để tự xưng dân tặc hậu là vì nghe Phan châu Trinh bài xích đau đớn nặng nề đế quyền và xem như mình là con cháu bọn giặc của dân.

(2) Lư Xoa (J.J. Rousseau) (1712 - 1778) làm sách Le contrat social (Dân Ước) gây ra ảnh hưởng Dân Quyền.

(3) Hoa Thịnh Đốn (Washington) 1732 - 1799 dựng nên nước Cộng hòa Hoa Kỳ.

Kìa sử đông tây tranh cạnh đấy,
Vì ai giọt máu cứ trôi dồn.

(*T T T T. 150*)

Công nghiệp của các nhân vật này, Phan châu Trinh đã nhắc là *lập phố buôn, lập trường học, lập thơ xã*, nghĩa là cũng đủ những cơ sở cần thiết của Phong Trào Duy Tân. Tôi chưa có những tài liệu thật tỉ mỉ để cho biết kỷ hơn. Chỉ có nghe nhắc đến Hợp Thương Triều Dương, Huỳnh thúc Kháng có nhắc tới mà trong tự phán của Phan bội Châu cũng có nói qua :

Nhưng ông Ngư (Ngư Hải Đặng thái Thân hay Hải Côn, một đồng chí quan trọng bậc nhất của Phan sào Nam sau Tiểu La Nguyễn Thành) không muốn tôi vào Kinh, cố ngăn tôi lại, nên tôi lại quay ra Nghệ, ước với cụ Thái Sơn (tức Đặng nguyên Cẩn, thày dạy Ngư Hải), mật hội với nhau trong một chiếc thuyền (...) cụ nhân nói với tôi rằng : «chúng ta nên ở trong nước nhân phong triều này, tổ chức ra các hội nông, thương, học, khiến cho người ta biết có đoàn thể, đặng sau dễ cổ động tấn hành. Việc này để tôi với anh em Tập Xuyên mấy ông xem tính với nhau». Tôi cực lực tán thành.

Đến ngày sau Triều dương thương quán và nông hội, học hội ở mọi nơi lần lượt sáng lập, thảy là noi tôn chỉ đó».

(*Tự Phán 58, 59*)

Theo Phan bội Châu, việc bàn luận này đã có từ năm 1905, sau tháng bảy. Như thế thì ta có thể đoán công cuộc liên kết của Minh xã Phan châu Trinh — Ngô

đức Kế đã có từ trước khá lâu và Ngô đức Kế đã dự liệu đứng ra tổ chức đủ các cơ cấu. Theo đoạn văn trên này, ta không thấy nhắc đến chủ thuyết Dân Quyền nên Phan bội Châu cực lực tán thành. Nhưng chúng ta đều biết Ngô đức Kế và Đặng nguyên Cẩn đều là những người xem tân thuyết Dân Quyền như Tôn Giáo, rất cuồng tín thì hẳn khi hoạt động, sẽ không còn đi theo ước vọng của Phan bội Châu nữa. Tuy nhiên, ở Nghệ Tĩnh, lực lượng *thiết huyết* cực mạnh nên sau này họ lấn áp cả phái Duy Tân. Chính Phan bội Châu sau này cũng thường bực mình vì phái cấp khích ấy, ngay cả trong thương quán Triều dương :

Thượng tuần tháng giêng năm Đinh vị (1907) tôi (Phan bội Châu) về tận Hà Nội, chỉ ở lại một ngày một đêm, vừa đụng cụ Tập Xuyên (Ngô đứcKế) từ tỉnh Nghệ lại hội với tôi. Lúc đó Triều Dương thương điếm đã thành lập nhưng nghe nói người trong điếm ham bàn cách mạng lắm tôi lấy làm lo, vì ngôn luận với thực hành, không thể nào đồng một chốn, một thời giờ mà thu được hiệu quả cả hai bên. Tôi có nói với cụ Tập Xuyên, nhưng cũng đã muộn rồi.
(*T.P.* 86)

Dù sao, chúng ta thấy chỉ duy ở Thanh Nghệ hai phái Quang Phục và Duy Tân còn có sự liên hệ nhau. Còn như ở Quảng và Hà Nội, hai phái tách rời hẳn nhau để dễ làm việc, chỉ giúp nhau trên mỗi một khoản bí mật, tiền bạc cho du học sinh, nhưng cũng nơi có, nơi không. Sở dĩ chỉ có khoản ấy vì Phan châu

Trinh đã đồng ý nên có lẽ ông cũng tán thành việc giúp đỡ. Còn các hoạt động khác, họ đi riêng nhau, có khi chống nhau «*cơ hồ lên nồi đảng tranh*» như Phan bội Châu từng ghi nhận trong Tự Phán (trang 87)

Và chính vì có sự liên hệ mật thiết với nhau nên tổ chức Phong Trào Duy Tân ở Thanh Nghệ bị chú ý trước tiên rồi lãnh tụ Duy Tân thứ nhứt bị bắt cũng tại đó. Ngô đức Kế bị bắt từ 1907 rồi ở tù luôn cho đến sau này phải đưa ra Côn Đảo sau Dân biến 1908.

ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC HAY PHONG TRÀO DUY TÂN MIỀN BẮC

BẮC phần, qua nhiều thế kỷ đã mất một ưu thế chiến lược do đó mất luôn ưu thế chính trị. Và từ khi bị lực lượng Trung Hoa liên tiếp xâm lăng, trước con quái vật khổng lồ, Bắc phần nơi nào cũng là cửa ngỏ nó đặt chân vào dễ dàng. Những khu vực núi non hiểm trở dễ dấu quân, nuôi sức. tính kế lâu dài thì lại nằm chính ở biên giới của nó, chịu làm sao nổi sức tràn lấn của nó. Do đó, từ Thanh Hóa trở vào trong biến thành một cơ sở kháng chiến tuyệt hảo cho Trần, cho Lê cả sau này cho Tây Sơn. Vào những thời kỳ triều đình còn đủ khả năng thì lui về đó chuẩn bị. Khi triều đình bất lực, dân chúng địa phương tự động chiến đấu để chế ngự lực lượng địch, chờ đợi khi nuôi quân, luyện mã đủ sức sẽ đổ ra diệt địch. Vậy miền trong, từ Thuận Hóa, Quảng Nam trở vào được mở rộng ra, ngoài kế mưu sinh, chính còn vì cái địa thế hiểm hóc và có giá trị chiến lược trọng yếu của nó.

Các bậc anh hùng khi dấy lên ở Thanh Nghệ Tĩnh hẳn nhiên phải lấy người địa phương làm tâm phúc,

vào các vai trò then chốt vì những sự thuận lợi của điều kiện và hoàn cảnh. Do đó miền Thanh Nghệ Tĩnh biến thành khu vực cứu khốn, phò nguy cho Bắc Hà và là nơi đào tạo lắm bậc anh hùng, hào kiệt. Chế độ phong kiến thường rất cục bộ. Dưới thời Lê Trịnh, họ không chỉ dùng quan, dùng quân mà còn dùng lính Tam phủ làm ưu binh rồi hóa ra kiêu binh. Thời kỳ này gây cho sĩ phu miền Bắc một mặc cảm và họ tự thấy mình đóng một vai phụ «bên cạnh cuộc đời» của chính quyền đương nhiệm. Do đó, họ không tích cực với ý thức chủ nhân ông đất nước, có đủ quyền lực và cần khai thác óc sáng tạo và anh hùng tính của mình đến mức tối đa như đa số nhân vật Thanh Nghệ Tĩnh. Tới khi triều Nguyễn bành trướng thì tình trạng còn tệ hại hơn nhiều. Không chỉ đóng vai trò phụ, nhân sĩ Bắc Hà còn bị nghi ngờ có nhị tâm. Ta đừng nói dưới thời Gia Long xa xôi, chưa quen dùng nhân sĩ Bắc, mà đến thời Tự Đức, khi Pháp phô trương sức mạnh vũ bão của họ thì những nhân vật giữ các địa vị then chốt của miền Bắc trước sau phần nhiều là Thanh Nghệ Tĩnh hay Nam Nghĩa : Tôn thất Thuyết, Phạm phú Thứ, Ông Ích Khiêm Hoàng kế Viêm... Thậm chí thành Hà Nội khi sắp có những biến cố lớn thì phi Nguyễn tri Phương ắt Hoàng Diệu trấn giữ. Sự đưa các nhân vật xa xôi không hiểu nhân tình, địa thế, phong tục, khả năng địa phương này thường gây ra những cái hại rất lớn, mà cái hại trọng yếu là làm mất niềm tin sắt đá của sĩ phu và dân chúng

vào triều đình, khiến dễ sinh ra những thất bại vô lý, ảnh hưởng sâu xa đến thời cuộc. Ta cứ xem một thí dụ tiêu biểu : Hoàng hoa Thám, một người không có địa vị gì quan trọng, thế mà chỉ vì là dân địa phương, ông đủ khả năng đánh Pháp liên tiếp nhiều năm trời (1) trong khi Hoàng kế Viêm, Nguyễn tri Phương, Hoàng Diệu chưa ra quân đã bại.

Những bất công của các Triều Lê Nguyễn đã khiến sĩ phu miền Bắc càng ngày càng chui vào cái vỏ tiêu cực và họ mất lần ý thức quật cường, ý thức chủ nhân ông thực sự của đất nước trong một thời gian lâu dài. So với các công cuộc Cần Vương, Văn Thân ở Trung Nam hầu hết là do sĩ phu lãnh đạo thì miền Bắc xuất sắc nhất là võ quan. Sĩ phu, phần lớn chỉ làm trách nhiệm một cách tiêu cực, không mấy người tỏ ra có chí khí của những Phan đình Phùng, Nguyễn duy Hiệu, Mai xuân Thưởng, Nguyễn đình Chiểu, Cử Trị, Cử Huân... Cho tới khi thế xâm lăng của Pháp đã thành nề nếp, Đề

---

(1) *Ta đừng quên một thời kỳ mới mẻ của lịch sử kháng chiến Việt Nam sau cả ngàn năm tranh đấu : trước, ta phải bỏ miền Bắc chạy vào Trung để chống Trung Hoa thì từ đây, ta có thể dựa lưng vào Trung Hoa mà chống Pháp vì Trung Hoa đang có mối lo «môi hở răng lạnh». Kể từ thời kỳ này về sau, cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Nhật có những cơ sở mạnh ở biên giới Hoa Việt là lẽ tất nhiên và tất nhiên, miền Bắc lại bắt đầu sản xuất những anh hùng mới. Nhưng 1905 sĩ phu Bắc mới vươn vai, 1907 với Đông Kinh Nghĩa Thục mới thực sự đứng lên, song mãi đến 1903 trở lui, sĩ phu mới đóng vai trò tích cực.*

Thám còn hiên ngang chiếm một biên thùy, thế mà sĩ phu cũng phải chờ những nhân vật miền trong ra khích động mới vội giật mình, nhớ tới trách nhiệm của mình, dù họ có các nhân sĩ được giác ngộ như Đào nguyên Phổ (1), Nguyễn thượng Hiền (2) đã đi trước Phan bội Châu, Phan châu Trinh về kiến thức Duy Tân. Lần đầu tiên, sau nhiều thời gian trì trệ trong cái vỏ cá nhân đầy mặc cảm, sĩ phu miền Bắc thức dậy với một khí thế linh hoạt, với tinh thần hợp tác trong những công việc cứu dân, cứu nước. Vốn là những người có học rộng, thông minh, lanh lợi, tháo vát, khi họ đứng lên, họ cũng gọi theo biết bao sáng kiến làm mới Phong trào.

Cũng như tự nơi xuất phát Nghệ Tĩnh và Quảng Nam, hai tổ chức thiết huyết của Ám xã và Duy Tân của Minh xã đã tách rời nhau, ở Bắc, sĩ phu, sau những ngày giao thiệp luận bàn, cũng đã đi đến cái giải pháp tất nhiên ấy. Ông Nguyễn hiến Lê, trong Đông Kinh Nghĩa Thục, đã cố ý mấy lần chứng tỏ là Duy Tân không phải chỉ thuần túy văn hóa hoặc hai phái Bạo động và Duy Tân chỉ là phân công với nhau, sau cũng đã dẫn tới xác nhận :

« *Khi cụ Lương văn Can đứng ra hòa giải hai cụ*

---

(1) Đào nguyên Phổ : Tỉnh Thái Bình (Bắc phần) đỗ hoàng giáp, chủ bút Đại Việt Tân báo.

(2) Nguyễn thượng Hiền : Tỉnh Hà Đông; đỗ hoàng giáp, hiệu Mai Sơn là nhà cách mạng đã bỏ quan sang Trung Hoa cùng Sào Nam lập Việt Nam Quang Phục.

Sào Nam và Nguyễn Quyền mà nói « Theo ý tôi, ngoại viện và tự cường phải đồng thời tiến hành với nhau mới được » cụ đã có ý cùng với cụ Tây Hồ và một số đồng chí trong nước chuyên lo việc Duy Tân, tự cường, còn việc cầu ngoại viện và bạo động để Kỳ Ngoại Hầu với cụ Sào Nam đảm nhận.

Cụ Sào Nam hiểu như vậy nên từ đó về sau ít liên lạc trực tiếp với cụ Lương và cụ Tây Hồ, sợ trở ngại cho công việc hai cụ này. Tự nhiên, hai phái ôn hòa và bạo động vẫn ngầm giúp nhau. Hồi đó, tinh thần đảng phái ít hơn ngày nay có thể nói là gần như hoàn toàn không có. (ĐKNT trang 109).

Nhận xét như trên, nhà văn họ Nguyễn đã trình bày trung thực về thực trạng hoạt động riêng rẽ của hai phái. Đó chính là thực chất của vấn đề. Đó cũng là một tiến bộ rất lớn, rất đáng kể của các nhà cách mạng đã biết đặt học thuyết, lý tưởng, lý trí lên trên tình cảm, đã có đường lối, chủ trương, kế hoạch cụ thể, chứ không phất phơ trong mớ tư tưởng mơ hồ. Họ đã không ngờ tự đẩy lịch sử chính trị và kỹ thuật chính trị đi lên một bước lớn. Còn bảo họ ngấm ngầm giúp nhau thì cũng dễ hiểu, họ phải ở cái thế liên lập để cùng đi tới mục đích chung và vì chưa ý thức chính trị theo Tây Phương nên các nhà nho hiếu hòa ít — chứ không phải không — lộ óc đảng phái. Tôi nói ít, vì tôi vẫn thấy có và có khá rõ rệt : Sào Nam không liên lạc với Duy Tân và Phan châu Trinh công khai đề cao Dân Quyền, bài bác óc tôn quân và sự trông cậy vào Nhật Bản, tức là bày tỏ chánh kiến rõ ràng mà đồng thời

còn muốn tự phân biệt minh bạch chủ trương của hai phái, gây biết bao nhiêu sóng gió cho phe Nguyễn Thành Phan bội Châu, Cường Để như đã nói trên kia (Cường Để than là mất luôn 72 hội buôn trá hình để ủng hộ Quang phục Hội).

Từ khi có sự phân biệt rõ ràng sâu xa và quyết liệt trên chủ trương và chỉ đạo thì vấn đề Giáo dục được Hà Nội đặc biệt chú trọng. Điều này có hơi khác với Phong Trào Duy Tân ở Trung. Vì ở Trung, khẩu hiệu nêu ra là Dĩ thương hợp quần (1) nghĩa là lấy chỗ buôn để hội họp, nhờ đó mà bàn việc này việc nọ, rồi cũng nhờ buôn mới có tiền giúp cho các cơ sở hoạt động mà nhà trường là cơ sở được bảo trợ nhiều. Còn ở Hà nội, tôi không rõ sản xuất thương mại, tâm lý quần chúng sĩ phu, yêu cầu Duy Tân có từ bản chất, khẩn thiết đến mức nào nên không dám có một nhận định nguyên nhân mà chỉ nhận định trên hiện tượng. Do vì không có cơ sở thương mãi tương đối lớn, có khi lớn hơn cơ sở giáo dục nhiều như Công Ty Liên Thành (thành lập do yêu cầu có từ bản chất, vì ngành đánh cá, nước mắm phát triển rất mạnh), ngược lại, cơ sở giáo dục quá lớn, quá mạnh so với các cơ sở khác nên những nhà văn miền Bắc thường tách rời Đông Kinh Nghĩa Thục với

(1) Trong dôi câu đối của một đồng chí đi cho bạn là chủ hiệu Sơn Thọ Việt Trì có câu : Dĩ thương hợp quần, quốc khả danh thế, minh vị lợi. Vậy khẩu hiệu ấy ở Bắc vẫn có.

(trích theo N.H. Lê)

Phong Trào Duy Tân, hoặc đặt Đông Kinh Nghĩa Thục ở một cương vị khá cao và ghép Phong Trào Duy Tân bên cạnh như cây tầm gởi. Thật ra Phong Trào Duy Tân bao quát tất cả giáo dục, nông, công, thương, hớt tóc, âu trang... Sở dĩ ở Hà nội Đông Kinh Nghĩa Thục nổi bật là vì nó được tạo lập trong một thành phố lớn, các lãnh tụ của nó muốn dồn hết khả năng vào đó để tuyên truyền cổ động. Mở Đông Kinh Nghĩa Thục, thâm ý Phan châu Trinh và các đồng chí còn muốn giải tỏa áp lực của chính quyền đối với các tỉnh miền Trung nơi đã có vài thân sĩ bị bắt, phong trào bị đe dọa, đàn áp. Nhiều người ngày nay hay nhắc câu sau đây của Phan châu Trinh kết thúc một bài thời sự đăng trong báo Đại Việt cùng báo Đăng Cổ, bài hiện trạng vấn đề : « *Không nên trông người ngoài, trông người ngoài thì chắc ngu, không nên bạo động, bạo động thì chắc chết ; ai là kẻ đồng nhân, đồng bào ta, ai là kẻ thật yêu tự do, ta chỉ có một vật rất quí để tặng : chi bằng học* ». Câu ấy là cốt để hô hào công cuộc lớn lao mà Đông Kinh Nghĩa Thục thực hiện đã đành, nhưng thật sự còn có mục đích chính trị. Theo Huỳnh thúc Kháng thì vì « *khoảng đó, trong Nghệ Tĩnh có thân sĩ bị tình nghi mà phải bắt giam, nên trong bài ấy tiên sinh biện hộ*

*
* *

Nhiệt liệt, quyết tâm đẩy tới việc thành lập Đông Kinh Nghĩa Thục như thế là tạo một cơ sở danh tiếng về giáo dục ở thành phố lớn để thu hút sự chú ý của mọi

người vào đó, để tuyên bố rõ ràng cái ý chí Duy Tân của tân phái mà thâm ý còn là giải tỏa áp lực đối với phong trào ở miền Trung, mở Đông Kinh Nghĩa Thục chính là mở mặt trận thứ hai để vừa cứu chiến trường miền Trung vừa gây cơ sở và thanh thế lớn ở miền Bắc, tạo uy thế lớn cho lãnh tụ để ăn nói, hoạt động sau này.

Theo nhà văn Nguyễn hiến Lê thì Đông Kinh Nghĩa Thục mô phỏng Khánh (1) Ứng Nghĩa Thục bên Nhật :

« *Kế đó, cụ Tây Hồ kể rõ phương pháp của Khánh Ứng Nghĩa Thục và đề nghị lập tại Hà Thành một nghĩa thục tương tự. Đề nghị được chấp thuận và sau một hồi bàn xét, tên Đông Kinh Nghĩa Thục* (2) *được lựa chọn, mục đích của nghĩa thục được vạch rõ : khai trí cho dân ; phương tiện được hoạch định : Mở những lớp dạy học không lấy tiền (để đúng với cái tên nghĩa thục) và tổ chức những cuộc diễn thuyết để trao đổi tư tưởng cùng cổ động trong dân chúng. Trường sẽ dạy cả Việt văn, Hán văn, Pháp Văn. Ban Tiểu học chuyên dạy Việt Văn, lên Trung Học và Đại học mới dạy Hán Văn và Pháp Văn. Chương trình thì bỏ lối học từ chương khoa cử mà chú trọng vào thường thức và thực nghiệp.* »

Vì Đông Kinh Nghĩa Thục đã được hai nhà biên khảo Đào trinh Nhất và Nguyễn hiến Lê nói cặn kẽ, ở

(1) *Huỳnh thúc Kháng ghi khảng ứng Nghĩa Thục.*

(2) *Đông Kinh tức là Đông đô, tên thành Hà nội đời nhà Hồ (Nguyễn hiến Lê ghi chú).*

đây, tôi chỉ nhắc lại các điểm chính và nhận xét, so sánh các điểm khác với Phong Trào Duy Tân toàn quốc nói chung. Và mặc dầu hai Ông Đào trinh Nhất và Nguyễn hiến Lê gọi là Đông Kinh Nghĩa Thục, tôi cũng xin bạn đọc hiểu đó *là một trường của Phong trào Duy Tân, trong đó gồm các cơ sở, các hoạt động y hệt ở* các tỉnh Trung, chỉ khác — như đã nói trên — trường học lớn quá so với thương hội cũng như các hoạt động khác ở địa phương. Nhận xét chung về sáng kiến thì Phong Trào Duy Tân Hà nội không có sáng kiến so với phong trào ở Trung và có thể nói là tất cả cơ sở, hoạt động ở Trung đã thí nghiệm thành công ra sao thì Hà nội sẽ rút kinh nghiệm đó cho mình. Kể cả Đông Kinh Nghĩa Thục mà ông Nguyễn hiến Lê bảo là bắt chước Khánh Ứng Nghĩa Thục ở Nhật thì xét ra, so với các Trường ở Trung như Diên Phong, Phước Bình, Phú Lâm cũng không thấy có nét đặc thù nào. Nó đâu có khác lắm với thời kỳ mà Dương bá Trạc dẫn một phái đoàn vào thăm các cơ sở và các hoạt động Duy Tân năm 1906 ở Quảng Nam. Có lẽ chỉ khác mỗi một điểm là nó nêu cao hai chữ « Nghĩa thục » trong khi các Trường ở Trung chỉ gọi cái tên trơn. Thực tế, các Trường ở Trung cũng có trông cậy học điền (ruộng cấp cho việc học) ở xã, nhưng các Trường lớn thì hoàn toàn cậy dựa vào Hợp thương. Nếu Hợp thương chết, vị tất nó đã sống nổi.

Thế nhưng tại sao Diên Phong, Phước Bình, Phú Lâm không nổi tiếng mà người ta chỉ biết có Đông Kinh

Nghĩa Thục ? Sở dĩ như vậy là vì các lẽ :

a) Hà nội là Trung tâm văn hóa cũ, vốn là một cựu đô lừng lẫy, việc giao thông trong xứ và cả ba kỳ còn thuận lợi hơn Huế nhiều. Nó lại đang được người Pháp nâng cao, đặt phủ toàn quyền, các cơ sở chính trị, văn hóa, kinh tế tại đó, xem như kinh đô chính thức, tân tiến để làm nổi bật cái thế đìu hiu, quạnh quẽ của Huế mà nó đang muốn tiêu diệt. Do lẽ đó, chỉ cần một thời gian ngắn, tiếng tăm Đông Kinh Nghĩa Thục vang lừng khắp nước. Chính Phan châu Trinh, lãnh tụ của Phong Trào Duy Tân cũng « *đóng đô* » luôn ở đó sau 1907 thì nó nghiễm nhiên trở thành Trung Tâm Văn Hóa của Phong Trào.

b) Đông Kinh Nghĩa Thục chỉ có một trường, tập trung được học sinh đông đảo, có đến năm bảy trăm người, tự nhiên thanh thế phải rất mạnh. Trong khi đó, ở Quảng Nam phân tán thành nhiều trường nhỏ, số lượng mỗi trường nhiều lắm cũng chỉ trên vài trăm, tuy tổng số vượt xa Đông Kinh Nghĩa Thục, nhưng không đủ để gây một sự ngạc nhiên cho người ngoại cuộc.

Đông Kinh Nghĩa Thục còn có một lợi điểm đáng kể : nhờ sĩ phu Hà nội vốn rất thông minh, tháo vát, có óc tìm tòi, học hỏi nên họ tạo cho trường một bộ mặt sáng sủa, hấp dẫn rất thích hợp cho dân đô thị, do đó dễ làm lóa mắt dân ở thôn quê.

Trên ban điều khiển, Lương văn Can là một vị cử nhân không chịu nhận chức vị gì của triều đình, nên được kính

trọng, ở cương vị thục trưởng thật xứng đáng. Học giám do Nguyễn Quyền (1) một nhân sĩ có danh vọng đảm đương. Ban giáo huấn gồm nhiều tay lỗi lạc.

Phần Hán văn dành cho các ông Dương bá Trạc, Hoàng tăng Bí, Nguyễn hải Thần, Nguyễn Quyền, Lương trúc Đàm.

Phần tân học quốc ngữ, Pháp văn v.v... giao cho các giáo sư trẻ có tiếng tăm (tôi sẽ nói sau).

Ngoài ra, trường có tổ chức Tu thư soạn sách (Phạm trung Trực, Dương bá Trạc, Lương trúc Đàm, Phương Sơn) ngành dịch (Nguyễn hữu Tiến, Nguyễn đôn Phục, Hoàng tích Phụng) Những nhân vật này, nhờ luyện cây bút ở Đông Kinh Nghĩa Thục mà về sau nổi tiếng một thời trên văn đàn (Dương bá Trạc, Nguyễn hữu Tiến...).

---

(1) Trong các nhân vật này, theo tôi thấy thì có Nguyễn Quyền (Huấn Quyền) là nhiệt tâm và có lý tưởng Duy Tân hơn hết. Ông là người trọng yếu trong Đông Kinh Nghĩa Thục, và có lập một nhà buôn nội hóa hiệu « Tân Hồng Hưng » đại lý bán đồ công nghệ trong nước. Ông bị đày chung thân ra Côn Lôn, rất ưa bàn chính trị. Theo Huỳnh thúc Kháng trong tù có giờ rảnh, Nguyễn quân tự chế ra một thứ chữ mới, cách viết đơn giản, những ngang sổ như kiểu chữ Hán. Đồng Đường (hiệu của anh em dùng gọi Nguyễn Quyền ở Côn Lôn) chí vẫn lớn và tài có sơ (...) khi cùng anh em nói chuyện, Đông Đường thường thuật chuyện Đông Kinh Nghĩa Thục và hiệu buôn « Tân hồng Hưng » như là công nghiệp vĩ đại trên đời. (T.T.T.T. trang 122) Trong H.T.K. có giọng mỉa mai chút ít, nhưng thực sự, mấy ai dám nghĩ cách chế chữ mới (có lẽ theo kiểu Nhật bản) ngay khi ở trong ngục ? Đáng tiếc là sáng kiến ấy cũng mất biệt theo người.

Ngoài ra, còn có ban khắc chữ in bài học để phát cho học sinh và đồng chí.

c/ Nhưng điểm vang danh lớn nhất không phải chỉ vì các điều nêu ở trên mà chỉ vì Đông Kinh Nghĩa Thục có nhiều nhà tân học xuất sắc, bỏ xa các trường học Duy Tân ở Quảng Nam. Đó là một nhu cầu mà một trường mới đòi hỏi phải cung ứng và Hà Nội đã cung ứng được. Đó là chỉ vì Pháp đã lập trường thông ngôn ở Hà nội, và một số học trò ở trường này ra dạy thì hẳn là ăn đứt thiên hạ rồi. Huống chi những vị tân học ấy, như sau này sẽ chứng minh, đều là những nhân vật chắc chắn vào thời Đông Kinh Nghĩa Thục đã tỏ ra xuất sắc : Nguyễn văn Vĩnh, Phạm duy Tốn, Nguyễn bá Học, Trần đình Đức, Bùi đình Tá, Phạm đình Đối. Không chỉ thông thạo tân học chữ nghĩa, họ còn thông thạo những môn mà thời ấy chưa ai biết tới để dạy : địa lý, toán học ; Ông Trần đình Đức vẽ tấm bản đồ Việt Nam và ông Phạm đình Đối bắt đầu giảng kỷ hà học (hình học).

d) Đông Kinh Nghĩa Thục có những lý do riêng để nổi tiếng đã đành, nhưng còn vì nó tọa lạc ở giữa Đô Thành Hà nội, nơi sau này văn học phát triển mạnh nên tự nhiên được nhiều người biết tiếng và nhắc nhở, viết bài, viết sách. Gần đây có cả những quyển sách trình bày riêng về lịch sử của nó khiến địa vị nó càng thêm rạng rỡ, gần như muốn tách rời hẳn Phong Trào Duy Tân mà ít người muốn nhắc hay chỉ nhắc lấy chừng. Sự thật, chính vì lối làm việc cục bộ và thiếu sót đã làm giảm giá trị rất nhiều cho Phong Trào Duy Tân trong

toàn bộ, toàn diện, bao quát từ Nam chí Bắc. Ngay từ thời 1907 khi các nhà Duy Tân đứng lên hoạt động họ cũng chú trọng toàn bộ của vấn đề, chứ không phải riêng việc giáo dục : tạo dựng Đông Kinh Nghĩa Thục. Song vì những lý do chưa rõ, và có lẽ Hà nội là chốn ngàn năm văn vật nên việc giáo dục, văn học tiến mau quá nhờ có nhiều người vốn có khả năng thích hợp tổ chức, giảng dạy, soạn bài nên bỏ xa các ngành, các nghề khác khiến người ta có cảm tưởng nó là một thực thể độc lập trong khi nó chỉ là *một trong những cơ sở khác nhau của một phong trào toàn diện*. Nếu ta so với Phan Thiết đã từng bành trướng Phong Trào trước Hà nội ta sẽ thấy rõ : vì Phan Thiết không có đủ người văn học mà thừa nhà kinh tế và vì địa phương có khả năng lớn về kinh tế nên Công Ty Liên Thành bao trùm hết học vấn, thể dục nên người ta cũng *lầm tưởng Công Ty Liên Thành là một thực thể độc lập* trong khi nó chỉ là một bộ phận lớn quá cỡ, mất thăng bằng của Phong Trào.

Nói thế, không phải bảo là các hoạt động khác của Phong Trào Duy Tân Hà nội không đáng kể. Thật ra, đó là những cố gắng vượt bực của một khu vực thành thị có tiếng là văn vật mà các nhà nho phong nhã, hào hoa còn muốn lấn cả nhà nho phong lưu đất Huế. Do đó, họ sành tiếng đàn địch, giọng ca ngâm hơn là công ăn việc làm mà thói tục bắt họ phải khinh bỉ. Khi họ đứng dậy lập các công cuộc chấn hưng công thương, nhiều người còn bỡ ngỡ như mới loạng choạng đứng

lên sau giấc mộng dài. Tuy vậy, nhờ sự thông minh, lanh lợi, chỉ trong thời gian ngắn, nhân sĩ Hà nội đã tổ chức được. (1)

Về thương: Đỗ chân Thiết và Phương Sơn mở hiệu buôn, hiệu thuốc Bắc, Hoàng tăng Bí mở hiệu Đông thành Xương vừa buôn bán, vừa làm công nghệ lần đầu tiên dùng không cửi rộng dệt xuyến bông đại đóa, chế các thứ trà tàu, trà mạn, trà hộp ướp sen và giấy hoa tiên. Các hiệu Cát Thành (Hàng Gai) và hiệu Hồng tân Hưng (2) cũng mở vào lúc này. Rồi Phong trào lan đến các Tỉnh, nổi tiếng nhất là hiệu Sơn Thọ ở Việt Trì. Phong trào kích thích cho đến nỗi một vị án sát (Nghiêm xuân Quảng) cũng cáo quan về ngồi buôn tơ.

Cũng do con đường Hà nội Phong trào Duy Tân lan cả vào Nam : Sàigòn có Minh Tân khách sạn của Phủ Chiếu (3)

---

(1) Theo Đ.K.N.T của Nguyễn Hiến Lê.

(2) Có lẽ là Tân Hồng Hưng của Huấn Quyền chăng ? Ngoài ra, trong Trung Kỳ dân biến, ông Phan châu Trinh có cho biết là ở Hà nội cũng có công cuộc buôn đóng góp cổ phần như ở Trung, nhưng không hiểu là cơ sở nào mà cũng không rõ tại sao các nhà biên khảo miền Bắc ít nhắc tới. Vì theo tôi nghĩ : đó mới chính là bộ mặt thật của Duy Tân để chống lối buôn bán cá nhân, để đủ sức đối địch với thương nhân Trung Hoa và ngoại quốc khác và để tạo dựng các cơ sở kinh tế lớn sau này.

(3) Trần chánh Chiếu *tức Gilbert Chiếu, nguyên luật sư tại tòa án Saigon, hưởng ứng phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, ông đã cùng nhà chí sĩ Nguyễn thành Út lập « Minh Tân công nghệ Xã » ở*

⟶

Chiêu Nam Lầu của Nguyễn an Khương (4), ở Bến Tre có hiệu thuốc sắc Tư bình Đường, ở Long Xuyên có hiệu Tân hợp Long (Tân quảng Huệ) của Hồ Nhật Tân, ở Long Xuyên có tiệm của Nguyễn đình Chung.

Tuy có nhiều hiệu buôn, nhưng ta phải nhận thấy tính chất rời rạc, cá nhân hơn là đoàn thể. Ta không thấy nó được tập hợp, tổ chức, điều khiển chung như Đông Kinh Nghĩa Thục để thoát một tình trạng thương nghiệp lạc hậu, tư bản thiếu hụt đặng tiến vào nền thương nghiệp có đoàn thể, có tư bản lớn, có chi nhánh như Công Ty Liên Thành, Hợp thương Diên Phong để hiện đại hóa thương nghiệp, vừa bảo đảm việc sản xuất quốc nội, vừa tranh thương với người ngoại quốc. Về nông nghiệp, cũng chỉ tiến hành một cách lẻ tẻ. Chỉ có hai nhân vật được nhắc tên : Độc tướng quân và Bùi đình Tá. Nhưng những công cuộc này hình như không có kết quả lâu dài. Tuy nhiên, sáng kiến của Bùi đình Tá đáng kể · ông lập

←

ChợLớn và Minh Tân khách sạn ở Sàigòn (ngay trước ga xe lửa hiện nay) (...) thường viết sách báo đả kích chánh sách của Pháp đồng thời kêu gọi việc khuyếch trương kinh tế, cổ động việc dùng đồ ngoại hóa, xây dựng một nền văn hóa mới, theo đó đã gây thành phong trào chống Pháp sôi nổi. *Từ Điền.*

(4) *Nguyễn an Khương : thủ lãnh phong trào Duy Tân ở Nam kỳ và là một trong số những người đầu tiên hưởng ứng phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, cũng là một nhà văn nổi tiếng vào đầu thế kỷ XX, trợ bút tờ, « Nông Cổ » mín đàm ở Saigon và chuyên dịch truyện Tàu. Cha nhà cách mạng Nguyễn an Ninh (Quán tre, Hốc Môn. Gia Định)*

Từ Điền

đồn điền Mỹ Đức để nuôi trẻ mồ côi, dạy cho chúng học chữ và nghề. Nhưng vì không có kinh nghiệm lỗ lã nên phải dẹp.

Dù sao, ta cũng phải nhìn nhận một sự thật lớn lao đã mất : ngành thương mãi Duy Tân là một quan niệm, một chủ trương đúng nhất từ trước tới nay để khuyếch trương công cuộc buôn bán đại qui mô có thể tiến tới những kết quả chắc chắn lớn lao như chưa từng thấy. Nếu nó thành công, nghĩa là Phong Trào Duy Tân không bị quét sạch thì thương nghiệp dẫn theo sự phát đạt lớn lao của công kỹ nghệ đã đủ sức đưa kinh tế mậu dịch Việt Nam lên một độ cao. Nó sở dĩ lên cao, lên mạnh, cải tiến, hoàn thiện được là vì đã trút được phần nào lối dấu nghề, lối vị kỷ, theo phương thức cũ đã thâm căn cố đế trong xã hội ta, khiến công nghệ không ra khỏi xóm làng. Dưới sự hướng dẫn của nhà nho yêu nước, chỉ biết ngày đêm kêu gọi hợp tác, hợp quần, trao đổi kinh nghiệm đầy mọi ngành, mọi nghề tiến lên không phải vì mục đích tư lợi thôi, mà còn mục đích cứu nước, chắc chắn kinh tế, mậu dịch sẽ có những bước tiến mới. Tôi đưa ra hai thí dụ : về khuyếch trương thương nghiệp, có bao giờ một người đi từ Quảng Nam vào đề nghị với một người ở Phan Thiết đứng lên lập Công Ty mà mình không hưởng lợi ? Vậy mà Công Ty Liên Thành thành lập. Hay có bao giờ một đại nho như Hoàng tăng Bí lại đứng ra vừa buôn bán vừa làm công nghệ, nào dùng không

cửi dệt xuyến den đại đóa, nào chế các loại trà, loại giấy . . . Nếu Phong trào kéo dài, chúng ta sẽ có gì ? Có những Đại Công Ty khắp từ Nam chí Bắc. Đặc điểm có khác với tư bản thuần túy là họ sẽ đem một phần (nếu không phải tất cả) tiền lời để giúp sự phát triển về mọi hoạt động giáo dục và xã hội. Đã có những đại Công Ty buôn sẽ dẫn tới phát triển công kỹ nghệ mà ngay hoạt động của Hoàng tăng Bí chẳng hạn, đã là dấu hiệu rất tốt. Ta nên nhớ sĩ phu Bắc tuy hơi nặng quyền lợi cá nhân hơn người Nam nhưng lại thông minh, khéo léo hơn nhiều. Giá dụ công cuộc của Hoàng tăng Bí thành tựu, theo phương thức thời ấy của Duy Tân, đương nhiên sẽ được truyền dạy, chỉ dẫn cho người Trung, Nam. Như thế, chỉ một thời gian ngắn, người Quảng Nam chẳng hạn, đã biết cách sao chế những khối lượng trà vĩ đại của họ, đâu để đến nỗi tới nay vẫn còn nằm trong tay khống chế của Trung Hoa ! Mà Hoàng tăng Bí chỉ làm công cuộc nho nhỏ buổi ban đầu, chứ kéo dài thời gian thì có biết bao anh tài lớn lao khác.

Và một khi thương mãi, sản xuất, giáo dục bành trướng trong tinh thần ái quốc, lẽ tất nhiên các hoạt động xã hội phải lên cao, chính trị lên cao, chính đảng dù cấm cũng cứ thành lập. Mà các chánh đảng ấy, ai nói trước, sẽ không tìm ra được một chủ thuyết nặng nề quần chúng cần lao hơn tư bản như cuộc kháng thuế năm 1908 chứng tỏ, như sau này Phan châu Trinh vào Nhân Quyền, kết thân với đảng xã hội Pháp (J. Roux, Marius Moutet) và

«*vào khoảng 1924-1925 thì mặt trận Bình dân Phápt hành lập, phe cụ* (*Phan châu Trinh*) *có hơi thắng thế* (GNKN LXXX), Tư tưởng, chính kiến của lãnh tụ như thế, tổ chức Phong Trào như thế khiến chúng ta có quyền đặt nhiều hy vọng lạc quan cho một ngọn triều đã mất !

Thế nhưng khi Phong Trào bị diệt, nhân sĩ còn đấy khá đông, sao họ không tìm cách phục hồi ?

Tôi sẽ trả lời câu hỏi này ở phần cuối, vì đó là một câu hỏi quan trọng cho thấy sự xảo quyệt vô hạn của thực dân.

Nói tóm lại, Phong Trào Duy Tân ở Bắc tuy mới mẻ (1907-1908) nhưng phát tiếng vang xa rộng làm cho vẻ vang cả Phong trào toàn quốc. Sở dĩ như thế là nhờ Đông Kinh Nghĩa Thục có tổ chức qui mô, giáo sư có thực học, thực tài. Chính nhờ lớp giáo sư Tây học mà tiếng dội khắp nơi, đến nỗi có những người ở Quảng Nam, nơi ổ của Phong Trào, cũng ra Bắc mà học trường ấy (1). Và cũng nhờ ở trên một trục giao thông thuận lợi nên nó truyền được cả vào Nam cái phong khí Duy Tân. Tôi nói phong khí chứ còn về thể cách thì Nam kỳ đã Âu hóa, đã duy tân hóa trước ta rồi, Nhưng họ *bị động*, Phong khí của phong trào Duy Tân sẽ làm cho họ đứng lên *chủ động* để cho công cuộc Âu hóa có ý nghĩa, có mục đích.

Nhưng rồi Bắc cũng như Nam, vì phong trào còn non, vì thiếu cách thâm nhập quần chúng, lại thêm miền

---

(1) *Mười người ở Quảng Nam ra học Pháp Văn trong đó có : Phan Khôi, (tú tài) Nguyễn bá Trác (cử nhân)...*

Bắc cổ tục quá nhiều, quá nặng nên Phong trào chỉ lơ lửng trên hàng sĩ phu và thị dân tức là một quần chúng ít có những liên lạc mật thiết về quyền lợi với quần chúng nông dân đông đảo. Bởi thế, nó nặng về tinh thần trau dồi kiến thức hơn tranh thủ các quyền lợi của dân, tranh đấu cho đời sống nhân dân. Nghĩa là bài học Dân quyền của Phong Trào Duy Tân Hà nội là bài học dành cho thị dân. Khác hẳn ở các tỉnh Trung Việt vì thế khi dân ở các tỉnh Trung Việt cắt tóc đứng lên hiên ngang kháng thuế dọc theo khắp dãy Trường Sơn thì dân miền Bắc gần như chưa biết tới Phong Trào.

Nhưng không phải vì vậy mà sĩ phu ở Hà nội không bị chôn chung nấm mồ với sĩ phu miền Trung nếu họ không gặp nhau để hàn huyên những năm dài taiCôn Đảo.

PHẦN IV

NHỮNG CUỘC BIỂU TÌNH VĨ ĐẠI — 1908

NHỮNG cuộc biểu tình vĩ đại hay Chính biến kháng sưu, được dân địa phương Quảng Nam gọi là « Cúp tóc xin xâu ». Đây là một đấu tranh chính trị bất bạo động, có tầm mức quan trọng từ trước chưa từng thấy ở Việt Nam.

Ngay từ đầu, tôi đã nói không thể tách rời chính biến này khỏi Phong Trào Duy Tân. Vì chính nó là một bộ phận thiết yếu của Phong Trào, là cái thành tựu lớn nhất khi tư tưởng Dân Quyền phổ biến và tác động sâu rộng trong dân chúng.

Người ta sở dĩ không thấy nó là của Duy Tân vì thói quen lẫn lộn Duy Tân là của trí thức, là quốc ngữ, cúp tóc, chấn hưng nông, công, thương . . . Còn công cuộc này không do một lãnh tụ lớn nào của Duy Tân khởi xướng, sao gọi là của Phong Trào ? Chính ông Huỳnh thúc Kháng cũng viết trong tự truyện là không biết tới nó ; Trần quí Cáp ở Nha Trang cũng chỉ hoan nghênh vì *nghe nói* ; Phan châu Trinh đang ở Hà nội, lẽ

tất nhiên chẳng thể nhúng tay vào !

Nhưng như thế là ta chỉ xét cái bề mặt theo duy danh định nghĩa. Còn thực chất « cúp tóc xin xâu » là một bộ phận thiết yếu, một tiến triển vượt bực và bộc phát khi Phong trào lan rộng, thấm sâu và quần chúng và quần chúng tự giác quyền lợi của mình dưới ánh sáng chủ nghĩa Dân Quyền, đứng lên để thực hiện các nguyện vọng chính đáng mà Phan châu Trinh đã công khai tuyên bố với thực dân.

Nói tới « cúp tóc xin xâu », *công cuộc kháng sưu thuế vĩ đại* mà không đặt nó trong toàn bộ của Phong trào là một sai lầm nghiêm trọng. Vì nó không nêu những yêu sách mới lệch lạc nào mà chỉ đi đúng trong vòng những yêu sách, đã được quảng bá rộng rãi theo « Đầu Pháp Chính Phủ thư » của lãnh tụ.

Vả chăng, Phong Trào Duy Tân không đóng khung trong một tổ chức cố định với những lãnh tụ cố định. Chính đó là chỗ yếu mà cũng là chỗ mạnh của Phong Trào. Yếu vì nó không có những qui tắc để buộc những người hoạt động phải tuân theo những kỷ luật nhất định ; nhưng nói thế không phải là vô kỷ luật hoàn toàn vì ta nên nhớ thời đó nhà nho vốn mặc nhiên có kỷ luật và họ thành đẳng cấp lãnh đạo được trọng vọng Còn mạnh vì Phong Trào mới mẻ, thiếu kinh nghiệm, mở cửa tự do nên số người gia nhập đông, thành lực lượng lôi cuốn, và vì nhờ tự trị nên người ta mặc sức khuếch trương, mặc sức sáng tạo, mặc sức trau dồi,

phát triền nghề nghiệp. Hóa cho nên văn chương không chỉ dành cho nhà nho mà nông dân cứ sáng tác, nông nghiệp không chỉ dành cho nông dân mà nhà nho tùy ý cày bừa, khai khẩn . . . và giúp nhau tiến bộ.

Công cuộc lãnh đạo do đó không nhất thiết dành cho cá nhân nhất định nào. Huống chi thực sự, như đã nói, đây là một trong những yêu sách thiết yếu của Dân quyền đã được đưa lên Chánh quyền Pháp và theo Huỳnh thúc Kháng thì sau đó Pháp « *cũng có thi hành một đôi điều như lời tiên sinh* (Phan châu Trinh) *đã nói* » Pháp *đã nhận thư, đã thi hành một đôi điều,* theo lối suy luận giản dị của quần chúng, thế là đã mở đường cho dân đi tới. Nếu dân dám đi tới, có cái gì nói trước là các yêu sách của họ không thỏa mãn ?

Ta cũng nên ôn lại một số yêu sách được đưa ra dưới hình thức nguyện vọng thiết tha ấy :

1) Pháp phải nới tay cai trị.

2) Pháp phải điều chỉnh việc dùng quan lại.
Phải trị tội các quan tham nhũng, tàn ác.

3) Pháp phải để cho Phong trào Duy Tân phát triền.

4) Pháp phải nhẹ xâu thuế để dân bớt bị bóc lột đến tận cùng.

Ta thử xét xem Pháp đã thi hành một đôi điều gì ?

1.— *Đối với người Việt, Pháp đã có những sự tiếp xúc dễ dãi*. Xem tiều sử Lê Cơ, ta thấy công sứ không bênh tri phủ mà trị ông,hay ông làm *mất mặt* trưởng đồn mà không bị trừng phạt. Hay Trần quí Cáp chống Tri phủ Điện

Bàn cũng được công sứ Pháp tán trợ v.v...

2— *Về việc dùng quan lại, đối xử với quan lại,* đã có những tiến triển rất lớn lao. Chính vì những tiến triền này đã dẫn tới các hào hứng nông nồi và sôi nồi đã khiến dân đưa Phong trào đến chỗ tan vỡ mau chóng. Tôi chỉ dẫn riêng các hoạt động của dân trong tỉnh Quảng Nam (không kể những hành động của Lê Cơ chống quan địa phương, chống các chánh phó tổng mà chúng ta đã biết) :

a) *Phủ Điện bàn* : tri phủ Lê bá Đằng có nhiều tội ác nên sĩ phu cổ động nhân dân làm đơn kiện. Vì thấy các thượng cấp tòa và tỉnh chậm phân xử và phán quyết, họ liền quyết định : nhất định *khiêng* (như khiêng heo) viên tri phủ đem trả lại cho tỉnh tòa (1). Hoảng sợ,thượng cấp biết nếu để y lại sẽ sinh biến nên đổi y vào phủ Thăng Bình.

b) *Tam kỳ*. Tri phủ thường đánh đập dân, nhất là ghét dân cúp tóc, hành hạ họ trong lúc làm sưu thuế, bắt đưa về phủ giam. Sĩ dân liền làm đơn kiện chánh phó của cả bảy tổng, tức là kiện viên tri phủ gián tiếp, kể nhiều khoản áp bức, bóc lột dân lành đưa lên tỉnh rồi đưa thẳng ra tới bộ.

c) Hạ tuần tháng giêng âm lịch (Dương lịch 1908) viên tri huyện Đại Lộc nhân việc xâu mà sách nhiễu tiền, lại tăng khống số dân lên quá số thiệt,dân các xã không chịu nồi (...). Ban đầu quan sứ còn bênh vực quan huyện đến

(1) Phan châu Trinh còn bảo là một Tri phủ Điện Bàn bị trấn nước suýt chết.

khi thấy nhân dân tới đông lần, đồng thanh kêu oan, thì biết không xong, nên lập tức cách đuổi viên huyện nọ.

Huỳnh thúc Kháng viết : « *Cách mạng ở Quảng Nam đã phát triển ngấm ngầm trong mọi tầng lớp nhân dân, nhất là việc chống lại bọn tham quan ô lại,* **Ví dụ** *: Ở Phủ Tam Kỳ, Phủ Điện Bàn học trò cổ động nhân dân làm đơn kiện hai tên tri phủ. Học sinh lại làm đơn kiện cả bọn quan trường về tội hối lộ,* **Ví dụ** *: Trường Thừa thiên và Trường Nghệ An.* (1)

3.— *Phong Trào Duy Tân* : Pháp đã hoặc mặc nhiên, hoặc công khai cho phép các nhà Duy Tân được tổ chức bất kỳ công cuộc giáo dục, chấn hưng nông, công thương nào. Các hợp thương lớn, các trường lớn kể cả Đông Kinh Nghĩa Thục đều được mở cửa và mỗi ngày một mở mang. Hội buôn Hội An có cả Công sứ Pháp và quan lại Nam Triều vào phần hùn nữa là khác ! Như thế, bề ngoài, người ta thấy Pháp đã nhượng phần nào ba trong bốn điểm. Nhưng khốn nỗi, dân chúng đâu có biết những mưu toan ghê gớm của họ ! Trong khi họ để cho dân nào kiện quan, nào Duy Tân lung tung thì họ ngấm ngầm tìm cách *chận đứng* phong trào bằng cách tách rời bộ phận lãnh đạo Thực tế lãnh đạo của Quảng Nam là Phan châu Trinh, Huỳnh thúc Kháng, Trần quí Cáp. Phan châu Trinh đã ra Hà nội, Huỳnh thúc Kháng thường có bề ngoài xuề xòa, không đáng lo ngại. Chỉ còn Trần quí Cáp là lãnh

(1) Vụ Kháng huế ở Trung Kỳ năm 1906 gọi tắt vụ kháng thuế, của Huỳnh thúc Kháng. Thi văn Quốc cấm (sđd).

tụ đắc lực của một vùng Phong Trào lên rất mạnh, có lẽ mạnh nhất toàn quốc. Cần phải bứng đi, Quan lại vốn căm thù ông đã lâu nên vẫn ngấm ngầm phản đối. Ngay các tầng lớp không thích phong trào cũng phê bình, chỉ trích không tiếc lời các công cuộc cải cách của ông... Nhất là sau khi ông làm bài *sĩ phu tự trị* thì thực dân cảm thấy sự có mặt của ông ở Quảng Nam rất bất tiện. Chúng cần đề phòng nên đồng ý với Nam triều đổi ông vào Khánh Hòa (Nha Trang). Chính chỗ đó là chỗ thâm hiểm nhất của nhà cầm quyền, khi họ muốn biến phong trào và quần chúng thành loại rắn không đầu.

Nhưng thực sự, phong trào Quảng Nam còn vững mạnh quá. Trần quí Cáp ra đi không gây những thay đổi đáng kể vì các lãnh tụ khác đã có đủ uy tín và kinh nghiệm để mặc nhiên thay ông.

Vậy, đối với dân chúng, sự thay đổi ấy không làm họ nhụt chí, trong khi đó, những cuộc kiện tụng quan lại, mở mang phong trào, nhất là sự thành công của Đông Kinh Nghĩa Thục vẫn gây cho họ cái cảm tưởng họ đang thắng cuộc : ba trong bốn điểm trọng yếu, mấu chốt của phong trào họ đã thực hiện phần nào. Chỉ còn một điểm nữa. Vậy thì việc gì không dấn tới để đạt cho kỳ được ? Vả chăng, ba điều kia, chứ dù là ba chục điều kia có đạt được thì vẫn không thiết thực. Mà dân chúng không cần lý thuyết cao xa. Dân quyền và Duy Tân đối với họ chỉ sẽ là những lời rỗng tuếch khi họ cứ bị è cổ ra để nạp xâu cao, thuế nặng.

***

Nhưng trước khi đi theo đoàn biểu tình vĩ đại, ta hãy biết sưu thuế thuở ấy ra sao ? Theo Phan châu Trinh thì : « *Từ ngày thuộc quyền bảo hộ của nước Pháp, nào là bắc cầu, sửa đường, xây đồn lập ải, cho đến lương bổng của quan lại cũng tăng lên, chi tiêu tốn kém kể hàng mấy trăm vạn, mà số tiền thu vào trừ các ngạch thuế thương chính ra thì chỉ trông vào thuế đinh và thuế điền* » *và* « *mỗi tên đinh một năm đóng thuế thân rồi phải bốn ngày công ích và mười ngày công sưu, còn như đi làm thứ tạp dịch khác đều có tiền thuế,(...) quan lại nhân thế mà quấy nhiễu, tha tên này, bắt tên kia, tùy ý mình muốn thế nào thì làm thế, lúc đầu thì quan đem tiền thuê dân, sau thì dân đem tiền ra thuê quan, đứa cùng dân vì thế mà hết sản nghiệp và mất nghề làm ăn cũng thật nhiều* ». *(Đầu Pháp Chính Phủ thư).*

Tôi có nhiều tài liệu về thuế má thời này và những tiếng kêu van thống thiết bất tuyệt vì thuế. Muốn ghi ra cho hết, e người đọc không ham thích theo dõi, chỉ xin chép lại một đoạn ngắn trong bài Á tế á ca (tác giả ?) thời ấy phổ biến rất sâu rộng :

. . . . . .

Các hạng thuế, Pháp càng tăng mãi
Thuế đinh điền rồi lại thuế bò,
Thuế chó cũi, thuế lợn èo
Thuế muối, thuế ruộng, thuế đò, thuế xe.
Thuế tất cả, trầu, cau, chè, thuốc,
Thuế môn bài, thuế nước, thuế đèn.
Thuế nhà cửa, thuế chùa chiền,

Thuế rừng tre, gỗ, thuế thuyền bán buôn.
Thuế dầu mật, thuế sơn, thuế mỡ,
Thuế gạo rau, thuế đỗ, thuế bông,
Thuế tơ, thuế sắt, thuế đồng
Thuế chim, thuế cá, khắp trong ba kỳ.
Nhiều hạng thuế kể chi cho xiết,
Thuế «phát xia» mới việc lạ lùng !
Nói ra luống những đau lòng,
Cha con khổ nhục, vợ chồng lìa tan.
Cũng có lúc bầm gan tím ruột
Vạch trời kêu mà tuốt gươm ra

. . . .

Thuế quá nặng, Dân phải làm sao ? Dân kêu gào, Dân rên siết Tôi thật khó gây cho bạn đọc ngày nay cái ý tưởng, cái hình ảnh ghê sợ, hãi hùng của những ngày thuế đối với dân quê ngày xưa, khi tiếng trống, tiếng mõ, tiếng rao, tiếng roi vọt vang lên khắp làng trên xã dưới rồi thì đồ đạc bị ném ra đường, trâu bò bị lùa, thân người rách rưới bị gông trói dẫn thất thểu ngoài đường. Thôi thì có cái gì bán được mà chả bán kể cả vợ, con (bán vợ, đợ con) rồi cuối cùng, nếu chả còn phương pháp gì, đành liều đi trộm cướp hay đăng tên vào đạo dân phu các đồn điền cao su nước độc để gởi lớp xương trắng tận xó rừng sâu.

***

Thuế nặng quá, Dân phải làm sao ? Thời kỳ vô vọng đã qua. Dân quyền và Duy Tân mang tới cho họ một

niềm hy vọng mới. Các yêu sách của lãnh tụ Phan châu Trinh đã được thỏa mãn không nhiều thì ít, chỉ còn mỗi một khoản thuế. Tại sao không tích cực hành động để đi trọn con đường « Đầu Pháp Chính Phủ thư » đã vạch ra ? Mà ai dám nói trước sẽ không thành công khi đã có những dấu hiệu tốt của các thử thách đã qua ? Tây đã nhượng được mấy điểm trên, nào họ có tiếc gì điểm dưới ? Vả chăng, dân không bạo động, *nhất định không bạo động*, chỉ kêu van, chỉ gào thét, chỉ thỉnh cầu, chỉ đày đọa thân xác mình, cam chịu nằm gai, nếm mật, chứ không bạo động vì « bạo động tất tử » (bạo động chắc chết) như lời lãnh tụ đã dạy kia mà. Họ đâu có ngờ họ chạm vào một thứ *trái cấm* ! Vì họ tưởng Tây đã nhượng được cái này, tại sao không nhượng cái kia ? Tri phủ *Điện Bàn* bị dọa *khiêng* đem trả là tỉnh tòa vội đổi y sang phủ khác; Tri phủ là cha mẹ dân, là một kẻ « miệng có gang có thép » dân nghe tiếng đã run sợ thế mà dân cựa là còn bị đổi huống gì thuế...

Sự thật, nó là trái cấm ! Vì ông Tây có mỉm nụ cười xã giao để nghe vài sĩ phu phân trần ư ? Điều ấy chả chết gì ông mà còn được lòng trăm nghìn sĩ phu vốn có uy thế tinh thần trên đất Việt. Dù có ban cho họ vài quyền lợi thì cũng chỉ thiệt hại quyền lợi danh dự của quan lại, chứ có mất gì cho Pháp ? Mà nhờ đó, Tây sẽ biết được nhiều bí mật cần thiết để giữ vững nền trị an vì sĩ phu hay thân hào đâu có đức cảnh giác cần thiết ? Dân chúng khi kiện được quan lại, có cảm tưởng

các lỗi lầm đều do quan lại gây ra, chứ Tây đâu có làm gì. Lá cờ ba sắc vẫn phơi màu rực rỡ. Còn những chuyện Duy Tân thì cứ để sĩ phu Duy Tân. Họ càng Âu hóa, dễ bẩy họ vào truyền thống Âu Mỹ, càng mất dân tộc tính, càng dễ cai trị.

Nhưng chỉ chừng ấy thôi ! Không thể cao hứng điên cuồng dẫn sang địa hạt thuế má. Vì đó là vấn đề xương máu . . . của thực dân. Nếu không đánh thuế vào dân, lấy gì mà nuôi Tây, nuôi bộ máy hành chánh quân sự đủ sức điều hành và đàn áp ? Lấy gì gởi về mẫu quốc để đóng góp. Nghĩa là khi động tới thuế tức là động tới *thực chất quyền lợi của thực dân.* Vậy dù Pháp mở ra bao nhiêu cánh cửa cũng không có nghĩa là sẽ mở cánh cửa thuế. Mở cánh cửa ấy, là bắt đầu mở con đường đẩy thực dân ra biển. Nhưng dân Việt Nam, nếu không có những yêu sách cải thiện thuế khóa thì Duy Tân làm gì ? Dân quyền làm gì? Những lý thuyết, hình thức đẹp đẽ, rực rỡ tới đâu mà vẫn không bớt thuế má nặng nề thì cũng chỉ là vô bổ, là lý thuyết suông ! *Dân* vẫn chả có *quyền* nào !

Quyền lợi xung đột nẩy ra tranh đấu. Và tuy bề ngoài là kháng thuế, nhưng thực chất chính là chống thực dân, chống quan lại nghĩa là đòi Dân quyền một cách thiết thực.

Đây là một trong những phương thức hoạt động cách mạng Việt Nam : *bất bạo động*. Rồi đây, phương thức ấy sẽ được áp dụng cho những cuộc vận động đại quần chúng khác chống Pháp trong tương lai, kể cả sau 1908.

DIỄN TIẾN : DÂN LÀM CHỦ TÌNH HÌNH

MỌI cuộc dấy lên của quần chúng đều có lý do sâu xa của nó. Và cái lối *xuống đường* nào có phải là sáng kiến mới mẻ gì của sĩ dân đâu. Trong bài Sĩ phu và truyền thống xuống đường (Tân văn số 14 — tháng 6 năm 1969) tôi có trình bày những vụ xuống đường của sĩ phu ta từ 1864 đến cuối thế kỷ XIX. Những vụ xuống đường ấy là phản ứng của *nho sĩ* chống xâm lăng, chống tôn giáo để cứu nước, cứu đạo. Nhà nho chưa có ý thức sâu sắc về quyền lợi thực tế của dân.

Phải đến đầu thế kỷ thứ XX, tư tưởng Dân Quyền tràn sang nước ta, những cuộc tranh đấu vì quyền lợi vật chất, tinh thần mới nổ bùng ra. Đầu thế kỷ XX, lần đầu tiên trong lịch sử, nhà nho mới thực sự không xấu hổ khi nói tới các ngành, các nghề, dân trí, trị sinh, cúp tóc, âu trang . . . và mới hiểu một cách sâu xa rằng yêu nước, yêu dân không thể yêu trừu tượng, khái quát' mà chính là phải tranh đấu cho chính cuộc sống tầm

thường với cái ăn, cái mặc... Lần đầu tiên, tập đoàn nhà nho dám tách rời Nho giáo trên nhiều phương diện đặt vấn đề xét lại Nho học chính trên căn bản chủ yếu, quân, sư, phụ, vị đức, vị dân, tấn công Nho triết mãnh liệt bằng tân triết Dân Quyền. Tân triết này không phải để ê a ngâm nga mà là để hành động. Không phải chỉ để sĩ phu hành động mà cả dân chúng cũng tự do hành động. Không phải để mở mang nông, công, thương, học mà chính là để giải phóng con người trong dư phóng giải phóng thuộc địa, nhân loại. Niềm tin ấy sâu xa mãnh liệt cho đến độ đi đâu, tới đâu, làm gì, sĩ phu cũng chụm nhau lại bàn bạc, đấu khẩu và cụ thể hóa tân triết ấy bằng hành động, bằng mọi thứ ca vè đề cao giá trị con người, mạt sát giới quan lại tham nhũng, kêu gào thuế má... Trần quí Cáp mới chân ướt chân ráo vào Nha trang, chưa kịp có đủ thì giờ để thăm vị này, viếng vị nọ, hầu bài cụ kia, dự tiệc quan khác mà đã ném ra những lời mạt sát ầm ầm :

Dân nay đã cực đà như chó,
Mà hãy còn võng đỏ, ngán ngà (lọng)
Đương lúc này, tài trí phải bỏ ra,
Xu phó giỏi, kim ngân đa thì khá !
Dám hỏi mấy người Công, hầu, bá,
Ăn cơm vua, cầm quyền nước mà lo những chuyện chi chi ?
Dân đồ thán, quốc khuynh nguy,
Độc lạc ngày nay ca vũ mãi.

Sách có câu: Xuân lai xuân bất tái,
Nước mất rồi mua lại được không?
Xâu thuế này cực cả Tây, Đông,
Đông Tây cực mà Bắc Nam rồi cũng khổ!
Lại có chữ: vị thân gia chi cố,
Vuốt râu mèo một lũ u mê.
Mất rồi ngồi đợi trở về.

Văn chương của bậc đại nho nghiêm túc mà dẫn đến câu « cực đà như chó » để mở đầu bài văn thì đủ biết sự phẫn nộ đối với cường quyền và sự đau xót đối với nhân dân khi « xâu thuế này cực cả Tây Đông », cho thấy Dân Quyền rõ ràng không phải một triết học mơ hồ mà là phương pháp để nghiên cứu thực tế, động cơ để thúc đẩy và mục tiêu để tiến tới. Mục tiêu đó chính là: nước mất rồi mua lại được không? và chua chát hơn, mỉa mai hơn « mất rồi ngồi đợi trở về ». Rõ ra là «Vuốt râu mèo một lũ u mê! »

Tôi nhắc đi nhắc lại Phan châu Trinh, Trần quí Cáp để lưu ý những ai đến nay vẫn nghĩ rằng công cuộc kháng thuế là dân của riêng của chúng dân nghèo, không can gì đến các lãnh tụ. Các tài liệu này cốt để xác nhận rằng họ không nhúng tay vào chiến thuật, nhưng họ vẫn chủ trương chiến lược. Trong các yêu sách của Phan châu Trinh, chống thuế là điểm căn bản nằm sờ sờ ra đấy, Trần quí Cáp cũng nhắc lại công khai. Như thế nếu nhà cầm quyền không thỏa mãn, dân chúng có thể hành động để đòi hỏi mà vẫn không vượt ra ngoài chủ trương chung. Chỉ

có điều là sĩ dân đã hành động một cách quá tích cực, vượt khỏi dự liệu của các lãnh tụ và nhà cầm quyền, công nhiên mở những trang sử tranh đấu mới theo phương thức mới.

***

Cuộc tranh đấu bùng ra ở huyện Đại Lộc. Ba sĩ phu lãnh đạo : Lương Chân, Hứa Tạo và Trương Hoành (xã Phiếm Ái, Hà Tân, La Đái). Nhân trong một bữa giỗ ăn uống no say, nổi *hứng* lên bàn chuyện sưu cao, thuế nặng rồi rủ nhau làm đơn lấy chữ ký của các làng xã trong huyện, tới trình quan huyện để chuyển đạt lên tỉnh, tòa « xin giảm nhẹ sưu cùng các món thuế ». Công cuộc khởi đầu rất giản dị. Nhưng vì chủ thuyết *Dân quyền* đã thấm nhuần, lại thêm nỗi oán hận sưu thuế ăn sâu khắp quần chúng nên vừa mới tung ra là lập tức toàn thể dân chúng ùa theo ngay. Khi dẫn tới huyện, quan huyện nghe tin trước đã xuống trình tỉnh. Đa số sĩ dân liền kéo nhau xuống tỉnh. Và tỉnh biết được liền cho lịnh ra truyền hỏi :

— Dân chúng ở đâu tới và muốn làm gì ?

— Dân Đại Lộc theo quan huyện xin sưu.

— Quan huyện các anh đã báo rằng dân Đại Lộc tụ tập khởi ngụy, nay không có ở đây, đã xuống báo Tòa Công sứ biết rồi.

Khởi ngụy ! Báo tòa sứ ! Chuyện to tầy đình (1*).

Lập tức, dân dẫn xuống tòa sứ, cả ngàn người đứng lớp trong lớp ngoài. Mười đại biểu được vào để bày tỏ nguyện vọng. Viên sứ bảo ông ta không có quyền gì

---

(1) Vụ kháng thuế (sđd) trang 371. Và Phan châu Trinh ghi thêm về :*

Chứng thực nguyên nhân cuộc khởi biến là bởi việc xin xâu mà ra..

Năm 1908, dân biến bắt đầu phát ra ở huyện Đại Lộc tỉnh Quảng Nam, mà dân Đại Lộc lại thiệt vì việc làm xâu gây ra biến.

Năm ấy, vào hạ tuần tháng giêng âm lịch, viên tri huyện Đại Lộc nhân việc xâu mà sách nhiễu tiền, lại tăng khống số dân lên quá số thiệt trong xã, dân các xã không chịu nồi (nguyên kháng trước đó, viên huyện vì nhiễu dân, bị dân các xã kiện tại tòa Công sứ ; tòa sứ xử viên ấy không lỗi, nên nay viên huyện nhân đó ỷ thế, lấy việc bắt xâu mà báo thù. Vì sự khiêu khích đó nên sinh ra biến. Đó là cái nguyên nhân đầu đã sinh ra cái nguyên nhân này vậy), dân các xã rủ nhau họp, tính việc đi kiện lần nữa, viên huyện ấy biết, lại đi báo vu trước với Tòa Sứ rằng : xã dân nồi loạn (. . .) xã dân nghe tin tới Tòa Sứ biện bạch và chỉ trích cái tệ quan huyện sách nhiễu. Ban đầu, quan sứ còn bênh vực quan huyện, đến khi thấy nhân dân tới đông lần, đồng thanh kêu oan, thì biết không xong, nên lập tức cách đuổi viên Huyện nọ (. . .) làng nào bị khồ về việc làm xâu cho Quan cũng tranh nhau đến tòa sứ mà kêu.

Người nhóm đã nhiều, thì sự tuyên truyền cũng lắm, hoặc nói Quan sứ đã giảm thuế. Dân dốt không biết, nghe bậy truyền bạ, rủ nhau đến càng ngày càng nhiều.

(*TKDB trang 2*)

Ông Phan châu Trinh còn dẫn ra một số chứng cớ khác đề biện minh đó là vụ xin xâu, không phải kháng thuế. . . nhưng rồi cuối cùng, hễ có xin xâu, tất có xin thuế nhất là khi nghe Công sứ đã giảm thuế. Chính ở Quảng Nam, ai cũng gọi dân biến 1908 là **cúp tóc xin xâu,** *thì tôi đoán có lẽ tiên khởi là xin xâu mà chữ xâu đọc hơi giống như* **sưu** *nên người ta cũng đọc xin* **sưu** *(xin thuế) lẫn lộn (hay chính vì xin sưu rồi đọc lộn ra xin xâu?) Nhưng dù thế nào, nó cũng đã biến thành vụ Dân biến kháng thuế, không còn ai biết tới xin xâu nữa. Cũng vì dựa trên tài liệu này, tôi có viết bài « Theo dõi sự phát xuất và phát triền của một câu ca dao » (VHNS số 3,4 năm 1967) nên nặng về xin xâu hơn kháng thuế là vì vậy.*

đối với việc sưu thuế và truyền giải tán. Nhưng dân kêu là sắp tới thời kỳ nộp thuế rồi, dân không thể nào chịu nổi.

— Dân không tan về, quan sẽ bắt giam mấy người Đại biểu.

— Nhờ lượng quan vì mấy người ấy họ xin phần họ, dân chúng ai có nỗi khổ nấy, không ai xin cho ai.

Ba lãnh tụ Lương Châu, Hứa Tạo, Trương Hoành ứng đối quả quyết, thông hoạt. Lập tức chiều đó họ bị đày đi Lao Bảo.

Nhưng dân vẫn không chỉ không tan mà mỗi ngày một thêm đông đảo. Lại nhờ Hội An là đô thị lớn, dân khắp nơi đến buôn bán tấp nập nên tin tức loan truyền đi nơi khác mau chóng, lập tức các miền xa mườm mượp dẫn nhau tới tiếp viện cho Hội An.

Không hiểu do ai ra lệnh mà tất cả đều truyền nhau : muốn *xin xâu thì phải hớt tóc*. Thế là họ tuyên truyền rộng rãi ra. Lập tức, những người bảo thủ nhất, nhưng nóng lòng vì quyền lợi xin xâu cũng bằng lòng đặt cái đầu tóc quí giá của mình dưới lưỡi kéo, cái lược. Chỉ trong thời gian ngắn, dân Quảng Nam đều biến thành tín đồ của chủ nghĩa Dân quyền, tiêu biểu bằng cái đầu ngắn. Ngọn triều *cúp tóc xin xâu* tràn ngập như sóng cuộn vỡ bờ. Rồi thì những đoàn người ấy tìm những áo quần rách rưới nhất mặc vào để tỏ ra mình bị bóc lột tới xương tủy và dự liệu một cuộc hành trình lâu ngày bằng *khoai mo, cơm gói*. Và không hiểu tổ chức thế nào mà có những

người chỉ ở nhà chuyên lo chạy gạo, chạy tiền cho người ra « *tiền tuyến* » rồi khi lớp này mệt về là lớp kia lại đã ứng chực thay thế. Đồng bào hai bên đường nhiệt liệt ủng hộ cho đoàn tranh đấu. Muốn ăn uống gì họ mang ra cho, nấu những nồi nước chè lớn chờ sẵn... Khi quân đội dùng roi, dùi cui đánh đập tàn nhẫn vào đầu, vào lưng vào mông các đoàn tiền phong vây hãm — vây hãm thực sự dưới hình thức thỉnh cầu, kêu khổ — tòa sứ thì họ không bạo động. Nhất định bất bạo động và khi không chịu nổi nữa vừa ánh nắng rực rỡ, vừa roi gậy, vừa khan hầu khan cổ, họ phải rút lui, nới rộng vòng vây. Nhưng một kế hoạch mới lập tức được ứng dụng để đối phó. Thế là những đội xung phong vây hãm liền lót đầy mo cau vào mông, vào lưng, may đầy mo cau dưới nón : được tung vào tiền tuyến. Lại những trận mưa roi, gậy. Nhưng bây giờ chỉ nghe binh bịch. Họ rán thi nhau chịu đựng, lớp này thế lớp kia. Lính đánh mỏi tay rồi có lúc phải nghỉ. Thật ra, lính hăng hái đánh lúc có cấp trên. Còn không thì họ chỉ dơ tay múa may roi gậy cho qua : đồng bào đó, anh em đó, thày bạn của họ đó. Họ đâu nỡ lòng nào!

Những người ngoại cuộc thấy cảnh ấy cũng phải ngao ngán :

. . . . .

Áo quần rách rưới lang thang lài xài
Tráng dân không biết là ai,
Học sinh? Bá hộ? Tú tài? Cử nhân?
Lạy trời, ông xuống chút ơn,

Để con dân nằm đường nằm sá không sợ chi cơn roi đòn.
Ngày thời vách núi trở non,
Dặn dò sau trước vợ con ở nhà.
Cơn đùm, cơm gói xuống nha (1)
Rủ nhau kéo hết xuống tòa (2) xin xâu.
Quan sai lính đánh như trâu,
Chịu đau không thấu mang đầu chạy ngay !
Con roi bằng cái cổ tay,
Đáng đồn, đánh dập một ngày đôi con.
Xấu da chịu chẳng đặng đòn,
Chạy về sau trước vợ con ở nhà

. . . .

Vè xin xâu (3)

Ngày nào cũng có tin đồn là sứ đã nhượng bộ. Sứ đã hẹn thế này, hứa thế kia. Thế là dân thêm phấn khởi, lại quyên tiền, quyên gạo, kêu gọi người tiếp viện . . . Cuộc vây hãm và số dân dự cuộc xin xâu, theo Phan châu Trinh có ngày lên đến sáu ngàn người, và theo một bài văn tế lưu truyền đến 8.000 người (thời ấy, có thể gọi là con số kỷ lục, vì dân còn thưa thớt lắm). Để giải trí và tuyên truyền cho mau lẹ, không biết bao nhiêu bài vè, bài ca đặt ra để truyền miệng cho

(1) *Nha : tức cơ quan hành chánh huyện Phủ Tam Kỳ, ở gần tòa đại lý Tam Kỳ.*

(2) *Tòa : là tòa đại lý Tam Kỳ do một viên quan Pháp điều khiển mà cũng có thể là tòa công sứ Pháp ở Hội An.*

(3) *Vè xin xâu : tài liệu của Nguyễn Q. Thắng.*

nhau. Về sau, Hội An không còn đủ chỗ chứa người nên một kế hoạch mới được đề ra :

— Ở phố, tòa đã đông lắm, nay ở phủ huyện nào vây quanh phủ huyện nấy, không phải kéo ra phố (Hội An) nữa.

Thế là bắt đầu cuộc vây hãm các phủ huyện.

***

Thời kỳ này, đã xuất hiện lần lần những lãnh tụ mới của Phong Trào xin xâu. Họ đều là những sĩ phu trẻ, hăng hái can đảm như ông Ích Đường, Tú Can, Trùm Thuyết... Ông Ích Đường là con ông Tấn Nhì, cháu Ông Ích Khiêm, đã từng vào Nam ra Bắc đã từng tới đồn Đề Thám với Phan châu Trinh. Giòng họ này mấy đời làm tướng và văn học đều xuất sắc : Ông Ích Khiêm, cử văn, cử võ, lừng danh thời Tự Đức ở Bắc, Ông Ích Thiện tự xưng Bình Tây Sát Tả đại tướng quân chiếm thành tỉnh Quảng Nam dưới thời Cần Vương. Ông Ích Đường năm ấy mới mười tuổi đã nghiễm nhiên trở thành lãnh tụ *cúp tóc xin xâu*, và đi vào anh hùng ca dân tộc:

Cậu Đường mười tám tuổi đầu,
Dẫn dân công ích xin xâu dưới tòa.

Thời kỳ này, có mấy cuộc bạo động nhỏ — So với cuộc tranh đấu bất bạo động vĩ đại ấy — đã xảy ra.

Việc thứ nhất là vây bắt Lãnh binh Điềm, hay Lãnh Điềm. Là sĩ quan cao cấp, Điềm được đặc trách coi các công cuộc làm đường, vét sông, có quyền xử dụng hàng ngàn, vạn dân công *công ích*. Y vừa tàn bạo,

đối xử chỉ biết roi vọt, cùm kẹp và moi móc túi tiền của bất kỳ hạng nghèo, giàu nào. Lòng dân uất ức, oán hận đến cực độ. Đây là cơ hội để trả thù. Ông Ích Đường dẫn dân lên vây bắt. Nhưng không hiểu ai báo trước, Lãnh Điềm trốn trước nửa giờ, lên xe lửa Hội An — Đà Nẵng (hồi ấy còn chạy) trốn thoát. Hú vía! Nếu không, chắc Điềm không tránh khỏi cái chết ghê gớm của Trần Quát và Trần Tuệ.

Cũng liền đó xảy ra vụ Trần Quát. Trần Quát làm chánh tổng, rất có uy quyền ở Gia Cốc (nay thuộc Duy Xuyên). Nghe có dân biến, y liền xuống tỉnh lãnh hằng về hiểu trấp, hy vọng phen này một bước lên quan. Bản tính y tàn ác. Việc đầu tiên của y không phải là lấy lời huấn dụ mà thiết lập một nhà lao. Y ra lệnh hễ ai đi xin xâu là y tống giam. Rồi y phái những nhân viên dưới quyền chẹn bắt tất cả những ai hớt tóc, mo khoai, cơm gói về tra tấn, giam cầm. Do đó gây rất nhiều trở ngại cho tiến trình công cuộc xin xâu và gây hoang mang lớn cho dân chúng. Các lãnh tụ xin xâu lập tức đối phó. Ích Đường, Tú Cang nửa đêm dẫn dân lên vây bắt. Quát trốn vào chuồng heo, tóm được liền đem ra bờ sông giết (có người bảo nhận nước, có người bảo thui dái rồi mới nhận nước). Về vụ này, Tú Quì có làm hộ cho con gái Quát một bài văn tế trong có những câu chống đối *Dân Quyền quyết liệt* :

. . . . . .

Nào hay lộng đảng dân quyền,

Chứng cớ phủ giữa đồng cây cỏ.
Ôi thôi thôi !
Căm hận tư thù chi lắm thế ! Ngoan thế ấy ; ngạnh thế ấy, hung cường chi thế ấy ! Tre Non Sơn ghi tội khôn cùng.

. . . . .

Văn kiện này cho thấy đối với hạng phản động Phong trào thì chính *Cúp tóc xin xâu* là do *lộng đảng dân quyền* gây ra. Và kẻ thù của Duy Tân không phải chỉ là hàng ngũ quan lại mà cả những sĩ phu bảo thủ (1). Trên đây, tuy mượn lời con khóc cha mà thực là sự phẫn nộ của bọn bảo thủ ấy đối với chủ thuyết *Dân Quyền* mà họ cho đã làm đảo điên xã hội và tôn ti trật tự cổ.

Về vụ này, tòa sứ phái một đội lính về tuần tiễu, bắt chém Tú Cang, đốt nhà Ấm Tân. Sau đó, một hương chức khác trong xã cũng bị tử hình.

Máu thảm, máu hùng đã chảy !
Trong huyết sử Duy Tân mở lần theo từng trang hùng sử Dân Quyền.

* * *

Cuộc vây hãm phủ Tam Kỳ là cốt để chặt tay những tên phong kiến, tay sai đắc lực của thực dân. Phong trào ở vùng này chịu ảnh hưởng Phan châu Trinh, Huỳnh thúc Kháng, Lê Cơ lên rất cao. Sự hưởng ứng kháng thuế

(1) Xin xem thêm Nguyễn văn Xuân: «Tú Quì, một trường hợp, một thể văn» Tân Văn 7-1968.

nhiệt liệt vào thời ấy, dân lại đang kiện chánh phó bảy tổng nên dân khí hăng sùng sục. Tri phủ Tam Kỳ tàn ác, hãm hại dân, lại là một tên phản động đối với Phong trào. Hễ ai có cái đầu hớt tóc là y tìm cách bắt bớ, giam cầm. Đã thế, y lại hợp tác với Đề Đốc Trần Tuệ, một võ quan cao cấp để thẳng tay cướp bóc của dân. Trần Tuệ cũng như Lãnh Điềm, lãnh trọng trách đắp đường khai mỏ vàng (Bông Miêu) đường chiến lược nối tiếp các đồn Đại lý tại Tam Kỳ, đồn Phương Xá, Trà My... Quyền thế quá to, y tự do muốn làm gì thế nào cũng mặc. Cần nhà ở, y vào bắt chủ nhà dọn đồ đạc ra cho mình ở, chưa kịp là đánh đập. Vào nhà người ta ngủ trưa, nghe trẻ con khóc liền sai lính căng chủ nhà ra đánh rồi giải về phủ giam (Nguyễn Kỳ ở Chiên Đàn...). Lại thấy Phong trào Duy Tân lên cao, các vườn chè, quế khai phá mạnh, y cũng chiếm đất, lập nhan điền rồi bắt dân tới làm không công mà còn nhẫn tâm đánh đập... gây không biết bao nhiêu phẫn nộ ngấm ngầm chỉ chờ cơ hội là nổ ra như sấm sét. Bởi thế, khi xảy ra vụ xin xâu, dân tới nhàn điền đuổi bắt, ầm ầm như bắt cướp, y liền bỏ trốn, lên về náp trong phủ, nhờ viên tri phủ vốn là đồng bọn sâu dân mọt nước che chở.

Dân ùn ùn kéo tới vây phủ, nhất định xin viên tri phủ và đề đốc dẫn dân đi xin xâu. « *Dân kêu nài mãi mà các quan không ra. Đem dân vào trong phủ canh, nhất định giữ ông Đề*

Tòa đại lý (Hiệp) cách phủ ba cây số, biết dân thù oán Đề Tuệ, đại lý đem lính lên phủ đưa Tuệ về Tòa. Khi

ra khỏi phủ xe đại lý đi trước dân nhường lối đi, xe qua dân kéo theo. Trùm Thuyết người làng Phước Lợi kêu to :

« Dân ta xin quan đại lý giao ông Đề để dân ăn gan ». Toàn đám đồng thanh « dạ » vang lừng. Đề Tuệ ngồi trên xe hộc máu gục xuống, về đến tòa đại lý thì tắt thở.

Trùm Thuyết sau bị kết án tử hình, chém ở Tam Kỳ. Trong án có câu :

« Thanh thanh thực đề đốc can, nhất hô nhi thất tổng chi dân giai ứng ». (1)

Cất tiếng đòi ăn gan đề đốc, một lời hô mà dân toàn bảy tổng dạ rân ! Rồi tiếng dạ lừng lẫy vang động trời đất đủ sức đánh một búa tạ ngàn cân khiến đại tướng Nam triều hộc máu chết tươi. Lịch sử Trung Hoa mà chúng ta say mê thử hỏi có bao nhiêu sự tích ly kỳ mà hùng tráng tiêu biểu cho sức mạnh vô địch của tiếng nói nhân dân ghê gớm đến thế chưa ?

. . . .

Bắt anh Mộc Thuyết (2) dẫn ra
Dẫn ra, tôi tưởng quan tha cho về.
Chém anh Mộc Thuyết gớm ghê !
Gươm đao âm phủ ba bốn bề cách xa !

(Vè xin xâu)

---

(1) Vụ kháng thuế (sđd) trang 374

(1) Mộc thuyết : tên thật Trần Thuyết 1857-1908 làm trùm trong làng Phước Lợi, Tam Kỳ. Bị chém ngày 18-4-1908 với tội (!) (Trùm Thuyết) cử nhất thanh nhi toàn dân giai dụy : Trùm Thuyết hô một tiến toàn dân đều dạ. » chú thích của Nguyễn Q. Thắng.

Phong trào Duy Tân tiếp tục mở những trang huyết sử, hùng sử !

*
* *

Cuộc vây phủ Điện Bàn cũng sôi nồi không khác gì ở Tam Kỳ (1). Hồi ấy, sĩ dân hội họp tại tỉnh ngoài bờ thành. Ban tổ chức đồng ý bầu Ông Ích Đường lãnh đạo cuộc vây phủ Điện Bàn bắt tri phủ dẫn dân xin xâu.

Từ tỉnh vào phủ chỉ ba cây số, nhân dân tràn ngập đường cái lớn. Khi tới phủ chỉ thét lên mấy tiếng «xin xâu » là bọn lính phủ run lập cập, đầu hàng. Đại diện dân vào trình bày ý nguyện với tri phủ là Trần văn Thống (Huỳnh thúc Kháng ghi : Thông). Lúc ấy tri phủ đang lo việc cưới vợ cho con, việc nhà rối bung. Thấy dân tiến vào, đàn bà run như thằn lằn đứt đuôi, kêu khóc rối bời. Tri phủ nhất định không nhận, thoái thác là bận việc nhà. Dân kêu :

— Cưới vợ cho con là việc nhỏ. Làm tri phủ giữa lúc dầu sôi, lửa bỏng này phải lo cho dân là việc lớn. Quan là cha mẹ dân, không dẫn dắt dân đi thì ai dẫn dắt.

— Tôi không đi được. Đó không phải là phận sự của tôi.

Dân chúng nồi nóng ùa vào :

— Mời quan phải đi.

— Tôi không đi.

— Quan khỏi phải đi, cứ ngồi lên xe cho nó kéo.

— Không có người kéo xe.

---

(2) *Một phần của đoạn này là theo lời thuật của ông Lương trọng Hối, cử nhân, trên 80 tuổi.*

— Lính đâu ? Ăn lương đề làm gì ?

— Lính sợ quá trốn cả rồi.

Quả thật, lính trốn hết.

— Lính trốn rồi thì có dân kéo. Quan cứ lên xe.

— Tôi không lên.

— Quan không lên cũng không được.

— Tôi nhất định ở lại phủ. Trọng trách của tôi là giữ phủ.

— Trọng trách của quan là đây nè !

Nhiều người khỏe mạnh nhẩy lên công đường, dở bồng viên tri phủ, bồng lọt trong tay như bồng người bệnh nặng, vứt vào trong xe. Kiếm không ra lính, một người dân chịu kéo xe. Đoàn biều tình dẫn xuống ngã Hội An. Tám ngàn (1) dân ùa theo như kiến. Loa vang khắp chốn : « Tri phủ đã đầu hàng ! Tri phủ đã chịu dẫn dân đi xin xâu ! »

Tri phủ ngồi run lập cập trong xe. Nguyễn tăng Côn tức thông Cào (Huỳnh thúc Kháng ghi Cao) là một giáo viên của Phong Trào, lấy ba toong đập vào mắt cá tri phủ, hỏi :

— Từ nay quan còn ăn hối lộ nữa thôi !

Dân chúng khoái chí cười ầm ĩ ; cái xe đưa viên tri phủ lắc lư trên đường đá lởm chởm.

Nhưng không ai ngờ viên đề lại của phủ đã lén xuống tòa báo tin trước. Lập tức công sứ gọi thiếu Úy Sogny (sau là một viên mật thám đầu sỏ vang danh ở Trung Việt ; giỏi quốc ngữ, thông chữ Hán) dẫn một đạo

(1) *Con số do một bài văn tế cho biết (xem sau)*

binh trong trại lên chặn đoàn biểu tình, không cho tràn ngập thành phố vì sợ có thể gây ra một cuộc bạo động thực sự khi họ đã dám bắt tri phủ theo làm con tin.

Xáp mặt nhau ở bến đò dẫn xuống phố thuộc địa phận Phú Chiêm, lính dàn hàng ngang, chĩa súng ra lệnh cho dân dừng lại. Sogny mời công sứ tới ; công sứ hỏi :

— Dân chúng muốn kêu ca gì, thỉnh nguyện điều gì, cứ trình bày. Quan lớn sẽ đệ ra Hà nội xin quan toàn quyền chấp thuận ngay cho. Bây giờ ngồi tất cả xuống đi. Ai muốn thỉnh nguyện điều gì, cứ nói.

Yên lặng. Tám ngàn người nhìn nhau rồi ngồi xuống.

Lập tức, lính vây chung quanh và bộ mặt man trá nhất của thực dân bày ra. Chúng lấy roi, gậy, báng súng đập lên đầu, lên cổ dân tơi bời. Dân vùng lên, bỏ chạy đụng đâu tung tới đó. Súng nổ. Tri phủ thoát được. Một số dân nhảy xuống sông chết đuối. Lính ùa theo những người cầm đầu, những tay ra vẻ sĩ phu, lý hương, tóm bắt hết.

Cuộc đàn áp đẫm máu chấm dứt.

Luật giới nghiêm lập tức được ban bố. Các đạo dân phu làm đường phải rút về. Quân đội được tăng cường cho các phủ huyện với hiệu lệnh mới.

Tuy dân tẩu tán hết, nhưng trong đêm ấy, họ lại tập họp, lặn xuống sông vớt hai người chết đuối lên. Một đám táng long trọng diễn ra trong bóng tối âm u. Những liễn đối cũng được uy nghi treo lên hai bên phần mộ. Một cặp thẻ tre cắm nơi đầu mộ, có viết đôi câu đối rất hay tập theo cổ thi :

Trù trướng khê đầu tòng thử biệt,
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

Ông Hà Ngại dịch :

« *Thương xót đầu khe người thiệt mạng*
Căm hờn giòng nước khách qua đường. »

Bài văn tế người chết đuối cũng được công bố trong dân gian, giọng hằn học căm hờn thuế má quá nặng đến đỗi :

Chó ăn cả lông,
Cây đào tận gốc...
Không tiền mua lược,
Nên đầu ông trọc.
Không tiền mua vải
Nên áo ông cụt.

Bài văn tế xác nhận số dân vô cùng đông đảo :

Rủ nhau xin xâu
Tám nghìn chen chúc

Dầu sống cũng chiến đấu, dù chết cũng chiến đấu và chiến đấu trong tinh thần Duy Tân, như chưa bao giờ có một bài văn tế nào lạ lùng như thế được viết trước đó :

Hồn ông đi đâu ?
Xiêm La, Bàn Cốc,
Thượng Hải, Hoành Tân.
Ấn Độ, Thiên Trúc ?
Lớn hóa làm tàu bay,
Nhỏ hóa làm súng lục.

Phơi phới trên từng mây !
Để chờ cơn báo phục.

Trong bài này có chữ Tàu bay, tôi không hiểu ý nói gì vì thời ấy chưa có tàu bay, ít ra là ở bên ta. Không rõ lúc ấy đã nghe đồn với nhau như thế nào về loại cơ khí mới mẻ này (1).

Một bài văn tế truy điệu Huỳnh Tâm, theo truyền văn bảo là của Trương văn Tuần, một nông dân ở Điện Bàn (Bà Song Thu sao lục)

Bài ấy có một giá trị chống thực dân rất mạnh :

Khốn vì dân tộc yếu hèn, mắc phải Lãng sa đô hộ.
Mang chiêu bài khai hóa, thực chất xâm lược cường quyền.
Bộ mặt thực dân, một bước không cho tiến bộ.
Hăm lăm triệu chẳng ít, than trời đất, tủi giống nòi.
Bốn mươi năm lại đây, hồ non sông, rầu cây cỏ.
Dân tỉnh Quảng Nam, từ năm Bính Ngọ
Xâu ngũ nhật, công sưu công ích, đường trường làm tột núi cao.
Thuế bách phân gia ngũ, gia tam, đủ ngón vét từng xu nhỏ.

Đoạn sau cho biết rõ thêm hoàn cảnh của dân trong năm ấy :

---

(1) *Nhiều người lẫn lộn câu này của Tôn thọ Tường :*
Mây tuôn đen kịt khói tàu bay. Ấy là khói của tàu thủy bay, *chứ không phải* tàu bay. *Thời ấy làm gì có tàu bay !*

Mãi đến Xuân này,
Cực đà đến chỗ.
Ra tết, trời làm tai biến, hạn hán tiêu khô ;
Nhiều nơi đất chịu bỏ hoang, dân tình đói khổ.
Tre nếu còn thấy lá xanh
Tòa sứ đã ra trát đỏ.
Thuế nạp cho mau
Tiền xâu bắt đủ.

Sau đoạn than thở vì thuế nặng xâu cao, còn trình bày những công tác địa phương rất tỉ mỉ :

Lấy đá Ngũ hành sơn
Đắp đường thiên lý lộ.
Mở đường các huyện cho tòa tỉnh đi xe ;
Làm sở Bà Nà cho người Tây hứng gió.

Tác giả kể bao nhiêu những hình phạt mà dân phải chịu, rồi chịu không nổi phải tìm cách bày tỏ cho quan trên :

Mong lượng trên soi xét một vài, bởi vậy kéo nhau tới Phố
Có ngờ đâu tòa tỉnh chẳng chấp đơn,
Lại gặp phải sứ quan càng thịnh nộ.
Đập bàn ra lệnh, người đầu đơn bị cò bót bắt giam liền ;
Bắn súng thị oai, người trong cuộc bị lính Tây túm cổ.
Sửng sốt nghe truyền một tiếng, đuổi quá đuổi tà,
Chao ôi ! chưa kịp nửa lời, đánh hơn đánh chó.
Lùi ra đường phố, tức máu sôi anh phải xung phong.

Lại đến Thanh Hà, quên nòi giống lính làm hùm hồ.
Tinh thần kiệt hiệt, thốt mấy lời đanh thép hiên ngang ;
Súng nổ đì đùng, xong mấy loạt ra người thiên cổ (1)

Qua đoạn sau này, ta còn biết thêm là trong cuộc tranh đấu, có những trận *xung phong* của dân chống lại lính và lên đến Thanh Hà (đò Phú Chiêm) dân chúng có dùng những lời lẽ can cường chống lại thực dân và thực dân không chỉ *bắn chỉ thiên* như Huỳnh thúc Kháng kể mà còn bắn chết dân, không rõ mấy người trong đó có Huỳnh Tâm. Tài liệu này còn hé cho ta thấy một sự mới lạ về ngôn ngữ ; trong thời ấy, nhiều từ ngữ và câu văn được dùng mà ta tưởng mới xuất hiện sau 1945 : *chiêu bài khai hóa, thực chất* xâm lược cường quyền, *bộ mặt* thực dân, phải *xung phong*...

Ngoài ra, nói chung ta cũng thấy thêm là cả cuộc biến từ khởi đầu đến kết thúc đều có tổ chức rất đàng hoàng, phương thức tranh đấu đều giống nhau (mời quan phủ, huyện đi xin xâu với dân) chung khẩu hiệu (chống thuế) chung sách lược (vây tòa rồi về vây phủ huyện). Việc tiếp tế cơm nước cho dân tranh đấu rất tích cực. Việc thay thế các quần chúng mỏi mệt được đều đặn. Lạ nhất là sau khi tẩu tán mà chỉ một đêm, xác được vớt, lễ chôn cất cử hành nghiêm trang bi hùng, văn tế rất nhiều mà tuyệt bút có thể lưu văn học sử không thẹn...

(1) *Tài liệu do Nguyễn quyết Thắng sưu tầm.*

Ai tổ chức ? Ai chỉ huy ? Bàn tay bí mật nào thực hiện rập ràng, đầy đủ ?

Với một quần chúng giác ngộ cao về chính trị, có trình độ cao về tổ chức công khai lẫn bí mật, có sức tranh đấu dẻo dai (biểu trình suốt tháng) mà những nhà chính trị sau này của học thuyết Dân Chủ không tiếp tục thực hiện nổi sứ mệnh của mình thì quả nhiên họ cam chịu thất bại, chứ không phải quần chúng. Quần chúng chờ đợi và khi có những người gan dạ, trì chí kêu gọi, tự nhiên họ sẽ theo hướng khác.

***

Lần vùng dậy cuối cùng này của Điện Bàn bị dập tắt.

Ông Ích Đường lên đoạn đầu đài.

KHỦNG BỐ TRẮNG

BẮT đầu cuộc đàn áp, vây bắt truy nã các thân sĩ có liên quan ít nhiều tới Phong Trào Duy Tân. Huỳnh thúc Kháng hồi đó đang ra Hội An kêu gọi Công Ty lập thương hội, nghe nói nhiều thân sĩ đã bị bắt nên quay về nhà chờ.

Cuộc vây bắt « *một chàng thư sinh tay trơn chân trần phải dùng một đề đốc Tỉnh, hai quan Đồn binh lại đèo hai chục lính tập, chia đường lục tục kéo đến xem tôi như một lãnh tụ dân đảng nào, một địch tướng, phòng có việc gì xảy ra bất trắc chăng* », (Tự truyện 29). Lý do bị bắt ra sao, Huỳnh thúc Kháng cũng không bao giờ được nghe nói cho rõ. Nhưng đại khái chắc không ngoài những lời mà viên Đại Lý Pháp ở Tam Kỳ bảo với ông :

— « *Ông đã biết quan Công sứ gọi về việc gì chăng ? (Do thông ngôn nói lại).*

Tôi nói một cách thản nhiên :

— *Không biết gì cả.*

Ông nói :

— *Ông là hàng khoa giáp của An Nam ; sĩ dân trong tỉnh đều suy phục. Ông thường đi các nơi diễn thuyết, đề xướng dân quyền. Nay hạt dân dấy loạn, kéo nhau cự sưu,*

trong số có đồ đệ của ông theo xúi giục, quan Sứ triệu ông cũng vì cớ ấy».

Tôi nói :

— Việc tôi diễn thuyết là việc trước tai mắt trăm ngàn người. Vấn đề diễn giảng không ngoài việc tỉnh xa sùng kiệm khai trí trị sinh, cùng bỏ cái học khoa cử, cổ lệ Âu Hóa, tuyệt không có việc dẫn người làm việc phạm thượng vi pháp. Ngày nay nhân dân xin xâu, chỉ vì bần khổ bức xúc cùng bị quan lại tham nhũng bức hiếp, không nơi kêu thấu, họ làm thế chỉ là kêu oan, tôi có dự vào việc ấy làm gì ?

Ông nói :

— Đúng rồi, ông diễn thuyết đều là việc khai hóa mà có bọn nghe lầm, làm sai, nay thành ra việc không hay như thế ; ở Điện Bàn, Thăng Bình đều có tấn kịch tụ tập vây phủ, bức bách quan, chính phủ hiện đã dùng quân pháp trị tội, nay bọn ông lại mở ra các vụ thương quán, học đường đã không chút nào tấn bộ, lại theo đó mà thụt lùi.

Tôi nói :

— Việc ấy do nhà đương đạo chính trị lưu tâm minh sát, nghiêm trị kẻ xướng loạn ; bằng cứ nhân đó mà làm hại tới các việc thương, việc học, thế chẳng phải sái tôn chỉ khai hóa của chính phủ lắm sao ?

Ông nói :

— Tôi chẳng phải nhà diễn thuyết, và đây chẳng phải nơi diễn đàn. Ông đến gặp quan sứ Hội An để bày tỏ thì hơn.

(*Tự truyện trang 30*)

Xuống Hội An, lẽ tất nhiên ông sẽ không bao giờ gặp công sứ, mà bị dẫn vào phòng nhà binh « *chành* » *một tiếng cánh cửa đóng kín ! Tôi mới biết đây là bóp giam tù. Đấy là ngày đầu tiên, tôi bước vào trường học thiên nhiên.*

Ngày hôm sau Huỳnh thúc Kháng được gặp người quen, khi viên cai ngục mở cửa : *ở phòng đối diện, có một người sắc mặt sầm sậm. Ai quen ? Té ra Tiểu La Nguyễn Thành (Triết Phu). Hai bên ngó nhau cười.* »

Những thân sĩ khác đã vào tù hoặc lần lượt vào tù. Trong đám người bị bắt, Châu thượng Văn đã là người *tự hy sinh* trước hết bằng một tinh thần và một cái chết can cường, làm rung động hết giới sĩ phu.

Ông hiệu Thơ Đồng, người Minh Thương (Hội An) bạn thiết của Tiểu La, nhà ở giữa thành phố. Chính nhờ ông mà nhân sĩ Nam Bắc vào Quảng Nam có chỗ ăn ở mà thơ từ ngoài thông tin tức cho Tiểu La cũng qua tay ông. Khi xảy ra dân biến, ông bị bắt, bị giam. Lập tức ông tuyệt thực. Đối với tất cả câu hỏi của quan Tây, quan ta đều khẳng khái nhận chịu :

— Người nước (Việt) sang Nhật Bản và hạt dân xin thuế, chính tôi là một người chủ mưu, không ai dám dự vào cả.

Tòa Nam An kết án chung thân đày Lao Bảo. Liên tiếp 20 ngày tuyệt thực, không một hạt cơm vào miệng, mỗi ngày chỉ uống vài chén nước trà loãng do người con đem vào thôi.

« *Nghe Châu quân nhịn ăn lâu ngày, tôi định không*

thể sống được, (Châu quân đã giải lên tỉnh mà tôi cùng Tiểu La tiên sanh còn giam ở ngục Faifo (Hội An). Bỗng một ngày nọ, 11 giờ cánh cửa phòng giam tôi bỗng mở toang, có mấy người lính tập dẫn 5,6 người tù vào, có 2 người dân võng 1 người đau vào, cùng giam vào phòng tôi. Hỏi thì họ nói bị đày đi Lao Bảo, gởi giam tạm buổi mai, đợi chiều lên xe hỏa (. . .)

Sau lính ra, cửa khóa rồi, tôi nhìn thấy người bệnh kia mặt đen như than, tay chân như ống quyển, hai mắt nhắm khít, không còn là hình dạng người, hơi thở như sợi tơ, chừng như muốn tắt nghỉ, trong lòng cảm động, lại gần nhìn kỹ một chặp lâu mới nhận ra, thì không phải người lạ mà chính là Châu Thơ Đồng tiên sinh ! Mà ốm o gần chết vì đã tuyệt thực trên 20 ngày nay.

Tôi gọi thử :

— Châu tiên sanh ! Châu tiên sanh ! Còn nhìn biết tôi là ai không ?

Khi ấy Châu quân mở hai mắt, nhìn tôi một chốc lâu rồi nói nhỏ trong cổ :

— Minh viên quân, tôi làm cái dễ, còn anh em gắng gánh lấy cái khó.

Nói rồi nhắm mắt lại như cây khô vậy.

Hai giờ chiều bữa ấy, Châu quân bị bồng lên võng chở ra hỏa xa cùng đi với bọn tù kia. Đến Huế thì Châu quân chết trong lao phủ Thừa.

Bị giam trong ngục mà nhịn ăn, từ Thánh cam Địa Ấn Độ về sau, nhiều nơi bắt chước đã thành việc cơm bữa không

lạ gì. Nhưng Châu quân lại trước Cam Địa và nhất định tuyệt thực đến chết, cao hơn Thánh hùng Cam địa một bậc nhỉ!

(T.T.T.T. trang 21, và 22).

Có nhiều câu đối khóc Châu thượng Văn, nhưng chỉ có câu đối sau này có ý nghĩa hơn hết của Trần cao Vân. Ý nghĩa không chỉ bởi nội dung cao sâu mà còn bởi dám hẹn hò :

Ngã bất nan xả sanh, nại hà tai Trung Thiên dịch sơ khai, Dũ lý thất niên tiền vị diễn.

Quân nãi năng tựu nghĩa, nan đắc giả vạn thế kinh độc thủ, Thú dương thiên tải hậu do (1) văn.

Huỳnh thúc Kháng dịch :

Ta có tiếc sống đâu, ngặt vì dịch Trung thiên mới mở đầu, Dũ lý bảy năm chưa kịp diễn (2).

Người hẳn theo nghĩa đấy, khó nhất kinh muôn đời hay giữ chắc, Thú dương ngàn thuở vẫn còn nghe (3).

***

Sau đó là cái chết vô cùng hãi hùng mà cũng hào hùng của Trần quí Cáp.

---

(1) Bản in đề sai là dụ.

(2) Trần có diễn bộ sách DỊCH gọi là Trung Thiên dịch tự sánh với dịch Thiên tiên (chắc lộn : Tiên Thiên ?) của Phục Hy, dịch Hậu Thiên của Văn Vương cũng bạo gan nhỉ! Người tầm thường đâu có gan ấy. — Dũ Lý là tên ngục mà vua Văn Vương bị giam và làm kinh dịch trong ấy (HTK chú).

(3) Thú Dương là núi mà Bá Di, Thúc Tề không ăn cơm nhà Châu, chịu chết.

Trần quí Cáp bị đổi vào Khánh Hòa đầu tháng giêng 1908 đến cuối tháng hai ở Quảng Nam mới nổ ra vụ kháng thuế. Ông không can dự vào việc xin xâu. Hiện tôi có một số tài liệu của nhiều tác giả khác nhau nói về cái án đó. Riêng ông Phan châu Trinh trong *Trung Kỳ Dân Biến thỉ mạt ký* đưa cho Toàn quyền Đông dương lúc ấy (1911) đang ở Pháp và thượng thơ thuộc địa Pháp để kêu oan (tên chữ Pháp : Mani-festations de 1908 en Annam) có trình bày một cách thống thiết, sắc bén, đanh thép, hùng hồn những sai lầm, tàn bạo, vô loại của cái án ấy gồm có :

a- Cái án ấy có tám điều oan.

b- Cái án ấy là gian dối và vì sao mà gian dối.

Trong bản án, có rất nhiều điều uẩn khúc mà Phan châu Trinh đã phanh phui để vạch mặt chỉ tên cả bè lũ quan lại tham nhũng, tàn bạo Nam triều và thực dân Pháp kết cấu với nhau giống như loài lang bối, con thì chân trước ngắn, sau dài, con thì trước dài, sau ngắn phải nương nhau mà đi để tàn hại dân nước Việt Nam. Tôi rất ngạc nhiên là một bản án như thế, một bài văn biện hộ danh tiếng như thế mà không được ai ở Việt Nam chú ý. Tôi mong sẽ có dịp công bố để bạn đọc biết thêm một khía cạnh thiên tài của Phan châu Trinh : biện hộ, dù ông không hề là luật sư (1). Tóm lại, người ta thường cho cái án của Trần quí Cáp là rất oan. Và để trưng bằng

---

(1) *Xin đón xem hai tập : Tiền phong trào và hậu phong trào Duy Tân của cùng tác giả, đang soạn.*

cớ giết ông, Bố Chánh Nguyễn văn Mại, Án sát Phạm ngọc Quát đã vin vào một lá thư của ông mà kết án. Nguyên lúc bấy giờ Trần văn Thống làm tri phủ Điện Bàn vốn có tư thù với Trần quí Cáp về bài thơ *cái trống* nên đã xui sử việc đổi ông vào Khánh Hòa. Sau đó Thống bị dân Phủ Điện làm nhục quá thể trong việc xin xâu nên khi dẫn lính đến lục soát nhà Cử nhân Phan thúc Duyên, làng Phong Thử, bắt được lá thư của ông Trần quí Cáp mới gởi về, liền gởi ngay vào cho quan tỉnh Khánh Hòa kết tội. Thư ấy chỉ có câu : « Cận văn ngô Châu thử cử, khoái thậm ! khoái thậm !

Dịch : Gần đây được nghe tỉnh ta cử hành việc ấy sướng lắm, sướng lắm !

Các quan tỉnh gạn mãi, ông khảng khái nói :

— *Tôi chỉ đem sở học nhi hành để mong dìu dắt cho dân khôn nước mạnh, nay dân trí như vậy là đã khá cao do lòng định liệu cho tương lai mình ; cho vận mệnh nước nhà đó. Tôi có tội tình gì, dân có tội tình gì.*

. . . .

Trong bản xử, chúng tự rằng : thế phát (cúp tóc) Âu trang (mặc đồ tây) là mưu vãng tha quốc (mưu ra nước ngoài) bội nghịch đích tình, ghép vào tội bất trung, bất hiếu mà xử tiên sinh về hình lăng trì (xẻo một trăm miếng thịt).

Tòa khâm sứ Huế nhận được bản án bằng điền về Pháp xin giảm một bực là xử quyết thì hội Nhân quyền bên Pháp điền qua trả lời bảo phải hoãn lại, nhưng khi quan

tỉnh Khánh Hòa tiếp được bức điện trả lời của tòa khâm thì bọn Bố Mại, án Quát đã đem tiên sinh hành hình rồi.

(*Tiểu sử TQC trang 17,18*).

Người ta gọi cái án ấy là « Mạc tu hữu », không cần có tội danh gì ; án Tần Cối đã dùng để giết Nhạc Phi ngày xưa.

Nhớ khi Ông ra tới Trường chém, dao đã kề cổ, còn thung dung xin với quan giám trảm, cho đặt án đốt hương, áo mão nghiêm trang, bái tạ quốc dân ngũ bái, rồi khẳng khái tựu hình, sắc mặt in như khi nhóm trò giảng sách.

(*Phan bội Châu, Thi văn quốc cấm trang 390*)

Cái chết của Trần quí Cáp gây một xúc động mãnh liệt như chưa từng thấy. Người ta đã nói nhiều về nỗi oan của Trần quí Cáp và những kẻ giết ông đều vì thù riêng. Nhưng theo chỗ tôi nghĩ thì trong các tay lãnh tụ Duy Tân ở Quảng Nam, Trần quí Cáp lợi hại hơn hết và cũng đã từng có sự hợp tác bí mật với Nguyễn Thành cũng như đã từng có ý định xuất ngoại . . . Nhiều người biết mà chính Huỳnh thúc Kháng cũng có điếu ông bài thi với câu : (dịch)

Bồng Đảo gió chưa đưa giấc mộng.

Vậy giết ông, những kẻ cầm quyền muốn nhân cơ hội dứt một hậu hoạn mà chúng ngày đêm lo sợ hơn là vì những lý do khác, đồng thời chúng trả được thù riêng !

*
* *

Phan châu Trinh bị bắt từ Hà Nội giải về Kinh, giam ở Hộ Thành vì ông tuyệt thực mấy ngày rồi. Cường quyền lập hội đồng vấn xử có cả quan Tây Nam.

Các câu hỏi ông đều giải đáp khúc chiết, rành mạch. Khi đổ tội dân biến — chống thuế — cho Ông, Ông nói :

— *Các ngài ngồi lên đầu dân lại ăn lộc nước mỗi ông một tháng hoặc bốn tháng, năm trăm đồng, hoặc hai ba trăm đồng, dưới nữa cũng một trăm, tám chín chục, bổng ấy không phải là máu mủ của dân sao ? Thế mà cứ ngồi ăn lịt, không lo vì dân mở đường sinh kế, toan việc công lợi, để cho nó cùng vô sở xuất, không biết lấy chi nộp thuế mà rủ nhau đi làm hạ sách đi yêu cầu như thế, ấy là cựu các ngài, các ngài đã không biết tội thì chớ, lại đổ cho người khác sao ?*

Các quan giận lắm, muốn kết án tử hình, quan Tây không chịu (nghe đâu có hội Bảo Trợ Nhân Quyền bênh vực và cũng có một ông quan Nam không ký tên) mới giảm đẳng kêu án xử tử phát Côn Lôn ngộ xá bất nguyên (gặp dịp ân xá không được hưởng) (1).

(G.N.K.N. trang IIV)

Một bữa có người đội và hai người lính vào nhà giam, xem xét xiềng gông, khóa tay cụ rồi dẫn ra cửa ngục. Cụ định chắc là dẫn đi chém. Theo lệ, phàm tù trọng tội xử tử dẫn ra cửa Bắc (của An Hòa). Nay lại dẫn ra cửa Nam. Cụ hỏi thì người đội trả lời : Anh bị đày đi Côn Lôn. Cụ liền khẩu chiếm bài thi :

---

(1) *Như Huỳnh thúc Kháng, Phan thúc Duyên.*

Luy luy già tỏa xuất đô môn,
Khảng khái bi ca thiệt thượng tồn.
Quốc thổ trầm luân, dân tộc tụy,
Nam nhi hà sự phạ Côn Lôn.

Huỳnh thúc Kháng dịch :

Xiềng gông cà kệ biệt Đô môn.
Khẳng khái ngâm nga lưỡi vẫn còn.
Đất nước đắm chìm, nòi giống mỏn,
Thân trai nào sợ cái Côn Lôn

(*TTTT trang 11, 12*)

Bài thơ ấy sau này tù nhân được đọc trong các nhà lao,cảm thấy phấn khởi lạ lùng ngay trong cảnh bi đát nhất.

Phan châu Trinh sẽ được một vinh dự lịch sử không ai tranh nổi với ông : đứng tên đầu trong quyển sổ tù ở Côn Lôn.

Ông ra đấy ít lâu sau, các tù nhân khác mới tiếp tục ra theo.

* * *

Vì không nắm được những bằng cớ thật chắc chắn nên các quan tòa Nam triều phải dựa vào lời khai của Ngụy tác Hạ, tàn tướng của Phan đình Phùng, vừa nghiện, vừa có nghề làm thuốc phiện tuyệt giỏi. Lúc bắt được Hạ, Cao Ngọc Lễ,án sát Hà Tĩnh dọa dẫm thì y không sợ, nhưng khi cho ăn hút thật nhiều vào thì Hạ khoái chí. Trước bàn đèn, Hạ ta hăm hở nói : « Sĩ phu nước Nam mưu ra sao, tôi đều biết cả ». Từ đó về sau Cao ngọc Lễ dùng Hạ để buộc y phải khai là Ngô đức Kế có thông mưu với Phan bội Châu :

Hôm sau là ngày đem ông Tiến Sĩ đối chứng với tên Hạ, lại mời Công Sứ thân đến xét hỏi. Công Sứ nghe nói, trong lòng cũng khen tài. Không ngờ khi Công Sứ hỏi, thì tên ấy nhứt nhứt trả lời y như án sát dặn, Công Sứ cũng bảo làm bản cung, cũng mừng lắm, nhưng khi công sứ bảo nó lại gần hỏi nó sao mà biết được thì nó trả lời rằng : « đó đều là những lời án sát bảo nói ». Công Sứ giận lắm mắng rằng : « Nếu quả án sát đã bảo, thì sao mày lại nghe theo ? ». Nó trả lời : « không nghe thì không có thuốc phiện để hút, lại không có rượu thịt ». Công sứ nạt rằng : « Mày đã nghe theo, sao nay lại phản cung ? ». Nó nói : « Sợ vu chúng thì làm cho người ta chết oan ». Quan của hai nước không biết làm sao, chỉ đem nó giam lại thôi, nhưng nó không vợ con, không nhà cửa, thì dầu ở địa ngục, nó cũng xem như thiên đàng vậy.

Từ đó về sau, phàm án tử hình của thân sĩ Trung Kỳ, đều nói cứ theo lời khai của tên Hạ làm chứng mà không lục ra lời khai thế nào, lại không dẫn nó đối chứng nữa ».

(Trung Kỳ Dân biến 20)

Những lời khai vu vơ của một tàn tướng nghiện ở tại Hà Tĩnh đủ cho các quan Nam triều có tài liệu để ghép các thân sĩ Quảng Nam tội giao thiệp với Phan bội Châu « Theo đảng bội quốc, ngầm thông nước ngoài để xướng Dân quyền kết án đày Côn Lôn (Bản án này có ghi trên nhiều sách, do Huỳnh thúc Kháng thuê người chép lại khi còn bị giam ở ngục Quảng Nam) ». Về *chủ thuyết Dân quyền,* bản án này có nêu ra mấy điểm, thực sự phải nhìn nhận là rất đúng với trào lưu thời ấy.

« Nay xét làm thì có câu « xóa mạ lao lung » gởi thơ có câu « cường quyền duyên tự » mà các bài diễn thuyết đều nêu câu : «lấy yêu đồng bào làm tôn chỉ» (1). Tuy trong cuộc diễn thuyết vẫn nói các chi tiết : « khai trí, trị sanh, tỉnh xa, sàng kiệm », song đại khái lấy đề xướng « dân quyền » làm mục đích, khêu mối bội loạn cho phần đông. Dò xét đến nguồn gốc là do Phan châu Trinh, Huỳnh thúc Kháng đề xướng mà các người kia phụ họa theo. Hiện hạ hạt dân nào đông, hẳn do thuyết dân quyền làm bước đầu mà kích thành cuộc biến này ».

(Vụ kháng thuế (Sđd) trang 378)

Đứng về phương diện nhà luật pháp, kết án mà không cần chứng cớ, không có tang vật, không có lời cung được ký nhận . . . là lối kết án hồ đồ của chính thể chuyên chế, đã vậy mà kết án xong, không tuyên án là lối làm ám muội. Nhưng cái điểm *Dân quyền* được xem là chủ thuyết khởi phát cuộc dân biến *thì phải nhìn nhận không sai.* Nhưng như thế thì phải bắt tội những người Pháp từ dưới lên cho đến Lư Thoa. Nói cách khác, bản án

(1) Phan châu Trinh phê bình bản án : « Lấy điều thân yêu đồng bào làm đầu ». Đọc đến câu này thì càng phải than rằng lòng người nước Nam đã chết mất cả rồi ! Câu nói như thế, dầu hạng chót trong loài người cũng không nói ra, huống chi đường đường là quan lớn ở trên dân ! Than ôi ! Người Nam sao mà thoái thóa mau quá vậy. Thương yêu đồng bào mà phải xử tử, thì ghét đồng bào chắc có công to, mà giết nhiều đồng bào chắc nó thưởng lớn ! Có lẽ nào như vậy sao ? Nhưng mà 4, 5 năm nay, ở Trung Kỳ, trên từ Đại Thần, dưới từ quan nhỏ, không ngày nào là không thấy thăng quan tấn tước, nhiều người không hiểu tại sao, nay thì đã biết rõ rồi vậy».

(TKDB. trang 13, 14)

này đánh dấu lần đầu trên lịch sử Việt Nam *một bước rẽ cực kỳ quan trọng của triết học, của ý thức hệ và chính trị*. và đây còn hiểu không phải chỉ có tư thù của cá nhân với cá nhân mà là tập đoàn mãi quốc kết án những nhà ái quốc vì sợ bị tiêu diệt, tập đoàn bảo vệ ý thức hệ cũ, chống ý thức hệ mới, học thuyết mới sợ tràn ngập sẽ làm cho họ mất chân đứng trên mọi địa hạt.

***

Nhưng chắc chắn không có gì cản nổi bánh xe tiến hóa của lịch sử.

Đám sĩ phu bị bắt, ngoài các lãnh tụ nói trên còn có : Nguyễn Thành (Tiểu La) Lê bá Trinh, Trương bá Huy bị án đánh trăm roi, đày ba ngàn dặm khổ sai chín năm (sau đổi bảy năm). Chín năm giam lại ở tỉnh như Châu Chế (có tội vì đi đồng thuyền với Trần quí Cáp) Tư Cán (vì tội dạy thể thao). Trần cao Vân bị giải vào Bình Định sau mới kết án chung thân đày Côn Lôn, Tú Dương, Hương Cảnh, Hương Quản cũng đày ra Côn Lôn. Còn hạng những người như Lê Cơ, các giáo sư v.v... bị án hai ba năm không biết bao nhiêu (1) chưa kể những người như Thông Cào, Dương Thưởng v. v... bị đày ra Lao Bảo.

Số học sinh từ Quảng Nam ra học Pháp Văn ở Hà nội (chắc là tại Đông Kinh Nghĩa Thục) hơn mười người, có Cử nhân Nguyễn bá Trác, Tú tài Phan Khôi, Nguyễn Mai . . . đều được điện sức về. Ai về thì đều bị làm án. Nguyễn bá Trác trốn đi ngoại quốc (sau về đầu thú,

(1) *Theo Phan châu Trinh trên một trăm án từ hai đến ba năm.*

hợp tác với Phạm Quỳnh mở Nam Phong Tạp Chí) cha ông bị bắt, nhà cửa đang giàu có, đồ ra nghèo xác xơ.

***

Sau khi bắt người rồi thì đến giải tán các cơ sở của Phong Trào.

a) Giải tán hội buôn tại Hội An, do ông Bang kỳ Lam (Nguyễn Toản) và ông Phan thúc Duyên làm chủ. Ông Duyên bị xử tử đày Côn Lôn, ông Toản 70 tuổi được miễn nghị. Tiền thì chiếu theo sổ sách trả lại cho chủ hùn, còn người hùn vốn thì từ thân sĩ đến các nhà giàu đều bị kết án khổ sai từ ba tháng đến ba năm. Cũng có khi bắt tội cả vợ hay cha chủ hùn nữa (2). Khi trả cổ phần thì mỗi cổ phần là 50 đồng, (hồi đó là số tiền rất to, gọi là bạc *gói*) chỉ trả chừng 5, 6 đồng. Nhưng chủ hùn đang bị bắt nào dám nói chi, hoặc không dám lãnh, chỉ ký *khống* là đã nhận rồi. Bọn quan lại mặc sức làm giàu. Còn những hàng hóa trong cửa hiệu đều bị chúng chia tay nhau, tan tành hết.

b) Phá trường học và các tổ chức khác do thân sĩ lập ra :

Theo Phan châu Trinh thì xã nào có lập trường học thì sức ngay quan binh khố xanh người Pháp, dẫn trên 20 lính, hiệp với quan tỉnh người Nam đến tại chỗ hủy phá đuổi bắt như là vào trận giặc lớn vậy. Ông có kể vài vụ tiêu biểu :

Làng Tây Lộc (Làng Phan châu Trinh) trường Pháp

---

(2) Thế còn Công sứ và các quan Nam có phần hùn thì sao ?

và Hán do một giáo sư dạy, trên 40 học trò. « Bảo học trò ra *chỗ tập thể thao, thao diễn thử một lượt. Quan binh mang gươm trợn mắt đứng xem. Thình lình tay đánh, chân đá giáo sư ngã quỵ xuống đất, nạt lính trói xấp ké hai tay dắt đi ra (...) Lại bắt người anh con nhà bác của tôi là ông Phan Khải, 60 tuổi, bắt người phu trường (...) cùng với hai giáo sư cột chung một giây, khiến lính tập lôi chạy, rồi theo sau đánh đập túi bụi như lùa bầy trâu dê. Từ đó đến tỉnh phải đi bộ một ngày đường, đương lúc trời nắng gắt gao đầu không cho đội nón, chân không cho mang dép guốc, đói khát không cho ăn uống. Ôi! độc ác biết bao! Sau Phan Khải bị án khổ sai một năm, mỗi giáo sư bị tù ba năm*».

Sau làng Tây Lộc, tác giả có kể thêm trường hợp những làng Phú Lâm của Lê Cơ, giáo sư ba đàn ông và một đàn bà. « *Quan binh liền hủy phá trường học, hoặc lấy làm chuồng ngựa, hoặc làm phòng trú cho lính, bàn ghế phá chụm hết phần nửa, sau rồi dỡ nhà trường đem làm chỗ khác cho vợ con lính tập ở*». Lê Cơ bị tù ba năm. Đó là những trường hợp Phan Châu Trinh biết chắc chắn vì là trong làng hay ở làng có thân thích.

«*Đây tôi chỉ kể mấy việc tôi biết chắc (lính và nhà chức trách nhân cơ hội đánh đập cướp bóc) mà thôi, ngoài ra, phàm xã thôn nào có trường học, lính cũng đóng lại một hai ngày, bắt dân sắm ăn uống, nói là bắt phạt, cướp nhiễu cũng nhiều, không thể kể xiết. Tình hình đó, tỉnh nào có trường học thì cũng đều có như vậy cả, nhất là ở Nghệ An, Hà Tĩnh lại càng dữ hơn*».

Việc phá trường và các cơ sở khác sở dĩ tiến hành mạnh như thế là thực dân và quan lại Nam triều muốn nhân cơ hội phá tan những mầm mống của một lực lượng dân chúng hùng mạnh đang bắt đầu kết tụ lại một cách khoa học, có phương pháp, có lãnh đạo, có hướng tiến. Vả chăng, dù muốn hay không, khi quan lại Pháp sang thuộc địa họ cũng đều biết chắc chắn là không bao giờ nên để cho quần chúng giác ngộ, đoàn kết... Một số trí thức, dù hàng trăm người đứng dậy la hét, phản đối ồn ào mà không có quần chúng hưởng ứng thì cũng như tiếng kêu trong sa mạc. Mà khi quần chúng bắt đầu đứng lên, tập họp thành khối là bắt đầu có sự tranh đấu khó khăn, gian lao, nguy hiểm. Nhất là khi quần chúng đó được những trí thức can đảm đứng ra lãnh đạo nữa thì sức mạnh, sức phát triển sâu rộng sẽ không thể nào lường trước được. Phong trào Duy Tân Quảng Nam khi đã đi sâu vào dân chúng và dân chúng muốn biến các lý thuyết trừu tượng thành hành động cụ thể là muốn có một kết hợp chặt chẽ giữa sĩ phu lãnh đạo và quần chúng để thử thí nghiệm quyết liệt chủ thuyết Dân Quyền trên đường lối tranh đấu bất bạo động sau khi thu được vài thắng lợi trong các cuộc tranh đấu hợp pháp khác. Nhưng cuộc tranh đấu này lại đụng vô chính *cuống họng của vấn đề* nên bị phản ứng dữ dội, đồng thời theo đó, người Pháp biết là đến lúc Duy Tân đã từ sĩ phu xuống quần chúng, giờ báo nguy đã điểm nên chúng lồng lộn, đàn áp điên cuồng, chấp nhận hết tất cả những lối trừng trị, trả thù tàn bạo, vô loại của bè lũ phong kiến, cốt

đề nhổ cỏ nhổ cho tới gốc. Chính Khâm sứ Trung Kỳ, bình nhật đối với sĩ phu khá tử tế, thế mà lần này « đánh điện sức các tỉnh trừng trị thẳng tay » (1) chém ngay một Tiến sĩ Giáo thọ, giam hết thân sĩ, bắn bỏ những người chống đối, các lãnh tụ của dân... Cuộc khủng bố ấy lẽ tất nhiên sẽ tràn nhập cả Trung Việt, nơi nào Phong Trào Duy Tân tràn đến, nơi nào có cái đầu cắt tóc (Tân văn hóa) và có lời kêu gọi xin sưu (Dân Quyền) !

« *Bao nhiêu người cúp bắt không có chừa* »

(Vè xin xâu)

Những trang lịch sử vĩ đại từ căn cứ địa bị càn quét dang dở lần đến các tỉnh dọc dãy Trường sơn. Và Định Mệnh của *Thượng đế Pháp* muốn rằng cả hai Phong Trào Duy Tân và Quang Phục vốn căn bản càng ngày càng tách rời nhau thì bây giờ càng xích lại gần nhau : người chết dưới chung lưỡi dao và người sống sẽ đoàn viên nếu không ở tại côn đảo Côn Lôn thì tại rừng sâu Lao Bảo.

---

(1) Riêng ông Gạc Nhe Công sứ Bình Thuận không chịu thừa hành chống lại lịnh khâm sứ, không hủy trường học, phá hội buôn, bắt thân sĩ. (Do đó Công Ty Liên Thành còn ?).

(theo P.C. Trinh)

DỌC THEO DÃY TRƯỜNG SƠN ĐẾN HÀ NỘI

QUẢNG Ngãi là tỉnh giáp giới Quảng Nam nên khi những người ra buôn bán ở Hội An mang tin về, lập tức nhân dân đứng dậy.

Chúng ta chưa quên lúc Phan châu Trinh ở Nam về đã ghé và thuyết phục Lê Khiết ra sao. Còn nhiều nhân vật khác không rõ ông đã nắm được những ai, rồi họ liên lạc với Phong Trào Quảng Nam ra sao, như Cử Sụy, (1) Cử Quảng, Cử Cần, Nguyễn bá Loan, (2) Tú

(1) Có lẽ là Cử Thụy hay Nguyễn Thụy (1878-1916) Thôn Hồ Tiếu, xã Tư Nguyên, quận Tư Nghĩa, Quảng Nghĩa đỗ cử nhân 1903 sau vụ kháng thuế, bị lưu đày tại Côn Lôn. Ông là người có sáng kiến dùng điệu ca Huế để đặt những bài ca tuyên truyền cho quần chúng sáu phủ huyện Quảng Nghĩa hăng hái theo Dân Quyền, như bài sau đây :

. . . Anh em ta thảy cả
Xin khuyến ngã.
Khuyến ngã *dân quyền,*
Răng rứa chứ không khai trí hóa.
Sao cho khá với người,
Để tiếng cười. →

Phạm, Cao Chẩm. Ở Quảng Ngãi cũng có nhiều người từng xuất dương theo Phan sào Nam.

Trước hết, dân chúng tụ tập quanh tỉnh và các phủ huyện. Có một số người ở Quảng Nam mang kéo, lược vào truyền nhau cúp tóc xin xâu. Phong Trào lan rộng, vây tòa sứ. Công Sứ bảo :

— Chúng mày muốn làm cách mạng thì phải đợi vài mươi năm nữa sẽ làm còn nay thì chỉ tìm đến chỗ chết mà thôi (3).

Dân không nghe, cứ hò hét đòi duyệt lại chính sách thuế khóa, làm xâu và lăn xả vào. Công sứ truyền lệnh lính nổ súng. Dân chết và bị thương nhiều lắm. Nhưng dân nhất định không đi. Những người bị thương nằm rên la khắp đường.

Vừa có quan Tây làm thương chánh tới, đi qua chỗ

←

Xấu hổ nghìn năm ...
Nghìn năm lâu dài ai hỡi là ai !
Cũng mất tai trong cõi trần ai.
Sáu phủ huyện anh em ta gắng sức ...

Sau khi ở Côn Đảo về, ông tiếp tục tham gia và lãnh đạo « vụ vua Duy Tân 1916 » tại Quảng Ngãi rồi việc bại, bị chém cùng bảy đồng chí khác, cũng năm ấy.

(Theo Từ Điển 315)

(2) Nguyễn bá Loan : — Con quan Tổng đốc Nguyễn bá Nghi, huyện Mộ Đức Quảng Ngãi.

(3) Lời nói ấy ai ngờ ứng nghiệm ! từ 1930 về sau ở Quảng Ngãi làn sóng cách mạng lên cao, biểu tình phản kháng liên miên.

dân bị thương, đè lên chân một người. Người ấy rên la to lên, tức thì dân ùa tới cản xe, không cho đi nữa. Tây Thương Chánh hỏi họ muốn gì ?

— Nhờ quan lớn vào thành nói với Công sứ là dân nghèo không chịu nổi xâu thuế, đi đến tay không, xin giảm bớt chứ chẳng có ý gì khác. Xin Công sứ thương tình, đừng giết hại kẻ vô tội.

Quan Tây ấy nhận lời và bảo người phu kéo xe đi. Dân nghèo không cho đi, nói rằng :

— Chúng tôi xin giữ xe cho quan lớn, quan lớn vào nói với quan Công sứ được thì khi về chúng tôi sẽ kéo xe cho quan lớn đi.

Tây Thương chánh đành đi bộ vào. Một lát sau thấy Công sứ lên đứng trên thành, bảo người cầm 50 đồng bạc cho dân và ra lệnh phải trả xe cho quan Tây. Dân nghèo đồng thanh kêu to :

— Nay ngoài thành có tới vài ngàn người chết và bị thương, quan Công sứ cho chừng đó tiền không biết dùng làm gì, không dám lấy, chỉ xin đừng sai lính bắn giết mà thôi.

Đồng thời, ở các phủ huyện, dân khí cũng hết sức bồng bột. Riêng tên lãnh binh là võ quan cao cấp, trong khi coi đốc việc thu thuế, đã hành hạ dân quá đáng, gieo thù oán khắp nơi, dân liền vây bắt vợ con, làm nhà giam lại. Đồng thời, cũng tung ra những truyền đơn kể tội Nguyễn Thân tức quận công Thạch Trì. Nguyễn Thân là nhân vật trọng yếu bậc nhất nước ta vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Y nhờ diệt các lực lượng Cần Vương

Quảng Nam. Nghệ Tĩnh mà uy danh chấn động cho đến những đại phản quốc cỡ Hoàng cao Khải mà cũng đến phải tránh ra ở Bắc làm một thứ « phó vương ». Nguyễn Thân được quyền chém trước tâu sau (tiền trảm hậu tấu) nên y chẳng từ ai, khi y muốn, khi cơn điên đẩy y đi tới. Vì bị Binh bộ thượng thư Hồ Lệ lãnh đạm khi thấy y giết nhiều hàng binh của Phan đình Phùng, y kiếm cớ bắt con Hồ Lệ chém đầu lập tức. Bấy giờ, tuy không còn ở thời hiển hách cũ, nhưng uy danh còn vang dậy, một lời nói còn tạo nên phúc họa cho bất kỳ ai. Thế mà Cử Cẩn công nhiên bài xích, mắng nhiếc y không kiêng nể.

Cuộc đàn áp ở Quảng Ngãi rất hãi hùng tàn bạo, sĩ phu và dân tranh đấu rất kiên quyết. Đến đỗi kẻ cường quyền thấy bắt giam đông quá, mới nghĩ ra một hình cụ lạ : làm những cái gông bằng cây tre dài, gông chung ba bốn người vào một gông bắt phơi nắng.

Sau vụ này, Lê Khiết và Nguyễn bá Loan (cựu đảng Cần Vương, cũng gọi Ấm Loan) bị giải kinh giam ba tháng rồi đem về chém ở Quảng Ngãi. Khi đem các ông ra chém, Cử Cẩn chắc chắn là đến lượt mình rồi nên la lớn :

— Làm trai có chết thế mới tươi tốt !

Nhưng ông ta lại không bị giết, nhân thế có làm bài thơ, Huỳnh thúc Kháng dịch ra quốc văn :

Nước cũ, non sông nặng,
Triều tân, thế lực hèn.

Thân sá kiêng dầu vạc,
Lòng thề giết loài kình
Muốn học **Cao** *luôn khóc,*
Nào hay **Cát** *chả nên (1)*
Ta hồ ! trôi máu đỏ,
Đồng loại hưởng văn minh

Phong Trào Duy Tân không phải Duy Tân hóa mà là một ý thức, một ý chí, một ý khí để đẩy quốc gia dân tộc đi tới để « Đồng loại hưởng văn minh », Bởi thế, kể gì « trôi máu đỏ ». Chính ở chỗ lời thơ khẳng khái đó, người ta mới có thể nhận rõ, phân biệt rõ Phong Trào Duy Tân với mọi hình thức hóa Duy Tân của những lớp người chỉ muốn chạy theo trào lưu hưởng lợi, không băn khoăn, không lý tưởng :

Túng nhiên lưu nhiệt huyết,
Đồng loại hấp văn minh.

Sau Bố Khiết, Ấm Loan bị tử hình, dân bị bắn chết thì các ông Cử Sụy, Cử Quản, Tú Chầm, Tú Tuyên, huyện Mai bị đày ra Côn Lôn. Cử Quản chết ngoài đảo. Còn Cử Sụy, Tú Chầm thả về, lại tham gia vụ vua Duy Tân khởi nghĩa do Thái Phiên, Trần cao Vân lãnh đạo. Cử Sụy bị tử hình, Tú Chầm lại đày ra Côn Lôn. Nhưng anh hùng không tranh đấu ngoài đời được thì lại vào lao ngục tranh đấu : cùng Nguyễn trọng Thưởng, ông vùng lên trong cuộc « tù chung thân khởi nghĩa » năm 1918

---

(1) *Theo tôi hiểu đây là hai nhân vật Duy Tân rất lừng danh ở Nhật Bản : Phúc Trạch Dụ Cát (lập Khảng Ứng Nghĩa Thục) và Cao Sơn Chánh Chi ?*

và bị bắn chết.

***

Công cuộc chống thuế ở Nam Nghĩa hùng dũng tràn vào Bình Định và được hưởng ứng bồng bột lạ thường. Những lớp sóng *cúp tóc xin xâu* từng đợt tung trào, không gì ngăn cản nồi. Lúc bấy giờ vì tình hình Nam Ngãi quá găng nên các quan phủ huyện đều phải về trú tại tỉnh cho quân lính bảo vệ. Thế là dân hoàn toàn chủ động, dân tới các phủ huyện, gặp thầy thông lính lệ nào họ đều bắt cúp tóc, còn toàn dân thì nêu hai chữ « Đồng bào » có khắc cả con dấu « Đồng bào ký » phát cho mỗi người một thẻ truyền khắp dân gian, có lẽ không khác gì ngày xưa Nguyễn Huệ đã từng phát thẻ Tín bài cho dân chúng toàn quốc. Họ không tự nhận chức *Anh Cả*, nhường hẳn chức ấy cho ngoài Nam Nghĩa, còn các cấp lãnh đạo thì tùy theo đó mà gọi « *anh hai, anh ba, anh tư* ». Ta cũng nên nhớ là dân Bình Định chuộng võ nghệ, những tay giỏi võ trong dân chúng không thiếu gì nên lối hành động của họ cũng có vẻ bạo động hơn hết. Họ cho những đoàn dân đi bắt bọn người nguy hiểm, độc ác và hạng thâu thuế chợ rồi đem về tự trừng trị, tự xử phạt. Những kẻ có nợ máu với dân đều bị giải ra cho *anh cả* (Nam Ngãi) xử án và rồi không thấy trở về nữa ! Đồng thời việc vây tỉnh cũng hết sức hùng dũng, trật tự. Các tay lãnh tụ làm thẻ cắm cho các từng lớp chiến đấu theo đó mà sắp xếp. Lớp vây hãm là *dân cảm tử*, dành cho những người dám hy sinh. Có lẽ họ phải kêu gọi cảm tử là vì rút được những kinh nghiệm ở

Quảng Ngãi, lính bắn vào những người yếu đuối khiến gây náo loạn nên phải có cảm tử để dám chết một cách kiêu hùng thay cho dân tay yếu, chân mềm ; sau đó là thẻ dành cho *dân tự cường* điều này cho thấy bài học tự cường của Phong Trào Duy Tân đã vang đi sâu rộng... Ta cũng đừng quên khi đoàn phát động Phong Trào Duy Tân của Phan châu Trinh vào Bình Định, đã ghé lại đây để tuyên truyền và nhất là sau vụ làm bài thi của các chí sĩ thì tư tưởng mới rất được hâm mộ. Lúc ở Nam về, Phan châu Trinh vẫn còn ghé lại Bình Định cũng như Quảng Ngãi để cổ xúy học mới nên tân triều không chỉ phổ cập trong hàng sĩ phu mà cả quan lại nữa. Thành ra chính ở Bình Định quan lại cũng có cảm tình với dân biến động . . . dù họ đã biến thành giặc *Đồng bào,* chứ không chỉ mang tên « đảng cúp tóc » và về sau này, chữ đồng bào ấy gần như chữ *Cấm kỵ,* ít ai dám nói tới. Cuộc vây hãm kéo dài gần cả tháng, lớp người nọ mệt mỏi thì lớp khác vào thay, người ở nhà sắp đặt mang cơm nước cho người ngoài mặt trận. Tôi nói quan lại có cảm tình, như Tri huyện Hồ sĩ Tạo một thân sĩ đạo đức rất được biết tiếng cũng chịu ký tên vào đơn xin xâu. Sau này, khi bị kết án, Công sứ tỉnh ấy xử chém nhiều người, nhưng tổng đốc tỉnh nói :

— Dân nghèo không hiểu làm bậy, phạm pháp, nhưng xét ra cũng không hại gì lắm, nên lựa vài ba người đầu nậu xử quyết, thừa ra thì phân biệt định tội.

Công sứ không nghe, đánh điện triệt chức tổng đốc ;

viên quan kế nhiệm chỉ đành cúi đầu vâng theo các ác ý của công sứ nên xử chém rất nhiều. Theo Huỳnh thúc Kháng thì vài mươi người bị tử hình ở chợ Cầu Chàm (Phan châu Trinh bảo là 20, 30 người trở lên) không kể số bị giết chết trong khi xung đột, mười một người bị đày ra Côn Lôn : Tú tài Nguyễn duy Viên, học sinh Hồ như Ý, Chánh Hàm, phó Khả, Trùm Lập, Xã Hữu, Hồ Cương, Hương Thức... ; các nhà danh vọng như Hồ sĩ Tạo, Nguyễn trọng Trì (Cần Vương cựu đảng) cũng bị bắt. Trong số này, có lẽ cũng có người mắc oan. Phan châu Trinh có kể : « ... *khi tôi ở Côn Lôn thấy giải đến tám người, trong số đó có một người bị kêu án là làm tướng cầm đầu, tay cầm địa đồ vào núi, tính mưu chiếm cứ làm loạn. Tôi tới hỏi mới biết : người ấy trạc độ 25 tuổi, mặt mày thô kệch, nói năng khờ khỉnh, gần như không phân biệt được lụa hay vải, trông qua cũng biết không phải là người hiểu việc vậy. Tôi lấy làm lạ, hỏi kỹ đầu đuôi mới rõ : người ấy tên là Hồ như Ý, nhà giàu, con một, không học, năm trước thi hương ở tỉnh, lấy tiền mua được đỗ tú tài (có lẽ là chức* **học sinh** *của trường thi ở tỉnh chăng, vì gọi là Học Ý ? (1) từ đó ở nhà làm ăn. Khi dân dậy, quan Nam thèm tiền anh ta, vu hãm, bắt giam kỹ, làm án nặng, bảo trút sạch của nhà ra chuộc, anh ấy tiếc tiền không chịu, nên vu làm tướng cầm đầu, xử tử đày Côn Lôn* »

(*Trung Kỳ Dân Biến trang 34*)

---

(1) *Nghi vấn của tác giả sách này. Vì chỉ nghe gọi là* Học *chứ không nghe gọi* Tú *Ý bao giờ.*

Không rõ nhận xét của Phan châu Trinh về Hồ như Ý có hoàn toàn đúng không, nhưng chắc chắn việc ăn hối lộ thì nhân vụ này, bất kỳ tỉnh nào cũng có đều như nhau cả. Bao nhiêu gia đình tan nát, điêu linh.

Về phong trào « đảng cúp tóc » này ở Bình Định sâu rộng đến đâu ? Ông Huỳnh thúc Kháng có nhắc lại một tờ cảnh cáo của viên tri phủ nọ, có hai câu rất được truyền tụng « *Than ôi ! Biển khổ ngàn trùng, cứu vớt ngoa truyền Phật sống ! Gió to một trận, dân đen thảy hóa thầy tu* (Ta hồ khổ hải thiên trùng, tế độ ngoa truyền hoạt Phật; cuồng phong nhất trận, kiềm lê tận hóa hành tăng) » ý ông ta muốn ám chỉ cái đầu hớt tóc ngắn của toàn dân Bình Định mà trận cuồng phong Duy Tân thổi vụt qua đã để lại.

Nhưng trận cuồng Phong ấy đã tiêu mất hẳn chưa sau cuộc khủng bố trắng ?

Chưa.

Vì « *Sau khi tan cuộc, quan tỉnh cho lính về nhà quê phát bài chỉ, thuế cho các làng mà còn có người bị dân bắt giết* »

(*Vụ kháng thuế trang 383*)

***

Các Tỉnh Phú Yên trở vào trong, Phong Trào « cắt tóc xin xâu » không lấy gì làm mạnh lắm nên số người tù tội cũng ít. Chỉ có ở Khánh Hòa, Trần quí Cáp bị chém, Bình Thuận Đặng nguyên Cẩn làm đốc học ở Nghệ An, đổi vào đây bị giải lại về Nghệ An rồi sau đày Côn

Lôn : tại tỉnh này, công sứ *Gạc Nhe* không tuân lệnh tòa khâm nên các cơ sở của Phong Trào Duy Tân không bị phá hủy và chắc nhờ đó Công Ty Liên Thành đến nay vẫn tồn tại, phát triển.

Thừa Thiên là nơi sĩ phu tụ tập, sách báo mới lạ ở ngoại quốc ít nhiều gì cũng có du nhập nhất là tân thư. Do lẽ đó, dù ở nơi chế độ phong kiến, đời sống xa hoa khiến sĩ phu mất tư tưởng thực tế mà vẫn không ngăn cấm nổi một số đông hưởng ứng phong trào Duy Tân. Do đó, tại Thừa Thiên cũng có mở hội buôn để đáp ứng với tiếng gọi của Hợp Thương, Triều Dương, Liên Thành... Nhân cuộc chống thuế bột phát ở Quảng Nam, dân chúng có nổi lên bắt một viên lãnh binh cầm giữ... Nhưng rồi công cuộc ấy dàn xếp mau chóng vì thiếu khối quần chúng tích cực được đào luyện trước.

***

Hà Tĩnh và Nghệ An theo cuộc cự sưu « *hò reo như gió đưa diều* ». Huỳnh thúc Kháng có kể một giai thoại, chứng minh sức mạnh vũ bão của tư tưởng mới, của Dân quyền đã lôi cuốn dân chúng và sĩ phu đứng dậy ra sao : « *Hà Tĩnh thì huyện Can Lộc cùng vùng Hạ Lôi, Kỳ Trực dân chúng tụ tập vây huyện, Nghệ An dân cũng xôn xao tụ tập, truyền đơn dán khắp nơi, kể tội quan lại rất kịch liệt. Có chuyện thú là quan huyện Can Lộc hỏi đến :*

— *Ai bày các anh làm việc này ?*

— *Bẩm quan Tân Thơ.*

Thật là một sức mạnh mới lạ, sức mạnh của Dân

quyền như chưa hề có. Về vụ này, những người bị chém thì Hà Tĩnh có Trịnh khắc Lập, Nghệ An có Nguyễn hàn Chi. Những người bị bắt trước như Tấn sĩ Ngô đức Kế, cử nhân Đặng văn Bá, Lê văn Huân bây giờ cũng bị đày đi Côn Lôn với Đốc học Đặng nguyên Cẩn.

Câu đối khóc Nguyễn hàn Chi cũng nói lên phong trào Tân học ở Nghệ Tĩnh đã biến thành tiếng reo hò sắt máu (dịch) :

« *Bút muốn viết thì viết, miệng muốn reo thì reo, phơi phới đáng yêu thay, nhân cách rèn nên từ học mới.*

« *Hỏi con vẫn chưa con, hỏi vợ vẫn chưa vợ, khăng khăng làm gì đấy ? Máu tươi tuôn chảy với đồng bào* ».

*
* *

Thanh Hóa lúc ấy Phong Trào Duy Tân cũng khá mạnh. Về giáo dục đã có Hà Thành thư xã, giao thông với Đông Kinh Nghĩa Thục Hà Nội cùng Hợp Thương và Triều Dương . . . 1906 Phan châu Trinh ở Nhật về, có gặp sĩ phu ở Thanh.

Để hưởng ứng cuộc chống thuế bùng ra ở Quảng Nam, sĩ phu Thanh chỉ mới cho dán một tờ hiệu triệu, tỏ ý hưởng ứng nhiệt liệt công cuộc ấy. Tờ hiệu triệu mới dán lên, chưa kịp hành động (theo Phan châu Trinh thì mới có một đôi xã tụ họp mà chưa đến tỉnh) thì nhiều người bị bắt rồi bị đánh đập một hai trăm roi, giam cầm không cần rõ tội gì. Ông Tú Lê nguyên Thành khẳng khái đứng ra tự nhận cả, nhưng các bạn cũng không khỏi bị án chung thân hay chín hoặc năm năm

đày Côn Lôn : Cửu Xưng, Cử Soạn, Tú Thiệp, Tú Ta, Cử Khai, Huyện Nam, Ký Tín.

*
* *

Các nhân vật trọng yếu của Đông Kinh Nghĩa Thục tuy hết sức tách rời lực lượng bạo động ra khỏi mọi hoạt động của nhà trường, nhưng triều bạo động ở bên ngoài vẫn ảnh hưởng nhiều tới nghĩa thục. Những vụ mua và chở khí giới về Hà nội, xuất dương du học, sĩ phu Nghệ Tĩnh lập thêm đồn Tú Nghệ cạnh chiến khu của Đề Thám ở Yên Thế . . . đều khiến người Pháp lo ngại là do ảnh hưởng của Nghĩa Thục nếu không phải Nghĩa Thục đóng vai quan trọng « *Đầu năm 1908, họ thu giấy phép của Nghĩa Thục, lấy cớ rằng có thể làm cho lòng dân náo động. Tính ra trường hoạt động trước sau được khoảng một năm (. . .) tin chưa ra, các cụ đã đoán trước, thủ tiêu hết những giấy tờ quan trọng nhất là bản in các bài ca ái quốc, và những sách của cụ Sào Nam gởi về (. . .) công việc dạy học và diễn thuyết phải dẹp, còn công việc chấn hưng công nghệ vẫn tiến hành, nhưng ít lâu sau những hiệu buôn cũng lần lần phải đóng cửa vì nhiều cụ tạm lánh mặt, nên thiếu người quản lý.*

(*Đông Kinh Nghĩa Thục trang 116, 117*)

Nhiều nhân viên của Nghĩa Thục bị bổ đi làm quan. Hoàng tích Phụng và Nguyễn Quyền vào ty giáo huấn, Lương trúc Đàm và Dương bá Trạc được mời làm tri huyện nhưng hai vị cử nhân trẻ này đều từ chối.

Thời kỳ Nghĩa Thục bị đóng cửa tức là sau khi các vụ kiện cáo quan lại ở Trung Việt đã xảy ra lung

tung, ở Nghệ Tĩnh ba người trong đó có Ngô đức Kế bị bắt giam từ 1907 rồi ở Quảng Nam Trần quí Cáp bị đổi vào Khánh Hòa. Không nghe nói có cấm chỉ các trường hoạt động. Nhưng sự giam cầm và đầy xa các nhân vật trọng yếu nhất của Phong Trào là đã manh nha sự đàn áp hoạt động các trường để dẫn tới triệt hạ cơ sở giáo dục lừng lẫy nhất của Phong Trào. (tức ĐKNT).

Liền khi Nghĩa Thục bị đóng cửa, xảy ra vụ dân biến « hớt tóc xin xâu » ở Quảng Nam kéo theo những cuộc biểu tình vĩ đại khắp các tỉnh miền Trung, rồi tới vụ âm mưu bạo động của Đề Thám, sau rốt là vụ Hà Thành đầu độc. Những nhân vật trong Nghĩa Thục đều bị liên lụy vì Pháp muốn tận diệt mọi hoạt động chống đối họ. Các ông Võ Hoành, Dương bá Trạc, Nguyễn Quyền, Lê Đại . . . đều bị bắt, phải ra tòa Đề hình và bị kêu án trảm giam hậu, sau đổi làm chung thân khổ sai đày ở Côn Đảo (theo Nguyễn hiến Lê) :

Cơn mây gió trời Nam bảng lảng
Bước anh hùng nhiều chặng gian nan.
Ngẫm xem con tạo xoay vần
Bày ra một cuộc Duy Tân cũng kỳ
Suốt thân sĩ ba kỳ Nam Bắc
Bỗng giật mình sực thức cơn mê.

. . . . .

Khi lên như gió thổi diều
Trong hò xin thuế, ngoài reo hãm thành

Cách hoạt động người mình còn dại,
Sức oai quyền ép lại càng mau,
Tội nguyên đồ đám nho lưu,
Bắc Kỳ thân sĩ đứng đầu năm tên.

***

Trang sử vĩ đại của Phong Trào tạm kết thúc.

CÁI QUAN LUẬN ĐỊNH

ẤY thế là toàn thể sĩ phu tích cực, cá nhân tích cực, ai không bị giết, tự sát đều đã vào ngồi trong ngục tối hoặc đã đi Lao Bảo nơi rừng sâu Quảng Trị, hoặc lên đường đi Côn Lôn, tập quen với *trường học thiên nhiên* ở giữa đại dương. Thời kỳ này, có lẽ lần đầu trong lịch sử chính trị Việt Nam mà sự tù tội không còn bị xem bằng con mắt hãi hùng, vô vọng mà được nhìn như nơi huấn luyện cần thiết cho bậc anh tài. Phan châu Trinh ngạo nghễ « Nam nhi hà phạ sự Côn Lôn » (Thân trai nào sợ cái Côn Lôn) dù ông là người đứng đầu sổ tù nơi cô đảo ấy thì Huỳnh thúc Kháng chỉ bình tĩnh và khoa học gọi nó là « trường học thiên nhiên » như một chính trị gia thành thực muốn tiến bộ.

Cũng nhờ có Côn Lôn mà đường đất xa khơi trên đất nước không làm cho các chí sĩ gặp nhau dễ dàng dù vẫn thân nhau, bây giờ mới thật là *đại đoàn viên.*

Vào khoảng tháng tám năm 1908 Huỳnh thúc Kháng ghi :

« *Lúc bấy giờ cùng đi với tôi có Phan thúc Duyên (1) Lê bá Trinh, Trương bá Huy, Dương phu Thạc cùng hương Cảnh (Phước Yên) Hương Quản (Địch Thái), người cựu đảng Cần Vương Tiểu La, cả thảy tám người, do chuyến xe lửa đường Hội An ra Đà Nẵng lên tàu thủy. Tại khoang thuyền phía sau, một đoàn xiềng gông lang thang, té ra thân sĩ Nghệ Tĩnh cùng dân bị án đày Côn Lôn. Lần hỏi ra mới rõ : Ngô đức Kế, Đặng nguyên Cẩn, Lê văn Huân, Đặng văn Bá, đều là bạn từ lâu đã giao nhau trên đường tinh thần chớ chưa lần nào xáp mặt, nay mới thấy qua đã như người cũ, cùng Đồ Tịnh, Đội Phương, Lý Tư, Lý hạ Lôi, Hương Hợp. Kẽ Thừa Thiên : Lê đình Mộng cũng bị giải lên Tàu. Đến Bình Định vào cửa Thị Nại có thân sĩ và Dân Nghĩa, Định xiềng xích lên thuyền : Nguyễn đình Quản, Hồ Khê, Nguyễn Sụy, Nguyễn Mai, Phạm cao Chẩm, Nguyễn Tuyên (Quảng Ngãi); học sanh Bình Định : Hồ như ý, Hương Đôn cùng dân : Chi, Tịnh, cộng tất cả đồng thuyền 27 người, đến Sài Gòn vào khám cúp tóc (2) thay áo quần, ở lại độ một tuần đợi kỳ tàu, ngày 28 tháng 8 đến Côn Lôn. Từ đây đến 45 tuổi, trải 13 năm đều thuộc thời kỳ ở đảo.*

(*Tự truyện trang 34*)

Rồi sang năm 1909 ông ghi thêm :

(....) Năm ấy các thân sĩ Hà nội bị đày như : Nguyễn Quyền, Dương bá Trạc, Lê Đại, Võ Hoành, Nguyễn Chỉ

(1) *Tác giả sách này bỏ bớt những tiếng xưng hô hay biệt hiệu cho bạn đọc dễ hiểu, dễ nhớ tên các nhân vật.*

(2) *Bây giờ thì bị đè đầu ra cúp tóc nhé! Đâu còn những ngày tung hoành hô hào cúp tóc cho dân!*

Tín ; ở Thanh Hóa ra như Nguyễn Xứng, Nguyễn Soạn, Nguyễn Thiệp, Nguyễn nguyên Thành, Huỳnh văn Khải, Lê trọng Nhỉ, Lê duy Tá, Nguyễn Tiến ; ở Quảng Ngãi như Trần kỳ Phong, Bình Định : Nguyễn duy Viên, Nguyễn Hàm cùng Phó Khả, Xã Hữu, Hương Thức, Hồ Cương, Danh Can lục tục kéo ra. Ngoài đảo Côn Lôn có bóng quốc sự phạm, duy lúc này là nhiều (như kể cả binh sĩ Bắc Kỳ can án đầu độc có hàng trăm).

(*Tự truyện trang 35*).

Đó có phải là tiếng kêu than hay tiếng reo ! Mặc dù sau mấy chục năm mới viết lại tự truyện mà ta có cảm tưởng tác giả vẫn còn reo vui trong một niềm hân hoan trầm mặc của người đang được đưa vào « Trường học thiên nhiên ». Phong Trào Duy Tân bây giờ lãnh tụ và toàn bộ tư lệnh, toàn bộ thân sĩ xuất sắc đang bị giam cầm, nhưng nó vẫn chưa chết. Nó đang được hoạt động theo một phương thức khác. Nhưng đó là điều ta cần biết trong một cuốn biên khảo khác.

Ở đây, ta hãy ôn những thành bại của nó để tìm thấy thực sự vai trò lịch sử của nó. Người xưa nói « Cái quan định luận ». Ngày nay nó đã chết, nắp quan đóng kín với lãnh tụ và « đảng viên » cuối cùng : Huỳnh thúc Kháng đã giữ một địa vị cao trong chính thể mới và chết cùng sứ mạng của mình trong thời kháng chiến . . . Cái chết của ông đã khiến người ta bàn luận khá nhiều, khá nhiều về ông, nhưng dầu khen, dầu chê, thiết tưởng không ai không nhìn nhận là ông có cái nhìn thực

tế và ông đã hy sinh những giọt máu cuối cùng cho dân tộc như các đồng chí thuở ban đầu của ông. Cũng như cái chết của Phan Khôi, một cán bộ mà có lẽ là người học trò tiếng tăm cuối cùng của Phong trào cũng cho chúng ta thấy thêm, một cách khá rõ ràng, khả năng đào tạo *con người* của Phong trào. Chúng ta có thể không yêu gì ông Huỳnh thúc Kháng nhưng làm sao không trọng, không phục ông khi dõng dạc rũ áo dứt vai trò viện trưởng viện dân biểu bù nhìn ở Trung Kỳ, khi lặng lẽ từ chối vai trò " sào mũi " mà Cường Để thay mặt Nhật Bản phó thác cho ông để sau này Trần trọng Kim dấn vào nhận lãnh thất bại đau thương . . . Ta có thể không yêu ông Phan Khôi, nhưng làm sao quên được cái công lớn lao của ông đối với văn học khi chủ trương Phụ nữ Tân văn, làm mới nền *tuần báo* là loại báo đóng vai trò tích cực thời 1929-1945, đối với thơ mới khi ông đưa một « tuyên ngôn » phát động phong trào và liền đặt bút thử thách bài thơ đầu tiên, mở đầu cho một cao trào thơ mới suốt mười mấy năm trời ! Ta có thể chê nàng Lô Gích của ông, nhưng trước khi có những biện chứng pháp mới mẻ, luận lý học của ông vẫn là một biện chứng pháp tiến bộ gấp nhiều lần cái lối lý luận xô bồ của bạn đồng thời . . .

Nhưng tôi tạm dừng. Chúng ta sẽ còn gặp lại những *Con người* của phái Duy Tân sau năm tổng khủng bố.

Bây giờ ta thử tìm hiểu vai trò lịch sử của nó.

***

Vậy muốn tìm hiểu vai trò lịch sử, ta phải nhìn lại vóc dáng nó lần cuối cùng. Sở dĩ như thế là vì cho đến nay, cho đến 1969 này, vẫn chưa ai chịu biết rõ Phong Trào Duy Tân thực sự mặt mũi ra sao.

Đối với những nhận định cũ, ta thấy có những lối nhìn khác nhau :

— Phan châu Trinh, Huỳnh thúc Kháng . . . chính những lãnh tụ lớn của Phong Trào vẫn không công nhận vụ «cúp tóc xin xâu» là một bộ phận của Phong Trào. Như thế là vì các ông không nhúng tay vào ! Nhưng không phải không nhúng tay vào là không làm, nhất là khi những người đứng dậy lãnh đạo xin xâu là những môn đệ xa hay gần của các ông và họ đi đúng các điều khoản mà lãnh tụ Phan châu Trinh gởi cho Pháp như các yêu sách tối thiểu : yêu cầu Pháp đối xử tử tế, trừng trị quan lại tham nhũng tàn ác, xét lại chánh sách xâu thuế . . . Và đặc biệt, họ cũng theo sát từng chữ của lãnh tụ : không vọng ngoại, vọng ngoại tất ngu. Không bạo động, bạo động tất chết. Nào họ có bạo động đâu ! Có khi họ dẫn nhau đến tám ngàn người mà họ không đập phá, đốt cướp. . . Chỉ có một số người dẫn đi trừng trị đôi ba kẻ có tội máu với dân : trong mỗi tỉnh cơn sốt chính trị lên cực điểm mà chỉ có lẻ tẻ đôi ba hành động như thế thì không ai không công nhận căn bản của họ là «bất bạo động» cả. Vậy thì nó chính là bộ phận bột phát của Phong Trào Duy Tân mà cái đầu hớt tóc tiêu biểu cho Tân văn hóa và việc đưa yêu sách chống thuế

tiêu biểu cho Dân quyền : tổng chi, đó là những hành động Duy Tân của những đứa con ưu tú của Phong Trào thực hiện. Có gì mà phải cãi.

— Tuy nhiên ta cũng hiểu thêm là lối nghiên cứu phê phán, nhận định xưa vốn thiếu phương pháp, hệ thống. Nói như Huỳnh thúc Kháng : *thấy đầu nói đầu, thấy chân nói chân*... Nhà chính trị cũng như nhà biên khảo chưa chịu nắm toàn bộ vấn đề và chưa nhận chân nguyên nhân, diễn tiến, bột phát v.v. để theo dõi, sắp xếp... Do lẽ đó mà có hai sự ghi nhận lệnh lạc như tôi nhắc lại nhiều lần. Phong Trào Duy Tân gồm đủ mặt : Thương, nông, học, tân văn hóa (cúp tóc, âu trang...) cơ sở trên học thuyết Dân quyền dù lúc ấy học thuyết này chỉ được hiểu một cách lù mù. Nhưng vì ở Phan Thiết, sản xuất và thương mãi lên cao, hóa ra người ta chỉ biết có Công Ty Liên Thành ; ở Hà nội công cuộc giáo dục lên quá cao so với các ngành khác nên người ta gọi gọn lỏn nó là Đông Kinh Nghĩa Thục. Thật sự, ai cũng thấy ngay nó, Đông Kinh Nghĩa Thục chỉ là một bộ phận của Phong Trào, nhưng tầm vóc quá lớn hoặc nhà biên khảo thiếu phương pháp hệ thống, khiến người ta có cảm tưởng nó biệt lập đối với Phong Trào.

— Lại cũng do nhiều nhà biên khảo không thu thập được tài liệu (in, viết hoặc sống) đủ khắp nơi nên không liên hệ Đông Kinh Nghĩa Thục với các trường học khác ở miền Trung cũng như Phong Trào miền Bắc với Phong Trào Miền Trung. Hóa cho nên, nơi phát xuất, hình thành

và khai triền « xuất cảng » Phong Trào hoặc ít ai biết tới hoặc bị hiểu lầm là nơi « nhập cảng » Phong Trào từ miền Bắc vào ! Sự lầm lẫn đó dẫn tới bao nhiêu lầm lẫn lớn lao khác do đó đã không tìm thấy đúng diễn tiến và tiến trình lịch sử. Cũng như chính tác giả quyền sách này vì không tìm được tài liệu đầy đủ ở các tỉnh, ở các miền cho nên vẫn chưa phản ảnh trung thực sự hình thành và tiến triền Phong Trào ở khắp nơi. *Phong Trào Duy Tân* rút lại, phần lớn chỉ được đề cập ở nơi xuất phát, ở các lãnh tụ lớn tại Quảng Nam. Đó không phải vì tinh thần cục bộ mà tại không có tài liệu, những tài liệu quí báo đã lần lượt theo cùng chứng nhân qua bên kia thế giới. Nếu không mau mau cứu vớt chắc sẽ chẳng còn dấu vết trong thời gian ngắn gần đây. Điều đó thật hết sức đau lòng khi ta thấy những vụ xuống đường « khơi khơi » của sinh viên Pháp mới đây mà ngoài báo chí, còn bao nhiêu tác phầm nói tới, bán chạy như tôm tươi mà những công cuộc vĩ đại như Phong Trào Duy Tân gần như chẳng ai biết tới, cả giới trí thức cũng ít biết tới so với tên một nhà trí thức lừng khừng cỡ Phạm Quỳnh ! Trong khi đó thì Phong Trào vọt lên hàng đầu mọi vận động Tân văn hóa, tân sinh hoạt, phát dương Dân Quyền, đề cao nghề nghiệp, cải thiện sản xuất, thúc đầy khần hoang, thương mãi, giáo dục, một nền giáo dục mới chống từ chương, khoa cử, đề cao khoa học, lấy quốc ngữ làm chuyền ngữ việc mà đến 1945 mới thực sự thực hiện cho các cấp Trung học. Điều lớn lao nhất là Phong trào muốn đòi lại giá trị thực

sự của người Việt Nam trong thân phận con người bằng cách chống vọng ngoại, chống cá nhân chủ nghĩa, đề cao đoàn thể. Đó cũng là bước căn bản để chống phong kiến có hiệu quả phần nào trong tiến trình chống thực dân.

— Chính Đoàn thể là mục tiêu mà Phong Trào phải đi tới. Và đoàn thể tính là một nhận thức không thể thiếu sót khi muốn gia nhập mọi công cuộc có tổ chức của Phong Trào. Phan châu Trinh vẫn luôn luôn nhắc tới, không chỉ những hội cỡ lớn như thương, nông, mà cả những hội cỡ nhỏ, rất nhỏ như *hội mặc đồ Tây*. Tôi chắc chắn đó là bài học *vô cùng quan trọng* mà ông đã học được một cách xác thực ở *một nước mạnh* : Nhật Bản ! Nếu ông qua Tàu quan sát, chắc ông không bao giờ giật mình trước sự cần thiết và giá trị vô song của « *học hội dân đoàn* » để tạo « *quốc dân nội lực* » đảm bảo cho mọi hoạt động tương lai. Phan châu Trinh là người đầu tiên nhìn thấy sự đồng tiến của dân tộc, sự thay đổi toàn diện cơ cấu vì không vấn đề nào quan trọng hơn vấn đề nào trong một cái nhìn xa và toàn bộ về sự phát triển của Dân tộc.

— Cũng chính nhận thức đoàn thể ấy, tuy bị người Việt xem thường, nhưng thực dân thấy ngay khả năng lớn lao của nó. Do đó, trong khi sĩ phu rầm rộ la hét từ Trung ra Bắc mà vỏn vẹn họ chỉ giam ba người ở Nghệ Tĩnh (thực sự vì nghi có liên lạc với Phan bội Châu) đôi đôi ba người khác ở Quảng Nam (Trần quí Cáp) hay ở Bắc Kỳ (Nguyễn Quyền...). Mãi tới năm 1908 vì ở Bắc có những rục rịch chính biến (lực lượng Phan bội Châu lập đồn Tú Nghệ, Hoàng hoa Thám cựa mình)

họ mới đóng cửa Đông Kinh Nghĩa Thục. Nhưng chưa bắt người nào. Mà các cơ sở Phong Trào Nam Nghĩa, Nghệ Tĩnh vẫn chưa hoạt động thường xuyên. Nhưng khi dân chúng mới đứng lên, đội ngũ còn sơ sài, họ đã biết ngay Duy Tân không còn là *trừu tượng*, sĩ phu không phải là *hạng trí thức suông* và dân chúng không phải hành động thiếu *mục đích gần cũng như xa* ! Họ đã đứng lên có tổ chức, có lãnh đạo, có yêu sách tối thiểu, có sách lược tranh đấu, có lực lượng tiền phong, lực lượng trừ bị, hậu phương tiếp ứng. Các lãnh tụ đại trí thức bị vượt qua dành cho lãnh tụ trẻ, học thức ít nhưng quả cảm và thực tế lãnh đạo. Điều đáng ghê sợ đối với bọn chính trị gia thực dân lọc lõi kia là tinh thần bất bạo động và tinh thần ấy chỉ thoát ra từ một ý thức chính trị không non nớt nữa, chưa kể sức tranh đấu dằng dai, kiên nhẫn kéo dài đến những tháng khác... trời. Rồi hết lớp dân tỉnh này nổi lên lại đến lớp dân tỉnh khác nghĩa là tinh thần *đoàn thể địa phương* đã biến thành *đoàn thể dân tộc*.

Thực dân không phải là bọn ngu si về chính trị. Cho nên nếu trước kia dung dưỡng trí thức để tô son, điểm phấn lên bộ mặt chúng thì bây giờ chúng hiện nguyên hình kinh tởm. Chính Khâm sứ Lê Viết (?) ở Huế bình nhật khá dễ dãi, thế mà được tin dân biến là « đánh điện đi các tỉnh bảo *không cần xét hỏi, thẳng tay trọng trừng*. (Trung Kỳ Dân biến trang 5). Khủng bố trắng, bắn dân, chém và giam sĩ phu, dùng mọi phương cách tiêu diệt hẳn cái lực lượng mới mà chúng thấy trước tối nguy hiểm cho chế độ thực dân. Mà nếu Lê

Viết không làm như thế, Toàn quyền sẽ làm. Mà nếu Toàn quyền không làm. Chính quyền tại Pháp sẽ làm. Những kẻ, những tổ chức rành rõi về chính trị không sợ những cá nhân dù cá nhân ấy tài giỏi tới đâu. Họ không sợ những trí thức dù trí thức ấy ồn ào, la hét om sòm gây xúc động. Nhưng họ rất sợ quần chúng khi quần chúng đứng lên. Và nhất là quần chúng có lãnh đạo, có tổ chức, có sách lược tranh đấu, có mục tiêu hướng tới. Thế nào nó cũng như những đại sinh vật sẽ mỗi ngày một lớn, một đồ sộ, rồi bất thình lình sẽ nhai ngấu nghiến những ai chống đối.

Bởi thế Pháp chỉ bắt Phan châu Trinh và đồng nhân khi họ đã có sau lưng một khối quần chúng, Pháp chỉ thực sự theo dõi Phan bội Châu, tìm cách đẩy ông ra khỏi Nhật không phải chỉ vì du học sinh mà chính vì lực lượng tư bản Nhật đang tìm thị trường, vì cái đồn Tú Nghệ bên cạnh «vương quốc» Hoàng hoa Thám và các tổ chức Duy Tân mà Pháp ngờ trá hình đã bắt đầu thu hút dân chúng . . . Tôi dám nói chắc nếu không có những phản kháng quan trọng thì hai ông Phan vẫn còn nhởn nhơ, kẻ ở Hà nội, người ở Đông Kinh. Chính Cường Để cũng công nhận : Năm 1908 tháng 4 phát sinh vụ *«Trung Kỳ kháng thuế» tháng 5 phát sinh vụ «Hà Thành đầu độc» đều là những cuộc phản kháng có tính cách nghiêm trọng.*

Người Pháp cho đó toàn là kết quả của sự tuyên truyền và sự hoạt động của những phần tử cách mệnh Việt Nam tại

Nhật... » và liền đó họ yêu cầu Nhật đuổi hết các phần tử Việt Nam tại Nhật. Lẽ tất nhiên Nhật chấp nhận ngay vì chính nhờ quyền lợi của Nhật, hẳn nhiên ! Nhưng thực sự phải nói là nhờ vụ kháng thuế đó mà cái mặt của các nhà hoạt động cho Phong Trào Duy Tân được tô son điểm phấn,để đi từ những *tân nhân vật* lên thành nhà *cách mạng, chiến sĩ Duy Tân*, đi từ quốc nội vang ra quốc ngoại, chấn động Đông Kinh, Ba lê... Và cũng chính nhờ vụ dân biến ấy, chúng ta, kẻ hậu sinh mới tin như rựa chém xuống đá rằng *bản chất Phong trào chính là cách mạng, hoạt động Phong Trào là hoạt động cách mạng*, vì bao giờ lại có những công cuộc cải lương đi sâu và kích thích quần chúng tới mực độ tranh đấu không kể máu xương theo *bóng cờ chủ nghĩa Dân quyền*, dọc khắp dãy núi Trường Sơn ? Quần chúng đã giác ngộ, đã đứng lên trong khi sĩ phu chưa tiến kịp, chưa kịp chuẩn bị để lãnh đạo. Đó chỉ là bệnh ấu trĩ của thuật lãnh đạo, vẫn còn có thể sửa chữa nếu có quyết tâm. Nhưng... chính các lãnh tụ Phong Trào không chịu tiếp tục vì họ thiếu trì chí, thiếu tích cực và thiếu sáng kiến trong khi... thế giới nhược tiểu chưa cung cấp cho họ một kiểu mẫu !

Nói thế tức là ta đã bước sang phần phê phán các khuyết điểm của Phong Trào.

Thật ra, ngoài thuật lãnh đạo cách mạng, trì chí quyết tâm, sáng kiến, các lãnh tụ Phong Trào còn phạm biết bao khuyết điểm.

◆ Điều đáng kể là các lãnh tụ chỉ hiểu Dân quyền

một cách thô sơ. Dân quyền, kể cả xã ước của Lư Thoa thích hợp với những quốc gia nặng về sản xuất bằng cơ khí lúc ấy đã không còn đắc dụng ở Âu Tây khi có những đảng khuynh tả xuất hiện ; tất nhiên nó lại càng không thích dụng cho các nhược tiểu dân tộc nông nghiệp lạc hậu đang bị cả thế lực phong kiến, thực dân chế ngự.

◆ Vì quá tin ở Dân quyền, ở hoạt động nặng Tân văn hóa, Tân sinh hoạt hơn chính trị nên ít sợ đàn áp mà quên đề phòng. Do đó, có bao nhiêu khả năng, nhân vật, phơi trần ra cả bên ngoài. Lại thêm lãnh tụ không có kinh nghiệm, có thực quyền rõ rệt nên chẳng người nào biết rõ trách nhiệm, biết phóng ra những cuộc tranh đấu thử thách và biết kềm chế những hoạt động quá trớn rất có hại cho công cuộc chung.

◆ Tuy hai lãnh tụ họ Phan đã dùng lý trí chia rẽ hẳn hoạt động của nhau, đó là cái thế tất nhiên phải xảy ra, nhưng do cán bộ không hiểu ý nghĩa, mục đích sự chia rẽ ấy phải độc lập đến mức nào và liên lập những điểm nào nên vẫn sống với nhau thuần tình cảm, thu nhận bừa bãi người của nhau khiến gây nên những khó khăn về lãnh đạo và sự ngộ nhận của cường quyền. Vẫn biết khi cường quyền tìm cơ hội để tận diệt thì dù thế nào chúng cũng diệt ; những kỹ thuật lãnh đạo không cho phép có sự lẫn lộn đó dù nó có lợi cho công cuộc tuyên truyền, nhưng rất khó giữ kỷ luật nội bộ (1).

(1) Đúng ra, phe Phan bội Châu làm việc bí mật nên nắm được người trong nội bộ dễ hơn phe Phan châu Trinh nhiều.

◆ Phan châu Trinh vẫn lẫn lộn Dân quyền với một số người Pháp, tin là dầu thế nào chế độ bên Pháp cũng khá và mình có thể nương cậy nơi đó, nương cậy các đồng chí Nhân quyền, nhưng khi sang Pháp ông vỡ mộng...

***

◆ Có thể nói Phong Trào còn nhiều, rất nhiều khuyết điểm. Nhưng không phải thiếu những ưu điểm có tính cách căn bản để tự tạo cho mình một vai trò lớn lao trong lịch sử như đã nói trên kia Sự thành công lớn của Phong Trào có thể tóm tắt trong mấy điểm mà chắc đời đời còn ghi nhớ :

— Tin ở nội lực quốc dân.

— Tin ở học hội, dân đoàn, đoàn kết toàn dân.

— Tin ở nỗ lực phát triển các ngành, các nghề để thực hiện Duy Tân toàn diện.

— Lấy Dân quyền làm chánh giáo, nghĩa là hành động có chủ nghĩa, có lý tưởng, và biết quan tâm tới đối tượng mới : nhân dân.

— Không có óc vọng ngoại, tuy vẫn trọng sự khai phóng

***

Sau khi bị quét sạch ra đảo, các chiến sĩ anh hùng của Phong trào Duy Tân vẫn giữ được tiết tháo và niềm tin ở lý tưởng cao đẹp của mình. Điều đáng khâm phục là tuy bị giam cầm, tra tấn nhưng rất ít người cung khai sự thật để cho quan lại và thực dân vin vào đó mà kết án. Chúng ta đều biết chắc nếu có một số cán bộ, lãnh

tụ phản bạn khai thật là họ có liên lạc Phan bội Châu, giúp tiền cho du học sinh như họ đã từng làm, hay ít hơn, như phổ biến các tài liệu ở Hải ngoại gởi về thì chắc chắn họ nhẹ tội và Cường quyết đã phanh phui ra manh mối và các bản án không còn phải nói vu vơ là theo lời khai của Ngụy tác Hạ... Các cuộc thẩm vấn kéo dài suốt mấy tháng, khắp mấy tỉnh vậy mà chỉ có vài tiết lộ nho nhỏ đủ cho ta thấy khả năng chịu đựng của các chiến sĩ Duy Tân thật đáng khâm phục, tiết tháo của họ đáng học hỏi. Cả sau này, khi bị đày Lao Bảo, Côn Lôn, họ vẫn kiên gan chịu đựng hay anh dũng tranh đấu, kẻ thả bè vượt ngục (Cửu Cai, Hy Cao) kẻ dựng tóc lên chống bọn quân nhân tàn bạo để bênh vực một tội nhân bị hành hạ rồi bị xử bắn ngay : Lê Cơ, kẻ đứng lên nổi loạn gây nên biến cố vĩ đại trong vụ « tù chung thân phá ngục »...

Các chiến sĩ Duy Tân là những người đầu tiên khám phá ra sự ở tù không phải hoàn toàn là hình phạt mà là « trường học thiên nhiên ». Mang tâm trạng ấy, Huỳnh thúc Kháng thảnh thơi rời khỏi Đà Nẵng với một bài hát nói :

Trăng trên trời khi tròn, khi khuyết,
Người ở đời đâu khỏi tuyết gian nan.
Đấng trượng phu tùy ngộ nhi an
Tố hoạn nạn, hành hồ chi hoạn nạn (1)
Tiền lộ định tri thiên hữu nhãn,
Thâm tiêu du hứa mộng hoàn gia (2)

---

(1) *Ý nói biết tuy hoàn cảnh nào thì ứng phó hoàn cảnh ấy.*

(2) *Trên đường đời biết trước là trời có mắt. Đêm sâu chiêm bao về lại quê nhà.*

Mấy nhiêu năm gấm cũng chưa già,
Nọ núi Ấn, này sông Đà
Non sông ấy còn chờ ta thêu dệt
Kìa tụ tán chẳng qua là tiễn biệt,
Ngựa Tái ông họa phúc biết về đâu?
Một mai kia, con tạo khéo cơ cầu,
Thảy bốn bề cũng trong bầu trời tất cả.
Ư bách niên trung tu hữu ngã (1)
Dầu đến lúc núi sụp, biển lồi, trời nghiêng, đất ngã
Tấm lòng vàng tạc đá vẫn chưa mòn
Trăng kia khuyết đó lại tròn.

Và bài hát, hai câu đầu và cuối liên kết nhau theo thế chu kỳ như chính vầng trăng mới khuyết độ nào nay thành «mãn nguyệt» lại tròn. Ai có thể tin rằng nhà nho xưa kia mà lại có quyết tâm tranh đấu đến thế! Thân là thân trảm giam hậu, rồi xử tử, đày Côn Lôn, gặp kỳ tha nào cũng không được tha... nghĩa là lối về dã bị chồng lên nghìn tảng đá đá mù! Thế là kẻ tử tù kia vẫn ngạo nghễ và lặng lẽ tự hẹn: kia núi Ấn, nọ sông Đà,

Non sông ấy đang chờ ta thêu dệt.
. . . .
Dầu đến lúc núi sụp, biển lồi, trời nghiêng, đất ngã
Tấm lòng vàng tạc đá vẫn chưa mòn.

Thi ca ta, hùng thi của ta tự cổ chí kim có bao

(1) *Trong cảnh trăm năm, đành có ta (ý nói dám nhận lãnh trách nhiệm.)*

nhiêu lời sắt đanh giản dị như thế. Nhất là phát xuất từ cái miệng của nhà nho trên con đường vĩnh cửu lưu đày ! Ấy thế mà có ai ngờ rồi sau 13 năm cũng có ngày trở lại sông Đà, tạo nên bao phen thêu dệt lẫy lừng đất nước và dù trời nghiêng đất ngã chí vẫn không mòn, để cuối cùng hy sinh cho công cuộc vĩ đại của dân tộc và yên nghỉ tại chính núi Ấn kia năm Đinh Hợi.

Chúng ta có thể tạm dùng bài hát nói ấy để kết thúc cho tập biên khảo này. Tôi muốn nói là tuy Phong trào Duy Tân đã chấm dứt, nhưng trong con mắt những anh hùng chí sĩ, nó chưa chấm dứt, nó còn sẽ được tiếp tục, tiếp tục mãi . . . Phong trào Duy Tân có cái vinh dự đào tạo những chiến sĩ đầu tiên không chỉ coi tù ngục là trường học mà còn dám nhận lãnh trách nhiệm đối với quốc gia dân tộc cả trên con đường vô vọng : một trang sử mới bắt đầu từ đây, hoàn toàn khác trang sử tuyệt vọng của các chiến sĩ Phong trào Cần Vương mới độ nào.

***

Nếu cần nói thêm một điều gì cuối sách, tôi muốn mời tất cả bạn đọc đã quen những lối nhìn sử sách chính trị, văn hóa, văn học cũ, hãy thay bằng cái nhìn mới, xét lại tất cả những hiện tượng lịch sử để định cái ý nghĩa và giá trị lịch sử : Phong trào Duy Tân có phần yếu kém về chính trị nếu so với những tổ chức chính trị lớn lao, có lãnh đạo chặt chẽ, có sách lược

vững vàng, có kinh nghiệm tranh đấu thực tế (1) sau này, nhưng chưa tổ chức nào hơn nó về phương diện đại vận động Tân văn hóa, tân sinh hoạt phát triển toàn diện giáo dục, nông, công, thương. Kể cả những nhóm chuyên về văn hóa như Tự Lực Văn Đoàn sau này chỉ thành công phương diện xuất bản, báo chí, chứ các hoạt động khác thật thua kém nó rất xa... Có thể nói là sau Phong Trào Duy Tân 1908, các hoạt động Duy Tân khác chỉ khiêm nhượng đi qua tổ chức phiến diện con con dù nó là của thực dân hay độc lập và chỉ nặng về báo chí, tiểu thuyết... Chỉ có sau 1945 mới có lại một công cuộc vận động Tân văn hóa, Tân sinh hoạt có khí thế lớn lao như vậy, hơn vậy vì kẻ lãnh đạo có đủ uy quyền. Nhưng « Duy Tân » lần này tuy cũng có tính cách toàn bộ mà đã rẽ theo con đường khác, chấm dứt con đường của Phong Trào Duy Tân dưới bóng lãnh đạo của ngọn cờ Dân Quyền của một độ nào.

— HẾT —

(1) Sự thật, những cuộc biểu tình bất bạo động từ sau 1930 đều phần lớn xuất phát chính từ những nơi đã xuất phát cuộc cúp tóc xin xâu. Người sau vẫn tiếp tục rút bài học tranh đấu của người trước.

I.— SÁCH BÁO THAM KHẢO

A.— SÁCH ĐÃ IN :

(G.N.K.N.) Giai Nhân Kỳ Ngộ Phan châu Trinh. Lê văn Siêu giới thiệu. Lam Hồng 1958

(T.P.) Tự Phán. Phan bội Châu, Anh Minh 1956

(Tây Hồ Thi Tập) Tây Hồ và Santé thi tập. Di thảo. Lê Ấm sao lục 1961.

(T.T.T.T.) Thi Tù Tùng Thoại. Huỳnh thúc Kháng. Tân Việt 1957

(H.T.K. Tự Truyện) Huỳnh thúc Kháng Tự truyện. Anh Minh 1963

(T.V.Q.C.) Thi Văn Quốc Cấm. Thái Bạch. Khai Trí 1968

(N.T.T.) Ngục Trung Thư. Phan bội Châu. Tân Việt 1950

(C.Đ.C.M. Cường Đề) Cuộc đời cách mạng Cường Đề. Tráng Liệt 1957

Nguyễn lộ Trạch. Mính Viên Huỳnh thúc Kháng. Anh Minh 1966

Ngũ Hành Sơn Chí sĩ. Ngô thành Nhân. Anh Minh Huế 1961

(Đ.K.N.T.) Đông Kinh Nghĩa Thục. Nguyễn hiến Lê, Lá Bối tái bản 1968

Hải ngoại kỷ sự Thích Đại Sán. Viện Đại
Học Huế 1963.
Việt Nam Phật Giáo Sử Lược. Thích Mật
Thể. P.H.V.T.P 1960.
Một tài liệu về cuộc di dân Nam Tiến của
Tiền Nhân. Lâm hoài Nam 1959.
Văn Học Miền Nam. Phạm việt Tuyền.
Khai Trí 1965
Khổng Học Đăng II. Phan bội Châu. Anh
Minh 1957.
(Từ Điển) Việt Nam Danh Nhân Từ Điển. Nguyễn
huyền Anh. Khai Trí 1967

Những chữ viết tắt có khi thay đổi tùy trường hợp để độc giả dễ nhận thấy hoặc phân biệt.

B.— SÁCH CHƯA IN (DI CẢO)

Có hai tập chưa ấn hành :

1.— Tiểu sử Chí Sĩ TRẦN QUÍ CÁP : Trần huỳnh Sách 1958.

Ông Trần huỳnh Sách là học trò của Trần quí Cáp, viết về thân thế, sự nghiệp của Thầy. Chính ông Trần đã đưa di hài của Trần quí Cáp về chôn ở Quảng Nam.

2.— Trung Kỳ dân biến thỉ mạt ký của Phan Châu Trinh 1911, viết lúc mới sang tới Pháp để tiếp tục tranh đấu hợp pháp. Nguyên thảo bằng Hán Văn, Ông tự dịch ra Quốc Văn để cho Trung Tá Roux dịch ra Pháp Văn đưa cho toàn quyền Đông Pháp và Thượng Thư thuộc địa Pháp khiếu nại về việc cường quyền bắt giam các thân sĩ và đồng bào Việt Nam bị bắt oan trong vụ kháng thuế 1908. Sau Hội Nhân Quyền Dân Quyền Ba

Lê lại có bản dịch riêng khác đề là Manifestations de 1908 en AN NAM (Các cuộc biểu tình năm 1908 ở An Nam). Bản dịch này do Ông Lê Ấm thực hiện theo bản chữ Hán. Vì bản này nặng về việc *thân oan* nên luận cứ có nhiều chỗ không tránh thiên vị, chủ quan, giống bản biện hộ của các luật sư nên tôi chỉ dùng một cách cân nhắc, dè dặt.

C.— BÁO VÀ TẠP CHÍ :

— Bách Khoa số 101 — 1961

— Tiếng Dân 1932

— Văn Hóa Nguyệt San số 3, 4 (1967) số 2 (1968)

— Các số Cổ học Tinh hoa Quảng Nam

— Văn số 90

— Tân Văn số 11 — 1969

II.— PHỎNG VẤN :

Ngoài ra, tôi đã thực hiện nhiều cuộc phỏng vấn khác nhau ở các vị cao niên mà tên tuổi có nhắc trong bài tựa :

— Ông Cử Lương trọng Hối

— Ông Cử Hồ Ngận

— Ông Bà Lê Ấm

— Ông Võ Hoán

— Ông Nguyễn xương Thái

Chính nhờ phỏng vấn các vị trên dưới tám mươi tuổi này mà tôi dựng lại được Phong Trào Duy Tân ở trong khuôn khổ các tài liệu của Phan châu Trinh và Huỳnh thúc Kháng, sử gia của Phong Trào

III.— Các ảnh trong tập này phần lớn do nhà Anh Minh sưu tầm và cung cấp. Riêng có bức ảnh các thân sĩ bị bắt, mang gông, tôi chưa biết rõ xuất xứ.

Thư Mục Lá Bối

(10/1964-1969)

1) Tình người *(tái bản, hết)* — *Tâm Quán*
2) Đạo Phật đi vào Cuộc Đời *(tái bản)* — *Nhất Hạnh*
3) Chắp Tay Nguyện Cầu Cho Bồ Câu Trắng Hiện *(thơ, hết)* — *Nhất Hạnh*
4) Bông Hồng Cài Áo *(tái bản lần III)* — *Nhất Hạnh*
5) Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ và Triết Học *(hết)* — *Phạm công Thiện*
6) Trầm Tư Của Một Tên Tội Tử Hình *(hết)* *Hồ hữu Tường*
7) Đạo Phật Hiện Đại Hóa *(tái bản)* — *Nhất Hạnh*
8) Đừng Quên, Xin Đừng Vội Quên *(hết)* — *Nhất Hạnh*
9) Dialogue — *Nhất Hạnh, Phạm công Thiện, Hồ hữu Tường, Tam Ích, Bùi Giáng*
10) Đạo Phật Ngày Nay *(tái bản lần IV)* — *Nhất Hạnh*
11) Vết Hằn Năm Tháng *(hết)* — *Võ Hồng*
12) Câu Chuyện của Dòng Sông *(tái bản, hết)* — *Hermann Hesse, Phùng Khánh, Phùng Thăng (dịch)*
13) Những Ngã Đường *(hết)* — *Võ đình Cường*
14) Mười Bài Tâm Ca *(hết)* — *Phạm Duy*
15) Aujourd'hui Le Boudhisme — *Nhất Hạnh, Lê văn Hảo (dịch)*
16) Ảo Tượng *(hết)* — *Sơn Nam, Hồ hữu Tường, Chinh Ba, Võ Phiến, Thiều Chi, Nhất Hạnh, Tuệ Uyển*

17) Giáo Dục Cộng Đồng *Vương Pền Liêm*
18) Nhớ Cảnh Nhớ Người (*hết*) *S. Pearl Buck, Nguyễn thế Vinh* (*dịch*)
19) Nói Với Tuổi 20 (*tái bản kỳ IV*) *Nhất Hạnh*
20) Con Suối Mùa Xuân (*hết*) *Võ Hồng*
21) Những Đứa Trẻ ở Guernica (*hết*) *Hermann Kestan, Tam Ích* (*dịch*)
22) Phật Giáo Trong Mạch Sống Dân Tộc *Thích thanh Từ*
23) Hiroshima Trong Cơn Ác Mộng *M. Hachiya, Bà Vũ bá Hùng tự Thiếu Mai* (*dịch*)
24) Hoa Bươm Bướm (*hết*) *Võ Hồng*
25) Hành Hương (*thơ*) *Trụ Vũ*
26) Nói Về Miền Nam *Sơn Nam*
27) Việt Nam Văn Minh Sử Cương *Lê văn Siêu*
28) Kiếp Người *S. Maugham, Nguyễn hiến Lê* (*dịch*)
29) Thiền Học Việt Nam *Nguyễn đăng Thục*
30) Tuyển Tập Thi Nhạc Họa Mừng Phật Đản *Nhất Hạnh, Vũ hoàng Chương, Thi Vũ, Trụ Vũ, Phạm thế Mỹ, Nguyễn hữu Ba, Trương đình Cử, Trọng Nội, Hiếu Đệ, Phạm đăng Trí, Hùng Cường.*
31) Ý Văn I *Tam Ích*
32) Đất và Người *Bà Minh Quân*
33) Hương Rừng Cà Mau *Sơn Nam*
34) Nẻo Về Của Ý (*tái bản*) *Nhất Hạnh*
35) Trường Ca Mẹ Việt Nam *Phạm Duy*
36) Đạo Phật Việt Nam và Hướng Đi Nhân Bản Đích Thực *Trần thạc Đức*
37) Một Tuần với Vinoba *Hoài Khanh* (*dịch*)
38) Trà Đạo *Bảo Sơn* (*dịch*)
39) Quốc Sư Vạn Hạnh (*kịch*) *Lê văn Siêu*
40) Tiếng Kêu Trầm Thống Trước Sự Tàn Phá Con Người *Võ Văn Ái*
41) Chiến Quốc Sách I, II (*hết*) *Giản Chi, Nguyễn hiến Lê giới thiệu, chú thích và dịch*

42) Buông Xả (*Tư Duy về Zen*) *Hubert Beroit, Nguyễn minh Tâm* (*dịch*)

43) Sâm Thương *Liên Chi*

44) Gió Cuốn *Võ Hồng*

45) Đông Kinh Nghĩa Thục (*tái bản*) *Nguyễn hiến Lê*

46) Lối Thoát Cuối Cùng *V. Gheorghiu, Hằng Hà Sa và Bích Ty* (*dịch*)

47) Chiến Tranh và Hòa Bình I, II, III, VI *Léon Tolstoi, Nguyễn hiến Lê* (*dịch*)

48) Những Giọt Đắng *Võ Hồng*

49) Vấn Đề Nhận Thức Trong Duy Thức Học *Nhất Hạnh*

50) Mặt Trận Miền Tây Vẫn Yên Tĩnh *Erich Maria Remarque, Phạm trọng Khôi* (*dịch*)

51) Đất Phù Tang Cái Đẹp và Tôi *Y. Kawabata, Cao ngọc Phượng* (*dịch*)

52) Cuống Rún Chưa Lìa *Bình nguyên Lộc*

53) Hoài Cố Nhân (*tái bản*) *Võ Hồng*

54) Em Bé Phù Tang *Isoko, Ichiro Hatano, Trương đình Cử* (*dịch*)

55) Phương Pháp Chủ Điểm Tại Trường Tiểu Học Cộng Đồng *Vương pền Liêm*

56) Áo Em Cài Hoa Trắng *Võ Hồng*

57) Xứ Trầm Hương *Quách Tấn*

58) Phong Trào Duy Tân *Nguyễn văn Xuân*

59) Heidegger Trước Sự Phá Sản của Tư Tưởng Tây Phương *Lê tôn Nghiêm*

60) Lúa Sạ Miền Nam (*thơ*) *Kiên Giang*

61) Cầm Ca Việt Nam *Toan Ánh*

TÁC PHẨM LẦN LƯỢT IN TỪ 1970

Chứng Đạo Ca *Huyền Giác, Trúc Thiên giới thiệu*

Sử Ký Của Tư Mã Thiên *Giản Chi, Nguyễn hiến Lê* (*giới thiệu, chú thích và dịch*)

Triết Lý Hiện Hữu *Jean Wahl, Hoàng văn Giàu* (*dịch*)

Hải Đảo Thần Tiên (*14 truyện ngắn quốc tế*)
Đặng trần Huân (*chọn và dịch*)

Anna Karénine *Léon Tolstoi, Nguyễn minh Hoàng* (*dịch*)

Lịch Sử Văn Minh Ấn Độ *Will Durant, Nguyễn hiến Lê* (*dịch*)

Exodus *Léon Uris, Thế Uyên* (*dịch*)

Như Cánh Chim Bay *Võ Hồng*

Những người Sống Sót *Edita Morris, Nga và Chín* (*dịch*)

Tóc Hạ *Quán Như*

Khúc Tiêu Đồng *Hà Ngại, Nguyễn văn Xuân* (*đề tựa và nhuận sắc*)

Cỏ Khô (*thơ*) *Hoài Khanh*

Lá Vẫn Xanh (*tái bản*) *Võ Hồng*

Phép Biện Chứng Phá Chấp và Thực Tiễn Hành Động *Võ văn Ái*

Nhốt Gió *Bình nguyên Lộc*

Tiếng Phèng La *Xuân Tùng*

Tiếng Ca Lặng Lẽ *Võ Hồng*

Đạo Phật Ngày Mai *Nhất Hạnh*

Đạo Phật của Bạn *Tadish Kasyapa, Thế Tịnh* (*dịch*)

Con Đường Trước Mặt và Lửa Thiêng (*nhạc*) *Phạm thế Mỹ*

Ngày Về *Võ Hồng*

Thiền Việt Nam *Nhất Hạnh*

Lịch Sử Triết Học Tây Phương (*I, II, III*) *Lê Tôn Nghiêm*

Tình Máu Lửa *Phan Du*

PHONG TRÀO DUY TÂN TÁC PHẨM BIÊN KHẢO CỦA NGUYỄN VĂN XUÂN BÌA CỦA ĐINH CƯỜNG LÁ BỐI XUẤT BẢN GIẤY PHÉP SỐ 4817 BTT/NBC/PHNT NGÀY 12-11-69 IN TẠI TRÍ ĐĂNG 21 NGUYỄN THIỆN THUẬT SAIGON NGOÀI NHỮNG BẢN THƯỜNG CÒN IN 50 BẢN ĐẶC BIỆT DÀNH CHO TÁC GIẢ THÂN HỮU VÀ NHÀ XUẤT BẢN.